NĂM THỨ MƯỜI • # 108 • APRIL 1998

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

HỒ CHÍ MINH TẠI TRUNG QUỐC

TƯỞNG VĨNH KÍNH - THƯỢNG HUYỀN *dịch*

NHỮNG BÁT PHỞ VIỆT NAM

NGUYỄN CÔNG KHANH

BÀI KHÔNG TÊN KHÔNG TÊN

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

GRAND DRAGON SEAFOOD BUFFET

AMERICAN - FRENCH - CHINESE - VIETNAMESE

- Trên 50 món ăn và trên 20 món tráng miệng thay đổi mỗi ngày
- Có Tôm Hùm hoặc Tôm Càng mỗi tối
  Do đầu bếp Trung Hoa đã đoạt được 7
  Huy Chương vàng trên toàn nước Mỹ phụ trách
- Khung cảnh ấm cúng, tiếp viên lịch sự, parking rộng rãi
- Grand Dragon là nơi lý tưởng để tổ chức những buổi tiệc cưới, sinh nhật, họp bạn, v.v...

ĐẶC BIỆT:

LẨU HẢI SẢN
HẢI SẢN TƯƠI XÀO TẠI CHỖ

BEER & WINE

ALL YOU CAN EAT!!!

6838 & 6840 & 6842 Edinger Ave.
Huntington Beach, CA 92647
(Góc Edinger và Golden West, trong khu Home Depot)

Tel: (714) 842-7262

LUNCH: 11:00AM-3:30PM
DINNER: 5:00PM-9:30PM
Mở cửa 7 ngày trong tuần

Chủ nhân Như Ý kính mời

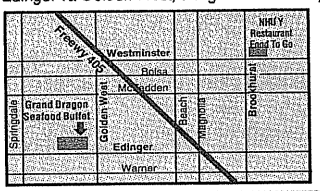

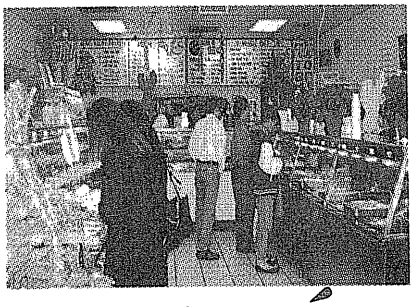

Như Ý

(Góc Brookhurst & Westminster, trong khu chợ Kinh Đô)

Như Ý
FOOD TO GO

13898 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4883

Thứ Hai-Thứ Sáu: 5:00 AM-9:30PM
Thứ Bảy-Chủ Nhật: 6:00AM-9:30PM

- *Trên 40 món mặn và 15 món chay thay đổi mỗi ngày.* • *Bánh mì thịt đủ loại*
- *Các loại chè: Mua 2 tặng 1*
- *Các loại bánh trái, Xôi, Chè*
- *Các món nhậu: Bê Thui, Tiết Canh, Lòng Heo...*
- *Nhận đặt tiệc cho các buổi họp mặt: Chả Giò, Cơm Chiên, Mì Xào, Gỏi Sen Thập Cẩm...*

Open 7 Days a Week
Mở cửa 7 ngày trong tuần
Cơm phần Chay & Mặn

Nếu có quý vị muốn mở **TO GO, Restaurant** hoặc **Buffet** chủ nhân Như Ý sẽ tận tâm dịch thân hướng dẫn từ A tới Z và chắc chắn sẽ thành công, xin L/L.
(714) 636-4883
(714) 636-4885
(714) 842-7262
Pager: (714) 355-5188

Như Ý
RESTAURANT

BEER & WINE

13892 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4885

Thứ Hai-Thứ Năm: 10:AM-12:AM, Thứ Sáu: 10:AM-3:AM
Thứ Bảy: 8:30AM-3:AM, Chủ Nhật: 8:30AM-1:AM

- *Trên 200 món ăn Việt, Tây, Tàu*
- *Đặc biệt: Bánh Khọt Vũng Tàu ngon độc đáo*
- *Các món nhậu trứ danh: Cá sấu chiên bơ. Nai nướng vỉ, bò tái chanh, tiết canh, lươn bầm xúc bánh tráng, ốc len xào dừa, ếch chiên bơ, lẩu súng Vũng Tàu, cua tôm rang muối...*
- *Đặc biệt: lẩu lươn sống, lẩu dê, lẩu Hải sản*
- *Nhận đặt tiệc cho sinh nhật, họp mặt...*

NHÀ HÀNG CHUYÊN VỀ ĐÁM CƯỚI

DRAGON KING
SEAFOOD RESTAURANT
CHINESE AND VIETNAMESE CUISINE

Tel: (714) 842-7262
Pager: (714) 355-5188
1830 W. 17th ST.
SANTA ANA, CA 92706

NHÀ HÀNG
MỞ CỬA 7 NGÀY
SANG TRỌNG, LỘNG LẪY
CÓ CHỖ NGAY
Xin gọi để biết chi tiết

ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÀ HÀNG

- 600 chỗ ngồi
- Sân khấu đẹp
- Sàn khiêu vũ rộng
- Phòng thay đồ cô dâu
- Parking rộng thênh thang
- Tiếp viên lịch sự chu đáo

DO ĐẦU BẾP TRUNG HOA ĐÃ ĐOẠT NHIỀU HUY CHƯƠNG VÀNG TRÊN TOÀN QUỐC ĐẢM TRÁCH

Một bộ Video để xem, để nhớ và để tặng cho người yêu...

Chủ Đề:

ĐÀN BÀ

Là một kiệt tác của vũ trụ (Alfred De Musset)

Một trà một rượu một đàn bà
Ba cái lăng nhăng nó quấy ta
Chừa được thứ nào hay thứ ấy
Có chăng chừa rượu với chừa trà

(Tú Xương)

Vì trần gian không thể thiếu ĐÀN BÀ
Khách yêu nhạc không thể thiếu VIDEO

PARIS BY NIGHT 43

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Một chương trình ca vũ nhạc tuyệt vời với sự góp mặt:
Ái Vân, Như Quỳnh, Lưu Bích, Thanh Lan, Hương Lan, Hoàng Lan, Thùy Dương, Thanh Hà, Lynda Trang Đài, Hồng Đào, Trang Thanh Lan, Trúc Lam, Trúc Linh, Mỹ Huyền, Thiên Kim, Don Hồ, Thế Sơn, Nguyễn Hưng, Mạnh Đình, Tommy Ngô, Hoài Nam, Ban nhạc M.F.L và vũ đoàn Paris By Night

Giá $28 1 Bộ

Xin liên lạc: **THÚY NGA**

MỸ & CANADA: **P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683**
Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: **44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris France. Tel: 01-45-83-34-30**
ÚC: **323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - Australia.**
Tel: (02) 796-7227

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*

(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*

(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*

(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*

(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

*** CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.**
*** HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.**

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
*** TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG**
*** LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI**
*** NHA KHOA THẨM MỸ**
*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

VNCR
Việt Nam California Radio
11022 Acacia Parkway, Garden Grove CA 92840
ĐT: (714) 534-9430; 534-9431; 534-9432 • FAX: (714) 534-9433
E-mail vncr@kicon.com • Web http://kicon.com/vncr (real audio)

• VNCR **phát thanh** hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu, mỗi ngày hai buổi — sáng từ 5 giờ đến 7 giờ; chiều từ 12 giờ đến 4 giờ — trên làn sóng 106.3 FM (nghe được từ bắc Los Angeles đến nam Orange County). Chương trình gồm tin tức, bình luận, phóng sự, phỏng vấn, ca nhạc, đọc truyện, và các mục đặc biệt về y tế, pháp luật, giáo dục, gia đình, thanh niên, văn học nghệ thuật, v.v...

• Kể từ tháng Giêng 1998,VNCR hợp tác với tạp chí *Thế Kỷ 21* để gửi tới độc giả những **bài** đặc sắc đã phát thanh trên VNCR trong một tháng, của các biên tập viên và xướng ngôn viên đang được mến chuộng như Hoàng Trọng Thụy, Hồng Nga, Y Sa, Becky Ngô, Quỳnh Giao, Hương Thơ, Ngô Mạnh Thu, Vũ Huy Thục, Lê Nguyên Phương, Simone Nga, và các cộng tác viên từ nhiều nơi trên thế giới như Nam Chi (Úc), Nguyễn Hữu Chung (Canada), Lan Hương (Moscow), Trần Ngọc Tuấn (Tiệp), v.v...

• Từ giữa năm 1996, VNCR đã "**lên lưới**," qua hệ thống của công ty điện toán Kicon, để thính giả ở bất cứ nơi đâu trên trái đất, miễn là có máy điện toán gắn thêm một vài phụ kiện âm thanh, có thể nghe được chương trình VNCR vào đúng lúc phát thanh, hoặc nghe lại trong *archive* suốt 24 giờ một ngày, bảy ngày một tuần. Bấm vào địa chỉ web: http://kicon.com/vncr.

• Theo yêu cầu của nhiều thính giả, VNCR ghi lại vào băng cát-xét một số chương trình phát thanh, như một loại "**báo nói**." Quý độc giả muốn có các băng "báo nói" chỉ cần gọi điện thoại, gửi điện thư, hay viết thư về Đài, kèm theo một khoản lệ phí dịch vụ nho nhỏ (từ $5.00 đến $10.00 tùy theo thời lượng mỗi băng).

TRẦN ĐẠI LỘC — ẢNH

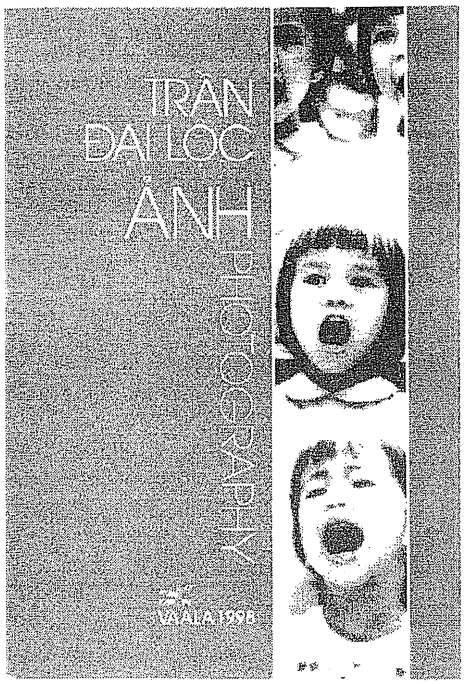

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) in và phát hành.

Trần Đại Lộc vốn là Phó Chủ Tịch của Hội VAALA. Anh mất ngày 30 tháng Chín 1997, thọ 56 tuổi.

Ngoài tài chụp ảnh ---- sau khi tốt nghiệp nhiều khóa nhiếp ảnh nghệ thuật ở Hội Việt Mỹ Saigon ---- anh còn soạn ca khúc, và cắm hoa nghệ thuật. Nhưng anh được biết đến nhiều, và được yêu mến, qua các hoạt động phục vụ xã hội và tuổi trẻ.

Hội VAALA sưu tập một số ảnh nghệ thuật, trong đó có nhiều bức đã đoạt giải ở trong nước trước 1975, cùng một số tài liệu nói về cuộc đời của Trần Đại Lộc, để giới thiệu một tài năng văn học nghệ thuật Việt Nam với bốn phương.

Mời quý độc giả và thân hữu mua với giá 25 mỹ kim một cuốn. Sách khổ 9 x 12 ins, giấy mịn, bìa màu, dày 96 trang.

Xin quý thân hữu điền vào phiếu kèm theo thư này, gửi về cùng ngân phiếu hoặc lệnh phiếu trả cho VAALA, phần memo ghi "Trần Đại Lộc."

PHIẾU ĐẶT MUA ALBUM "TRẦN ĐẠI LỘC - ẢNH"

Yêu cầu gửi cho tôi ..... cuốn với giá US$25.00 một cuốn.

Tôi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền:.....

Tôi biết rằng số tiền trên là tiền sách, kể cả công đóng gói và cước phí hạng tư trong nước Mỹ, và tàu thủy ngoài nước Mỹ. Nếu tôi muốn sách được gửi bằng hạng nhất thì tôi sẽ phải thêm US$3.00 trong nước Mỹ, hoặc US$10.00 ngoài nước Mỹ, cho 1 cuốn.

Họ tên: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

- Ở Pháp: 150FF -- gửi về Đinh Xuân Trần Bích Nga, 13 Place de Frenaie, 94470 Boissy St Léger.
- Ở Úc: A$33.00 -- gửi về Bình Anson, 1 Parwich Rise, Carine WA 6020.
- Ở Đức: 39DM -- gửi về Nguyen Phi Hung, Stadtspakasse Dortmund, Bankleitzahl 440 501 99, Konto-Nr. 622016893.
- Ở Canada: C$35.00 -- gửi về Hoàng Chiều Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8.
- Ở Mỹ và các nơi khác: US$25 gửi về Hội, VAALA, 11022 Acacia Pky #A, Garden Gorve CA 92840.

Tranh bìa: Nguyễn Đồng
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường
Hí họa: Hiếu Đệ, Babui
Ảnh: Anh Thành, Lê Đình Điểu

MỤC LỤC

Số 108 . Tháng Tư 1998

CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

12 Ý nghĩa của việc thay đổi lãnh đạo ở Việt Nam - **Nguyễn Mạnh Hùng**
15 Tình hình kinh tế Việt Nam... **Hoà ng Quế**
24 Lại chuyện nước non - **Nguyễn Minh Cần**

TÀI LIỆU - TƯ TƯỞNG

30 Hồ Chí Minh tại Trung Quốc - **Tưởng Vĩnh Kính, Thượng Huyền dịch**
38 Bi kịch của một tâm hồn vĩ đại - **Inna Malkhanova**
46 Mấy mối tình đầu của Nguyễn Du - **Bảo Vân**
54 Lược khảo về Tập san "Bulletin des Amis du vieux Hue" - **Nguyễn Phúc Bửu Tập**
62 Những ảnh hưởng trong thơ Hồ Xuân Hương - **Nguyễn Ngọc Bích**

TIẾNG VỌNG - DU LỊCH

89 Hồng Kông có gì lạ không anh? - **Hoàng Trọng Thụy - Lê Đình Điểu**
98 Viết sử hay "ziết" sử - **Trần Chung Ngọc**

VĂN

66 Những bát phở Việt Nam - **Nguyễn Công Khanh**
74 Già - **Miêng**
76 Bài không tên không tên - **Nguyễn Đức Tường**
87 Những tiếng hát mật ngọt - **Phạm Xuân Tích**
94 Đối ảnh - **Ngô Nguyên Dũng**
101 Về miền sâu thẳm - **Ly Lan**
105 Kim Trúc tự - **Tuyên Đỉnh, Phạm Xuân Hy dịch**

THƠ

41. Mộng ảo - **Hồng Khắc Kim Mai. 58.** Tháng giêng cỏ non - **Nguyễn Hữu Nhật. 64.** Than thở với cái xương sườn - **Hoàng Lộc. 69.** Một chút hồn tôi như tơ vương - **Huỳnh Liễu Ngạn. 79.** Bước chân hồn Do Thái - **Cao Thị Nguyệt Lãng. 96.** Ông nhớ con - **Bùi Giáng. 103.** Ở đêm - **Lưu Hy Lạc. 107.** Xuân quá khứ - **Tôn Nữ Thu Nga**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Xây dựng một xã hội trọng pháp - **Vương Hữu Bột**
8 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
48 Sổ tay
109 Vòng chân trời Văn học Nghệ thuật **Anh Thà nhvà Lê Tam Ca**
114 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Văn phòng trưởng & Phát hành:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

XÂY DỰNG MỘT XÃ HỘI TRỌNG PHÁP

VƯƠNG HỮU BỘT

Trong các nước Á đông đang bị rơi vào cuộc khủng hoảng tài chánh, Nam Hàn và Thái Lan có nhiều triển vọng phục hồi sớm nhất, và họ đã bắt đầu, trong khi Indonesia chưa thấy đường nào thoát khỏi tai nạn đó. Một lý do hiển nhiên, là Thái Lan và Nam Hàn có các thủ tục thay đổi chính phủ trong hòa bình, họ đã thay đổi người lãnh đạo chính phủ. Thể chế dân chủ ở hai nước đó đã trưởng thành sớm hơn Indonesia, nhờ các cuộc tranh đấu của sinh viên và giới trí thức từ mấy chục năm qua.

Trong khi đó ở Việt Nam, khi Giáo sư Phan Đình Diệu, Trung tướng Trần Độ lên tiếng đòi dân chủ tự do, cả hai cùng nêu một lý do chính, là không thể phát triển nền kinh tế thị trường nếu không dân chủ hóa xã hội.

Vậy kinh tế thị trường và thể chế dân chủ liên hệ như thế nào? Một sợi dây ràng buộc cả hai thể chế đó, chính là tinh thần trọng pháp.

Kinh tế thị trường chỉ chạy nếu có pháp luật minh bạch và công khai. Thị trường là một nơi trao đổi tự do và tự nguyện, khi mọi người thấy việc trao đổi có lợi cho mình. Người ta chỉ có thể trao đổi nếu tin nhau. Vì thị trường có hàng ngàn, hàng triệu người tham dự, nên tín nhiệm trong thị trường không dựa trên liên hệ quen biết cá nhân, mà dựa trên các thủ tục, luật lệ được mọi người tôn trọng vì cả xã hội chung quanh bắt các bên tôn trọng. Khi mua bán hàng, bỏ vốn làm ăn, cho vay nợ, ký hợp đồng lao động, người ta chỉ an tâm cam kết với nhau nếu tin rằng các hứa hẹn trao đổi đó được cả hệ thống pháp luật bảo đảm.

Thể chế dân chủ cũng dựa trên tinh thần trọng pháp. Dân chủ, trước hết là những quy tắc sống chung dựa trên những thủ tục mà mọi người đều chấp nhận. Các quy tắc và thủ tục đó ghi trong hiến pháp, luật lệ, ràng buộc tất cả mọi người, tất cả đều được đối xử bình đẳng trước pháp luật.

Cả hai định chế, kinh tế thị trường và nền chính trị dân chủ đều dựa trên tinh thần trọng pháp. Từ đầu thế kỷ 20 ở nước ta Phan Châu Trinh đã thống thiết kêu gọi đồng bào phải phát triển tinh thần pháp trị, cụ Phan đã nhìn xa hơn hầu hết các nhà trí thức ưu quốc cùng thời.

Một xã hội trọng pháp có những yếu tố nào?

Trước hết là phải có luật lệ minh bạch và công khai, bảo đảm các quyền tự do công dân, tự do chính trị và kinh tế. Những luật lệ đó phải phổ biến cho tất cả mọi người biết, áp dụng cho mọi người như nhau. Trong cơn khủng hoảng tài chánh tại các nước Á đông, người ta đều nhìn nhận rằng một lý do khiến thị trường tài chánh kéo theo nền kinh tế suy sụp là vì cả hệ thống chính trị kinh tế thiếu minh bạch công khai (Transparency). Các ông Kim Đại Trung ở Nam Hàn, Chuan Leek Pai ở Thái Lan đang cố bắt đầu phát triển đặc tính này trong cơ cấu xã hội.

Những luật lệ minh bạch, công khai cần phải được bảo đảm với một hệ thống các định chế để thi hành công lý một cách độc lập. Tòa án, cảnh sát, công tố viện làm việc có hiệu quả, độc lập đối với người cầm quyền, đó là điều không thể thiếu của một xã hội trọng pháp.

Một xã hội trọng pháp bảo đảm tự do cho mọi người và mỗi cá nhân giúp chúng ta an tâm sống chung trong xã hội, thi hành các trách nhiệm đối với người khác và với tập thể. Đó là cơ bản của cả kinh tế thị trường lẫn chế độ dân chủ. Các ông Trần Độ và Phan Đình Diệu đã nêu lên một đòi hỏi hợp lý khi yêu cầu đảng Cộng Sản phải dân chủ hóa chính trị ngõ hầu phát triển kinh tế giúp dân ta thoát khỏi nghèo đói.

Hoa trên đồng và hoa trong vườn

Đọc bài *Hoa Xuân ở Hòa Lan*, trên Thế Kỷ 21 số 107, tôi có thắc mắc: Đã gọi là sinh sống bằng nghề trồng hoa, thì có nghĩa người ta trồng hoa để bán. Nhưng tôi không hình dung được với cách trồng *Tulip mỗi màu được trồng trên từng liếp rất rộng chạy mãi về chân trời, khi đến mùa hoa nở cả cánh đồng biến thành khoảng không gian đa sắc*, như vậy thì làm sao mà bán hoa? Nghề trồng hoa để bán, tôi cũng đã từng trải qua, không thể trồng trên một diện tích quá lớn như vậy được (từng cánh đồng mênh mông), vì thiếu sự chăm sóc trực tiếp, hoa sẽ nở như là hoa dại, thiếu hẳn vẻ mỹ miều để cắm trang trí những nơi thanh lịch. Có lẽ tác giả đi chơi theo lối "cỡi ngựa xem hoa," thấy và mô tả từ xa chớ không tìm hiểu thấu đáo cái nghề khá rắc rối nầy, để xem thật sự người Hòa Lan làm ăn ra sao?

Trần Phùng Quang *(Los Angeles, CA)*

Chúng tôi có hỏi tác giả thì được thú nhận rằng quả thật ông ta chỉ "cưỡi xe (chạy trên xa lộ) xem hoa" thôi. Tuy nhiên có một điều chắc chắn là các cánh đồng đó trồng hoa tulip không phải để bán hoa mà là để bán củ. Khi hoa sắp tàn thì người ta dùng xe ủi cả thân cây dồn đống ven bờ ruộng, và một thời gian sau thì đào lấy củ gửi đi bán khắp nơi để làm giống. Ông ta cũng nói phẩm chất những bông hoa trong hội chợ hoa Keukenhof thì khác hẳn những bông hoa được trồng "đại trà" trên ruộng. Như vậy đúng như ông nói, hoa để trưng bày phải có sự chăm sóc đặc biệt riêng.

Từ Hán trong tiếng Việt

Nhân đọc quyển **Dương Khuê và Dương Lâm** của tiến sĩ Dương Thiệu Tống (Nxb Văn Học - 1995), đến trương 96, trong bài **Hương Sơn Phong Cảnh** của Dương Khuê có:

Thú hữu tình sơn thủy thật là vui.
Khi đăng lâm có lối lên trời,

Tôi rất ngạc nhiên thấy chú thích: *Đăng lâm là lên rừng.* Phải giở hai quyển **Hán Việt Từ Điển** của Đào Duy Anh và của Nguyễn Văn Khôn ra xem mới vỡ lẽ: Hai quyển H.V.T.Đ. nói trên không có từ *Đăng lâm* là *Đăng sơn lâm thủy* mà lại có *Đăng lâm là lên rừng*!!

Đăng là lên, *lâm* 林 là rừng là chữ rời, *tự* chứ không phải *từ*, không có câu văn câu thơ nào có đăng lâm là lên rừng cả. Còn *đăng lâm* 登臨 trong *cụm từ đăng sơn lâm thủy* (nghĩa đen là lên núi tới nước, nghĩa bóng là đi chơi những nơi danh lam thắng cảnh, hay đi kèm với những từ như sơn thủy, non nước, ...) thường hay gặp trong văn thơ, chẳng hạn như câu của Dương Khuê trên đây.

Trong **Từ Hải** của Tàu (do một Hội Biên tập đông đảo bắt đầu *tu chính* từ 1957 đến 1979 mới in) họ đâu có chép đăng lâm là lên rừng. Còn *Đăng lâm là đăng sơn lâm thủy* thì không những họ giải nghĩa đầy đủ mà còn dẫn những câu thơ có từ *Đăng lâm* như câu trong Sở Từ và câu thơ của Mạnh Hạo Nhiên:

Giang sơn lưu thắng tích,
Ngã bối phục đăng lâm.

Trong **Mai Đình Mộng Ký** cũng có:

Mảng vui nước trí non nhân
Đăng lâm trót hẹn với xuân một lời.

Hai giáo sư Hoàng Xuân Hãn và Nghiêm Toản có ghi đăng lâm bằng chữ Hán và giải nghĩa rất đúng. Rất tiếc là MĐMK của học giả họ Hoàng (Sông Nhị 1951) không in chữ Nôm và ba bản Nôm ông dùng để phiên âm không biết bây giờ ở đâu. **Mai Đình Mộng Ký** của Lại Văn Hùng (Nxb Hội Nhà Văn 1997) rất tốt, có in chữ Nôm, nhưng câu thơ nói trên đây chép *lâm là rừng* chứ không phải *lâm là tới* như bản của Hoàng Xuân Hãn.

Tiếng ta có nhiều *từ gốc Hán*, nhưng TỪ ĐIỂN của ta đã không theo kịp sách báo mà có đôi từ lại còn giải sai nghĩa. Xin nêu vài ví dụ để khỏi mang tiếng nói ngoa:

- **Hán Việt T.Đ.** của Nguyễn Văn Khôn giải: *Thân sinh là con của mình sinh ra.*

- **Từ Điển Tiếng Việt** - Nxb Khoa Học Xã Hội 1977 (In lần thứ hai có chỉnh lý và bổ sung) giải nghĩa từ *Vô định:*

VÔ ĐỊNH - *Không biết là ai: Nắm xương vô định đã cao bằng đầu* (K).

Từ Điển đáng lẽ phải là khuôn vàng thước ngọc mà giải nghĩa như thế là sai tuốt. Từ này chỉ nên giải nghĩa đen: *Không nhất định. Không ở yên một chỗ.*

Nếu muốn đưa câu Kiều vào thì phải để nghĩa 2, nhưng trước hết phải viết cho đúng chữ (*Đống xương* chứ *nấm xương* thì làm sao mà cao bằng đầu) và hiểu câu Kiều đã. *Vô Định* (phải viết hoa) là tên con sông ở tỉnh Thiểm Tây bên Tàu, vì nước sông lên xuống bất thường nên gọi như vậy. Câu Kiều là gộp hai câu thơ Đường của Trần Đào trong bài Lũng Tây Hành:

Khả liên Vô Định hà biên cốt,
Do thị xuân khuê mộng lý nhân.

Trái lại, có một số từ trong Từ Điển đúng nhưng có một số người viết sai mà người đọc vẫn hiểu đúng nghĩa. Ví dụ: Thay vì *sáp nhập* 插入 thì viết *sát nhập*; *câu kết* 勾結 viết *cấu kết* (tôi không nói *kết cấu* 結構 là một từ khác không dính dáng gì với *câu kết* cả); xán lạn 燦爛 viết *sáng lạn* hoặc *sáng lạng*, vân vân...

*

Bàn về từ gốc Hán mãi khô khan quá, xin chuyển sang một chữ thuần Việt để cho câu chuyện bớt tẻ. Trương 84, tiến sĩ họ Dương có chép bài Tôn Phu Nhân Quy Thục của Tôn Thọ Tường, câu 3 thấy chép:

Lìa Ngô bịn rịn chòm râu bạc,

Hãy tưởng tượng: cô dâu từ kiệu hoa vén rèm châu bước xuống mà mang chòm râu bạc phất phơ như ông già Nô-en thì chắc chàng Lưu đã bảo: "Cái gã Chu Du nó chơi xỏ chúng ông!"

Không biết ai *cắm* cho Tôn phu nhân *chòm râu bạc* chứ chắc không phải Tôn Thọ Tường. Vì tôi đọc bản khác: ví dụ Văn Đàn Bảo Giám của Trần Trung Viên (Q.iii, tr 26) chép *chòm mây bạc*. *Chòm mây bạc* là nỗi nhớ nhà: Hàn Dũ đời Đường, lúc bị biếm đi Lam Quan, làm bài thơ gửi về cho cháu, trong đó có câu:

Vân hoành Tần lĩnh gia hà tại?

Trong Kiều cũng có vài lần dùng điển *mây Tần* để nói nỗi nhớ nhà. Ví dụ:

Đoái trông muôn dặm tử phần,
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.

Bài này chỉ bàn vài chữ chứ không phải phẩm bình cả quyển sách của tiến sĩ Dương Thiệu Tống.

Tháng 2-1998

Nguyễn Hữu Thành *(Paris, Pháp quốc)*

Tài năng và lòng đố kỵ

Đọc xong bài *Nhìn lại vụ án Nhân Văn Giai Phẩm cách đây 40 năm* (Thế Kỷ 21 số 107) tôi cảm thấy phải nói lên lời cám ơn tác giả Hoàng Tiến. Ông đã mở cho chúng tôi thấy chiều sâu của rất nhiều chuyện thoạt nghe tưởng mình đã biết rồi (vụ án NVGP, thơ Tố Hữu, thơ Hữu Loan, Quang Dũng, Hoàng Cầm, Trần Dần...), nhưng sau khi đọc ông mới thấy cái biết của mình còn quá nông cạn, nếu không nói là chẳng biết gì.

Tôi cho nhận định của sau đây của Hoàng Tiến về nguyên nhân sâu xa của vụ Nhân Văn Giai Phẩm là một phát giác mới mẻ và quan trọng: *Phải thừa nhận rằng, anh em Nhân Văn Giai Phẩm đều là những người có tài đang độ phát tiết tinh hoa. Những người chỉ đạo việc kiểm thảo hành hạ anh em là những người tài năng đã cạn kiệt hoặc tài năng chỉ ở dạng trung bình. Cái đuôi chuột dù giấu kín đến mấy rồi vẫn thòi ra. Trong cái bề bộn rối rắm của sự việc, chân lý lại thường ở dạng rất đơn giản. Tôi đã thấy được cái đuôi chuột thò ra ở sự cấm đoán sáng tác nghiệt ngã đối với anh em Nhân Văn Giai Phẩm kéo dài quá đáng. Những 30 năm! Nhờ vậy mà tôi nhìn ra cái mạch ngầm, cái cốt lõi, cái nguyên nhân sâu xa,* là sự đố kỵ tài năng, *được phủ đậy lên bằng tấm màn đấu tranh tư tưởng, đấu tranh giai cấp.*

Sự đố kỵ tài năng! Người đọc cảm thấy như bàng hoàng bừng tỉnh. Thì ra bản chất xấu xa của con người muôn thủa vẫn vậy, dù che đậy ngụy trang bằng thứ chủ nghĩa nào. Mà càng trong cơ chế độc tài thì sự phát tác của cái xấu xa càng ghê gớm, vì lương tâm có thể bị đánh lừa bằng những che đậy hào nhoáng, đến độ lương tâm có thể triệt tiêu. Tiêu diệt gần như trọn vẹn những tài năng như thế kia của đất nước, những người lãnh đạo cộng sản, nhất là Tố Hữu, không hề mảy may thấy tiếc rẻ, ân hận. Họ không dấu rằng họ chuyên chính bằng bạo lực, và khi có quyền, họ dùng bạo lực để nghiền nát các đối tượng của sự đố kỵ âm ỉ trong lòng họ. Nhìn ra cái nguyên ủy sâu xa đó của vụ NVGP, tác giả Hoàng Tiến đã có một đóng góp quan trọng trong việc làm sáng tỏ dần cái thế giới âm u địa ngục mà đảng cộng sản Việt Nam là tác giả trong bao nhiêu năm.

Hoàng Trọng Nhân *(Seattle, WA)*

Về Hồ Xuân Hương

Trong bài "Thử đi tìm về những nguồn tư liệu Nôm thơ Hồ Xuân Hương" của tác giả Nguyễn Ngọc Bích ở Thế Kỷ 21 số 107, có đoạn viết: *(Bà Hồ Xuân Hương) ...Học giỏi có tài thơ văn, nhưng duyên phận long đong, sau phải lấy lẽ một ông thủ khoa làm tri phủ Vĩnh*

Tường (nay thuộc tỉnh Vĩnh Yên). Được ít lâu ông phủ mất, bà lại lấy một người cai tổng tục danh là Cóc, không bao lâu ông này cũng chết. Từ bấy giờ, bà chán về số phận mình, thường đi chơi các nơi thắng cảnh và ngâm vịnh thơ ca để khuây khỏa nỗi buồn.

Theo sự hiểu biết của tôi (người đang góp ý) thì bà Hồ Xuân Hương lấy lẻ ông tổng Cóc trước ông phủ Vĩnh Tường. Có thể chia cuộc đời của nữ sĩ làm bốn thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất, Xuân Hương còn là học trò, có giai thoại: trong giờ nghỉ nàng chạy nhảy trong sân trường vui đùa với các bạn rủi bị trợt té, học trò trai vỗ tay cười chế nhạo, nàng chữa thẹn:

Giơ tay với thử trời cao thấp
Xoạc cẳng đo xem đất vắn dài

Thời kỳ thứ hai, đến tuổi con gái, vì hoàn cảnh nghèo, mồ côi, kém nhan sắc nên Xuân Hương phải chấp nhận làm lẻ ông tổng Cóc lớn tuổi nhưng có quyền thế và giàu. Tuy ở với ông ta tương đối có hạnh phúc nhưng vì ông tổng học hành kém cỏi nên nàng không trọng. Do vậy khi ông tổng Cóc qua đời, nàng khóc mát:

Hỡi chàng ôi! Ôi hỡi chàng ôi!
Thiếp bén duyên chàng có thế thôi.
Nòng nọc đứt đuôi từ đấy nhé!
Ngàn vàng không chuộc dấu bôi vôi.

Sau khi ông tổng Cóc qua đời, ông Chiêu Hổ có đến ghẹo Xuân Hương qua những bài thơ xướng họa. Nhưng ông không tính chuyện ở đời với nàng. Kế tiếp có một chàng trai trẻ đến cầu thân với Xuân Hương, người ấy có học thức lại yêu dấu nàng. Hai câu ở bài thơ Cái Quạt ngụ được ý thích của nàng:

Mười bảy hay là mười tám đây?
Cho ta yêu dấu chẳng rời tay.

Vì chàng ta phải can vào tội làm loạn, bị xử trảm, nên cuộc tình duyên cũng không được bao lâu. Nàng than:

Tiếng gà văng vẳng gáy trên bom,
Oán hận trông ra khắp mọi chòm.
Mõ thảm không khua mà cũng cốc,
Chuông sầu chẳng đánh cớ sao om?
Trước nghe những tiếng thêm ru rĩ,
Sau giận vì duyên để mõm mòm.
Tài tử văn nhân ai đó tá?
Thân này đâu đã chịu già tom.

Thời kỳ thứ ba, Hồ Xuân Hương lại lấy lẻ ông phủ Vĩnh Tường. Tuy việc chăn gối:

Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng,
Chém cha cái số lấy chồng chung.
Năm khi mười họa nên chăng chớ,
Một tháng đôi lần có cũng không
Cố đấm ăn xôi, xôi lại hỏng,
Cầm bằng làm mướn, mướn không công.
Thân này ví biết đường này nhẻ,
Thà trước thôi đành ở vậy xong.

nhưng hai người cũng là tri kỷ với nhau lắm. Bởi vậy khi ông phủ Vĩnh Tường qua đời, Xuân Hương thật lòng thương tiếc:

Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ôi!
Cái nợ ba sinh đã trả rồi.
Chôn chặt văn chương ba thước đất
Ném tung hồ thỉ bốn phương trời.
Đòn cân tạo hóa rơi đâu mất
Miệng túi càn khôn khép lại rồi.
Hăm bảy tháng trời nào mấy chốc,
Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ôi!

Thời kỳ sau cùng, Xuân Hương trở lại giao du với Chiêu Hổ, vì dẫu Chiêu Hổ có ở bạc với nàng, nhưng nàng vẫn mến tài và nhớ chàng luôn. Trong giai đoạn này có giai thoại nói rằng Chiêu Hổ cũng thương Xuân Hương lắm, muốn gá duyên với nàng, nhưng trông đôi lưỡng quyền cao của nàng và qua mấy đời chồng của nàng đều chết yểu nên chàng sợ không dám kết tóc xe tơ (có thể người đời thêu dệt câu chuyện này chăng?)

Mấy bài thơ vừa dẫn ở trên có vài chỗ mỗi sách chép có khác nhau nhưng ý nghĩa thì vẫn giống nhau.

Nguyễn Văn Cường *(Olsvik, Norway)*

Các góp ý trên đây đã cho chúng ta thêm một cách nhìn nữa về cuộc đời của nữ sĩ họ Hồ, một cái nhìn có tính cách gợi ý. Trong giới làm thơ làm văn xưa nay vẫn có rất nhiều giai thoại, suy đoán được truyền miệng, phần nhiều là thú vị, thêm hương sắc cho văn học rất nhiều. Tuy nhiên vì khó xác định độ chính xác của các điều suy đoán truyền miệng nên thường người ta để chúng qua một bên, gọi là "ngoại sử," có thể dùng để tham khảo đến một mức độ nào đó, còn phần lớn để đọc hoặc kể cho vui, vì chính bản thân các điều ấy lắm khi cũng là những sáng tác rất li kì. Bức thư trên đây cho chúng ta thấy cuộc đời Hồ Xuân Hương được phân chia thời kỳ rất là rành rẽ, mỗi thời kỳ được chứng minh bằng một bài thơ. Có thể tác giả theo phương pháp diễn dịch, dựa vào nội dung các bài thơ để suy đoán ra các giai đoạn, có thể ông có tài liệu chính xác nhưng chưa tiện đưa ra trong một bức thư góp ý ngắn ngủi, các bài thơ trưng dẫn ở đây chỉ có tính cách minh họa. Dù trường hợp nào thì các ý kiến trên cũng cho chúng ta một cái

nhìn mới, nếu không giúp được một cách chính xác cho văn học sử thì cũng cống hiến thêm một trang cho "ngoại sử."

Đính chính

Bài "Chiếc phong cầm của bố tôi" của Dương Như Nguyện trên TK 21 số 107 có những chỗ đánh sai:

Trang 75, cột một, dòng 13 từ trên xuống: *Méthode Rose* thay vì *Méthode de Rose.*

Trang 76, cột một, dòng tám và chín từ trên xuống: *sự bứt phá của tâm hồn* (không có chữ *trong*).

Trang 77, cột hai, dòng 29 từ trên xuống: *Mộ nằm giữa ruộng* thay vì *Họ nằm giữa ruộng.*

Chân thành cáo lỗi cùng tác giả và độc giả.

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Hoàng Văn Thuy, Lê Duy Nghĩa, Hoàng Lộc, Hồ Minh Dũng, Nguyễn Văn Cường, Hồng Khắc Kim Mai, Huyền Thanh Lữ, Lưu Hy Lạc, Nguyễn Hữu Lợi, Kim Xuyên, Minh Cúc, Babui, Phan Hữu Văn, Lý Phương Triều, Nguyễn Trung Dũng, Đàm Trung Pháp, Hiếu Đệ, Thuyên Lưu, Phan Thanh Tâm, Trần Huy Sao, Nguyễn Tư Duy, Nguyễn Đại Bảng, Nguyễn Hữu Thành, Hồ Trường An, Đàm Trung Pháp.

Lê Hòa *(Dorsten, Germany)*: Vì ngày nay rất ít người có khả năng đọc hiểu được chữ Hán nên khi một bài thơ chữ Hán xuất hiện trên báo, nó có vai trò trang trí nhiều hơn là thực chất chữ nghĩa. Đó vẫn là biểu tượng của đời sống tinh thần ngày xưa của Việt Nam nên khi xuất hiện, chữ Hán làm gợi lên một tình cảm xưa cũ, trang trọng, nhất là trong các dịp lễ tết cổ truyền. Chính vì thế trên báo Xuân TK 21 có khi đăng thơ chữ Hán. Rất phục tài thơ và tài viết chữ Hán của anh. Anh Đ. rất vui nhận ra người tài hoa đó là người bạn "Tứ Đồng" của mình. Thân.

Lý Phương Triều *(Buffalo, NY)*: Đã nhận được thơ, và đặc biệt là bài báo đăng lại cuộc phỏng vấn ấy. Đó là một tờ báo địa phương chỉ phát hành vùng bên ấy nên nếu ông không có lòng tốt gửi cho thì chúng tôi cũng không biết được là có một bài báo nói về chính mình như thế. Xin đa tạ.

Nguyễn Đại Bảng *(Paris, France)*: Đĩa chuyển được, rất tốt, nhưng vẫn cần so sánh với bản in gửi kèm vì có những dạng được thực hiện trong bản văn (chữ nghiêng, chữ đậm...) thì trong đĩa không hiện ra. Thành ra luôn luôn nhớ gửi bài in kèm theo đĩa. Đang đọc. Chúc viết khỏe.

Hộp thư trị sự

PHAN MỸ SƯƠNG –

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Nguyễn Ngọc Bảo (San Francisco CA), Nguyễn Ngọc Kim (Telford PA), Tưởng Năng Tiến (San Francisco CA), An Thu Nguyễn (Aloha OR), Lê Dức Minh (FRANCE), Nguyễn Văn Ngọc (Bridgeport CT), Việt Dương (Chicago IL), Lê Công Giáo (Upland CA), Nguyễn Công Oanh (Hayward CA), Uyên Jackson (Gardena CA), Nguyễn Thị Thu Hảo (San Diego CA), Trần V Cường (Santa Ana CA), Phu Van Nguyễn (Aloha OR), Hoàng Trần Nguyên (Portland OR), Trần Minh Hà (Lynnwood WA), Võ Doãn Nhẫn (Santee CA), Thiên Văn Đăng (Garland TX), Nguyễn Thanh Trang (San Diego CA), Nguyễn Hiếu Đệ (Holland MI), Điệu Thiệu (Lafayette IN), Nguyễn Thu Hằng (Northridge CA),Nguyễn Hiệp (Chicago IL), Lê Ngọc Loan (Brooklyn MN), Chu Văn Hải (Alexandria VA), Phùng Ngọc Hiếu (Seattle WA), Đinh Sinh Long (Huntington Beach CA), Lê Văn Tiết (West Hartford CT), Lê Văn Trang (West Hartford CT), Tôn Nữ Thu Nga (San Dimas CA), Nguyễn Đình Nhạc (Porland OR), Vũ Văn Lộc (San Jose CA), Nguyễn Thị Minh Hiền (Minneapolis MN), Andrew Nguyễn (Newberry FL), Trịnh Long Việt (West Chester PA).

Độc giả đổi địa chỉ:

Võ Tá Hân (Singapore), Thịnh Hoàng (Westminster CA), Nicole Le Barry (Seattle WA), Nguyễn Kim Liên (Eagan MN), Vũ Quốc Liên (La Mesa CA).●

Ý NGHĨA CỦA VIỆC THAY ĐỔI LÃNH ĐẠO Ở VIỆT NAM

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Ba biến cố lớn và sự thay đổi lãnh đạo ở Việt Nam

Trong năm vừa qua, ở Việt Nam có ba biến cố đáng ghi nhận. Chúng cùng nhau tạo ra một tình trạng khẩn trương vào những tháng cuối của năm 1997.

Thứ nhất là sự thay đổi trong hàng ngũ lãnh đạo thượng tầng của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Bộ ba "thất thập cổ lai hy" Mười-Anh-Kiệt phải lui ra để nhường quyền lãnh đạo cho bộ ba trẻ hơn: Lê Khả Phiêu, Trần Đức Lương, và Phan Văn Khải. Đây là sự thay thế lãnh đạo giữa hai thế hệ, về phương diện tuổi tác cũng như về phương diện kinh nghiệm. Lần đầu tiên quyền lãnh đạo đảng cộng sản được chuyển hẳn từ những người thuộc thế hệ đảng viên thứ nhất được tôi luyện từ cuộc tranh đấu chống Pháp trước năm 1945 trong giai đoạn hưng thịnh của phong trào cộng sản thế giới cho những người trưởng thành trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai và lên tới địa vị quan trọng trong buổi thoái trào của phong trào cộng sản thế giới.

Thứ hai là các cuộc biến động ở nông thôn chống tham nhũng, lạm quyền và sưu cao thuế nặng, từ Thái Bình ở miền Bắc cho đến Thanh Hóa ở miền Trung và Đồng Nai ở miền Nam. Các biến động này cho thấy rõ thái độ bất mãn chống chế độ của chính những thành phần vẫn được coi như thành phần cốt cán của đảng cộng sản Việt Nam. Thứ ba là sự khựng lại rõ rệt của mức độ phát triển kinh tế ở Việt Nam và sự sút giảm đầu tư ngoại quốc trong khung cảnh khủng hoảng tiền tệ và tài chánh toàn vùng. Đây là một tình trạng khẩn trương đòi hỏi các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam phải có những biện pháp cải cách sâu rộng và mạnh bạo để cứu vãn nền kinh tế và tránh sự bất mãn và thất vọng của dân chúng có thể gây ra bất ổn chính trị. Tình trạng khẩn trương này đòi hỏi một cuộc chuyển quyền dứt khoát ở chức vụ lãnh đạo tối cao của Đảng Cộng Sản Việt Nam, chấm dứt một tình trạng tranh chấp lằng nhằng giữa nhiều phe nhóm kéo dài từ Đại Hội Đảng giữa nhiệm kỳ năm 1994. Nó giải thích cho hai điểm nổi bật trong cung cách tướng Phiêu được bầu vào chức vụ Tổng Bí Thư đảng. Đặc tính thứ nhất, Lê Khả Phiêu là một quân nhân đầu tiên được bầu vào chức vụ chính trị cao cấp nhất của một hệ thống luôn luôn đòi hỏi chính trị phải kiểm soát quân đội nhưng nay phải đương đầu với những mầm mống của nội loạn và bất ổn chính trị. Đặc tính thứ hai, Đỗ Mười là vị Tổng Bí Thư đầu tiên phải gấp rút ra đi trước khi nhiệm kỳ chấm dứt chứ không được hưởng một sự ra đi bình thường sau một Đại Hội toàn đảng hay là vì chết trên giường bệnh.

Ý nghĩa và hậu quả của việc thay đổi lãnh đạo

1. Việc Lê Khả Phiêu thay thế Đỗ Mười ở chức vụ Tổng Bí Thư Đảng chỉ là bước đầu trong diễn trình thay đổi nhân sự. Như trường hợp ông Giang Trạch Dân ở Trung Quốc, tướng Lê Khả Phiêu cần loại bớt địch thủ và củng cố căn cứ quyền lực của mình. Ông phải tìm cách đưa thêm vây cánh vào Trung Ương Đảng, chính quyền và quân đội. Những người vừa mới bị loại hay sợ sẽ bị loại tất sẽ phải có phản ứng. Cuộc tranh giành quyền lực trong đảng chưa dứt hẳn. Nếu Đại Hội Đảng giữa nhiệm kỳ được tổ chức vào năm 1998 hay đầu năm 1999, người ta có thể thấy nhiều thay đổi

trong thành phần Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng.

2. Cùng lúc với việc bầu tướng Lê Khả Phiêu vào chức vụ Tổng Bí Thư là việc bổ sung vào Bộ Chính Trị bốn người mới và sau đó là việc chỉ định một Ban Thường Vụ mới của Bộ Chính Trị. Ngoài tướng Phiêu, đa số những người mới được bổ sung vào Bộ Chính Trị đều đã từng lên tiếng về "nguy cơ diễn biến hòa bình" và "âm mưu chia rẽ đảng và nhân dân." Điều này cho thấy ưu tiên số một của lãnh đạo mới là ổn định chính trị.

3. Một mặt đảng phải chú trọng đến ổn cố chính trị, nhưng mặt khác phải cố xoa dịu sự chống đối của nhân dân và duy trì tính cách chính thống của chế độ bằng những biện pháp nhằm duy trì mức phát triển kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, chống tham nhũng, và phát huy quyền làm chủ của người dân, ít nhất là ở nông thôn. Qua những lời tuyên bố gần đây dường như các nhà lãnh đạo mới ở Việt Nam muốn áp dụng mô thức Trung Quốc: siết chặt kiểm soát ở trung ương, bầu cử tương đối tự do ở địa phương, cải tổ công ty quốc doanh, mở cửa buôn bán với nước ngoài, đổi mới từng bước. Mô thức này không phải dễ áp dụng nếu không có người cứng tay lèo lái. Nếu họ thất bại trong việc đối phó với các khó khăn kinh tế hiện nay thì khủng hoảng xã hội và chính trị là điều khó tránh và địa vị lãnh đạo của những người mới sẽ bị lung lay.

Vai trò và các thử thách của Tướng Phiêu:

1. Sau Lê Duẩn, tướng Lê Khả Phiêu là một Tổng Bí Thư nhiều quyền lực nhất. Ông vừa nắm quân đội vừa lãnh đạo đảng. Việc thăng cấp và bổ nhiệm vào chức vụ quan trọng một số tướng lãnh và sĩ quan cao cấp ngay sau khi khóa họp Trung Ương Đảng kỳ IV chấm dứt dưới sự chứng kiến của Lê Khả Phiêu đã tăng thêm uy thế cho ông Tổng Bí Thư mới. Thế lực bề ngoài của ông ở Việt Nam hiện nay

kém Đặng Tiểu Bình nhưng hơn hẳn Giang Trạch Dân khi ông này mới được bổ nhiệm vào chức vụ Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Trung Quốc năm 1989. Thế quân bình Đảng-Quân Đội-Nhà nước nghiêng hẳn về phía Lê Khả Phiêu và khối an ninh. Thế quân bình địa phương cũng không còn nữa. Với sự ra đi của Nguyễn Tấn Dũng, thành phần Ban Thường Vụ Bộ Chính Trị mới gồm Lê Khả Phiêu, Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nông Đức Mạnh, và Phạm Thế Duyệt nay đã nghiêng hẳn về những người gốc miền Bắc.

2. Tướng Lê Khả Phiêu sẽ phải giải quyết hai vấn đề quan trọng ngang nhau và liên hệ mật thiết với nhau là phát triển kinh tế và ổn định chính trị. Là người gốc quân đội, ông Tổng Bí Thư mới coi trọng nhu cầu an ninh và ổn định chính trị nhưng cách đối xử của ông với ông Hoàng Minh Chính, một nhân vật quan trọng trong vụ "xét lại chống đảng," cho thấy ông cũng có khả năng uyển chuyển và khôn ngoan chính trị. Tướng Phiêu có kinh nghiệm trong việc cải tổ quân đội, bảo vệ an ninh và ý thức hệ cộng sản, nhưng chưa có kinh nghiệm trong việc trị quốc và phát triển kinh tế. Ông cần sự cộng tác của các chuyên gia kinh tế và các nhà đầu tư ngoại quốc, do đó phải ý thức rõ được nhu cầu cải tổ sâu rộng hơn, kể cả những cải tổ có hậu quả chính trị, và tạo điều kiện thuận tiện cho các chuyên gia làm công tác kinh tế. Thử thách đầu tiên của ông là làm sao cải tổ được các doanh nghiệp nhà nước do quân đội nắm giữ mà ông là người có tư thế đặc biệt để làm. Trong bài diễn văn nhậm chức đọc ngày 29 tháng Mười Hai 1997, Lê Khả Phiêu tỏ ra ông nắm vững được những vấn đề phải đối phó (như một nền kinh tế thiếu khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, ảnh hưởng bất lợi của cuộc khủng hoảng tài chính và tiền tệ trong vùng, sự xuất hiện của những yếu tố có hại cho ổn cố chính trị và xã hội) và các biện pháp phải làm (như thi hành dân chủ ở nông thôn, thu hẹp cách biệt giữa thành thị và nông thôn, cải cách hành chính, bài trừ tham nhũng, cải tổ doanh nghiệp nhà nước, xúc tiến chương trình cổ phần hóa, tản quyền quản trị kinh tế, hội nhập kinh tế vùng và kinh tế toàn cầu).

Nhưng cũng qua bài diễn văn ấy cùng với bài trả lời phỏng vấn của Thông Tấn Xã Việt Nam ngày 5 tháng Giêng 1998 và những lời tuyên bố trước kia của ông về nguy cơ diễn biến hòa bình và chệch hướng xã hội chủ nghĩa, người ta thấy ông là người bảo thủ hơn là người có khuynh hướng cải cách và chưa nhận thức rõ được mâu thuẫn khó tránh giữa "kinh tế thị trường" và "tư bản nhà nước." Ông muốn xây dựng một nền "kinh tế hữu hiệu và có khả năng cạnh tranh" nhưng lại muốn doanh nghiệp quốc doanh đóng "vai trò chủ đạo." Ông muốn "đổi mới toàn diện và đồng nhất" nhưng phải theo "đường lối xã hội chủ nghĩa." Trong viễn kiến kinh tế chính trị của ông, người ta chưa thấy những thứ tự ưu tiên rõ rệt: những ý niệm kinh tế thời Đặng Tiểu Bình (chính sách ngoại giao mở cửa, hội nhập kinh tế toàn cầu) được trộn lẫn với những khẩu hiệu thời Mao Trạch Đông (tự chủ, tự lập). Tướng Phiêu sẽ không giải quyết được những vấn đề cấp bách của Việt Nam và đưa Việt Nam vào quỹ đạo phát triển, chừng nào ông và bộ tham mưu của ông chưa dứt khoát chọn lựa giữa nhu cầu phát triển kinh tế và tránh tụt hậu với nhu cầu bảo vệ sự thuần khiết của xã hội chủ nghĩa và địa vị độc tôn của đảng Cộng sản Việt Nam.●

9-1-1998

* Sự dốt nát về lịch sử làm chúng ta miệt thị ngay cả thời đại của chúng ta.
— Flaubert

* Chúng ta là những đứa con của thời đại chúng ta, nhưng là những đứa con không bao giờ có thể biết mẹ chúng là ai.
L.P. Smith

* Người biết điều thích ứng chính mình với thế giới; người không biết điều khư khư đòi thế giới thích ứng với mình. Vì thế, mọi tiến bộ đều thuộc về người không biết điều.
— Shaw

* Đối tượng của chữ Năm Mới không phải là ta có một năm mới, mà là phải có một linh hồn mới với cái mũi mới, đôi chân mới, cột xương sống mới, đôi tai mới, cặp mắt mới. Nếu một người không dám tự coi như trước đây mình chưa hề hiện hữu, thì chắc chắn hắn không thể nào tiếp tục hiện hữu về sau được.
— Chesterton

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM TRONG NĂM 1997 CÁC THỬ THÁCH CHO 1998

HOÀNG QUẾ

I. Kinh tế Việt Nam trong năm 1997

Bối cảnh kinh tế/xã hội

Một sự kiện quan trọng đáng chú ý trong năm là việc tổ chức Hội nghị thượng đỉnh các nước nói tiếng Pháp tại Hà Nội trong tháng Mười Một. Đây là một thắng lợi ngoại giao cho VN, một nước không có tới 1% dân nói tiếng Pháp, trường Pháp bị hạn chế và tất cả các giấy tờ dính líu đến quốc tế đều làm bằng tiếng Anh. Nó là một thắng lợi vì đã có trên 49 nước và tổ chức quốc tế tham dự mà ít ai đả động đến nhân quyền (trừ TT Chirac).

Việc thứ hai là VN được Hội nghị diễn đàn kinh tế Á châu - Thái Bình Dương họp tại Vancouver (Canada) chấp nhận làm thành viên cùng với Nga và Peru. Việc thứ ba là chính quyền Clinton đã trình Quốc Hội xin miễn áp dụng tu chính án Janik-Vanik, nút chận cuối cùng của VN trước khi đi đến việc VN được hưởng quy chế tối huệ quốc (MFN), việc cần thiết trong quy trình bình thường hóa quan hệ kinh tế Việt-Mỹ (tu chính án đòi hỏi là các nước CS chấp nhận cho dân chúng di dân đi lại dễ dàng và vì vậy mà TT Khải đã ký một quyết định không đòi hỏi dân VN xin hộ chiếu (visa) khi xuất cảnh). Đây là một bước tiến quan trọng trong quan hệ hai bên và cũng là thắng lợi ngoại giao cho VN.

Việc quan trọng nhất trong 1997 là cơn khủng hoảng kinh tế/tài chính lan tràn tại ĐNÁ mà VN đã tránh. Trong 10 năm qua tăng trưởng của Thái Lan là 8% và Thái được coi là một "con hổ kinh tế." Thái đã mở thị trường chứng khoán, tiền tệ và cho phép các ngân hàng đi vay tại ngoại quốc với lãi suất rẻ. Trong ba năm qua, cán cân thương mại hàng xuất khẩu của Thái (may mặc, điện tử, hải sản, nông nghiệp, phụ tùng xe, v.v.) giảm mạnh. Ngân sách siêu chi trên 7% GDP trong nhiều năm. Nợ ngoại quốc của Thái là US$ 96 tỷ [nợ khu vực công là US$ 18 tỷ; nợ ngắn hạn US$ 5 tỷ; nợ trả chậm US$ 7 tỷ; thị trường chứng khoán khu vực tư US$ 11 tỷ; nợ hợp doanh US$ 48 tỷ, vv.] Quản lý vĩ mô không tốt, Thái phải cầu cứu IMF, phải đóng trên 58 công ty tài chính và chính phủ Thái đã đổ.

Khủng hoảng đã lan tràn sang Mã Lai. Thị trường chứng khoán mất 60% so với đầu năm và đồng Ringgit mất 30%. Philippines cũng bị hăm dọa và Ngân hàng Trung ương (NHTƯ) đã phá giá đồng Peso (từ 25 lên 35 ăn một US$). Indonesia với món nợ ngoại quốc được ước lượng trên US$ 117 tỷ cũng phải cầu cứu IMF vì hệ thống ngân hàng "kém trong suốt," thiếu kiểm soát, thiếu tiền mặt. Indonesia đã uống liều thuốc IMF, vay trên US$ 23 tỷ và đóng cửa trên 16 ngân hàng. Nam Hàn cũng phải cầu cứu IMF. Các "Chaebol" vay nhiều để khuếch trương chiếm các thị trường ngoại quốc nhưng làm ăn thiếu hiệu năng nên đã gây khó khăn cho hệ thống ngân hàng. Trong nhiều thập niên, chính sách tiền tệ và lãi suất ngân hàng do chính phủ chỉ đạo và đã ưu đãi các Chaebol. Nam Hàn phải vay US$ 57 tỷ để giải quyết vấn đề tiền mặt.

Trong nhiều năm NHTƯ Nhật đã bảo vệ hệ thống tài chính Nhật không cho phá sản khi làm ăn lỗ lã. Nay Nhật, dưới sức ép của thị trường, đã phải để cho các ngân hàng và công ty tài chính làm ăn lỗ lã phá sản [Yamachi, Sanyo Securities, Takushoku Bank, vv.] Phải chăng chính phủ Nhật và ngân hàng Nhật đã bỏ chính sách can thiệp vào kinh tế?

Hệ thống ngân hàng TQ cũng đang gặp khó khăn vì các món nợ của khu vực Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) được ước lượng trên US$ 200 tỷ. TQ đã cho xúc tiến cải cách

khu vực DNNN trong nhiều năm nay trong bối cảnh đầu tư ngoại quốc giảm [từ US$ 113 tỷ năm 1991 xuống US$ 40 tỷ năm 1997]. Đại hội Đảng kỳ 15, đã quyết định cổ phần hóa trên 120,000 DNNN có trên 100 triệu nhân công.

Ảnh hưởng và bài học khủng hoảng

VN không có thị trường chứng khoán, vay ngoại quốc bị kiểm soát và trên hết tiền VN không tự do trao đổi trên thị trường tiền tệ do đó trước cuộc khủng hoảng, kinh tế VN chỉ bị ảnh hưởng gián tiếp.

1) Các mặt hàng xuất khẩu VN (kể cả du lịch) sẽ bị các nước ĐNA cạnh tranh mạnh vì hối suất của họ thiết thực hơn (giảm 25-45%);

2) Hàng của các nước ĐNA, vì hối suất thấp cho nên rẻ, sẽ có nhiều cơ hội nhập VN, gây khó khăn cho sản xuất nội địa;

3) Đầu tư tại VN sẽ giảm vì những khó khăn kinh tế tại các nước đầu tư như Nam Hàn, Thái Lan, Indonesia, Mã Lai.

Bài học quan trọng nhất là trong nhiều năm các nước như Nhật và sau này Nam Hàn đã dùng nhiều chính sách khuyến khích công nghiệp nhưng vì không dựa trên yếu tố căn bản là hiệu năng/năng xuất cho nên các Doanh nghiệp không có lời và do đó phá sản. Không một chính phủ nào có thể tiếp tục gánh nặng các doanh nghiệp lỗ trong nhiều năm.

Đối với VN, năm 1997 có thể được xem xét dưới khía cạnh quản lý kinh tế vĩ mô trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế Á châu và các cố gắng để đáp ứng tình hình mới.

Kinh tế vĩ mô

Trong ba năm liên tiếp VN đã có tăng trưởng trên 9%/năm và đã kìm giữ lạm phát ở mức thấp. Có nhiều dấu hiệu hiện trạng "giảm phát" (deflation, vì tồn kho cao, hàng tiêu dùng ứ đọng, buôn bán chậm, vv) vì từ 1996, mãi lực nông dân (80% dân số VN) xuống thấp do giá nông phẩm thấp. Theo tờ Far Eastern Economic Review (FERR), nông dân chỉ được hưởng 16% trên giá gạo xuất khẩu trong khi đó thì các DNNN, độc quyền xuất khẩu chiếm 45% (1). Trong năm 1997 tồn kho tăng, buôn bán chậm lại và các triệu chứng giảm phát vẫn còn đó. Các cuộc biểu tình ở nông thôn cũng biểu hiện được phần nào tình trạng thật sự ở nông thôn.

Trong năm 1996, VN đã có một cơn mini khủng hoản tiền tệ và trong năm 1997, VN đã phải điều chỉnh hối suất hai lần nâng giao động từ 1% chung quanh hối suất chính thức lên 10%. Đây là một cuộc phá giá trá hình độ 5%. Theo các chuyên gia theo dõi VN, việc này chưa đủ vì tiền VN còn quá cao. Các công ty kiểm toán quốc tế "không giám thị thực" các ngân hàng VN vì cách làm ăn của các ngân hàng đó *chưa theo tiêu chuẩn quốc tế* [một từ mỹ miều để thay cho chữ *thiếu nghiêm chỉnh*]. Các si-căn-đan như Tamexco, Nam Định, vv. việc các thư tín dụng (Letter of Credit- LC) của Vietcombank không trả đúng hạn đã làm cho công ty Thompson Bankwatch Inc. (2) đánh giá thấp các ngân hàng VN. Việc công ty bảo hiểm Đức Hermes tranh chấp với Vietcombank (không bảo đảm thơ LC) là những dấu hiệu khác.

Với những khó khăn trên, tăng trưởng của VN trong năm 1997 được World Bank ước lượng là ở cỡ 7.5 - 8.5% trong khi khi chính phủ VN ước lượng là 9%. Một khó khăn khác là việc thất thu thuế vì số thu không quá 80% như đã dự trù. Ngân sách bị ảnh hưởng đến chi tiêu. Các con số căn bản kinh tế là:

THỐNG KÊ CĂN BẢN

	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997*
GDP (%)	6.0	8.7	8.1	8.8	9.5	9.4	**7.5-8.5**;9***
gồm:							
Nông nghiệp	2.2	7.2	3.8	4.5	4.7	4.8	4-4.5*
Công nghiệp	9.9	14.6	12.1	13.6	14.0	14.1	13.2*
Dịch vụ	7.9	7.2	9.2	9.2	12.6	12.0	10-12*
Lạm phát	67.5	17.5	5.2	14.4	12.7	4.5	5-7*

*Viện TK, BKH; *: dự tính*; **: dự tính của WB; ***: dự tính CPVN

Hối suất

Hối suất là một yếu tố quan trọng trong việc quản lý vĩ mô. Tiền cũng là một món hàng và do đó cũng theo luật "cung-cầu." "Giá" của ngoại tệ của một nước căn bản tùy thuộc vào nhu cầu ngoại thương. Hối suất ngoại tệ trên 'thị trường tự do' tùy thuộc vào các yếu tố sau đây:

1) Nhu cầu chi phó thương mại (cán cân

thương mại) và tư bản (vốn đầu tư, nguồn viện trợ, vv.);

2) Mua bán trên thị trường tương lai (forward market), một phần để bảo hiểm cho những thay đổi có thể xẩy ra trên thị trường hiện tại, (spot market) nhưng phần lớn là đầu cơ (speculation).

Tuy VN chưa có thị trường tự do về hối đoái nhưng đầu cơ có thể xẩy ra khi các nhà sản xuất hay nhập khẩu không trả và đòi nợ đúng hạn được. Tình hình thiếu hụt cán cân thanh toán là do hối suất của VN quá cao; điều này không thể kéo dài được. Thiếu hụt ngoại tệ có thể được giải quyết bằng:

1) Dự trữ ngoại tệ;

2) Vốn đầu tư FDI và vốn ODA;

3) Dịch vụ du lịch, kể cả việc chuyển tiền của Việt kiều cho thân nhân của họ tại VN (tương đương với số tiền xuất khẩu gạo, cao su và cà phê cộng lại).

Chính sách NHNN giữ đồng VN quá cao (từ 1990 đến nay, tiền VN đã lên giá từ 30-40% so với tiền dollar) trong quá lâu mà không để ý đến các yếu tố thay đổi trong khu vực là lý do chính của cán cân thanh toán thiếu hụt. Hối suất tiền VN đáng lẽ phải điều chỉnh từ nhiều năm, sau khi Trung Quốc phá giá đồng Nhân dân tệ vào 1994.

Giữa tháng 12, 1997, hối suất tự do đã vượt khỏi US$/14,000 đồng. Trên lý thuyết hối suất ở thị trường tự do tượng trưng cho 'thực giá' của tiền VN (mặc dù tương trưng cho 10-15% số ngoại thương ngoài kiểm soát của NHNN. Cách biệt giữa hối suất chính thức và hối suất tự do là 12% [12,290 và 14,000 đồng/1 US$] và nếu cách biệt quá cao, sẽ gây một tình trạng "tâm lý bất ổn."

HỐI ĐOÁI

	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997*
Nhập siêu (T)	238	15	900	1700	2300	3880	2304*
Tỷ giá hối đoái	14,500	10,800	10,870	11,050	11,010	11,020	12,290
Lạm phát (%)	67.5	17.5	5.2	14.4	12.7	4.5	5-7%

*NHNN, Ngoại thương; * 11 tháng 1997; **: sơ khởi*

Chính sách giữ tỷ lệ hối đoái chung quanh 11,000 đồng/1 US$ dollar trong nhiều năm không thiết thực vì tỷ lệ hối đoái không dính với lạm phát tại VN và cũng không gắn liền với ngoại thương. Chính sách hối đoái gây khó khăn cho xuất khẩu (tiền VN cao, hàng VN sẽ mắc hơn) và khuyến khích nhập khẩu (hàng nước ngoài sẽ rẻ hơn so với tiền VN). Hiện nay dự trữ hối đoái VN tương đương với dưới ba tháng nhập khẩu.

FDI, ODA và tiết kiệm

Đầu tư trực tiếp (foreign direct investment hay FDI) có giảm trong năm 1997. Đến tháng 12 tổng số đầu tư trong năm là US$ 4.5 tỷ so với US$ 8.7 tỷ trong năm 1996, sụt 42%. Đây là hậu quả của sự thất vọng của các nhà đầu tư ngoại quốc được thể hiện qua các con số.

Mặc dù từ 1987 đến tháng 12, 1997 tổng số vốn đầu tư được chấp thuận là US$ 31.5 tỷ, khả năng hấp thụ đầu tư còn thấp nhưng có tăng (40-45%). Trong năm 1997 các nước đứng đầu về đầu tư là Nam Hàn (US$ 685 triệu), Nhật (US$ 545 triệu), Pháp (US$ 535 triệu nhờ chuyến viếng thăm của TT Chirac). Số lao động được dùng trong khu vực ngoại quốc tăng từ 62,000 năm 1994 lên đến 120,000 năm 1997, chiếm 16.2% lao động trong công nghiệp. Các vùng thu hút nhiều đầu tư là: Sài Gòn, Biên Hòa, Vũng Tàu, Hà Nội, Hải phòng. Riêng đối với Sài Gòn, đầu tư FDI giảm 25%.

Mối lo khác là chính sách đầu tư. Các đầu tư FDI vào VN nhằm nhiều vào việc xây cất các khách sạn và cao ốc. Nay thị trường đó bị ứ đọng. Chỉ có 25% tổng số đầu tư là vào công nghiệp chế biến. Hơn nữa các công nghiệp chế biến của VN nhằm các công nghiệp lắp ráp mà trong đó chính phủ phải lo xây hàng rào quan thuế để bảo vệ [tỷ dụ xe sản xuất ở VN đắt hơn gấp ba lần xe nhập khẩu].

Về viện trợ, hội nghị Nhóm Tư vấn (Consultative Group) được tổ chức tại Tokyo vào tháng 12, 1997 đã hứa US$ 2.38 tỷ viện trợ không hoàn lại hay nhẹ lãi. Năm 1993 VN được hứa US$ 1.8 tỷ; US$ 2 tỷ năm 1994; 2.3 tỷ năm 1995; US$ 2.4 tỷ năm 1996. Trong điều kiện ODA ngày càng giảm, VN đã dành được sự đồng tình của nhiều cơ quan quốc tế và nước tài trợ, nhưng lần này tại Tokyo, VN bị khuyến cáo mạnh mẽ thay đổi cách quản lý

kinh tế. Nhật vẫn đứng hàng đầu trong việc cam kết viện trợ (US$ 800 triệu), sau đến Ngân hàng Thế giới (US$ 450-500 triệu), Ngân hàng Phát triển Á châu (US$ 350 triệu). Việc hấp thụ viện trợ còn thấp (30%) vì còn tùy thuộc vào nhân sự.

Tình hình đầu tư tại VN cho thấy là VN còn "nhờ cậy" nhiều vào tiết kiệm bên ngoài. Hệ thống ngân hàng VN chưa có nhiều cố gắng thu tiết kiệm dân chúng nhất là khi khả năng tích lũy trong nước (tiết kiệm của dân, doanh nghiệp, chính phủ) còn thấp và hệ thống ngân hàng thô sơ. Khủng hoảng tại ĐNA sẽ ảnh hưởng đến đầu tư tại VN trong các năm tới.

Tình hình sản xuất

Năm 1997 có nhiều thiên tai, nhất là bão Linda tàn phá miền Nam gây nhiều thiệt hại (trên 3,000 chết/mất tích; 3,200 tàu chìm hay mất tích; 120,000 nhà bị phá và tổn thất trên US$ 500 triệu). Mặc dù thiên tai, nông nghiệp vẫn giữ được mức tăng trưởng và VN còn lên hàng thứ hai thế giới về xuất khẩu gạo với 3.7 triệu tấn. Về cà phê robusta VN đứng hạng hai sau Indonesia. Những sản phẩm nông nghiệp tăng đều: cà phê tăng 66.4%; cao su 54.9%; chè tăng 44%; gạo tăng 16.8%; hải sản 15.3% so với năm 1996. Cao su, hạt tiêu, thủy sản vẫn là các sản phẩm xuất khẩu quan trọng. Việc xuất khẩu cà phê có gặp khó khăn vì giá thị trường lên xuống bất thường.

Tăng trưởng công nghiệp là 13.2%, thấp hơn 1996. Điều đáng chú ý là khu vực DNNN tăng thấp so với khu vực có đầu tư ngoại quốc tăng trên 20% [vì dụng cụ sản xuất có năng xuất cao, trong khi đó thì công nghiệp tại TP HCM chỉ tăng trưởng có 8%.] Sản phẩm công nghiệp nhẹ như ngành dệt, may mặc xuất khẩu trên US$ 1.2 tỷ (+12.3%) và ngành giầy dép xuất khẩu thành công (+67.3% so với 1996). Điều đáng chú ý là các công nghiệp được coi là ưu tiên, theo Phó TT Lộc, là các công nghiệp: gas, điện, phân bón, tìm dầu, điện tử, kỹ nghệ thông tin, công nghiệp máy, đóng tàu và chế tạo xe. Việc chọn các công nghiệp ưu tiên này còn sẽ gây nhiều tranh luận vì tính cách thực tiễn của nó.

Về ngoại thương thì còn nhiều điều chưa ổn. Bài của A. Kokko (3) cho thấy là chính sách công nghiệp - ngoại thương của VN không hợp thời vì đang nhập khẩu nhiều cho chính sách 'công nghiệp thế nhập khẩu' (import substitution) đã thất bại tại nhiều xứ trên thế giới. Xuất khẩu trong 11 tháng đầu 1997 (4) trị giá US$ 7.8 tỷ (tăng 20.4% nhưng thấp hơn năm ngoái và tương đương với 9% GDP). Nhật, Đài Loan, Hong Kong, Nam Hàn chiếm 36% thị trường xuất khẩu VN, các quốc gia ASEAN 33.4% và Âu châu 13.8%. Xuất khẩu VN còn nhiều hạn chế và thiếu sót vì còn xuất nhiều hàng thô, ít trị giá gia tăng.

Nhập khẩu cho 11 tháng 1997 ở mức US$ 10.1 tỷ (-0.5%). Nhật, Đài Loan, Hong Kong và Nam Hàn chiếm 46% tổng số nhập khẩu, ASEAN chiếm 29% và Âu châu 11%. Nhập siêu trong 11 tháng ước tính là US$ 2.3 tỷ (-37.5% so với 1996 hay 9-10% GDP). Bản trên cho thấy VN còn xuất quá nhiều hàng thô (cao su, gạo, hạt điều, than, dầu thô, vv) còn ít chế biến.

THỐNG KÊ NGOẠI THƯƠNG

	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997*
Nhập khẩu	**2338**	**2535**	**3924**	**5826**	**8155**	**11143**	**10149***
gồm							
Linh kiện ĐT	29.7	39.7	116.9	104	113.8	184.8	
Thép	25.0	85.0	233.0	211.0	365.0	529.2	
Phân bón	236.0	237.0	205.0	247.0	339.0	341.1	
Xăng dầu	485.0	615.0	687.4	701.0	830.0	1079.0	
Sợi dệt	42.0	13.8	60.0	81.0	199.0	158.0	
Xuất khẩu	**2042**	**2571**	**2985**	**4054**	**5448**	**7255**	**7845***
gồm							
Cao su	50.0	61.0	74.6	134.5	193.5	163.3	
Hạt điều	26.0	41.0	44.0	72.50	97.70	95.00	
Cafe	74.0	92.0	110.6	328.2	595.5	333.8	
Gạo	225.0	300	363	425	546	854.6	
Sản phẩm biển	285.0	307	427	551	621	651	
Than	48	62	51.9	75.1	88.9	114.2	
Dầu thô	581	806	843	866	1033	1345	
May mặc và dệt	158	220	335	554	850	1150	
Giầy	10.5	16.8	68	115.4	296	530	
Cán cân T Mại	**-242**	**-36**	**-939**	**-1772**	**- 2707 -**	**3888**	**-2034***

*A. Kokko, page 11-14; *: dự tính 11 tháng 1997;*

Theo các kinh tế gia, nhập siêu 3-4% GDP là tỷ lệ an toàn. Tình trạng nhập siêu của VN đã vượt qua giới hạn an toàn là một mối lo. Hiện nay VN ở trong tình trạng đầu tư do đó nhập siêu (nếu cho sản xuất/xuất khẩu thì tốt) nên còn có thể chấp nhận trong một thời gian. So với các nước láng giềng (5), thiếu hụt của VN còn cao:

TỶ LỆ THIẾU HỤT NGOẠI THƯƠNG

(% GDP)	1996	1997	Tỷ lệ an toàn
Việt Nam	- 14%	- 10%	- 3-4% GDP
Philippines	- 10.6%		
Thái Lan	- 6%		

Nếu tính cả buôn lậu trong thống kê ngoại thương thì phải thêm 20%. Tỷ lệ thiếu hụt ngoại thương còn cao hơn con số chính thức. Buôn lậu (thuốc lá từ Singapore, xe máy từ Thái Lan, xe đạp, CD, đồ điện tử và gia dụng từ TQ vì hối suất tiền VN quá cao) ảnh hưởng xấu đến sản xuất trong nước. Ngoài ra VN còn nhập nhiều hàng "xa xỉ" (rượu mạnh, thuốc lá, vv.) ảnh hưởng xấu đến ngân sách.

Tóm lại, năm 1997 có nhiều dấu hiệu khó khăn kinh tế. Nó cho thấy VN đứng trước một thử thách mới.

Nếu không muốn tụt hậu, VN chỉ còn một con đường là cải cách nhanh hơn, sâu hơn, và toàn diện hơn.

II. Thử thách và khuyến cáo cho 1998

Sau Hội nghị T.Ư. tháng 12, 1997, VN đã thành công trong việc thay đổi thế hệ lãnh đạo. Vì các khác biệt giữa đảng và chính phủ cho nên đầu tư ngoại quốc đã sụt 42%. Bối cảnh kinh tế ĐNÁ khó khăn và tại Việt Nam ngày có nhiều cuộc "xuống đường" ở nông thôn. Thử thách cho tướng Phiêu là làm sao "cải tổ" trong cơn bão kinh tế Á châu, "duy trì ổn định" mà không làm cho VN tụt hậu? Làm sao khuyến khích đầu tư ngoại quốc? Làm sao "tiếp tục hứa suông" mà vẫn nhận được đầu tư? Làm sao được quy chế tối huệ quốc (MFN) mà vẫn có thể đối xử ưu tiên cho DNNN? Trong bối cảnh khủng hoảng và khó khăn kinh tế tại ĐNÁ, VN đang bước vào một khúc quanh mới khó ước lượng được. Tướng Phiêu đang đứng trước nhiều thử thách cho năm 1998.

2.1 Quản lý vĩ mô, tiếp tục hấp dẫn đầu tư vào VN

Năm 1998 là năm các nước Âu châu sửa soạn tiến tới một đồng tiền duy nhất, đồng EURO. Mặc dù xuất khẩu cho Âu châu mới là 14% tổng số ngoại thương, các nước Âu châu nhập 40% hàng may VN và các mặt hàng da-giày, những mặt hàng VN có triển vọng gia tăng. Trong khi đó thì khủng hoảng kinh tế tại Á châu sẽ ảnh hưởng đến các mặt hàng xuất khẩu VN.

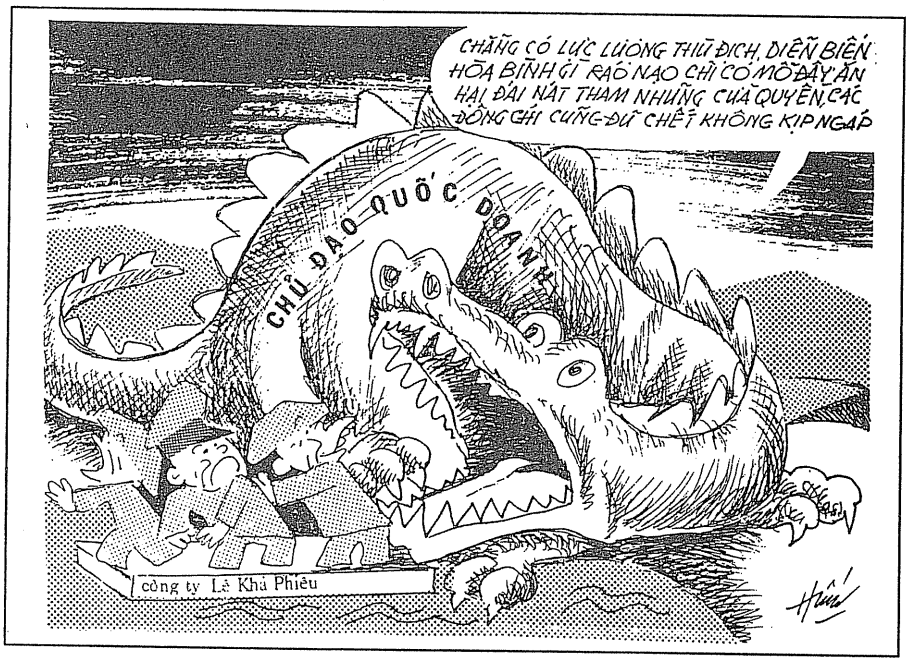

Trước tình trạng đó, VN sẽ phải chú ý:

- Chính sách hối đoái và tiền tệ/lãi suất của VN chưa tốt. Việc giữ tỷ lệ hối đoái ở mức 11,000 - 12,000 đồng/1 US$ trong những năm qua là không thiết thực và VN đã phải điều chỉnh hối suất trong năm 1997. VN đã bỏ lỡ cơ hội, chưa nhanh chóng và mạnh dạn điều chỉnh hối suất và lãi xuất để hỗ trợ kinh tế sau khi TQ phá giá đồng Nhân dân tệ. Tỷ lệ 12,290/1 US$ còn phải xích gần tỷ lệ 14,000/1 US$ (năm 1991) và phải giữ mềm dẻo, tùy theo các tiền khác trong vùng ĐNÁ, vì tỷ lệ hối đoái phải giúp VN cạnh tranh kinh tế. Vậy trong năm 1998, sẽ còn nhiều đợt "điều chỉnh" tỷ lệ hối đoái.

- Khuyến khích đầu tư và nâng hấp thụ viện trợ: Kể từ hai năm nay đầu tư FDI đã giảm. Nhiều nhà đầu tư đã bỏ cuộc (6) vì các hạn chế hối đoái, giấy tờ rườm rà không trong suốt, không bảo đảm về luật pháp. Các nước đầu tư chính tại VN là Nam Hàn, Nhật, Thái, đều gặp khó khăn kinh tế và sẽ giảm đầu tư. Luật lệ VN còn ở tình trạng phôi thai (nhiều khi có luật nhưng chưa có luật áp dụng) và viết một cách không rõ ràng và khi có tranh cãi, các nhà đầu tư không biết phải gõ cửa ở đâu. Các nhà đầu tư vẫn kêu về nạn "quan liêu," bất bình về Hội đồng quản trị phải "nhất trí" chứ không tùy thuộc vào số vốn, cư sử bất bình đẳng giữa khu vực công và tư, v.v.

Tại hội nghị tư vấn tại Tokyo, Bộ trưởng Kế Hoạch T.X. Giá đã hứa thay đổi môi trường đầu tư và khuyến khích các nhà đầu tư tiếp tục vào VN. Việc "hấp thụ" còn thấp. Cựu TT Lý Quang Diệu đã nói khi đến thăm VN vào cuối năm qua: "Các nhà đầu tư đến VN không phải để xây dựng VN mà họ mang vốn và chịu rủi ro để mong kiếm lời. Nếu họ không tìm được thì sẽ đi chỗ khác." Họ Lý cũng nhắc khéo các lãnh đạo VN là phải quên các "thuyết giáo điều cũ kỹ" (coi nhà đầu tư là bóc lột). Năm nay các giấy phép đầu tư FDI đã giảm còn US$ 4.5 tỷ. Làm sao khuyến khích họ tiếp tục đầu tư vào VN? Việc ký kết quy chế tối huệ quốc (MFN) sẽ đòi hỏi VN bảo đảm đầu tư ngoại quốc và sự cư xử bình đẳng giữa các công ty. Nếu có MFN, các nhà đầu tư quốc tế sẽ yên tâm hơn.

- Cải cách Doanh Nghiệp Nhà nước: Chính sách DNNN chưa dứt khoát và đang gây nhiều khó khăn cho VN. Chính phủ nói "cổ phần hóa" nhưng các thủ tục thực thi chưa rõ ràng (xem các bài báo về việc cổ phần hóa công ty khách sạn Phú Gia, trong đó người thực thi cổ phần cũng là giám đốc khách sạn). Vì luật chưa rõ ràng cho nên các lãnh đạo công ty cố tình gây lợi cho gia đình họ. Cũng như TQ, các

món nợ của DNNN khó thu hồi và sẽ gây khó khăn cho hệ thống ngân hàng. Trong bài của F. Hu (7), tác giả khuyến cáo TQ không nên theo mô hình các Tổng công ty (TCT) kiểu Chaebol Nam Hàn (cũng là bài học cho VN). Theo ông thì: 1) Chính sách công nghiệp của chính phủ thường mang nhiều tai hại [vì các doanh nghiệp sẽ quen được chính phủ hỗ trợ nên khi bị khó khăn chính phủ lại phải giúp, như tình trạng công ty Hanbo (con Tổng thống Nam Hàn có chân trong đó) và công ty xe hơi phá sản KIA]; 2) các chính sách công nghiệp không có hiệu quả cao [các nghiên cứu về chính sách công nghiệp Nam Hàn cho thấy đây là một phân phối tài nguyên không tối ưu và trong năm đã mang lại nhiều hậu quả không tốt cho nước này]; 3) Các Tổng công ty (Chaebol) không phải lúc nào cũng làm ăn có hiệu quả, bằng chứng là 49 TCT lớn nhất Nam Hàn chỉ có lời US$ 69 triệu mặc dù tổng doanh thu của họ chiếm 97% của GDP Nam Hàn; 4) Chính phủ không nên lạm dụng hệ thống ngân hàng [vì chính sách khuyến chích các TCT cho nên họ nợ nhiều khi lên 500% số vốn của họ và tại TQ trên 70% số nợ hệ thống ngân hàng là do các DNNN làm ăn lỗ lã].

- Ngân sách, công cụ quản lý tài chính: Trước 1996, VN không có luật ngân sách. Nay ngân sách vẫn do Kế hoạch chi phối vì chưa áp dụng luật ngân sách đồng đều. [Mỗi năm Chính phủ chuẩn bị một kế hoạch đầu tư quốc gia và đặt ra các mục tiêu đầu tư. Kế hoạch hằng năm này được hướng dẫn từ kế hoạch 5 năm và chứa đựng các chi phí và ngân sách chi tiết của dự án cấp Trung ương và địa phương. Chịu trách nhiệm chính là bộ Kế Hoạch phối hợp với các bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Bộ KH thương lượng với bộ Tài chính về cam kết nguồn tài trợ]. Hiện nay *ngân sách nhà nước vẫn là một bí mật quốc gia* do đó không có cách nào kiểm tra, giám sát việc thực thi, giải ngân ngân sách. Cũng vì tình trạng đó mà các tỉnh phải lên Hà Nội, chờ đợi, chầu trực, "quà cáp, bao bì (tiền!), ve vãn" các quan chức tài chính để được giải ngân. Luật ngân sách 1996 vẫn chưa được thực thi một cách rộng rãi vì thiếu nhân sự. [Cũng vì vậy việc đóng góp của dân chúng không 'trong suốt' và đó là một lý do tạo sự phẫn nộ của nông dân Thái Bình].

Tóm lại, thử thách vĩ mô là giữ môi trường kinh tế ổn định, được bảo vệ trong khuôn khổ luật pháp để có thể phát triển trong trật tự.

Hệ thống ngân hàng

Khó khăn thứ nhất là VN không có luật cho phép Ngân hàng Nhà nước quản lý các ngân hàng thương mại. Quốc Hội tháng 11 vừa thông qua luật ngân hàng. Luật này sẽ có hiệu lực vào năm 1998, cho phép NHNN quản lý khu vực ngân hàng và tiền tệ. Các ngân hàng hiện nay thường dùng nợ ngắn hạn để tài trợ cho dự án trung và dài hạn, do đó gây nhiều khó khăn cho hệ thống ngân hàng. VN nay cũng mở nhiều Quỹ, tỷ dụ Quỹ phát triển nông thôn (giống như Quỹ phát triển kinh tế của miền Nam trước 1975) để giải quyết vấn đề đầu tư dài hạn. Nợ không đòi được của các DNNN nay lớn hơn vốn của nhiều ngân hàng.

Khó khăn thứ hai là lãi suất ngân hàng chưa đúng. Lãi suất trung bình là 1 - 1.25%/tháng nghĩa là 12 - 15%/năm trong khi lạm phát chỉ ở mức độ 5-6%/năm. Sai biệt (tiền lời) ở mức 5 - 10%, quá cao. Các thủ tục cho vay thiếu trong suốt (do đó nhiều si-căn-đan) và các ngân hàng còn trông cậy vào vốn của chính phủ, không chịu khuyến khích tiết kiệm của dân chúng.

Dựa trên kinh nghiệm hiện nay của Á châu, hệ thống ngân hàng VN cần được "lành mạnh hóa và trong suốt hóa" để có thể phát triển. Hàng năm các ngân hàng cần phải công bố sổ sách một cách công khai và được kiểm toán. Thủ tục cho vay cũng phải rõ ràng. Còn hiện nay các thủ tục cho vay của ngân hàng thiếu "trong suốt," còn lẫn lộn nhiều ảnh hưởng chính trị vào kinh tế.

Tình hình nông thôn

Nông nghiệp tăng trưởng đều nhưng nông dân chưa được hưởng những nguồn lợi vì chính sách độc quyền xuất khẩu dành cho DNNN, vì quan liêu. Mãi lực của nông dân xuống nên gây tình trạng giảm phát. Nhìn vào kế hoạch đầu tư 5 năm (8), ưu tiên chưa dành cho nông thôn.

Cuộc điều tra mức sống cho thấy 51% dân được coi là nghèo (theo tiêu chuẩn VN) và theo TT Khải (9) thì VN có trên 14 triệu người nghèo, cứ năm người thì có một người nghèo.

Sự khác biệt mức sống theo vùng là mối lo và là hậu quả của các cuộc biểu tình tại nông thôn trên toàn quốc.

Nhiều tỉnh có mức sống tương đương với US$ 90/đầu người/năm như các vùng miền Trung: Thanh hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên. Nhiều chỗ trung

bình chỉ có US$ 27/năm/người như tại Gia Lai/Kontum.

học sinh nhưng chỉ có 36% trẻ em trong lứa tuổi 11 - 14 vào trung học cấp I và 11% và

THU CHI/VÙNG/ĐẦU NGƯỜI
(Nghìn Đồng)

Vùng	Thu	Chi	Thiếu	% dân	% nghèo	% tăng trưởng 91-93
Miền núi (Bắc)	84	120	- 36	17	23	10.9
Châu thổ sông Hồng	188	114	74	32	15	15.0
Ven biển miền Trung	69	88	- 19	9	18	7.1
Ven biển miền T nam	108	114	- 6	10	10	1.7
Cao nguyên Trung phần	86	127	- 41	7	7	11.2
Miền Nam	487	234	253	22	7	17.5
Đồng bằng sông Cửu Long	109	97	12	4	20	7.1

World Bank 1996

Những gì xẩy ra tại Thái Bình và đang xẩy ra tại Đồng Nai là một mối lo. Các rối loạn ở nông thôn cho thấy là khi nông dân bị đè nén, bị thuế nặng, bị áp bức, bị mua nông phẩm rẻ v.v. thì họ bất mãn. Sự cách biệt mức sống, sự kém phát triển tại nông thôn đã là một trong những nguyên nhân sâu xa để gây bất mãn. Muốn làm bớt căng thẳng thì cần đầu tư nhiều vào nông thôn.

Trước hoàn cảnh kinh tế khủng hoảng tại Á châu, các lãnh đạo mới tại VN phải xét lại toàn diện công cuộc cải cách kinh tế và cơ cấu tại VN, kể cả chính sách phát triển. VN cần có những cố gắng mới.

Đào tạo nhân lực

Vấn đề giáo dục tại VN có thể tóm như sau:

1) Phẩm và lượng của giáo dục không có tiêu chuẩn quốc tế và hiệu năng kém;

2) Thiếu phối hợp giữa giáo dục - việc làm và guồng máy sản xuất;

3) Nghề giáo không được trọng dụng (thuyết mácxít không coi dịch vụ là sản xuất) và lương thấp (mặc dù lương giáo viên đã được
tăng năm 1995 và 1997);

4) Giáo dục không đáp ứng nhu cầu thị trường;

Nền giáo dục đào tạo của Việt Nam lỗi thời và không đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn thử thách này.

Trong năm 1997 tiểu học có 10.7 triệu học sinh nhưng chỉ có 30% học sinh hoàn tất quy trình 5 năm. Trung học có khoảng 5.7 triệu trung học cấp II. Tổng số sinh viên đại học theo hệ toàn thời gian là khoản 130,000. Tính tỷ lệ sinh viên thì VN có 20 sinh viên (toàn thời gian) cho 10,000 dân, một con số rất thấp so với các nước láng giềng: 270 tại Phi và 170 tại Thái Lan.

Ngân sách giáo dục chiếm US$ 650 triệu/năm (1.5-2% GDP), một tỷ lệ thấp và càng ngày càng thấp vì số học sinh tăng. Việc thực thi ngân sách giáo dục là một bất công. Ngân sách quốc gia chỉ tài trợ 48% cho tiểu học (phụ huynh học sinh phải tài trợ 52%), 32% cho Trung học cấp I, 28% cho TH cấp II, và 78% cho Đại Học. Chính sách giáo dục này gây ra việc tài trợ không đồng đều, thiên về thành thị và bất công với nông thôn, nơi 80% dân chúng (phần nhiều nghèo cực) sinh sống.

Hậu quả tất nhiên là công nhân VN được đánh giá thấp. Các công ty ngoại quốc đầu tư tại VN phải đào tạo công nhân, gia tăng chi phí cho họ. Theo công ty PERC (Political and Economic Risks Company) tại Hong Kong thì công nhân VN rẻ nhưng chất lượng và năng lực thấp. Khi so với các nước Á châu khác thì sức cạnh tranh của VN về lao động còn thấp. Các nước Nam Hàn, Singapore thành công là vì đã đầu tư rất nhiều vào nhân sự. Giáo dục đào tạo chuyên nghiệp VN gần như không còn, hoặc không theo kịp các kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc tế, và nhất là thiếu phối hợp giữa giáo dục, việc làm và guồng máy sản xuất.

Muốn giải quyết vấn đề trên, VN cần chú ý đến các khu vực ưu tiên là Tiểu và Trung Học, và hệ thống Đại Học cộng đồng chuyên nghề.

Khó giải thích được việc VN tài trợ cho Đại học (mấy chục ngàn sinh viên) nhiều hơn cho bậc Trung Tiểu học với hàng triệu học sinh! Có nhiều nguyên nhân trong nền giáo dục đang tụt hậu của Việt Nam: nghi kỵ hệ thống trường tư, độc quyền "nhồi sọ trẻ em," nhân sự trong giáo dục yếu kém, vv.

Giáo dục VN cần để ý đến:

1) Hệ thống đại học cộng đồng;

2) Hệ thống thi cử, bằng cấp;

3) Cho phép các trường tư tham gia vào hệ thống đào tạo.

Hoàn thiện guồng máy hành chính

Khi gia nhập các tổ chức quốc tế như ASEAN, APEC, vv. VN hứa sẽ hạ hàng rào quan thuế, khuyến khích và bảo vệ đầu tư khu vực tư. Công cuộc Đổi mới đã thúc đẩy việc gây dựng một hệ thống luật để quản lý đất nước. Trong bối cảnh kinh tế, chính trị thay đổi mau chóng tại Á châu, VN chưa có một guồng máy hành chính có thể theo dõi và thực thi các chính sách của chính phủ [tỷ dụ trong việc thương thuyết Việt-Mỹ về Quy Chế Tối Huệ quốc (MFN), VN thiếu nhân sự hiểu về chuyên môn và phải mướn nhiều cố vấn, làm trì trệ cuộc thương thuyết]. Việc này cho thấy nhu cầu cần thiết gây dựng một nền hành chính có chuyên môn.

Muốn thi hành những chính sách kinh tế, xã hội, vv. cần phải có nhân sự và guồng máy tinh vi, có đào tạo, có trí tuệ [tỷ dụ hiện nay cải cách hành chính tại một tỉnh là phải "tự lo cải cách và tự sắp xếp nhân sự." Tại các nước khác thì có bộ Công vụ lo về nhân sự và chỉ thị chung. Hiện nay Ban cán bộ chính phủ (bộ công vụ) không có khả năng thực thi cuộc cải cách hành chính vì chỉ có vài người được đào tạo về hành chính.] Cải cách hành chính đang bị bế tắc vì những khác biệt giữa chính phủ và đảng, vì đảng sợ mất quyền hạn.

VN chưa có một nền công vụ hiểu theo nghĩa quốc tế: lương trong công vụ còn thấp (US$ 30-60/tháng cho một giáo viên đến US$ 150 cho một bộ trưởng); chưa có quy chế công vụ [muốn cách chức Khoa trưởng trường Hành chính vì tham nhũng phải cần đến sự can thiệp của Bộ Chính Trị]; chưa có hệ thống đào tạo hành chính hợp thời [Viện hành chính Hà Nội chưa có thầy được đào tạo về hành chính, các bài giảng không hợp thời, còn nói nhiều về thuyết Mác xít hơn là thủ tục hành chính, thi cử, luật hành chính, vv.] Công chức còn đào tạo sơ sài (hai tháng), trên 40% đội ngũ chưa được đào tạo, cho nên đội ngũ công chức VN yếu kém và guồng máy tổ chức còn thô sơ.

*

Trong năm 1998 lãnh đạo VN sẽ đứng trước một khúc quanh, và năm nay hứa hẹn sẽ là năm sóng gió. Tướng Phiêu làm Tổng bí Thư với nhiều thử thách: làm sao thay đổi trong ngắn hạn để tránh khủng hoảng kinh tế/trì trệ bằng cách thuyết phục các nước viện trợ/đầu tư, và cho thấy là VN tiếp tục cải cách sâu hơn, rộng hơn và đang đi tới một xã hội pháp quyền. "Đừng nghe những gì họ nói mà nhìn những gì họ làm," câu nói năm xưa vẫn đúng cho năm 1998 này.●

Chú thích:

1. Báo FEER, tháng 12, 1997

2. Báo TK 21, "Ngân hàng lúng túng làm doanh nghiệp trì trệ," số 99, 1997.

3. A. Kokko, "Managing the transition to free trade," Stockholm University, May 1997.

4. Dương Ngọc, "Xuất khẩu tăng, Nhập khẩu giảm," Kinh tế Thời báo, 6/12/97, trang 11.

5. Vũ quốc Việt, "Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính," Kinh tế thời báo, 26/11/97, trang 10.

6. M.J. Scown, "Reviving Vietnam's reforms," Wall Street Journal, Dec. 3, 1997. 7. Fred Hu, "Should China grow Chaebol?," Asian Wall street Journal, Dec. 18, 1997

8. Bộ Kế hoạch và ĐT, "PIP 1996-2000," Hanoi, 6, 1996

9. Phỏng vấn TT Phan Văn Khải ngày 31/12/97, TTXVN (VNA)

* Sai lầm lớn của những người Mác xít và của cả thế kỷ thứ 19 là tưởng rằng cứ thẳng bước tới trước là người ta có thể leo lên tới tận trời.

— Simone Weil

* Những thành tựu to lớn của quá khứ đều là những cuộc phiêu lưu mạo hiểm của người xưa. Chỉ những người có óc phiêu lưu mới hiểu được sự lớn lao của quá khứ.

— Whitehead

LẠI CHUYỆN NƯỚC NON

NGUYỄN MINH CẦN

Tạp chí *Thế Kỷ 21* và *Thiện Chí* vừa qua đã đăng bài **Chuyện Nước Non**, sau đó tờ báo điện tử *Thông Điệp Xanh* đã đưa bài lên mạng *Internet*. Nhờ đó, tác giả vui mừng nhận được khá nhanh và nhiều hồi âm từ các nơi, kể cả từ trong nước. Vài bạn đọc đã đặt ra một số vấn đề cụ thể. Vì thế, chúng tôi xin trở lại đề tài **Chuyện Nước Non** để bàn thêm dăm ba điều.

1. Trước hết, cần có một cái nhìn thật khách quan về tình hình hiện nay. Đúng là năm nay, đã xuất hiện những trận gió chướng báo hiệu những thay đổi đột ngột về thời tiết chính trị trong nước: một số cuộc đấu tranh khá mạnh của dân chúng đã bột phát, nổi rõ nhất ở Thái Bình (bắt đầu từ Quỳnh Phụ, Thái Thụy rồi lan ra hầu hết các huyện trong tỉnh) và ở Đồng Nai (Xuân Lộc, Hố Nai). Có những cuộc được tổ chức khá tốt và kéo dài, như ở Thái Bình, từ tháng Năm, Sáu cho đến tháng Mười Một gần đây vẫn chưa hoàn toàn chấm dứt. Trong hai nơi Thái Bình và Đồng Nai, có khi đấu tranh rất căng, một số người đã không kìm giữ xúc động, nên đã để xảy ra xung đột (khi đấu tranh chính trị, nên tránh những hành động quá trớn). Đó là những nét mới đáng chú ý. Và một nét đặc biệt chưa từng thấy là hiện tượng chính quyền địa phương bị tan rã, dù chỉ trong thời gian ngắn, ở cả một vùng rộng thuộc tỉnh Thái Bình. Khẩu hiệu đấu tranh ở các nơi đều xoay quanh những vấn đề quyền lợi kinh tế của dân chúng: giữ hay đòi ruộng đất, chống chiếm đoạt, hoặc chống các khoản thuế phụ thu và lệ phí đủ loại, hoặc chống bóc lột, hà lạm, chống tham nhũng... Nhờ những khẩu hiệu rất hợp nguyện vọng thiết thân của người dân nên được dân chúng hưởng ứng đông đảo.

Những cuộc đấu tranh đó cho thấy rõ khả năng đi từ những vấn đề thiết thực trong đời sống của người dân mà nâng cao dần trình độ giác ngộ chính trị của dân chúng để tiến lên những hình thức đấu tranh cao hơn. Chúng cũng cho thấy khả năng "lấy gậy ông đập lưng ông," vì chính giai cấp cầm quyền cũng thường rêu rao là cần quan tâm đến quyền lợi người dân, cần chống tham nhũng, chống bóc lột, v.v... Tuy nhiên, cũng nên thấy rõ mặt yếu là những cuộc đấu tranh này, xét về toàn cục, còn lẻ tẻ, khá đơn độc, chưa kết hợp được với các tỉnh, các vùng khác; trong lúc một số nơi đấu tranh sục sôi thì nhiều địa phương vẫn còn im lìm mê ngủ, hoặc may lắm là đang ở trong thời kỳ âm ỉ. Hơn nữa, rất nhiều trường hợp cho thấy rằng khi vượt qua nỗi sợ để lao vào cuộc đấu tranh cho quyền lợi, người dân vẫn chưa vươn lên đến mức nhận thức chính trị về sự cần thiết phải thay đổi chế độ độc tài thành chế độ dân chủ thật sự, mà đó lại là mục đích cao nhất của phong trào dân chủ.

Thiết nghĩ, những nhược điểm đó khó có thể tránh được trong bước đầu, chắc chắn các chiến sĩ dân chủ trong nước nhận rõ những vấn đề này dễ hơn chúng ta ở ngoài và có cách khắc phục dần những mặt yếu.

Kinh nghiệm nhiều nước cho thấy: cuộc đấu tranh của dân chúng nông thôn rất quan trọng, có ảnh hưởng rất lớn đối với sự suy vong của mọi chế độ, nhưng nhân tố quyết định thì bao giờ cũng vẫn là phong trào ở các đô thị, nhất là thủ đô và các thành phố, khu công nghiệp chính trong nước, là những nơi nắm yết hầu

của giai cấp thống trị. Do đó, cần tập trung mọi khả năng xây dựng lực lượng dân chủ ở những nơi xung yếu nhất.

Một điều đáng chú ý là qua các cuộc đấu tranh trong mấy năm gần đây, chúng ta thấy ngày càng nổi bật một lực lượng thật năng động đã làm nòng cốt, hoặc đóng vai trò tổ chức và lãnh đạo đấu tranh: đó là những cán bộ về hưu, những sĩ quan và binh sĩ đã giải ngũ, nay trở về địa phương nghỉ hưu. Họ là những người có trình độ chính trị, có kiến thức và kinh nghiệm tổ chức thường cao hơn dân địa phương, trước đây họ đã cống hiến nhiều cho cách mạng, nhưng khi nghỉ hưu phần đông họ là những người bị thiệt thòi về quyền lợi, về "đãi ngộ," vì chính quyền không quan tâm đến họ, trong lúc đó họ thấy rõ đảng và chính quyền thoái hóa, biến chất, đang nằm trong tay bọn người hãnh tiến, hống hách, tham nhũng, càng ngày càng giàu có trên mồ hôi, nước mắt của dân lành, nên tinh thần bất bình và ý thức chống đối của họ nổi lên mạnh mẽ. Hơn nữa, lớp người này thường có "tư thế" vững vàng, "danh chính ngôn thuận" vì họ đã có cống hiến cho công cuộc giải phóng dân tộc, họ có thể nhân danh dân chúng, nhân danh công bằng xã hội để đương đầu với chính quyền hủ bại của bọn cường hào mới. Có thể nói là hiện nay, nhiều cán bộ, sĩ quan, binh sĩ nghỉ hưu, cũng như thương binh, kể cả đảng viên, đang là một đối lực quan trọng đối với chính quyền độc đoán, tham nhũng ở các cấp. Cố nhiên, trong số người về hưu, nhất là cán bộ được hưởng đặc quyền đặc lợi, hoặc bị mê muội về chính trị vẫn còn là chỗ dựa của chính quyền đảng trị chống nhân dân, nhưng đó không phải là số đông. Nhận xét trên cho thấy thêm những hướng đáng chú ý trong cuộc vận động dân chúng.

Nhìn lại tình hình Liên Xô trước đây trong bước đầu vận động dân chủ, chúng tôi cũng thấy rất rõ tầng lớp những người hưu trí, tức là những người suốt đời phục vụ cho chế độ cộng sản xô-viết, thế mà đến cuối đời hầu như *trắng tay* (theo đúng nghĩa đen của từ này, đặc biệt là sau cuộc đổi tiền có tính chất ăn cướp của chính phủ xô-viết Pavlov dưới thời Gorbachev), đã tích cực tham gia phong trào dân chủ, tích cực đấu tranh chống chế độ cực quyền cộng sản, đặc biệt là đấu tranh quyết liệt chống đặc quyền đặc lợi của giai cấp cầm quyền xô-viết, gọi là *nomenklatura.*

Cuộc đấu tranh sắp tới cho dân chủ tự do ở nước ta sẽ còn trải qua nhiều khó khăn, vì giai cấp cầm quyền hiện nay cảm thấy "chỗ đứng" của nó bị lung lay rồi, nên phải cố sống cố chết để củng cố "thế đứng" của nó và ra sức đàn áp những người đối lập trước khi phong trào dân chủ lan rộng. Cùng với sự đàn áp, giai cấp cầm quyền còn đặc biệt tìm cách hù dọa, lừa bịp dân chúng nhiều hơn nữa. Dù cuộc đấu tranh sẽ khó khăn gì đi nữa, nhưng nếu lòng dân đã quyết tâm muốn có dân chủ tự do thì không có gì có thể ngăn được. Cho nên mọi sự phải bắt đầu từ việc vận động dân chúng, đó là khâu trung tâm quyết định mọi thắng lợi.

2. Về mặt tinh thần thì dân chúng bây giờ bớt sợ nhà cầm quyền hơn trước. Đó là sự thật. Cứ xem bức thư của Hội đồng Giám mục Việt Nam gửi ngài tân Thủ tướng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 11 tháng Mười 1997 cũng đủ thấy rõ điều vừa nói: ba nhận xét về hành động sai trái của nhà cầm quyền đối với Giáo hội và bảy yêu sách đòi nhà cầm quyền thực thi tự do tín ngưỡng cho người dân, được viết với lời lẽ từ tốn, nhưng rất dứt khoát. Tuy nhiên, cái tinh thần bớt sợ đó không phải bao giờ cũng đứng nguyên chỗ, phải không ngừng củng cố và phát huy nó.

Hiện nay, đã bắt đầu có khá nhiều người mong muốn một sự thay đổi về chính trị và xã hội theo hướng dân chủ. Nhưng, phần đông vừa muốn, lại vừa sợ. Bên cạnh cái sợ bị đàn áp, bắt bớ, còn cái sợ khá phổ biến là sợ xáo trộn, sợ bất ổn định trong xã hội. Chính cái sợ này làm cho không ít người nghĩ rằng: thế thì tốt hơn hết là cứ để cho đảng cầm quyền thay đổi dần, chứ không nên làm gì để gây xáo trộn nguy hiểm. Hoặc: thay đổi thì cũng nên để các ông đảng cộng sản làm thôi, chứ đa nguyên đa đảng tóe loe ra, rồi *ngụy quân, ngụy quyền* ở các nước về chiếm quyền thì lại càng xấu hơn. Tóm lại, thay đổi nhưng vẫn giữ nguyên đảng cầm quyền độc đoán!

Về điều này, chúng ta thấy rõ giai cấp cầm quyền rất xảo quyệt trong việc khai thác, xuyên tạc và sử dụng tài liệu của nước Nga để hù dọa dân chúng Việt Nam, để đánh vào tâm lý của người dân sợ xáo trộn, sợ bất ổn định, sợ chiến tranh, v.v... Kẻ cầm quyền ở Việt Nam tận dụng mọi tài liệu mà họ ghi lại trên TV Nga về cuộc chiến ở Chechnia, về các vụ lộn xộn ở đôi nơi, về tình trạng không ổn định về chính trị do chính bọn cộng sản Nga gây ra để đưa lên màn hình, lên báo chí Việt Nam với

mục đích hù dọa dân chúng. Người dân và ngay cả cán bộ đảng ở Việt Nam đâu có biết rằng báo chí ở nước Nga hoàn toàn tự do, rất nhiều báo tư nhân, muốn viết gì thì viết miễn là không vi phạm luật pháp, còn trên TV của Nga có kênh của tư nhân, gọi là NTV (tiếng Nga, *Nezavisimoe Televidenie*, nghĩa là Vô tuyến truyền hình độc lập), ngoài ra còn có những chương trình độc lập cũng của tư nhân nữa, ở đó các nhà báo tha hồ trình bày những vấn đề theo cách cảm nhận của họ, những hình ảnh mà họ quay được theo quan điểm của họ, hoàn toàn không có kiểm duyệt và cấm đoán từ phía nhà nước.

Phải nói rằng đó chính là một thành quả lớn của chế độ dân chủ ở Nga, cố nhiên, không phải nhà cầm quyền Nga nào cũng thích thú điều này, nhưng dân Nga đã chấp nhận nền dân chủ đa nguyên thì ai cũng phải tuân theo *luật chơi* chung đã được ghi nhận trong Hiến pháp. Còn các nhà cầm quyền Việt Nam, một mặt, không dám cho dân nước mình có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội, tự do tín ngưỡng, mặt khác, lại lợi dụng triệt để thành quả tự do dân chủ của nước Nga, bằng cách cho trích những đoạn phim ảnh, tin tức cần thiết đối với họ, có khi tách ra khỏi *văn cảnh chung* đưa lên hù dọa dân chúng Việt Nam. Cái quỷ quyệt chính là ở đó! Dĩ nhiên, cách khai thác tài liệu kiểu này đem lại hiệu quả trông thấy: nhiều người quen của chúng tôi khi về nước, đã được bà con bạn bè đến hỏi rất tự nhiên là sống bên Nga trong cảnh chiến tranh khắp nơi mà không sợ hay sao? Khi được nghe trả lời: "chiến tranh ở đâu, chứ ở Moskva và các nơi khác ở Nga mà chúng tôi biết, thì chúng tôi không thấy gì cả," thì một vài người trong nước bảo: "thôi đi, đừng giấu nữa, trên ti vi chúng ta chiếu đầy đủ, rõ ràng lắm mà!" Chính vì thế tâm lý của nhiều người là chờ đợi đảng sẽ thay đổi, đảng sẽ *cho* dân chủ tự do...

Cũng cần nói thêm, ở nhiều nước Đông Âu, sau khi xóa bỏ chế độ *xã hội chủ nghĩa,* đã thiết lập chế độ dân chủ đích thực, tức là dân chủ đa nguyên, tình hình ở các nước đó nói chung là ổn định, như Ba Lan, Tiệp, Slovakia, Hungary, Bulgarie, v.v... thì kẻ cầm quyền ở Việt Nam lờ tịt. Cho nên hù dọa dân chúng là theo chế độ dân chủ đa nguyên thì sẽ gây ra tình trạng bất ổn định trong nước chẳng qua chỉ là luận điệu bịp bợm, cốt để duy trì mãi mãi nền thống trị độc tài của một nhúm người trong đảng cộng sản trên đầu trên cổ dân ta.

Riêng về tình hình nước Nga thì đúng là đã có sự không ổn định về chính trị. Nhưng cần thấy rõ do đâu mà có sự không ổn định đó và sự không ổn định đó biểu hiện ra như thế nào? Có nhiều nguyên nhân, trước tiên là do những sai lầm của những nhà cầm quyền dân chủ ngay sau thắng lợi *hạ bệ* đảng cộng sản, đã không đề bẹp đến cùng thế lực trước đây đã thống trị nhân dân, đã gây tội ác đối với nhân dân (điều này chúng tôi đã trình bày rõ trong bài trước), do đó tạo điều kiện cho phe đối lập cộng sản ngóc đầu dậy, vững mạnh lên và ra sức tạo nên sự bất ổn định trong xã hội để phá hoại mọi cải cách dân chủ. Sự bất ổn định đó thường biểu hiện chủ yếu bằng những cuộc biểu tình, đình công, v.v... Chỉ có một lần nó biểu hiện bằng sự xung đột võ trang trong mấy tuần lễ do các thế lực cộng sản quá khích trong Xô-viết tối cao Nga gây ra hồi tháng Mười 1993. Xin nhắc lại, nhân tố chính của sự không ổn định là hành động *phá đám* của các đảng cộng sản còn sót lại. Còn về chiến tranh thì phải nói là chỉ có cuộc chiến tranh ở Chechnia, một miền biên cương phía Nam của Nga, và nó đã chấm dứt vài năm rồi. Tình hình thực tế là như vậy. Cố nhiên, chẳng ai thích gì tình trạng không ổn định cả, trừ phe đối lập cộng sản, vì chính họ cứ cố gây ra tình trạng đó để *đục nước béo cò.* Thực ra thì người dân Nga không thích sự bất ổn định mà cũng không sợ nó lắm, như nhiều người Việt Nam tưởng.

Công bằng mà nói, các nhà phân tích khách quan đều công nhận là: dù chính quyền Yeltsin có những sai lầm nặng (mà điều đó thì thật khó tránh), nhưng chính quyền đó đã có thành tựu đáng khen là đã cố hết sức để tránh được nội chiến và đưa chế độ dân chủ đích thực dần dần vào quy củ với những định chế ngày càng rõ ràng về mặt pháp lý.

Chắc nhiều độc giả đã biết là: Hiến pháp dân chủ của Liên bang Nga, sau mấy năm xây dựng cực kỳ khó khăn vì sự phá hoại của phe đối lập cộng sản, đã được toàn dân phê chuẩn bằng cuộc trưng cầu dân ý và đã có hiệu lực đúng bốn năm rồi (có hiệu lực kể từ 23 tháng Mười Hai 1993); từ khi chế độ cộng sản xô-viết sụp đổ (1991) đến nay công dân Nga đã hai lần bầu Tổng thống, thị trưởng, tỉnh trưởng, hai lần bầu *Duma* (nghị viện) Quốc gia và *Duma* thành phố, tỉnh; và người dân Nga ngày nay được hoàn toàn tự do tư tưởng,

ngôn luận, báo chí, tín ngưỡng, đi lại, lập hội, biểu tình, đình công... Trong điều kiện vô cùng phức tạp của nước Nga, với sự *phá đám* dữ dội của phe đối lập, nhất là phe đối lập cộng sản, mà làm được như thế cũng đã là giỏi. Hy vọng rằng, với tình hình chuyển biến tương đối tốt về mặt kinh tế như năm nay, trong thời gian tới kinh tế Nga có thể bắt đầu phát triển từ từ và với tiềm năng lớn lao sẵn có, nền kinh tế Nga có khả năng sẽ tiến nhanh. Điều đó sẽ tạo thế ổn định vững chắc về chính trị và sẽ là

Cách đây không lâu lắm, chúng ta đã từng chứng kiến chế độ cực quyền phát xít ở Tây Ban Nha chuyển biến hòa bình thành nhà nước dân chủ tự do thật sự. Mọi người đều biết, sau khi tướng Franco chết hồi tháng Mười Một 1975, quốc vương Tây Ban Nha Juan Carlos lên ngôi. Chính nhờ sự sáng suốt và tinh thần dân chủ cao của nhà vua mà rất nhiều biện pháp dân chủ đã được thực hiện, chính quyền đã trả tự do ngay cho tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm, đã hợp thức hóa

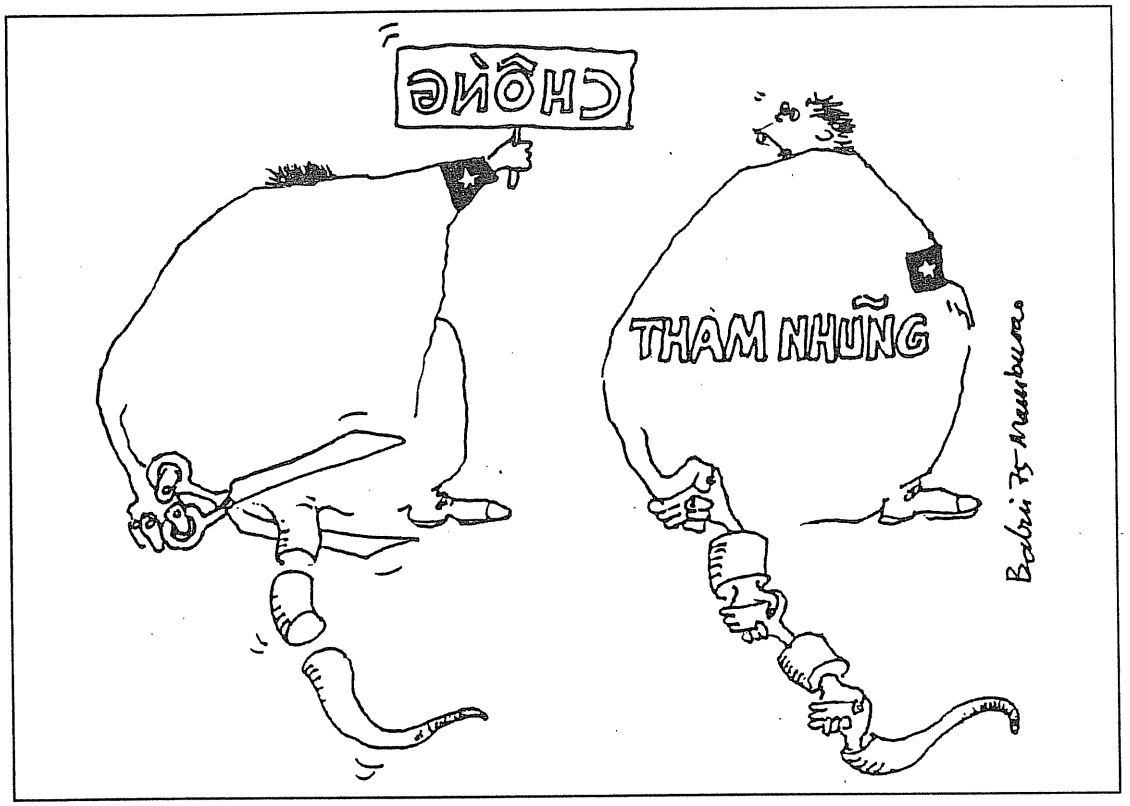

"luận cứ" mạnh mẽ nhất đập tan luận điệu tuyên truyền cho rằng không thể chấp nhận dân chủ đa nguyên, vì nó tạo ra sự bất ổn định trong xã hội.

Còn cái ý nghĩ cho rằng tốt hơn cả là để đảng cầm quyền tự cải đổi, đổi mới, chuyển biến chế độ độc tài chuyên chế thành chế độ dân chủ, thì riêng cá nhân người viết những dòng này cũng tán đồng và coi đó là cách thuận lợi nhất. Nhưng — chúng tôi xin nhấn mạnh — tán đồng có điều kiện. Nghĩa là phải có một chữ *nếu* rất quan trọng đi kèm: nếu đảng cầm quyền thật tâm mong muốn chuyển sang chế độ dân chủ thật sự. Điều này hiếm có, song trên thực tế cũng đã có *tiền lệ* trong lịch sử.

nhiều đảng chính trị trong nước, đã ban hành các quyền tự do dân chủ cho công dân, và đến tháng Mười Hai 1978, hiến pháp mới của Tây Ban Nha thực sự bảo đảm quyền tự do dân chủ cho mọi công dân, cũng như quyền tự quyết cho các vùng dân tộc và thực sự đặt nền tảng cho một xã hội công dân, một nhà nước dân chủ đích thực. Đó là một tấm gương sáng cho các đảng cầm quyền ở những nước còn chế độ cực quyền.

Nhưng, chúng tôi xin nhắc lại, điều kiện căn bản là đảng cầm quyền phải thực tâm mong muốn chế độ dân chủ. Chứ không phải miệng giai cấp cầm quyền nói dân chủ, mà chính nó lại không cho người dân được tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do

lập hội, tự do tín ngưỡng; miệng rêu rao nhà nước pháp quyền, mà chính những kẻ cầm quyền lại hành động phi pháp: hễ chiến sĩ dân chủ nào chỉ mới hé miệng nói vài lời đòi dân chủ hóa đất nước, chỉ mới viết vài bài văn khác ý họ, thì họ dùng công an bao vây, cắt đứt điện thoại, hoặc tống vào ngục tù, hoặc quản chế những người đó theo cái quyết định 31/CP cực kỳ phát xít. Một đảng cầm quyền như vậy thì làm sao dân chúng có thể đặt tin tưởng, hy vọng, chờ đợi ở họ những cải biến thực tâm được? Hy vọng, chờ đợi như thế thì chỉ là *há miệng chờ sung*! Không có áp lực của phong trào dân chúng thì tập đoàn thống trị độc tài ngoan cố và bảo thủ hiện nay ở nước ta sẽ không bao giờ chịu dân chủ hóa đất nước. Xin đừng đem trứng, tức là khát vọng dân chủ, mà gửi cho ác! Cố nhiên, nếu trong tập đoàn thống trị có những cá nhân thức thời, được lương tâm đánh thức mà thật lòng đứng về phía nhân dân để dân chủ hóa đất nước, thì chắc chắn họ sẽ được nhân dân hoan nghênh và ủng hộ.

Còn ý nghĩ cho rằng *đa nguyên đa đảng tóe loe ra, rồi ngụy quân, ngụy quyền ở các nước trở về chiếm quyền thì lại càng xấu hơn*, thì quả là một ý nghĩ quá ngây thơ do chính giai cấp cầm quyền mớm cho, rồi vài người vô tình lập lại. Về vấn đề này, cũng nên xác định thật rõ. Khách quan mà xét, không phải tất cả những người cộng sản đều tốt cả, hoặc đều xấu cả, cũng như không phải tất cả những ai đã tham gia chính quyền và quân đội của Việt Nam Cộng hòa đều xấu cả, hoặc đều tốt cả. Cần phải có sự phân biệt rõ ràng từng con người cụ thể, vì ở phe phái nào, ở tầng lớp nào, giai cấp nào thì cũng đều có người tốt kẻ xấu cả, vì vậy không nên *vơ đũa cả nắm*.

Trong chế độ dân chủ thực sự, ai đủ điều kiện như luật pháp đã quy định thì cứ ra ứng cử, còn quyết định là ở lá phiếu bầu mà công dân nắm trong tay mình, nếu người dân tín nhiệm ai thì họ sẽ bỏ phiếu cho người đó, và đó là ý chí tối thượng của người dân. Thế thì có gì mà sợ? Người viết những dòng này thấy rất rõ tình hình thực tế ở nước Nga sau khi thực hiện chế độ dân chủ đa nguyên, rất nhiều nơi dân chúng bầu những người dân chủ cấp tiến, nhiều nơi khác cử tri bầu những người xã hội-dân chủ hay dân chủ *trung phái*, nhưng cũng không ít nơi người ta bầu những người cộng sản, kể cả cộng sản quá khích, cũng có một số ít bỏ phiếu cho các đảng dân tộc cực đoan, và thực tế thì người viết những dòng này chưa hề thấy dân biểu *bạch vệ* (dù rằng ở Nga bây giờ người ta có cái nhìn khác hẳn đối với *phong trào bạch vệ*, không như những người cộng sản *bolshevik* trước đây đã buộc tội cho họ). Nhưng, giả dụ có dân biểu vốn là *bạch vệ* đi nữa thì có sao đâu? Nếu cử tri ở nơi nào đó đã bầu họ, thì đó là ý chí của nhân dân, tại sao lại có thể không tôn trọng ý chí đó? Cho nên, cái nỗi sợ *ngụy quân, ngụy quyền* trở lại cầm quyền là một nỗi sợ hão huyền do chính giai cấp cầm quyền *ngụy tạo* tung ra để hù dọa dân chúng.

3. Nhiều bạn đọc đặc biệt nhấn mạnh cái thủ đoạn rất độc ác của tập đoàn thống trị trong nước nhằm *chặt đầu* phong trào. Đúng, đó là *bài bản muôn thuở* của bọn độc tài đảng trị ở khắp các nước *xã hội chủ nghĩa*, ở Liên Xô trước đây, cũng như ở Trung Quốc, Việt Nam ngày nay. Như chúng ta đã biết, hiện nay, tập đoàn thống trị ở Việt Nam đang giam cầm nhiều chiến sĩ dân chủ, như giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, giáo sư Nguyễn Đình Huy, v.v..., giam cầm các nhà lãnh đạo bất khuất của các tôn giáo, như hai Hòa thượng Huyền Quang, Quảng Độ, v.v..., đang dùng cái quyết định 31/CP cực kỳ phát xít để quản chế các nhà cách mạng lão thành phản kháng chính sách phản dân chủ của đảng, như các ông Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, v.v... quản chế các trí thức-sĩ phu dũng cảm dám đưa ra những lời đề nghị dân chủ hóa đất nước, như các ông Bùi Minh Quốc, Hà Sỹ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, v.v..., đang dùng một mạng lưới công an để bao vây chặt chẽ những người đối lập, cắt đứt liên hệ của những người này với mọi nơi và tồi tệ hơn nữa, *đánh* về mặt kinh tế để triệt đường sinh sống của những người đối lập dân chủ, v.v... Giai cấp cầm quyền đang tìm cách đẩy một số người đối lập dân chủ ra khỏi nước để vô hiệu hóa những người này và để phần nào xoa dịu sự phản đối của thế giới trước những hành động vi phạm nhân quyền của kẻ cầm quyền, như tập đoàn thống trị cộng sản Trung Quốc vừa làm với Ngụy Kinh Sinh...

Để đối phó lại, các chiến sĩ dân chủ phải làm sao gây được phong trào phản đối mạnh mẽ và bền bỉ chống lại những hành động bắt bớ, giam cầm, quản chế các chiến sĩ dân chủ. Khi phong trào bên trong còn yếu, cuộc vận động nên tiến hành ở ngoài nước trước, rồi lan dần vào trong nước và trong ngoài cùng phối

hợp chặt chẽ với nhau. Phải cố gắng vận động chính giới của các nước, đồng thời đặc biệt chú ý các nhà văn hóa lớn, các chiến sĩ dân chủ nổi tiếng trên thế giới phản đối những hành động vi phạm nhân quyền của nhà cầm quyền ở Việt Nam. Nhân đây cũng xin nói thêm là vừa qua, cuộc vận động chống quyết định 31/CP cực kỳ phát xít của tập đoàn thống trị trong nước đã được tiến hành ở hải ngoại, nhưng không được mạnh mẽ và bền bỉ. Không nên *đánh trống bỏ dùi*, cần tiếp tục tích cực hơn để làm cho thế giới thấy rõ tính chất nghiêm trọng của tình hình: chỉ vài năm trước khi thế kỷ 21 bắt đầu, thế mà chính quyền ở một nước mang danh là *cộng hòa xã hội chủ nghĩa* đã dám công nhiên cho ra và áp dụng cái quyết định 31/CP cực kỳ phát xít này, thực tế đã mở rộng trại tập trung ra phạm vi cả nước.

So với thời kỳ đấu tranh cho nền dân chủ ở Liên Xô trước đây, thì việc vận động chính giới các nước bây giờ để chống lại các hành động vi phạm nhân quyền ở Trung Quốc, Việt Nam... có phần nào khó khăn, phức tạp hơn. Vì trước đây, khi sự đối đầu giữa Liên Xô và Hoa Kỳ cũng như nhiều nước khác đang ở cao điểm, nên mọi hành động vi phạm nhân quyền và dân quyền ở Liên Xô đều được các nước tận dụng triệt để để chống lại Liên Xô, đều được chính giới, báo chí, các cơ quan truyền thông các nước tức thời phản ứng mạnh mẽ, nhờ đó tạo ra tình thế thuận lợi cho cuộc vận động dân chủ. Còn bây giờ, do sự cạnh tranh trong việc kinh doanh của các tập đoàn kinh tế tài chính, nên chính giới các nước lớn có phần nào đặt nhẹ hơn vấn đề nhân quyền và dân quyền ở Trung Quốc, Việt Nam... Thậm chí có vị nguyên thủ một nước lớn còn ngụy biện nói rằng đừng làm ồn ào về nhân quyền, cứ để các nhà cầm quyền Việt Nam tự đổi mới về kinh tế thì rồi dần dần chính trị của Việt Nam cũng sẽ được đổi mới! Thật là *há miệng chờ sung*! Cho nên, những người dân chủ Việt Nam ở hải ngoại là công dân những nước có truyền thống dân chủ, càng nên lấy tư cách cử tri để kiên trì gây áp lực với các chính khách, dân biểu, thượng nghị sĩ, lãnh tụ các chính đảng của các nước đó, đồng thời tăng cường vận động báo chí, các cơ quan truyền thông của các nước thường xuyên quan tâm đến vấn đề nhân quyền ở Việt Nam. Các bạn Việt Nam ở Hoa Kỳ đã có nhiều kinh nghiệm hay trong việc vận động, thuyết phục những người trong chính giới Hoa Kỳ để họ nhận rõ thực trạng vấn đề nhân quyền và dân quyền của Việt Nam. Ở nhiều nước khác, như Pháp, Bỉ, Hòa Lan, Thụy Sĩ, v.v... cũng đã có những hoạt động tương tự.

Mặt khác, cũng nên thấy là so với cuộc đấu tranh cho dân chủ ở Liên Xô trước đây, thì cuộc đấu tranh của dân ta hiện nay có được thuận lợi lớn hơn. Vì thời đại ngày nay đã thay đổi, khó có cái lý gì có thể biện minh cho chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa Marx - Lenin, cho cái gọi là *chủ nghĩa xã hội* được nữa, những thứ đó đã sụp đổ ngay trên *cái nôi* sinh ra chúng và trên thực tế ở nhiều nước nhân dân đã vứt chúng vào sọt rác lịch sử rồi. Cho nên, một nước mang quốc hiệu là *cộng hòa xã hội chủ nghĩa* lại có nhiều hành động vi phạm nhân quyền thì khó lòng mà tranh thủ được thiện cảm của nhân dân thế giới. Hơn nữa, phương tiện truyền thông ngày nay trên thế giới vô cùng nhanh nhạy là những điều kiện mới thuận lợi cho việc thông tin, kết hợp đấu tranh giữa các vùng trong nước, cũng như giữa trong với ngoài nước.●

(Còn tiếp)

* Nếu bạn có thể nói rõ sự khác biệt giữa một lời khuyên tốt và một lời khuyên xấu, thì bạn chẳng cần khuyên bảo gì nữa.

* Khi tranh luận với một kẻ ngốc thì ta phải chắc rằng hắn không đang cùng làm một công việc như ta.

* Một cô dâu thường nhận được rất nhiều lời khuyên nhủ, nhiều đến độ cô có thể dùng cho năm ba ông chồng cũng chưa hết.

* Lời khuyên cho một cô gái chưa chồng: đừng bao giờ tìm chồng, mà nên tìm một người đàn ông độc thân.

* Lời khuyên là cái mà ai cũng ưa cho người khác, nhưng ít ai giữ lấy.

* Mỗi năm thời gian để bay qua đại dương mỗi rút ngắn lại, trong khi thời gian đi tới sở làm cứ kéo dài ra.

* Thời đại phản lực có thể được định nghĩa: ăn sáng Luân Đôn, ăn trưa New York, ăn tối San Francisco, và hành lý thì đã đi tận Buenos Aires.

Giới thiệu sách:

HỒ CHÍ MINH TẠI TRUNG QUỐC

THƯỢNG HUYỀN

Lời người dịch: Hồ Chí Minh (1890 - 1969), từ khi rời Việt Nam "tìm đường cứu nước" (năm 1912), cho đến ngày đoạt được chính quyền, làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (năm 1945), cả thảy là 33 năm. Trong thời gian đó, phải công bằng mà nói, ông đã tích cực học hỏi và tìm phương cứu nước thoát khỏi ách thống trị của thực dân Pháp. Chỉ hận một điều, thay vì tìm cho ra một con đường sáng, chân chính, để đem lại độc lập tự chủ cho nước nhà và xây dựng thanh bình, hạnh phúc cho quốc dân, thì ông lại đã mù quáng đuổi theo con đường vô minh bất chánh và cực kì độc ác, nhằm phục vụ cho một tổ chức bạo tàn quốc tế mà đày đọa, giết chóc, cướp đoạt tài sản, tước bỏ quyền làm người, hủy diệt nền văn hóa, luân lí, đạo đức của chính dân tộc mình. Để theo đuổi con đường đó, ông đã phải tuân hành mệnh lệnh của cộng sản quốc tế (tức Liên Xô), bôn ba đây đó trong mấy chục năm để vận động, khi thì Tây âu, khi thì Đông Âu, Trung Quốc. Có thể nói, ông đã dùng Trung Quốc làm địa bàn chính để hoạt động cho chính sách và tham vọng của cộng sản quốc tế là đem phần đất Đông Dương về cho Liên Xô.

Cuốn sách này, **Hồ Chí Minh Tại Trung Quốc**, nhằm nêu rõ mọi hoạt động của ông Hồ Chí Minh trong lãnh thổ Trung Quốc trong suốt thời gian 20 năm (từ cuối năm 1924 đến trước cách mạng tháng 8.1945). Mục đích của cuốn sách nhằm nghiên cứu trong phạm vi các thời kì ông Hồ Chí Minh hoạt động tại Trung Quốc, những quan hệ tiếp xúc, những tình huống tương quan, sách lược và phương thức hoạt động cùng những ảnh hưởng của nó, nhằm trả lời các vấn đề như: - *Vì sao ông Hồ cần thiết phải đến Trung Quốc để hoạt động? - Đối với chính sách về Đông phương của Mạc Tư Khoa vào thời đó, có quan hệ như thế nào? - Mối quan hệ giữa ông Hồ và sự ra đời của đảng Cộng Sản Việt Nam cùng sách lược hoạt động của nó sau đó; cũng như mối quan hệ giữa ông và các đảng cộng sản Nga, Pháp, Trung Quốc, rốt cuộc là như thế nào? - Phong trào Việt Minh hưng khởi có phải là do sự viện trợ của Trung Quốc không? - Ông đã lợi dụng cơ hội và phương thức nào để phát triển thế lực Việt Minh?* v.v... Và một vấn đề vô cùng trọng yếu: *"Thật sự, khi dùng chủ nghĩa dân tộc để hô hào, ông Hồ đã lấy sự tranh thủ một nền độc lập chân chính cho dân tộc Việt Nam làm tiền đề, hay là đã lấy việc mưu cầu cho sự sinh tồn và phát triển cái ý đồ riêng của bản thân ông làm tiền đề?"*

Tác giả của cuốn sách, ông **Tưởng Vĩnh Kính**, là một học giả uyên bác về sử học của Trung tâm Nghiên cứu Sử của Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan). Sách được viết xong năm 1971 (in và phát hành tại Đài Bắc năm 1972), và được coi là phần khởi đầu cho một công trình nghiên cứu dài hạn về lịch sử cách mạng và lịch sử hiện đại Trung Quốc của Trung tâm

Nghiên cứu Sử nói trên.

Để thực hiện tác phẩm của mình, ông Tưởng Vĩnh Kính đã dày công tham khảo hàng trăm tư liệu đủ loại (viết bằng ba thứ tiếng Hoa, Anh và Pháp), gồm sách, báo tháng, báo tuần, báo ngày, các bài tham luận, các văn kiện chính thức cũng như các công hàm, công văn của các chính phủ, các tổ chức, các đảng phái, các đoàn thể liên hệ - kể cả các biên bản đại hội, các bản thảo nguyên thỉ chưa in. Ông đã tham khảo các tư liệu này, phần thì ngay tại thư viện Trung ương Trung Quốc Quốc Dân Đảng, Đài Bắc, phần thì tại viện Nghiên Cứu Đông Á của trường đại học Columbia ở New York City. Công trình nghiên cứu của ông đã từng được cơ quan *The Asia Foundation* đỡ đầu.

Tất cả những điều vừa được trình bày trên, chứng tỏ, *Hồ Chí Minh Tại Trung Quốc* là một tác phẩm đứng đắn, có giá trị lịch sử, rất đáng cho chúng ta tin tưởng. Sau đây là một số đoạn trích từ sách *Hồ Chí Minh* tại Trung Quốc, do Thượng Huyền dịch từ nguyên tác Hoa ngữ của Tưởng Vĩnh Kính.

*

TẠI QUẢNG CHÂU, HỒ CHÍ MINH ĐÃ NGỤY TRANG CHỦ NGHĨA DÂN TỘC NHƯ THẾ NÀO?

Hồ Chí Minh rời Mạc Tư Khoa đi Quảng Châu (a) (miền Nam Trung Quốc) vào khoảng cuối năm 1924 (b) (1). Tháng Tư năm 1927, ông lại rời Quảng Châu để đi Vũ Hán (c), và đến tháng Bảy năm ấy thì trở về lại Liên Sô (2). Đây là lần đầu tiên ông đến Trung Quốc và đã lưu lại đó trong thời gian hai năm rưỡi. Nhiệm vụ chủ yếu của ông lúc bấy giờ - dưới sách lược về Đông phương của Liên Sô - là vận dụng cuộc cách mạng của Trung Quốc đang có ảnh hưởng mạnh đối với Việt Nam, dùng chiêu bài *chủ nghĩa dân tộc* để lập nên một tổ chức gọi là Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội (gọi tắt là Đồng Chí Hội), tiến hành các hoạt động tổ chức và tuyên truyền hướng vào Việt Nam. Đồng chí Hội chính là tổ chức tiền thân của đảng Cộng Sản Việt Nam.

Quảng Châu, trong khoảng thời gian từ năm 1924 đến đầu năm 1927, là trung tâm cách mạng do Trung Quốc Quốc Dân Đảng lãnh đạo. Đảng này, đối nội thì đánh đổ các thế lực quân phiệt đang cát cứ các nơi, nhằm thống nhất Trung Quốc; đối ngoại thì phản kháng sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, nhằm mưu cầu nền độc lập tự chủ cho Trung Quốc; đồng thời, nó cũng thực hiện chính sách *"giao hảo với Nga sô và dung hợp với cộng sản"* (thân Nga dung Cộng). Quảng Châu vào thời đó, không những là trung tâm của cách mạng Trung Quốc, mà đồng thời cũng trở thành "thánh địa" của các phong trào chống đế quốc tại châu Á. Trường võ bị Hoàng Phố (chuyên dạy chính trị và quân sự), dưới sự chỉ huy của ông hiệu trưởng Tưởng Trung Chánh, đã thu hút đông đảo các thanh niên trí thức ở các nước vùng Đông Nam Á, đến để thụ huấn cả về chính trị lẫn quân sự, mà thanh niên Việt Nam là chiếm đại đa số (3). Theo bản thống kê tháng 10 năm 1925 thì số thanh niên từ các nước Đông Nam Á như Việt Nam, Miến Điện, Triều Tiên, Đài Loan đã đến thụ huấn tại trường võ bị Hoàng Phố, tổng cộng hơn 4.400 người (4). Những thanh niên này về sau trở thành các thành phần chủ lực trong các cuộc vận động độc lập tại các quốc gia Đông Nam Á.

Cuộc vận động cách mạng ở Trung Quốc càng phát triển mạnh mẽ, càng ảnh hưởng sâu đậm đến Việt Nam; điều đó đã được Hồ Chí Minh thừa nhận (5). Trong một bài bình luận, ông Louis Roubaud, một ký giả Pháp, đã nói: *"Ấn Độ và Trung Quốc là hai lò lửa lớn đang cháy hừng hực, Việt Nam nằm giữa hai lò lửa đó thì không thể nào giữ mãi ở tình trạng đóng băng được."* Việt Nam và Ấn Độ đã cùng gặp nhau ở một điểm là cùng đề cao *chủ nghĩa dân tộc"*; còn giữa Việt Nam và Trung Quốc thì sự đi lại đã có từ lâu đời, và Quảng Châu đã trở thành nơi "thánh địa" của cuộc vận động *chủ nghĩa dân tộc* cho Việt Nam. Những thanh niên trí thức Việt Nam đến từ ba kì Bắc, Trung, Nam, đa số đều theo học trường võ bị Hoàng Phố. Trong hoàn cảnh cuộc cách mạng Trung Quốc của niên đại 1920, những thanh niên này không những học tập về chiến thuật hiện đại, mà đồng thời còn học về những môn khoa học và kĩ thuật do Tây phương đem vào; ngoài ra, họ cũng học tập chủ nghĩa tam dân cùng lí luận cách mạng của Tôn Trung Sơn (6).

Cách mạng Trung Quốc đã trực tiếp ảnh hưởng đến cuộc vận động cho *chủ nghĩa dân tộc* Việt Nam được nhìn thấy qua hai sự kiện: một là việc nhà chí sĩ cách mạng Việt Nam Phạm Hồng Thái đã ám sát viên Toàn quyền Đông Dương là Martial Merlin tại Sa-diện (d), Quảng Châu, nhưng sự không thành, họ Phạm

phải nhảy xuống sông Chu tự tử; hai là việc cụ Phan Bội Châu, lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng, bị cảnh sát Pháp bắt tại Thượng Hải và giải về Việt Nam. Hai sự kiện này đã khích động mạnh mẽ vào làn sóng vận động *chủ nghĩa dân tộc Việt Nam,d và Hồ Chí Minh đã tức khắc lợi dụng làn sóng này để phát triển những hoạt động và tổ chức của ông đối với Việt Nam.*

Phạm Hồng Thái sinh năm 1893 tại Bắc-kì (đ) Việtnam (7), là đảng viên của Việt Nam Quốc Dân Đảng (8). Đảng này do cụ Phan Bội Châu lãnh đạo, có quan hệ mật thiết với Trung Quốc Quốc Dân Đảng. Chính cương và tổ chức của nó, cơ hồ như được mô phỏng hoàn toàn với Trung Quốc Quốc Dân Đảng. Nó chủ trương đánh đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp, tranh thủ nền độc lập dân tộc, cùng truyền bá tư tưởng của Tôn Trung Sơn về chủ nghĩa tam dân cho người Việt Nam. Công tác thực tế của đảng đã đặc biệt chú trọng đến các hoạt động tuyên truyền trong quân đội Pháp Việt, tổ chức cho các binh sĩ Việt Nam đứng lên khởi nghĩa, và ám sát các quan lại người Pháp (9). Vì vậy, trên thực tế, hoạt động của đảng có hai xu hướng: một phái chủ trương vận động quân đội Việt Nam khắp ba kì đánh đuổi người Pháp; một phái chủ trương tiến hành các cuộc ám sát. Phạm Hồng Thái thuộc về phái sau. Hồ Yểm (10) (người Phiên Ngu, Quảng Đông), đã viết trong *"An Nam Phạm Liệt Sĩ Mộ Kí"* của ông như sau:

"Ông húy là Hồng Thái ... Lớn lên, trông thấy pháp luật quá hà khắc, các quan lại người Pháp thì cao ngạo và hung ác, ông rất phẫn nộ. Gặp lúc các nhân sĩ có chí khí, họp nhau thành lập chính đảng (tức là Việt Nam Quốc Dân Đảng) để vận động cách mạng, mời ông gia nhập đảng, ông gia nhập ngay. Lúc bấy giờ, những người trong đảng chia làm hai phái, một thì chủ trương vận động quân đội khắp ba kì chống lại chính quyền và đánh đuổi người Pháp; một thì chủ trương ám sát các quan tướng hung bạo tàn ác để trừ hại cho dân. Ông nghĩ rằng, vận động quân đội là việc trọng yếu, nhưng nếu không có những hành động tráng liệt thì không đủ để làm cho kẻ địch chồn dạ và kích động đồng bào. Cho nên ông đã nhập vào phái ám sát để mong gặp dịp là thực hành." (11)

Nhóm chủ trương ám sát - trong đó có Phạm Hồng Thái - của đảng cách mạng Việt Nam nói trên, vào năm 1923 đã thành lập tại Trung Quốc một tổ chức bí mật có tên là "Tâm Tâm Xã"). Nếu xét về danh xưng cũng như phương thức hoạt động của tổ chức này, có thể nói, nó đã chịu ảnh hưởng của một bộ phận cách mạng Trung Quốc tên là "Tâm Xã." (13) Sự việc Phạm Hồng Thái ám sát Toàn quyền Đông dương M. Merlin đã xảy ra vào ngày 19.6.1924. Nguyên vì hôm ấy, trên đường từ Nhật Bản trở lại Việt Nam, M. Merlin đã ghé lại Quảng Châu để dự một buổi dạ tiệc tại tô giới của người Pháp. Nhân cơ hội này, Phạm Hồng Thái đã ném bom vào bữa tiệc, gây nên một cuộc đổ máu lớn. Việc đó, Hồ Yểm đã kể lại trong *"An Nam Phạm Liệt Sĩ Mộ Kí"*của ông như sau:

"M. Merlin sắp rời Nhật Bản để đến Thượng Hải và Quảng Đông. Ông (tức Phạm Hồng Thái) biết được điều đó, liền chuẩn bị bom và súng đạn, lén đi Đông Kinh rồi Thượng Hải, nhưng vì mạng lưới mật thám quá chặt chẽ, không có một lỗ hổng nào để thực hiện được kế hoạch. Ông bèn quyết định đi Quảng Đông để thực hiện hành động cuối cùng. Ông dò biết người Pháp sẽ đãi tiệc M. Merlin tại khách sạn Victoria, bèn dặn dò một bạn đồng chí rằng: "Việc này thành hay bại thì chưa biết chắc chắn được, nhưng tôi quyết sẽ không để mình lọt vào tay người Pháp. Tôi chỉ xin đồng chí giúp cho một điều là hãy đem tông chỉ của đảng tôi công bố ra ngoài để người Pháp khỏi hiểu lầm mà giết chóc bừa bãi. Được thế thì may mắn lắm!" Vào ngày 19 tháng 6, lúc 8 giờ tối, ông tìm cách lẻn vào được khách sạn Victoria. Chờ cho mọi người đã vào hết trong phòng tiệc, ông vừa bắn vừa ném bom. Phút chốc, máu thịt bầy nhầy lênh láng giữa đám thực khách nam nữ. Ông cười rằng: "Đại sự đã hoàn tất, ta chết được rồi!" Bèn nhảy xuống sông tự tử." (14)

Cuộc bạo động vang lừng trong ngoài này, thực tế chỉ giết chết năm người Pháp, còn M. Merlin thì may mắn thoát nạn. (15) Phạm Hồng Thái đã tự tử ở sông Chu. Lúc đầu mọi người đều không biết ai đã gây ra cuộc đổ máu, sau đó, nhờ Từ Hưng Á, một bạn đồng chí của Phạm, người Triều Tiên, tiết lộ bức thư do Phạm để lại, sự việc mới được rõ ràng (16). Tuy cái án ấy đương thời ai cũng biết là do đảng cách mạng Việt Nam gây ra, nhưng lãnh sự đoàn tại Sa-diện đã đổ trách nhiệm cho chính phủ cách mạng Trung Quốc, bằng cách gửi công hàm cho Tỉnh trưởng Quảng Đông là Liệu Trọng Khải, yêu cầu nhà đương cục Quảng Châu phải trấn áp những kẻ âm mưu, nếu không, các lãnh sự sẽ thi hành

quyền tài phán của họ đối với những nơi có cuộc chống đối các chính phủ ngoại quốc. Trong khi chưa đạt được những phúc đáp vừa ý, các tô giới ở Sa-diện đã quyết định, kể từ ngày 01 tháng 8, sau 9 giờ tối, người Trung Quốc muốn vào Sa-diện, phải mang theo giấy thông hành có dán ảnh. Sự việc này đã đưa đến cuộc bãi công của toàn thể công nhân Trung Quốc tại Sa-diện, để phản kháng hành động nhục mạ của các lãnh sự đối với Trung Quốc. Cuộc bãi công đã kéo dài đến 36 ngày. Cuối cùng, các lãnh sự quán Anh và Pháp phải hủy bỏ quyết định trên thì chuyện mới êm. (17)

Phạm Hồng Thái ám sát M. Merlin tuy không thành công, nhưng đã tác động vô cùng mạnh mẽ vào tinh thần chống Pháp của người Việt. Trong hồi kí của Nguyễn Lương Bằng, một đảng viên cộng sản kì cựu, có nói:

"Tiếng bom của chí sĩ Phạm Hồng Thái ném ở Sa-diện đã gây chấn động rộng rãi trong các giới dư luận, thực dân Pháp phải kinh hoàng hoảng sợ, nhân dân các nước trên thế giới bắt đầu chú ý đến cách mạng Việt Nam. Nhân dân Trung Quốc đối với chúng ta đã có thêm một bước hiểu biết, do đó lại càng gia tăng ủng hộ cuộc đấu tranh chánh nghĩa của chúng ta. Sự kiện Sa-diện đã cổ vũ lớn lao cho tinh thần đấu tranh cách mạng của những người Việt Nam yêu nước. Sự việc vì nước bỏ mình một cách anh hùng của liệt sĩ Phạm Hồng Thái đã khích lệ tôi vô cùng sâu xa. (18)

Sau khi Phạm Hồng Thái tự trầm ở sông Chu, *"những người Quảng Đông vì nghĩa, thu nhặt thi hài ông đem táng ở Nhị vọng cương (e) (Quảng Châu), là ngôi mộ đầu tiên, đầu xoay về hướng Tây Nam,"* (19) có ý nghĩa là hướng về tổ quốc Việt Nam. Từ đó, các thanh niên nam nữ khắp nơi ở Việt Nam, đã ùn ùn kéo sang Quảng Châu để chiêm ngưỡng mộ Phạm Hồng Thái.(20) Trường võ bị Hoàng Phố cũng đáp ứng yêu cầu của người Việt, từ năm 1925 trở đi, thu nhận một cách rộng rãi các lưu học sinh Việt Nam. (21)

Hành động của Phạm Hồng Thái và tổ chức Tâm Tâm Xã của ông, vốn không có chút quan hệ gì với Hồ Chí Minh cả. Chính vào lúc sự kiện Sa-diện xảy ra, ông Hồ đang ở tại Mạc Tư Khoa và soạn cuốn *Bản Án Của Chế Độ Thực Dân Pháp*. Lúc đó ông chỉ nghe nói *"có một người Việt Nam đã ném bon tại Quảng Châu,"* và có thể ông đã nhận ngay ra rằng, đó phải là một "sự kiện nghiêm trọng" đối với bọn thực

dân (22). Nhân đó, ngay sau khi đến Quảng Châu, ông tức khắc thiết lập liên hệ với Tâm Tâm Xã, lấy ngay kinh nghiệm ám sát M. Merlin bất thành này để mở rộng cuộc vận động chống Pháp. Cứ theo lời ghi thuật của Trường Chinh, một người có chức phận trong đảng Cộng Sản Việt Nam sau này, thì Hồ Chí Minh đương thời đã đưa ra một kết luận rằng: *"Muốn cho cách mạng thành công, điều tất yếu là phải lập nên một chính đảng lớn mạnh để tiện tổ chức và lãnh đạo quần chúng quốc nội tiến hành đấu tranh, tiến tới phát động khởi nghĩa để đoạt lấy chính quyền."* Sau đó, Hồ Chí Minh đã cùng thảo luận với các nhân vật trong Tâm Tâm Xã, và đến tháng 6 năm 1925, ông bèn **đem Tâm Tâm Xã đổi tên thành Việt Nam**

Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội. (23) Đó cũng chính là lúc Phan Bội Châu bị cảnh sát Pháp bắt.

Phan Bội Châu tự là Thị Hán, ngoại hiệu là Sào Nam Tử, tinh thông Hán học. Cụ sinh năm 1867 tại Nghệ An (Trung Kì, Việt Nam), cùng quê với Hồ Chí Minh. Cụ là người có tinh thần dân tộc cao độ. Năm 1900 cụ đỗ thủ khoa kì thi Hương. Cụ liền lợi dụng uy tín này để vận động cho nền độc lập dân tộc. Năm 1903 cụ viết tập *Huyết Thư*, bí mật phổ biến trong nước, kêu gọi thành lập những tổ chức vũ trang để chống Pháp. Năm sau, cụ gặp được nhà chí sĩ ái quốc Tăng Bạt Hổ, khiến cho kiến thức về chính trị của cụ như mở ra một cảnh giới mới.

Cụ Tăng là người Bắc Kì. Khi Pháp xâm chiếm Việt Nam, cụ kết hợp với viên thủ lãnh quân Cờ Đen (Trung Quốc) là Lưu Vĩnh Phúc để tổ chức đội ngũ người Việt kháng cự với quân Pháp. Sau đó cụ chu du ở các nước châu Á. Đến Nhật Bản nhiều lần. Năm 1904 cụ trở về Bắc kì, biết được Phan Bội Châu đang nỗ lực vận động cho nền độc lập dân tộc, liền cùng nhau thảo luận, và đã đi đến quyết định là tổ chức một cơ cấu phục vụ bí mật để giúp đỡ cho các thanh niên trí thức Việt Nam sang Nhật du học, đó là phong trào Đông Du. Trong ba năm đã có khoảng 200 thanh niên sang học ở Nhật.

Mùa xuân năm 1905, Phan Bội Châu đi (cùng với Tăng Bạt Hổ) sang Nhật, và đã hoàn thành tác phẩm thứ hai là *Việt Nam Vong Quốc Sử*. Tại Nhật Bản cụ đã từng hội kiến với nhà lãnh tụ cách mạng Trung Quốc là Tôn Trung Sơn. Cụ đã có được những ấn tượng sâu sắc về những phần tử trí thức cách mạng do Tôn tiên sinh lãnh đạo, nhưng về sự liên kết cách mạng giữa hai người thì hình như chưa có một thỏa hiệp nào. Cụ cũng đã tiếp xúc rộng rãi với các nhân sĩ Nhật Bản, từ trong triều cho đến ngoài nội. Những cuộc tiếp xúc này đã đem đến cho cụ niềm tin xác tín rằng, chính Nhật Bản mới có thể đuổi được người da trắng ra khỏi châu Á; và cuộc vận động dân tộc của Việt Nam chắc chắn là có thể trông cậy vào sự chi viện của nước này. Đến mua thu năm ấy, cụ rời Nhật Bản trở về Việt Nam, một mặt phát khởi phong trào Đông Du, một mặt mời vị hậu duệ của nhà Nguyễn là vương tử Cường Để làm lãnh tụ tinh thần cho phong trào.

Tháng 4 năm 1906, Phan Bội Châu lại cùng với Cường Để và một nhà chí sĩ ái quốc khác là Phan Chu Trinh đồng sang Nhật Bản. Trong thời gian ba vị lưu trú tại Đông Kinh để tổ chức các đoàn thể chính trị, thì một hôm họ bỗng cảm thấy thất vọng, vì thấy rõ rằng người Nhật hoàn toàn không ủng hộ Việt Nam một cách chân thật. Sau khi thấy được giả tâm của người Nhật, cụ Phan Chu Trinh nghĩ rằng, không thể theo đuổi cái chính sách *"dẫn cọp này đuổi cọp khác"* như thế được nữa, cho nên đã trở về Việt Nam để bắt đầu cuộc vận động cho phong trào Duy Tân. Cụ Phan Bội Châu thì vẫn lưu lại Nhật Bản, để rồi lại bị thêm một lần thất vọng nữa: Năm 1907, Nhật kí kết với Pháp một hiệp định tại Ba-lê, trong đó, Nhật đáp ứng lời yêu cầu của Pháp, cấm chỉ mọi hoạt động cách mạng của du học sinh Việt Nam tại Nhật, và trục xuất họ ra khỏi nước. Do đó, các học sinh Việt Nam phải cấp tốc rời khỏi Nhật Bản và chia nhau nhóm thì sang Trung Quốc, nhóm thì sang Xiêm La. Phan Bội Châu cũng đi Xiêm La; còn Cường Để thì đi Hương Cảng. Sau khi cách mạng Trung Quốc thành công năm 1911, cụ Phan Bội Châu và Cường Để cùng đến Quảng Châu để hưng khởi lại cuộc vận động cách mạng. Năm 1912, cụ thành lập Việt Nam Quang Phục Hội. Lấy theo phương châm của cách mạng Trung Quốc, cụ tuyên bố, mục đích tối hậu của cụ là xây dựng thể chế "dân chủ cộng hòa" cho Việt Nam. Năm 1913, Viên Thế Khải dùng vũ lực đánh phá thế lực dân chủ của Tôn Trung Sơn, vây cánh của Viên là Long Tế Quang chiếm cứ Quảng Châu. Lúc đó, viên Toàn quyền Đông dương là Albert Sarraut liền thương lượng với Long Tế Quang bắt giam Phan Bội Châu và các đồng chí của cụ. Vì ham của hối lộ, Long đã cấu kết với người Pháp và hứa sẽ dẫn độ Phan Bội Châu giao cho người Pháp. Nhưng chiến cuộc lại xảy ra giữa cách mạng Trung Quốc và Viên Thế Khải, kết quả, Viên thất bại, Tôn Trung Sơn trở lại Quảng Châu, và năm 1917, tiên sinh đã cho trả tự do cho cụ Phan và các đồng chí. (24)

Cụ Phan Bội Châu lãnh đạo cuộc vận động dân tộc Việt Nam, có liên quan mật thiết với hoàn cảnh cách mạng của Tôn Trung Sơn. Đầu năm 1924, Tôn Trung Sơn cải tổ Trung Quốc Quốc Dân Đảng để chấn chỉnh lại trận doanh cách mạng, thì cụ Phan cũng cải tổ Quang Phục Hội thành Việt Nam Quốc Dân Đảng, đặt tổng chi bộ tại Quảng Châu, cùng sánh vai với cuộc cách mạng của quốc dân

Trung Quốc (25). Cán bộ nòng cốt của tổ chức tại Trung Quốc lúc bấy giờ có Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Thượng Thuật, Đặng Sư Mặc v.v... tỏ rõ cái khí thế sôi động một thời (26).

Hồ Chí Minh, thuở nhỏ ở quê hương Nghệ An, vì thân phụ ông là Nguyễn Sinh Sắc có quen biết qua lại với cụ Phan Bội Châu, nên ông rất được cụ Phan thương mến. Cụ Phan đã từng khuyến khích ông tham gia phong trào Đông Du, nhưng ông từ chối (g). Lần này ông đến Quảng Châu và xuất hiện dưới chiêu bài *chủ nghĩa dân tộc,* nên đã thường tiếp xúc với cụ Phan. Hai bên thường đàm luận về sự tiến triển của tình thế Việt Nam, cũng như bàn thảo về những kế hoạch mới cho Việt Nam Quốc Dân Đảng (27). Nhưng việc bất hạnh đã đột ngột xảy ra: tháng 6 năm 1925, cụ Phan bị cảnh sát Pháp bắt ở Thượng Hải ngay tại tô giới Pháp. Theo lời ghi thuật của nhà học giả Việt Nam là Hoàng Văn Chí thì cụ Phan bị bắt là vì ông Hồ đã bán cụ cho Pháp để lấy một số tiền là một trăm ngàn đồng (tiền Việt Nam). Tin tức này, trước tiên là do các đồ đệ của cụ Phan thu lượm được, sau đó thì lan truyền trong khắp các lực lượng cách mạng Việt Nam tại Trung Quốc. Sự việc này, về sau đã được tay chân của Hồ giải thích rằng, cụ Phan đã già rồi, không còn thích hợp với cách mạng nữa; mặt khác, việc cụ Phan bị bắt chắc chắn sẽ khích động mạnh mẽ tinh thần yêu nước của người Việt; mặt khác nữa, số tiền nhận được của Pháp, có thể dùng để nuôi dưỡng các lực lượng mới. Sau này tìm hiểu thêm thì được biết rằng, ông Lâm Đức Thủ (tên thật là Nguyễn Công Viện) (h), người đại diện cho cụ Phan tại Hương Cảng, đã hợp tác với ông Hồ trong việc bán cụ Phan cho Pháp. Sự việc xong, hai người chia đôi số tiền một trăm ngàn đồng đó. Ông Hồ đã dùng phần tiền của ông để tổ chức Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội; còn Lâm thì dùng tiền đó để tiêu phí trong các hộp đêm tại Hương Cảng. Và từ đó Hồ, Lâm hai người tiếp tục hợp tác trong nhiều năm nữa để bán các đồng chí của cụ Phan. Nguyên vì lúc bấy giờ, các thanh niên Việt Nam trốn sang Quảng Châu để xin vào học trường võ bị Hoàng Phố rất đông. Những ai chịu theo Hồ gia nhập Đồng Chí Hội, thì sau khi học xong sẽ được bảo đảm bí mật trở về nước an toàn; còn những ai vẫn trung thành với tổ chức của cụ Phan, khi về đến biên giới Hoa - Việt, tức thì bị mật thám Pháp bắt ngay. Những người này sở dĩ bị bắt, vì trước đó Hồ đã báo cho Lâm ở Hương Cảng biết, Lâm đem ảnh của họ nộp cho lãnh sự Pháp ở Hương Cảng. Sau khi họ bị bắt, Hồ và Lâm lại được chia nhau tiền thưởng. Trong tình hình đó, tổng chi bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng tại Quảng Châu dần dần mất liên lạc với quốc nội. Kết quả là, các thanh niên Việt Nam tốt nghiệp trường võ bị Hoàng Phố mà không gia nhập tổ chức của Hồ, đều không dám về nước, và chỉ còn có cách là gia nhập vào đoàn quân cách mạng Dân Quốc của Trung Quốc, khiến cho Việt Nam Quốc Dân Đảng ở quốc nội phải dần dần tan rã, và đảng Cộng Sản thì cứ mạnh lên dần (28).

Sau khi bị bắt, cụ Phan đã bị nhà đương cuộc Pháp - Việt kết án tử hình, làm cho người Việt Nam vô cùng công phẫn. Toàn quốc rầm rộ tổ chức các đoàn biểu tình, đòi lập tức trả tự do cho cụ Phan. Người Pháp, cuối cùng phải bỏ án tử hình (29). Nhưng cụ vẫn phải bị quản chế ở tại Huế, cho đến ngày 20.12.1940 thì cụ qua đời (i), (30).

Sự kiện cụ Phan bị bắt đã làm cho làn sóng kháng Pháp của người Việt Nam vùng dậy mãnh liệt, nhưng đồng thời cũng khiến cuộc vận động cho *chủ nghĩa dân tộc Việt Nam* mất đi cái trung tâm lãnh đạo; lại đúng vào cơ hội để Hồ "thừa nước đục thả câu," như hồi kí của nhân vật cộng sản Nguyễn Lương Bằng:

"Khi tôi rời Việt Nam đến Quảng Châu thì cụ Phan Bội Châu đã bị bắt rồi. Tôi nghĩ, những người có bản lĩnh như cụ, rồi sẽ bị kẻ địch bắt dần cho đến hết. Nếu thế thì cuối cùng sẽ còn ai đâu để đảm đương quốc gia đại sự! Sau đó không lâu, tôi gặp được một người bạn Hoa kiều từng quen biết ở Việt Nam, ông Cẩm Thuận (nhân viên Trung Cộng)... Do ông bạn này giới thiệu, tôi được làm quen với đồng chí Lão Ích (tức đồng chí Hồ Tùng Mậu) trong tổ chức Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội... Sau đó, đồng chí Lão Ích lại giới thiệu tôi với đồng chí Lão Vương. Mãi về sau này tôi mới biết được rằng Lão Vương chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc." (31)

Từ đoạn hồi kí trên của Nguyễn Lương Bằng, chúng ta có thể hiểu được cái tâm lí bàng hoàng của người Việt đương thời sau khi cụ Phan Bội Châu bị bắt, cũng như sự việc ông Hồ ngụy trang và thừa kẽ hở để xâm nhập vào cuộc diện cách mạng lúc bấy giờ. Thuở ấy tại Quảng Châu ông Hồ đã không dùng tên họ

của ông lúc ở Ba Lê và Mạc Tư Khoa - là Nguyễn Ái Quốc. Đối với Trung Quốc, ông xưng là Lí Thụy; đối với người Việt, ông xưng ông là Vương Sơn Nhi, hay Lão Vương. Thật ra, *"Vương Sơn Nhi"* tức là chiết tự của chữ *"Thụy"* (32). Theo các văn kiện của Trung Quốc đương thời, ông lại còn có tên là Vương Đạt Nhân (33). Nhưng đối với Mạc Tư Khoa, ông vẫn tên là Nguyễn Ái Quốc (34). Chức vụ công khai của ông ở Quảng Châu lúc đó là thông dịch viên của viên cố vấn Nga, ông Michael Borodin, bên cạnh Trung Hoa Quốc Dân Đảng; nhưng vai trò thực sự của ông là nhân viên của Mạc Tư Khoa phụ trách về Viễn Đông, sang Trung Quốc để hoạt động với danh nghĩa *chủ nghĩa dân tộc Việt Nam* (35). Đó là thời kì Trung Quốc Quốc Dân Đảng đang chủ trương *"giao hảo với Nga-sô và dung hợp với cộng sản"*, cho nên các đảng viên Trung Cộng hoạt động tại Quảng Châu, vừa là bí mật mà cũng vừa là công khai. Và ông Hồ xuất lộ thân phận mình ở Quảng Châu cũng cùng tính cách như vậy; theo đó, việc vận động cho *chủ nghĩa dân tộc*, chẳng qua chỉ là hoạt động ở mặt công khai của ông mà thôi.●

(Còn tiếp)

Chú Thích:

(1) Hồ Chí Minh, Tôi và Trung Cộng: "Từ 1924 đến 1927 tôi (Hồ tự xưng) đến Quảng Châu". (Bán nguyệt san Triển Vọng, số 183, trích dịch từ báo Nhân Dân, Bắc Việt, số ra ngày 1-7-1961, nguyên tựa đề là "Cách Mạng Trung Quốc và Cách Mạng Việt Nam". Hương Cảng, 16-9-1969). Fall, trang 93, nói rằng Hồ Chí Minh đi Quảng Châu tháng 12 nám 1924.

(2) Hoàng Văn Chí, trang 46; Ellen J. Hammer, trang 80.

(03) Hoàng Văn Chí, trang 42-43.

(04) Bản thống kê sĩ số học sinh kỳ thứ tư trong bản thảo lịch sử trường võ bị Hoàng Phố.

(05) "Báo Cáo Chính Trị" của Hồ Chí Minh, đọc trong đại hội đại biểu toàn quốc kỳ 2 của đảng Lao Động Việt Nam, tháng 2 năm 1951. Xem Tuyển tập Hồ Chí Minh, quyển 2, trang 133.

(06) Ellen J. Hammer, trang 77.

(07) Trường Chinh, trang 60 (chú thích số 14).

(08) Nguyễn Văn Cang, Việt Nam Độc Lập Vận Động Nhất Lãm, trang 18.

(09) Trần Hoài Nam, Cuộc Đấu Tranh Giải Phóng Của Nhân Dân Việt Nam, trang 7. Bắc Kinh: Thế Giới Tri Thức Xã xuất bản, 1954.

(10) Hồ Yểm: tức Hồ Nghị Sinh, đảng viên Trung Quốc Cách Mạng Đảng, từng kề cận với Tôn Trung Sơn nhiều năm.

(11) Phiên-ngu Hồ Yểm soạn, An Nam Phạm Liệt Sĩ Mộ Kí, ngày 1-1 năm Dân Quốc thứ 14 (1925) (bản rập lưu trữ tại Đảng Sử Hội). "Ba Kỳ" tức Bắc, Trung và Nam Kỳ của Việt Nam. Bắc Kỳ tức Đông Kinh; Trung Kỳ tức An Nam; Nam Kỳ tức Giao-chỉ-chi-na.

(12) Trường Chinh, trang 7 (chú thích số 1).

(13) Tổ chức Tâm Xã của cách mạng Trung Quốc là do Lưu Tư Phục sáng lập. Lưu là người huyện Hương Sơn (nay là Trụng Sơn), tỉnh Quảng Đông, sớm gia nhập Trung Quốc Đồng Minh Hội, đảm nhiệm việc ám sát các quan lại nhà Thanh tại Quảng Châu; có khuynh hướng về một chủ nghĩa "vô chính phủ". Trung Hoa Dân Quốc năm đầu, ông cùng với các đồng chí Mạc Kỉ Bành, Lâm Trực Miễn v.v..., tổ chức Tâm Xã tại Quảng Châu (Xem Phùng Tự o, Cách Mạng Dật Sử, tập 2, chương "Lưu Tư Phục, Người Sáng Lập Tâm Xã".) Lại cứ theo lời thuật của Lí Hí Bân trong Một Đoàn Ám Sát Trong Đồng Minh Hội, sau khi đoàn này được thành lập, cụ Phan Bội Châu, người của cách mạng Việt Nam, đến Quảng Châu, yêu cầu đoàn này viện trợ. Tạ Anh Bá v.v... của cách mạng Trung Quốc đã đáp ứng yêu cầu trên và đồng ý để cụ được hoạt động tại Quảng Châu.

(14) Hồ Yểm, An Nam Phạm Liệt Sĩ Mộ Kí

(15) Ellen J. Hammer, trang 77.

(16) Sở Nữ, "Tình Trạng Gần Đây của Cuộc Vận Động Giải Phóng Các Dân Tộc Nhược Tiểu Trên Thế Giới" (Tuần báo Trung Quốc Quốc Dân Đảng, số 39, 21 tháng 9 năm Dân quốc thứ 13 - 1924, Quảng Châu). - Sở Nữ, họ Tiêu, một phần tử Trung Cộng.

(17) C. Martin Wilbur, Forging the Weapons: Sun Yat-sen and the Kuomingtang in Canton, 1924, trang 42-43, (Columbia University, New York, 1966).

(18) Hồ Thư, trang 48-49

(19) Hồ Yểm, An Nam Phạm Liệt Sĩ Mộ Kí.

(20) Ellen J. Hammer, trang 77.

(21) Ủy Ban Chấp Hành Trung Ương Việt Nam Quốc Dân Đảng, báo cáo của Bộ Chấp Hành Hải Ngoại, 20-1-1945 (Trùng Khánh, nguyên kiện).

(22) Tuyển Tập Hồ Chí Minh, quyển 1, trang 210.

(23) Trường Chinh, trang 7.

(24) Joseph Buttinger, Vietnam: A Political History, trang 155-158 (Frederick A. Praeger, 1968).

(25) Ủy Ban Chấp Hành Trung Ương Việt Nam Quốc Dân Đảng, báo cáo của Bộ Chấp Hành Hải Ngoại, 20-1-1945.

(26) Bộ Hải Ngoại Trung Ương Trung Quốc Quốc Dân Đảng soạn, Sơ Lược Lịch Sử Đảng Phái Cách Mạng Việt Nam (bản thảo chưa in, ngày 6 tháng 5 năm Dân Quốc thứ 32, Trùng Khánh).

(27) Charles B. McLane, trang 109 - Dẫn hồi ký của Phan Bội Châu.

(28) Hoàng Văn Chí, trang 18-19, cho rằng, cụ Phan Bội Châuy tuy biết Hồ là người cộng sản

nhưng vẫn không coi ông ta là một địch thủ chính trị của mình. Cụ được ông Hồ mời đi Thượng Hải để diễn thuyết - mà cụ không biết đó là tô giới của Pháp. Khi đến Thượng Hải, cụ bị cảnh sát Pháp bắt ngay. Theo J. Buttinger, Vietnam, trang 159, cụ Phan bị bắt là do sự sắp đặt của ông Hồ và một người khác nữa. Tháng 6 năm 1925, một buổi sáng nọ tại Thượng Hải, cụ Phan nhận được giấy mời đi Quảng Châu tham dự lễ thành lập Chi Bộ Việt Nam của Hội Liên Hiệp Các Dân Tộc Nhược Tiểu Trên Thế Giới. Khi cụ sắp lên tàu ở Thượng Hải để đi Quảng Châu thì bị một nhóm người tập kích và lôi vào tô giới Pháp, rồi bị đưa sang Hải Phòng và giải về Hà Nội. Ông Hồ đứng ở giữa, nhận được 150.000 đồng Việt Nam. Nhưng có vài tư liệu hoài nghi thuyết này.

(29) Trường Chinh, trang 7; Nghiêm Kế Tổ, Lược Sử Đảng Phái Cách Mạng Việt Nam (bản thảo chưa in, 16-8-1942, Trùng Khánh).

(30) Hoàng Văn Chí, trang 21.

(31) Hồ Thư, trang 49.

(32) Hoàng Văn Chí, trang 42.

(33) Biên bản đại hội đại biểu toàn quốc Trung Quốc Quốc Dân Đảng kỳ 2, ngày 14-1, năm Dân Quốc thứ 15, Quảng Châu (ấn bản chì). Nhưng bản thảo của biên bản trên đã ghi là "Vương Đạo Nhân".

(34) Ví dụ như các bài của ông Hồ để phát biểu trước Thông Tấn Quốc Tế vào năm 1925: "Một số vấn đề về Á Châu"; "Phương cách thống trị của người Anh"; cũng như bài phát biểu với báo Hiệu Giác vào năm 1926 về "Lênin và Đông Phương" v.v... đều ký tên là Nguyễn Ái Quốc. Xem Tuyển Tập Hồ Chí Minh, quyển I.

(35) Charles B. McLane, trang 109.

Ghi chú của người dịch:

(a) Quảng Châu là tỉnh lị của tỉnh Quảng Đông, chứ không phải là tỉnh Quảng Châu như một số sách đã ghi.

(b) Học giả Hoàng Văn Chí, trong sách Từ Thực Dân Đến Cộng Sản (bản Việt ngữ do Mạc Định dịch, Chân Trời Mới xb), nói Hồ Chí Minh sang Quảng Châu nám 1925.

(c) Vũ Hán: tức hai thành phố Vũ-Xương và Hán Khẩu thuộc tỉnh Hồ Bắc, từng là cứ địa của cuộc cách mạng Tân Hợi (1911).

(d) Sa-diện (chứ không phải **Sa-điện** như một số sách sử Việt Nam đã ghi), là vùng ngoại ô của thành phố Quảng Châu, nằm ngay trên bờ sông Chu.

(đ) Theo Trịnh Vân Thanh, trong Thành ngữ Điển tích Danh Nhân Từ Điển, quyển I, mục "Hoàng Hoa Cương", thì Phạm Hồng Thái sinh năm 1895 tại làng Ngọc điền, thuộc vùng Nghệ Tĩnh, Trung Việt. - Nhưng ở quyển II, mục "Phạm Hồng Thái" thì ông lại nói là nhà chí sĩ này sinh năm 1896.

(e) Chúng tôi chưa tra cứu được địa danh "Nhị vọng cương". Ông Trịnh Vân Thanh, trong bộ từ điển đã dẫn trên, quyển II, mục "Phạm Hồng Thái" ghi rằng: "Thi hài của nhà cách mạng Phạm Hồng Thái được an táng tại chân đồi Bạch Vân. Năm 1925, tỉnh trưởngn tỉnh Quảng Châu là Hồ Hán Dân mến phục sự hy sinh cao quý của nhà liệt sĩ Việt Nam, liền cho cải táng hài cốt của Phạm Hồng Thái vào khu Hoàng Hoa Cương..." Vậy, có thể Nhị vọng cương chính là đồi Bạch Vân, nơi ngôi mộ đầu tiên (nguyên tác Hoa ngữ tác giả viết là "nguyên mộ") đã được nghĩa sĩ Quảng Đông chôn cất thi hài của nhà chí sĩ, trước khi được Hồ Hán Dân cho đem vào cải táng ở Hoàng Hoa Cương.

(g) Trong quyển Nhận Diện Hồ Chí Minh (nhà xb Mekong-Tỵ nạn, California, 1988), hai tác giả Huy Phong và Yến Anh cho rằng, Hồ Chí Minh rất thù hận cụ Phan Bội Châu vì phong trào Đông Du và Quang Phục Hội đã bác đơn xin xuất dương của ông.

(h) Trong các tài liệu tiếng Việt đều nói tên nhân vật này là **Lâm Đức Thụ** (tức Nguyễn Công **Viễn**).

(i) Ông Trịnh Vân Thanh (từ điển đã dẫn trên) và ông Lê Văn Đức (trong Việt Nam Tự Điển, quyển hạ, Khai Trí xb) đều nói rằng cụ Phan Bội Châu mất ngày 29-10-1940. Sách Từ Thực Dân Đến Cộng Sản (đã dẫn trên) thì lại nói cụ mất ngày 20-10-1940.

CHIA BUỒN

Được tin thân mẫu của
Giáo Sư Nguyễn Khắc Hoạch

Cụ Bà NGUYỄN KHẮC NIÊM

Khuê danh MAI THỊ YÊN
Pháp danh DIỆU AN

đã từ trần ngày 9 tháng 1 năm 1998
(nhằm ngày 11 tháng Chạp năm Đinh Sửu)
tại Hà Nội - Việt Nam
Hưởng thọ 100 tuổi

Xin chân thành chia buồn cùng
Giáo Sư Nguyễn Khắc Hoạch
và tang quyến.
Nguyện cầu hương hồn Cụ Bà
sớm tiêu diêu nơi miền Cực Lạc.

Tạp chí THẾ KỶ 21

BI KỊCH CỦA MỘT TÂM HỒN VĨ ĐẠI

INNA MALKHANOVA

Đời sống là cái gì? Ý nghĩa cuộc đời con người như thế nào? Sống để làm gì? Những câu hỏi đó — từ thế hệ này qua thế hệ khác — vẫn thường làm bận tâm bận trí nhiều người. Lắm lúc do không hiểu vì sao phải sống, không hiểu ý nghĩa cuộc đời, nên không ít người lâm vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng về tinh thần, có khi dẫn đến những kết cục hết sức bi thảm.

Lev (Léon) Tolstoi, nhà đại văn hào Nga, người đã cống hiến cho nhân loại nhiều tác phẩm văn chương bất hủ làm rung động biết bao tâm hồn người đọc, cũng đã từng bị một cuộc khủng hoảng lớn về tâm linh giống như vậy khi ông chưa đến 50 tuổi. Và điều kỳ lạ nhất là cuộc khủng hoảng nguy kịch đó diễn ra giữa lúc vinh quang của ông, với tư cách một nhà văn, lên đến tột đỉnh, giữa lúc cuộc sống gia đình ông tràn trề hạnh phúc trong tình yêu vợ con, giữa lúc sức khỏe ông dồi dào và kinh tế điền trang của ông đang tiến triển tốt đẹp.

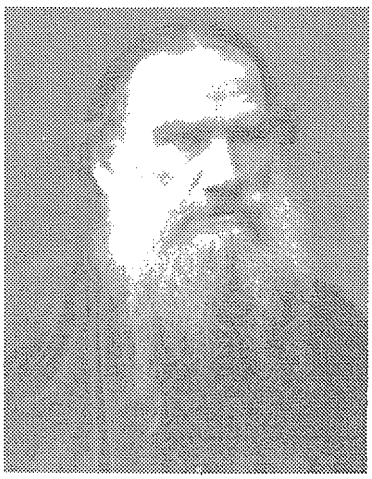

Tolstoi

Chính để tìm hiểu điều này, chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc một đoạn trong tác phẩm **Bộc Bạch Tâm Tư**, *nói lên tâm trạng của ông trong cuộc khủng hoảng đó, những dày vò tâm trí của ông để cố giải thích ý nghĩa cuộc đời và để tìm được sức sống. Chúng tôi hy vọng là qua tác phẩm đó của nhà văn, chúng ta có thể rút ra được những bài học quý báu nào đó về tâm linh. Nhưng trước hết, để có thể hiểu được Tolstoi, chúng tôi xin được phép kể sơ qua về cuộc đời của nhà văn.*

Bá tước Lev Tolstoi sinh ngày 28 tháng Tám (ngày 9 tháng Chín, lịch cũ) năm 1828 tại điền trang Yasnaya Polyana gần thành phố Tula trong một gia đình quý tộc. Ông bị mồ côi mẹ (nữ công tước Maria Volkonskaya) lúc hai tuổi và mồ côi bố (bá tước Nikolai Tolstoi) khi lên chín. Cậu bé Tolstoi được bà cô dạy dỗ.

Năm 1844, ông vào học ở khoa phương Đông thuộc Trường đại học tổng hợp thành phố Kazan, sau đó chuyển qua khoa luật. Nhưng ông không học hết đại học ở đây, vì năm 1847 ông quay trở về Yasnaya Polyana dạy cho trẻ con nông dân tại trường ở đấy.

Tháng Năm năm 1851, ông đi Caucase, nhập ngũ và ở trong quân ngũ tại miền này cho đến tháng Giêng năm 1854. Ở đây, ông bắt đầu viết văn. Những truyện **Thời Thơ Ấu** *(1851) và* **Thời Niên Thiếu** *(1852-54) và nhiều truyện ngắn khác viết trong thời kỳ này đã làm ông nổi tiếng trên văn đàn nước Nga hồi ấy. Qua các tác phẩm đó, tính chất độc đáo của thiên tài nhà văn bắt đầu lộ rõ. Sau đó ít lâu, ông viết truyện* **Tuổi Thanh Xuân** *(1855-57), thế là đủ bộ ba tập.*

Rời khỏi Caucase, ông tình nguyện đi chiến đấu với quân Thổ, và tháng Mười Một năm 1854 ông đến vùng Crimée tham dự cuộc chiến đấu phòng thủ Sébastopole, hồi đó ông là sĩ quan pháo binh. Cuộc sống trong quân ngũ cũng như việc ông tham gia chiến trận đã giúp ông hiểu biết sâu sắc về sinh hoạt và tâm trạng người lính

chiến trong chiến tranh.

Sau khi Sébastopole thất thủ, tháng 11 năm 1855, ông đến Peterburg và lần đầu tiên sống giữa làng văn Nga, giao tiếp với nhiều nhà văn nổi tiếng thời đó như I. Tourguéniev, N. Nekrasov, I. Goncharov, A. Ostrovsky, Chernyshevsky v.v... Tại đây ông đã sáng tác nhiều truyện, như **Buổi Sáng Của Người Điền Chủ** *(1856),* **Bão Tuyết** *(1856),* **Hai Chàng Khinh Kỵ Binh** *(1856) v.v...*

Cuối tháng Mười Một năm 1856, ông giải ngũ và lần đầu tiên ra nước ngoài trong sáu tháng. Ông đến Pháp, Thụy Sĩ, Bắc Ý, Đức. Ở Paris, ông đến nghe mấy buổi thuyết giảng ở trường Sorbonne và Collège de France. Ở nước ngoài, ông vẫn không ngừng sáng tác. Cuối tháng 7 năm 1857, ông trở về nước, khi thì ở Yasnaya Polyana, khi thì ở Moskva. Trong thời gian này, ông viết truyện **Ba Cái Chết** *(1858), tiểu thuyết* **Hạnh Phúc Gia Đình** *(1858-59), hoàn thành truyện* **Albert** *(1857-58) và tiếp tục viết truyện* **Những Người Kozak**. *Trong những năm này, ở nước Nga đang chuẩn bị cho cuộc cải cách nông thôn nhằm xóa bỏ chế độ nông nô. Đó là thời kỳ rất sôi động, nhiều khuynh hướng chính trị, xã hội đã xuất hiện và ảnh hưởng đến làng văn Nga.*

Giữa năm 1860, lần thứ hai ông ra nước ngoài trong chín tháng để nghiên cứu việc tổ chức giáo dục nhân dân và công tác sư phạm ở Đức, Pháp, Ý, Bỉ, Anh. Ở Luân Đôn, ông đã nghe Charles Dickens thuyết giảng về giáo dục và đã gặp A.I. Gertsen, nhà văn Nga. Ở Bruxelles, ông đã chuyện trò với Pierre Proudhon, người đại diện cho chủ nghĩa xã hội Pháp, và nhà cách mạng Ba Lan I. Lelevel. Khi ông về nước thì chế độ nông nô vừa bị xóa bỏ, nước Nga với chế độ gia trưởng lỗi thời đang sụp đổ. Từ đó bắt đầu thời kỳ sung mãn nhất trong sáng tác của nhà văn.

Tháng Chín năm 1862, ông lấy vợ, là con gái một bác sĩ ở Moskva tên là Sophia Bers. Bà là người giúp ông rất nhiều trong việc sắp xếp, sao chép các bản thảo của ông. Công việc bận rộn của điền trang không làm ông xao lãng việc sáng tác. Ông viết truyện **Polikushka** *(1861-62), hoàn thành truyện* **Những Người Kozak** *(được xuất bản năm 1863) và cuối năm 1863, bắt tay vào việc sáng tác tiểu thuyết* **Chiến Tranh Và Hòa Bình**. *Trên sáu năm làm việc cật lực ông mới hoàn thành được tác phẩm lớn này (1863-69). Tác phẩm này càng tỏ rõ tài nghệ tuyệt vời của nhà văn đã đưa lên bức tranh toàn cảnh rất phức tạp của các tầng lớp xã hội ở Nga trong cuộc chiến đấu cứu nước chống ngoại xâm hồi năm 1812, nó đã đem lại cho ông vinh quang rực rỡ trên văn đàn thế giới. Tháng Ba năm 1873, ông bắt đầu viết tiểu thuyết xã hội* **Anna Karenina** *và viết xong năm 1877. Đây là cuốn tiểu thuyết nói lên bi kịch của người phụ nữ bị khống chế bởi dục vọng, một quyền lực vô hình có sức phá hoại mãnh liệt. Tác phẩm này cũng làm lộ rõ những nền móng nứt rạn, giả tạo của xã hội, sự tan rã của chế độ gia trưởng và sự suy sụp của cơ sở gia đình.*

Từ cuối năm 1870, ông bị một cuộc khủng hoảng tinh thần nghiêm trọng, suýt nữa thì ông tự tử. Sau đó, ông nhìn lại những quan điểm đạo đức, xã hội và tôn giáo của mình, rồi ông nhiệt thành đưa ra ý tưởng hoàn thiện về mặt đạo đức của con người, điều đó thể hiện rõ trong các tác phẩm **Bộc Bạch Tâm Tư** *(1879-82),* **Tín Ngưỡng Của Tôi Như Thế Nào?** *(1883),* **Thế Thì Chúng Ta Phải Làm Gì?** *(1882-86) v.v... Trong các tác phẩm này, giáo lý của đạo Phật và đạo Chúa về tâm từ bi, tình thương yêu và lòng khoan thứ đã được chuyển hóa thành thuyết bất bạo lực mà ông thường cổ vũ, tức là tư tưởng không dùng bạo lực để chống lại điều ác.*

Tolstoi càng ngày càng có thái độ phê phán mạnh mẽ cơ cấu xã hội đương thời thể hiện trong các thiết chế quan liêu, trong nhà nước và giáo hội. Trong những năm 1891-93 và 1898, ông đã tích cực tham gia cứu đói cho nông dân nhiều địa phương ở nước Nga. Ông viết thư cho Nga hoàng Alexandre III và Nicolai II, trong đó ông chống lại những biểu hiện độc đoán, bạo hành đối với nhân dân.

Trong tiểu thuyết **Phục Sinh** *mà ông viết ròng rã trên mười năm (1889-99), ông đã phê phán mãnh liệt chế độ chuyên chế thời đó. Năm 1900, tác phẩm đó được xuất bản với rất nhiều đoạn bị kiểm duyệt cắt xén. Thời kỳ này, ông cũng đã viết xong truyện* **Khúc Cầm Nhạc Của Kreutzer** *(1887-89), vở kịch* **Cái Xác Sống** *(1900, được xuất bản 1911),* **Quyền Lực Của Tối Tăm** *(1887). Đồng thời ông quan tâm nhiều hơn đến những đề tài về cái chết, tội lỗi, sám hối và sự hồi sinh về đạo đức, điều này thể hiện rõ trong các tác phẩm* **Cái Chết Của Ivan Ilich** *(1884-86),* **Cha Serghi** *(1890-98, được xuất bản 1912),* **Hadji Murat** *(1896-1904, được xuất bản 1912).*

Là một tín đồ Chính thống giáo, với lòng chính trực ông đã thẳng thắn phê phán nhiều việc làm của Giáo hội mà ông cho là trái với lời răn của Chúa, chẳng hạn, thái độ hẹp hòi, nghi

kỳ, thậm chí thù nghịch của Giáo hội Chính thống giáo đối với Giáo hội khác cùng trong đạo Chúa, như Cơ Đốc giáo, Tin Lành, Cựu giáo v.v... hay là thái độ của Giáo hội Chính thống giáo đối với chiến tranh, hùa theo chính quyền ca ngợi vũ khí Nga, cổ võ sự chém giết lẫn nhau v.v... Sự phê phán ấy đã làm cho Giáo hội tức giận, cuối cùng Thánh vụ viện (synode) Chính thống giáo đã tuyên bố rút phép thông công nhà văn Nga vào năm 1901. Mặc dù vậy, ông vẫn tự coi mình là một tín đồ trung thành của Chúa Ki-tô.

Khi tìm tòi về tâm linh, Tolstoi đã nghiên cứu nhiều về đạo Hồi, đạo Lão, đạo Khổng (Khổng Tử, Mạnh Tử), và đặc biệt là đạo Phật. Ông tìm thấy ở đạo Phật nhiều điều mà ông rất đồng cảm. Ông thấy đạo Phật - cũng như ông - cổ võ những tư tưởng về điều thiện, tình thương yêu, lòng từ bi, tinh thần khoan thứ và coi khinh giàu có, lên án chiến tranh, bạo lực và hận thù. Năm 1879, lần đầu tiên ông đề cập đến đức Phật trong tác phẩm **Bộc Bạch Tâm Tư**. *Và từ đó, ông càng để tâm nghiên cứu giáo lý của Phật, tìm gặp một vài vị sư, và năm 1886, ông đã bắt tay viết bút ký dài nhan đề* **Phật-đà**. *Nhưng rồi bỏ dở, mãi hai mươi năm sau, ông viết bút ký ngắn* **Phật-đà - Tủ sách cần đọc** *(1905). Năm 1904, ông viết bài báo* **Hãy Hồi Tỉnh Lại!**, *trong đó ông lên án cuộc chiến tranh Nga-Nhật và kịch liệt phê phán nhà sư Nhật Bản Soien Shakiu, người đứng đầu 800 tu viện, đã cổ võ cho cuộc chiến tranh đó, làm trái với giới luật cấm sát sinh của đạo Phật. Tolstoi còn viết những bài thơ nhỏ để giới thiệu về đạo Phật và đức Phật, như chuyện cổ tích nhan đề* **Nghiệp Báo** *(1894)... Đầu năm 1910, ông viết lời nói đầu cho tác phẩm* **Tất-đạt-đa (Siddhartha), Còn Gọi Là Phật-đà (Buddha), có Nghĩa Là Bậc Thánh Giác Ngộ, Cuộc đời và giáo lý của Ngài** *của P.Bulanje, người mà ông hết sức giúp đỡ để viết sách này.*

Tolstoi luôn luôn gần gũi nông dân, thương xót cảnh ngộ của nông dân và cố sức giúp đỡ họ. Ngay tại điền trang Yasnaya Polyana, ông đã tổ chức trường học cho con cái nông dân. Đồng thời, ông đã viết nhiều truyện, chuyện cổ tích, chuyện ngụ ngôn cho con cái nông dân học. Khi về già, ông coi những tác phẩm dành cho thiếu nhi này là có giá trị nhất trong đời cầm bút của mình, đồng thời ông phủ nhận giá trị của những tác phẩm lớn của ông mà người đời cho là bất hủ. Nhiều người cho là: ông già lú lẫn! Ông không giải thích gì. Nhưng chúng tôi hiểu rằng sự đánh giá đó dựa trên nhận thức mới của ông về mặt tâm linh: ông đồng tình với đức Phật, cho rằng dục vọng, lòng tham... là nguồn gốc của mọi đau khổ, thế mà các tác phẩm của ông được người đời ưa chuộng nhất là những tác phẩm mô tả, kích thích dục vọng con người. Vì thế theo ông, giá trị của những tác phẩm đó không thể nào so sánh được với giá trị giáo dục chân chính của những quyển sách nhỏ dễ hiểu của ông dành cho thiếu nhi.

Cuối đời, ông luôn luôn băn khoăn, nghĩ rằng sống giàu sang trong lúc cuộc đời của nông dân rất khốn khổ là vô đạo đức, ông phải đưa tài sản của mình phân phát cho dân nghèo, nhưng tài sản này một phần cũng là công sức của vợ con mình, ông không thể tự ý giải quyết, thế thì tốt hơn cả là ông bỏ cảnh giàu sang để sống cuộc đời bình thường như mọi người. Và sau bao nhiêu trăn trở, giày vò tâm trí, ông quyết định để lại tất cả điền trang, của cải cho vợ con tùy ý xử lý theo sở nguyện, còn ông nhất quyết ra đi và sống theo lối sống hợp với nhận thức về tâm linh của mình. Hành động này của nhà văn làm chúng ta bất giác nhớ lại sự xuất gia của thái tử Tất-đạt-đa. Ông ra đi, mà người nhà chẳng biết ông đi đâu cả. Khốn thay, trên đường đi, ông lâm bệnh và đã tạ thế ngày 7 (20 theo lịch cũ) tháng 11 năm 1910, hưởng thọ 82 tuổi.

Thế là cuộc đời vĩ đại đầy sáng tạo của nhà đại văn hào, cuộc đời tìm tòi không mệt mỏi về mặt tâm linh, cuộc đời theo đúng những nguyên tắc đạo đức chặt chẽ của bậc chân nhân đã kết thúc tại một ga xép lạnh lẽo, ga Astapovo, xa hẳn gia đình ấm cúng của ông. Và ngôi mộ đất rất bình dị của ông, khác hẳn với những ngôi mộ xây sang trọng ốp đá quý của nhiều danh nhân khác, ngôi mộ không tượng đồng, không bia đá, "sè sè nấm đất bên đàng, rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh," *mãi mãi che chở cho một tâm hồn vĩ đại yên giấc ngàn thu.*

*

Sau đây xin mời bạn đọc chịu khó xem một đoạn khá dài và hơi mệt óc trích từ tác phẩm BỘC BẠCH TÂM TƯ *của Lev Tolstoi:*

Khi đi tìm giải đáp cho câu hỏi chính của cuộc đời, tôi có cảm giác giống hệt như cảm giác của một người bị lạc trong rừng.

Tôi đã ra khoảng trống trong rừng, trèo lên cây và thấy rõ khoảng không gian rộng mênh mông, nhưng ở đấy không thấy có ngôi nhà, và không thể có nhà ở đấy được. Tôi lại chui vào rừng rậm, vào nơi tối tăm và thấy tối tăm, mà cũng vẫn không có ngôi nhà.

HỒNG KHẮC KIM MAI

MỘNG ẢO

Điện chuyển tâm linh
Lòng có rúng động?
Nước của đất, thác, biển, sông, ghềnh
Đâm xuyên vùng huyệt tối
Sấm của trời
Bừng bừng ngọn lửa trái cầu rơi
Ngày tháng năm gồng gánh: Vui ư? Buồn ư?
Vai ta trĩu nặng núi sầu

Gọi là hư ảo
Khi mắt chưa mở và ngày chưa sáng
Khi trời sắp mưa mà mây chưa tới
Khi ai bên kia cầu cùng ta bên nay sông
So giây giòng nhạc
Phím tơ
Đong đưa nửa vời

Gọi là thần sầu
Khi đêm trong đêm hoang đường
Khi trăng trong trăng thê lương
Khi thơ trong thơ ngất ngưỡng
Khi ta trong ta vô thường

Gọi là si mê
Khi môi đơm bông nở đóa hồng đào
Khi thân rung chuyển khai từng mạch máu
Nước cam lồ
Ôi nước cam lồ nhễu giọt bi thương...

Cứ thế tôi lạc mãi trong rừng tri thức của nhân loại giữa các khoảnh trống tri thức toán học và tri thức thực nghiệm đã mở ra cho tôi những chân trời rõ ràng. Thế nhưng, cứ theo hướng đó không thể nào có ngôi nhà được, và giữa tối tăm của tri thức tư biện (1), mà càng vào sâu trong những tri thức tư biện đó thì lại càng thấy tối tăm hơn, và càng đi sâu vào hơn nữa thì cuối cùng tôi thấy rõ là không có lối thoát và không thể nào có lối thoát được.

Khi đi sâu vào phương diện sáng sủa của tri thức thì tôi hiểu rằng bằng cách đó tôi chỉ lẩn tránh câu hỏi mà thôi. Dù chân trời đã mở ra cho tôi thật rõ ràng và quyến rũ, dù rất quyến rũ khi được nhập sâu vào sự vô tận của những tri thức đó, nhưng tôi đã hiểu rồi: những tri thức ấy càng rõ ràng bao nhiêu thì càng ít cần thiết và càng ít trả lời câu hỏi của tôi bấy nhiêu.

Thôi, tôi biết rồi, - tôi tự nhủ như vậy, - tất cả những thứ mà khoa học nhất định muốn biết, nhưng theo con đường này thì không có giải đáp cho câu hỏi về ý nghĩa cuộc đời của tôi. Còn trong lĩnh vực tư biện, tôi hiểu rằng bất chấp hay là chính vì mục đích của tri thức nhằm trả lời thẳng câu hỏi của tôi, thì không có câu trả lời khác nào ngoài câu mà tôi tự trả lời cho mình: Ý nghĩa cuộc đời của tôi là gì? - Không có ý nghĩa nào cả. Hoặc là: Kết quả cuộc đời của tôi là gì? - Không có kết quả nào cả. Hoặc là: Những thứ hiện hữu tồn tại để làm gì và tôi tồn tại để làm gì? - Tồn tại chỉ vì để tồn tại mà thôi.

Khi hỏi ở một phương diện của tri thức nhân loại, tôi có được vô số câu trả lời chính xác về những thứ mà tôi không hề hỏi: về thành phần hóa chất của các ngôi sao, về sự di chuyển của mặt trời đến chòm sao Hercules, về nguồn gốc của các loài vật và con người, về hình dạng của những nguyên tử vô cùng nhỏ, về di chuyển của những hạt ether cực tiểu và không có trọng lượng. Nhưng lời giải đáp trong lĩnh vực tri thức này đối với câu hỏi của tôi: "Ý nghĩa cuộc đời của tôi là gì?" thì vẫn là: anh là cái mà anh gọi là cuộc đời của anh, anh là cái kết hợp tạm thời và ngẫu nhiên của những hạt. Sự tương tác, sự biến đổi của các hạt đó gây ra trong anh cái mà anh gọi là cuộc đời của anh. Cái kết hợp này sẽ tồn tại một

thời gian. Rồi sự tương tác giữa các hạt đó sẽ ngừng lại, và cũng sẽ ngừng lại cái mà anh gọi là cuộc đời, sẽ ngừng lại tất cả những câu hỏi của anh. Anh là cái hòn nhỏ bé của cái gì đấy đã kết hợp lại một cách ngẫu nhiên. Cái hòn ấy đang mục rữa. Cái hòn nhỏ bé đó gọi sự mục rữa ấy là cuộc đời của nó. Cái hòn rã ra thì quá trình mục rữa sẽ kết thúc, và tất cả các câu hỏi cũng kết thúc luôn. Phương diện rõ ràng của tri thức trả lời như vậy, và nó không thể nói cái gì khác được một khi nó tuân theo nguyên lý của nó một cách nghiêm ngặt.

Khi nhận được câu trả lời như vậy thì, té ra, nó giải đáp không phải cho câu hỏi đặt ra. Tôi cần biết ý nghĩa cuộc đời của tôi, còn câu trả lời rằng cuộc đời của tôi là một phần của cái vô cùng, không những không đem lại ý nghĩa nào cả cho cuộc đời của tôi mà còn triệt tiêu mọi ý nghĩa có thể có được.

Còn những thỏa hiệp mơ hồ mà phương diện này của tri thức chính xác và thực nghiệm đã có với phép tư biện, trong đó nói rằng ý nghĩa cuộc đời là sự phát triển và thúc đẩy sự phát triển đó thì những thỏa hiệp ấy không thể nào coi là câu trả lời được vì chúng quá mơ hồ và không chính xác.

Phương diện khác của tri thức, tức là phương diện tư biện, một khi nó tuân thủ nghiêm ngặt những nguyên lý của nó, và trả lời thẳng câu hỏi thì khắp mọi nơi và khắp mọi thế kỷ đã và đang trả lời chỉ có một điều mà thôi: thế giới (2) là một cái gì vô cùng tận và không thể nào hiểu được. Cuộc đời của con người là một bộ phận không thể nào hiểu được của cái "toàn bộ" cũng không thể nào hiểu được này. Ở đây tôi loại trừ những thỏa hiệp giữa các tri thức thực nghiệm và tri thức tư biện bao gồm toàn bộ những thứ thừa thải của những cái gọi là các khoa học nửa vời, tức những cái gọi là khoa luật học, chính trị học và sử học.. Những khái niệm phát triển và hoàn thiện người ta cũng lại đưa vào các khoa học nửa vời đó một cách hoàn toàn không đúng, chỉ khác nhau là các khoa học kia nói về sự phát triển của tất cả, còn các khoa học này thì nói về sự phát triển của đời sống con người. Nhưng vẫn cũng một sai lầm ấy: sự phát triển, sự hoàn thiện trong cái vô thủy vô chung không thể nào có mục đích lẫn phương hướng được và không trả lời gì hết cho câu hỏi của tôi. Còn trong lĩnh vực mà tri thức tư biện có tính chính xác, tức là trong triết học chân chính (chứ không phải trong triết học mà Schopenhauer (3) gọi là triết học giáo sư chỉ nhằm phân phối tất cả các hiện tượng hiện có theo các mục triết học mới và đặt tên cho chúng), lĩnh vực mà nhà triết học nhằm trả lời câu hỏi chính, thì ở đấy luôn luôn chỉ có một câu trả lời mà thôi - đó là câu trả lời mà Socrate (4), Schopenhauer, Salomon (5), đức Phật (6) đã đưa ra.

"Chúng ta tránh xa cuộc đời chừng nào thì chúng ta càng tiếp cận chân lý chừng ấy," - Socrate đã nói như vậy khi chuẩn bị cho cái chết của mình. "Là những người yêu chân lý, chúng ta hướng tới cái gì trong cuộc đời của chúng ta? - Chúng ta hướng tới việc giải thoát thân xác và giải thoát khỏi toàn bộ những điều ác do thân xác gây ra. Như vậy thì làm sao mà không vui mừng được khi tử thần đến với chúng ta?"

"Bậc hiền triết anh minh suốt đời hướng tới cái chết, cho nên cái chết không đáng sợ đối với ông ta."

"Nếu hiểu thấu bản chất bên trong của thế giới với tư cách là ý chí," Schopenhauer nói, "và trong tất cả các hiện tượng, từ xu hướng vô ý thức của các lực lượng mù quán của thiên nhiên cho đến hoạt động của con người đầy ý thức, chỉ thừa nhận tính vật thể của ý chí ấy, thì chúng ta không thể nào tránh khỏi kết luận rằng: đồng thời với sự tình nguyện phủ nhận và tự diệt của ý chí, tất cả các hiện tượng, cái khát vọng và ham thích thường xuyên không có mục đích và triền miên tại tất cả các bậc của tính vật thể (trong đó và qua đó thế giới được thể hiện) sẽ biến mất, sự đa dạng của các hình tướng kế tiếp nhau cũng sẽ biến mất, và cùng với hình tướng sẽ biến mất cả những biểu hiện của nó cùng với những hình tướng chung, cùng với không gian và thời gian, rồi rốt cuộc sẽ biến mất luôn cả hình tướng cơ bản và cuối cùng của nó - tức là chủ thể và khách thể. Không có ý chí, không có khái niệm, thì cũng không có cả thế giới nữa. Dĩ nhiên trước mắt chúng ta chỉ còn hư vô. Nhưng cái chống lại việc chuyển sang hư vô này, tức là bản chất của chúng ta chính là ý chí tồn tại đó mà thôi (Wille zum Leben), nó tạo thành bản thân chúng ta cũng như thế giới của chúng ta. Việc chúng ta rất sợ hư vô, hay nói một cách khác, chúng ta khao khát muốn sống, chỉ có nghĩa là bản thân của chúng ta không phải là cái gì khác ngoài ý muốn được sống này, và chúng ta không biết gì hết ngoài ý muốn được sống ấy. Cho nên cái còn lại sau

khi ý chí của chúng ta bị tiêu diệt hoàn toàn (mà chúng ta vẫn còn đầy rẫy ý chí), cái còn lại ấy dĩ nhiên là hư vô. Và trái lại, đối với những người đã từ bỏ ý chí, đối với họ cái thế giới hết sức thực tế này với tất cả những mặt trời và những giải ngân hà của nó - vẫn *là hư vô.*"

"Hư không của hư không," Salomon nói, "tất cả đều là hư không (7), vạn sự đều là hư ảo! Con người có được lợi lạc gì do những công sức mà nó phải chịu vất vả trên thế gian này? Thế hệ này qua đi, rồi thế hệ mới đến, còn đất đai thì cứ tồn tại mãi mãi. Những thứ đã có sẽ có mãi. Người ta đã làm gì thì sẽ làm mãi. Và trên thế gian này không có gì mới cả. Có khi người ta nói về một điều nào đó: "Hãy xem kìa, đây là cái mới." Nhưng cái mới đó đã từng có trước chúng ta hàng thế kỷ. Người ta không nhớ về quá khứ. Và những thế hệ tiếp sau sẽ không nhớ tới những điều xảy ra trong tương lai. Ta là Ecclésiaste (8), ta đã là vua trị vì Israel ở Jerusalem. Và ta đem hết tâm lực nghiên cứu tất cả những điều có trên thế gian này và thử nghiệm những điều đó bằng trí anh minh: cái công việc nặng nhọc này Trời ban cho các con, những con người, để họ tập luyện trong đó. Ta đã từng thấy mọi việc trên trái đất này, tất cả đều là hư không và sự giày vò tâm thần... Trong thâm tâm ta tự nhủ thế này: đấy, ta đã vươn cao lên tột đỉnh, có được trí anh minh hơn tất cả các vị vua khác trước ta từ xưa đến nay đã trị vì ở Jerusalem, và tâm ta đã từng thấy nhiều trí anh minh và tri thức. Và ta đã hướng tâm ta để hiểu thấu sự anh minh và hiểu thấu những điều điên rồ và ngu ngốc. Rồi ta đã biết điều đó cũng là sự giày vò tâm thần. Vì nhiều trí anh minh thì nhiều đau buồn; và người nào tăng thêm tri thức thì tăng thêm đau buồn.

"Trong thâm tâm ta tự nhủ: hãy để ta thử thách mình bằng niềm vui và thưởng thức điều thiện. Nhưng cả những thứ đó cũng đều là hư không. Về hội cười vui ta đã từng bảo là điều ngu xuẩn, còn về đám vui chơi thì ta nói là nó có lợi ích gì? Trong thâm tâm ta định uống rượu để thân xác ta được hưởng lạc thú và dù tâm ta tuân theo trí anh minh, ta vẫn cứ theo cả sự ngu xuẩn, chừng nào ta thấu hiểu được cái gì tốt lành đối với con người, hiểu thấu được họ phải làm gì trên thế gian này trong những ngày ngắn ngủi của cuộc đời họ. Ta đã từng làm những việc lớn lao: xây dựng những ngôi nhà, trồng trọt những vườn nho. Ta đã từng gây dựng những vườn cây và những cánh rừng, trong đó trồng nhiều cây sai quả; từng đào những hồ chứa nước để tưới vườn cây; đã mua nhiều đầy tớ nam nữ, ta cũng đã có nhiều gia nhân; còn đại gia súc và tiểu gia súc thì ta có nhiều hơn bất cứ vua nào trước ta ở Jerusalem; ta đã thu bạc vàng, châu báu của các vùng và các vua khác; ta đã nuôi biết bao ca sĩ nam nữ và được thưởng thức nhạc của biết bao nhạc khí. Như vậy, ta trở thành vị vua phú cường và vĩ đại nhất so với tất cả các vị vua trước ta đã trị vì ở Jerusalem. Và trí anh minh của ta vẫn còn trong ta. Hễ đôi mắt ta mục kích được cái gì hay thì ta chiều đôi mắt ta luôn, cuộc vui nào ta cũng dâng hiến cho trái tim ta. Rồi ta nhìn lại tất cả sự nghiệp ta do tay ta làm nên, nhìn lại công sức của ta đã bỏ ra cho sự nghiệp của ta, rốt cuộc tất cả đều là hư không và sự giày vò tâm thần, và tất cả đều không có ích lợi gì hết trên thế gian này. Rồi ta nhìn quanh ta để thấy trí anh minh, sự điên rồ và sự ngu xuẩn. Nhưng rồi ta được biết là tất cả chúng đều có cùng chung một số phận. Và ta đã tự nhủ trong thâm tâm: cả ta nữa cũng sẽ bị một số phận ấy, giống hệt người ngu si - thế thì ta trở nên rất anh minh để làm gì nhỉ? Và trong thâm tâm ta tự nhủ là cái đó cũng là hư không. Là vì người ta sẽ không nhớ mãi cả người anh minh, cũng như người ngu si. Trong tương lai tất cả đều sẽ bị lãng quên. Và, than ôi, người anh minh cũng chết như người ngu si! Thế rồi ta đâm ra ghét cuộc đời, vì ta thấy ghê tởm tất cả mọi việc trên thế gian này vì *tất cả đều là hư vô và sự giày vò tâm thần* mà thôi. Thế rồi ta đâm ra ghét toàn bộ công sức của ta mà ta đã hiến dâng cho thế gian, vì rằng ta sẽ phải để lại nó cho người kế thừa ta. Vì con người trên thế gian này sẽ được cái gì do toàn bộ công sức và những ưu tư của tâm người đó, khi phải vất vả trên trần gian này? Vì toàn bộ cuộc đời của con người là nỗi buồn, toàn bộ công sức của con người là nỗi bất an; thậm chí ban đêm tâm của con người cũng không được yên. Và tất cả những cái đó đều là hư không cả. Con người không được hưởng thụ điều phúc lạc được ăn, được uống và tâm hồn không được hưởng thụ nhờ công lao của mình...

"Tất cả mọi điều và tất cả mọi người - chân nhân cũng như phàm nhân, người hiền cũng như kẻ ác, người thanh lịch cũng như kẻ ô trọc, người đã cúng dường cũng như người không cúng dường, người đức hạnh cũng như

tội nhân, người đã tuyên thệ cũng như người sợ tuyên thệ - đều có cùng chung số phận như nhau. Chính điều này là điều dở trên thế gian này: ai cũng có cùng chung số phận như nhau, tâm của con người đầy dẫy điều ác, điên cuồng tràn ngập trong tâm và trong cuộc đời của họ, rồi sau đó họ sẽ đi về cõi chết. Những ai còn ở cõi sống thì vẫn còn niềm hy vọng, giống như con chó còn sống thì hơn con sư tử đã chết. Những người còn sống biết mình sẽ chết, còn những người chết thì không còn biết gì hết và không được hưởng tặng thưởng gì hết là vì thậm chí người ta không còn nhớ tưởng gì họ nữa, tình yêu của họ, lòng căm ghét của họ, lòng ghen tức của họ đã biến mất rồi, và họ không còn được vinh dự gì hết trên thế gian này nữa."

Salomon đã nói như vậy, hay là một người nào đó đã viết những lời trên. Còn trí anh minh của dân Ấn Độ thì nói thế này: Thích Ca Mâu Ni (9), vị thái tử trẻ trung và sung sướng chưa hề biết gì cả về bệnh tật, tuổi già và chết chóc, có một bận đi chơi đã thấy một cụ già dễ sợ, rụng hết răng và miệng đầy dãi. Từ trước đến giờ chàng bị giấu không cho biết gì về tuổi già, nên thái tử rất đỗi kinh ngạc và đã hỏi người đánh xe ngựa: "Cái gì thế? Vì sao người này đã bị tình trạng thảm hại, ghê tởm, rùng rợn như vậy?" Và sau khi biết rằng đó là số phận chung của mọi người và thái tử nhất định rồi cũng sẽ bị như vậy, thì chàng không còn muốn đi chơi nữa và bảo đánh xe quay trở lại để suy nghĩ về điều này. Rồi chàng vào căn buồng riêng, đóng cửa, ngồi một mình suy nghĩ rất lung về điều đó. Và chắc là đã tìm được sự an ủi nào đó cho mình, nên chàng lại vui vẻ và sung sướng ra khỏi cổng thành đi chơi. Nhưng lần này, thái tử gặp phải một người bệnh. Chàng thấy một người kiệt sức, xanh tím, run rẩy, mắt đục ngầu, nằm bất động. Cho đến nay thái tử bị giấu giếm về bệnh tật, nên chàng đã dừng lại và hỏi: "Cái gì thế này?" Sau khi biết đó là bệnh tật mà mọi người đều có thể bị, và bản thân thái tử, một người khỏe mạnh và sung sướng, nay mai rồi cũng có thể bị bệnh như thế, thì chàng không còn thiết vui chơi nữa, bèn ra lệnh quay trở về, và lại cố tìm nguồn an ủi. Và chắc là chàng đã tìm được, nên lần thứ ba chàng lại đi chơi. Lần này, thái tử lại thấy một cảnh khác nữa: người ta đang khiêng một cái gì đấy. - "Cái gì thế này?" - "Xác chết". - "Xác chết nghĩa là cái gì?" - thái tử hỏi. Người ta trả lời rằng: chết nghĩa là trở thành như cái xác này. Chàng đến bên xác chết, vén tấm vải liệm và nhìn xác chết. "Thế rồi xác chết sẽ ra sao?" - chàng hỏi. Người ta trả lời rằng sẽ chôn xác chết dưới đất. "Để làm gì?" - "Là vì người chết chắc chắn không bao giờ sống lại, nó chỉ bốc mùi thối và giun". - "Và đó là số phận của mọi người hay sao? Và ta cũng sẽ bị như vậy à? Ta cũng sẽ bị chôn, sẽ bốc ra mùi thối, và lũ giun sẽ gặm ta à?" - "Vâng ạ." - "Quay trở về ngay! Ta không đi chơi nữa và sẽ không bao giờ đi chơi nữa."

Thế thì Thích Ca Mâu Ni không tìm được nguồn an ủi trong cuộc đời và cho rằng cuộc đời là một mối tai họa lớn lao, và ngài đem hết sức lực tâm thần để giải thoát mình và giải thoát người khác khỏi cuộc đời. Và phải giải thoát sao để sau khi chết, cuộc đời không còn cách nào xuất hiện trở lại, để triệt tiêu đời sống hoàn toàn tận gốc. Toàn bộ trí anh minh của Ấn Độ nói như vậy.

Đó chính là những câu trả lời trực tiếp mà toàn bộ trí anh minh của nhân loại đã cho ta, khi nó trả lời câu hỏi về cuộc đời.

"Cuộc sống của thân xác là một mối tai họa và điều giả tưởng. Vì vậy triệt tiêu cuộc sống của thân xác là điều phúc lạc và chúng ta phải hướng tới điều phúc lạc đó", - Socrate đã nói.

"Cuộc đời là cái mà lẽ ra không nên có, vì nó là tai họa, và việc chuyển thành hư vô là điều phúc lạc duy nhất của cuộc đời", - Schopenhauer nói.

"Tất cả mọi thứ trên thế giới này, cả sự ngu xuẩn lẫn trí anh minh, cả cảnh giàu sang lẫn sự bần cùng, cả niềm vui sướng lẫn nỗi buồn rầu đều là hư không và hư ảo cả. Con người sẽ chết, và sẽ không còn lại cái gì hết. Và đó cũng là điều ngu xuẩn" - Salomon nói.

"Không thể nào sống được, khi biết là sẽ không tránh khỏi đau khổ, yếu đi, già và chết - cần phải giải thoát mình khỏi cuộc đời, khỏi mọi khả năng sống" - đức Phật đã nói.

Và điều mà những trí tuệ mạnh mẽ ấy đã nói thì hàng triệu triệu người giống như họ cũng đều đã nói, đã nghĩ và cảm thấy. Cả tôi nữa cũng nghĩ và cảm thấy thế.

Thế thì bước lạc lõng của tôi trong tri thức không những không giúp tôi ra khỏi nỗi thất vọng của tôi, mà còn tăng thêm thất vọng nữa. Một loại tri thức này không giải đáp được những câu hỏi của cuộc đời, còn loại tri thức khác thì đã giải đáp và xác nhận rõ ràng nỗi thất vọng của tôi và chỉ rõ là kết luận của tôi không phải là do hiểu lầm hay là do tình trạng

bệnh hoạn của trí tuệ, mà trái lại, loại tri thức thứ hai xác nhận cho tôi rằng tôi đã nghĩ đúng và phù hợp với kết luận của những trí tuệ mạnh mẽ nhất của nhân loại.

Không nên tự đánh lừa mình làm gì. Mọi sự đều là hư không cả. Có hạnh phúc là những ai không sinh ra trên đời này, cái chết tốt hơn đời sống; phải giải thoát khỏi cuộc đời.●

(Còn tiếp)

Chú thích

1. Tư biện - một kiểu tư duy triết học có đặc tính trừu tượng hóa từ kinh nghiệm cảm tính. Có hai loại tư biện: tư biện duy lý và tư biện trực giác.

2. Thế giới, hiểu theo nghĩa rộng là vũ trụ.

3. Schopenhauer (1788 - 1860), triết gia Đức, đại diện cho chủ nghĩa duy ý chí. Trong tác phẩm *Thế giới với tư cách là ý chí và biểu tượng*, ông cho rằng bản thể của thế giới là ý chí không lý trí, sự ham sống mù quáng không mục đích. Việc "giải thoát" khỏi thế giới thông qua lòng thương xót, sự quán niệm vô tư về mỹ học, chủ nghĩa khổ hạnh - thì có thể đạt được trong trạng thái gần như niết bàn của đạo Phật. Nhiều người cho là ông chịu ảnh hưởng của đạo Phật.

4. Socrate (khoảng 470 - 399 trước TL), triết gia Hy Lạp cổ đại. Ông được coi là người lập ra biện chứng pháp, với tính cách là phương pháp tìm chân lý bằng cách đặt ra những câu hỏi gợi ý. Ông bị kết tội "sùng bái các vị thần linh mới," "làm hư hỏng thanh niên," và bị kết án tử hình (bằng thuốc độc). Theo ông, mục đích của triết học là sự tự nhận thức mình, với tính cách là con đường dẫn đến phúc lạc chân chính, còn đức hạnh là tri thức, hay trí anh minh.

5. Salomon, con và người kế nghiệp vua David, làm vua ở vương quốc Israel trong những năm 965 - 928 trước TL. Ở phương Đông, người ta coi ông là nhà hiền triết anh minh nhất trong các thời đại. Tương truyền ông là tác giả một số sách trong Thánh Kinh, như Ecclésiaste...

6. Đức Phật (623 - 544 trước TL), tên là Siddhartha Gautama (Tất-đạt-đa Cồ-đàm), thái tử con vua Cuddhodana (Tịnh Phạn), người sáng lập ra đạo Phật, một trong những tôn giáo lớn nhất và xưa nhất của loài người, nhằm giải thoát con người khỏi khổ đau, sinh tử luân hồi, cổ vũ cho lòng từ bi, tình thương yêu chúng sinh.

7. *Vanitas vanitatum, et omnia vanitas*, câu này trong sách *Ecclésiaste*, cũng giống câu thường nói trong nhà Phật: *Sắc sắc không không.*

8. Ecclésiaste - tương truyền là tác phẩm của vua Salomon, được coi như Kinh.

9. Nói chính xác hơn là Siddhartha (Tất-đạt-đa), lúc bấy giờ là thái tử, sau này xuất gia, tu tập nhiều năm mới thành Phật với danh hiệu là Thích Ca Mâu Ni (Cakya-Muni).

MEDEX DRUGS

NHÀ THUỐC TÂY VIỆT NAM CÓ ĐỦ MẶT HÀNG VÀ DỊCH VỤ NHƯ LONG'S DRUGS, PAYLESS, WALGREENS...

405 E. Santa Clara Street, San Jose, CA 95113

Tel: (408) 292-8244

* Bán thuốc theo toa Bác sĩ. Nhận Medi-Cal và các loại bảo hiểm PPO, HMO kể cả Life Guard, Aetna, Cigna, HealthNet, PruCare, Prudential...
* Siêu thị bán đủ các loại đồ dùng hàng ngày với giá hạ.
* Thực phẩm có nhận Food Stamps.
* Nhận phiếu Sữa của chương trình WIC.
* Bán: Vé số cạo, Keno, Super LOTTO; Vé xe buýt cho County.
* Bán Money Order dùng trong nước và ngoài Hoa Kỳ.
* Chuyển Điện phiếu đi khắp nơi trên thế giới kể cả về Việt Nam.
* Nhận đánh FAX về Việt Nam.
* Trạm thu ngân cho PG&E và AT&T: Nhận thâu tiền Điện; Điện Thoại.
* Có máy rửa phim tại chỗ: Nhận sang hình lấy liền (One Hour Photo)

GIỜ MỞ CỬA: Thứ Hai - Thứ Bảy: 9AM - 8PM. Chủ Nhật: 9AM - 6PM

MẤY MỐI TÌNH ĐẦU CỦA NGUYỄN DU

BẢO VÂN thuật

Nguyễn Du sinh năm 1763 và mất năm 1820, quê ở Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Tổ tiên Cụ đời đời làm quan với nhà Hậu Lê, nên sau khi Tây Sơn dứt nhà Lê, Cụ lui về quê, lấy thú đu sơn, du thủy làm vui, không màng gì về danh lợi nữa.

Khi Gia Long thống nhất Bắc Nam, Cụ được triệu ra làm tri huyện Phụ Dực (Thái Bình) rồi thăng tri phủ Thường Tín (Hà Đông). Dần dần Cụ được cử làm Chánh Sứ sang cống bên Tàu. Đến khi về, Cụ được thăng làm Lễ bộ hữu tham tri và năm 1820 lại được cử sang sứ Tàu nhưng chưa kịp lên đường, thì cụ đã bị bệnh mất, hưởng thọ 56 tuổi.

Cụ là người học rộng, biết nhiều, tinh thông Tam giáo (Nho, Lão, Phật) đã để lại nhiều thơ văn bằng chữ Hán và đặc biệt nhất là Truyện Kiều, một áng văn nôm tuyệt tác, không tiền, khoáng hậu, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng ở khắp nơi trên thế giới, làm cho vẻ vang nền văn học của Việt Nam.

Khi sống ẩn dật tại Hà Tĩnh, cụ đang tuổi thanh xuân, đã cùng các bạn nhà Nho qua lại làng Trường Lưu, tham dự các cuộc hát thi đối đáp của các bạn gái phường Nón và phường Vải...

Một lần, lâu ngày vắng mặt, Nguyễn Du đã nhận được lá thư của các cô gái phường Vải ở Trường Lưu gửi sang thăm chàng trai phường Nón Tiên Điền. Lời thơ toàn dùng những từ chuyên môn của nghề kéo vải đã làm cho Cụ xúc cảm, như:

Trời làm chi cực mấy trời!
Cơi trầu này biết để mời mọc ai?
Tìm gan bày hết ra ngoài
Trông theo truông Hống, đò Cài biết đâu?
Khi lên để rối cho nhau.
Khi về trút cả gánh sầu về ngay!
Xưa buồn từ nớ đến nay
Nào ai mó đến xe quay, xin thề
Thẹn thùng đường cửi đi về
Chân đừng giày đạp, tay ê soi chuyền...

Không ngần ngừ, cụ liền trả lời ngay và cũng dùng những từ chuyên môn của những người làm nghề lợp nón:

Tiếc thay duyên Tấn, phận Tần
Chưa quen đã lạ, chưa gần đã xa
Chưa chi đông đã rạng ra
Đến giờ còn giận con gà chết toi!
Tím gan cho cái sao mai
Đã buồn giở đến lịp tơi càng buồn.
Thờ ơ bó vọt, đống sườn,
Đã nhờn bẹ móc, lại hờn nắm giang.
Trăng tà chênh chếch bóng vàng

Dừng chân thoắt nhớ đến đàng cửa truông!

Khi còn đi học ở bên kia Nhị Hà (Hà Nội) Nguyễn Du thường được gọi là cậu Chiêu Bảy, con trai của Xuân Quận Công Nguyễn Nghiễm ở phường Bích Câu. Hàng ngày Chiêu Bảy cứ phải đi nhờ đò của cô thôn nữ Đỗ Thị Nhợt với má hồng duyên dáng, tóc huyền phất phơ trước gió sông. Lâu dần hai người quen nhau rồi một hôm cô gái ra chở đò muộn, cậu Chiêu Bảy thừa lúc vắng khách, đã đọc mấy câu:

Ai ơi! Chèo chống tôi sang
Kẻo trời trưa trật, lỡ làng tôi ra
Còn nhiều qua lại, lại qua
Giúp cho nhau nữa để mà...

Cậu ngừng câu ở chữ thứ sáu này chứ không đọc hết. Cô Nhợt đang chăm chú nghe, thấy ngừng liền hỏi:

"Cậu Chiêu đọc thiếu rồi! Sao không đọc nốt đi?"

Chiêu Bảy rụt rè nói khẽ:

"Còn hai chữ nữa, phải do cô nghĩ chứ tôi không dám đọc."

Cô Nhợt đỏ hồng đôi má, ngượng ngùng nói:

"Cần gì phải nghĩ! Theo em, cậu cứ đọc là:
Giúp cho nhau nữa để mà *quen nhau.*"

"Chỉ mới được *quen* thôi à?" Cậu Chiêu hỏi lại.

*

Thế rồi nửa tháng sau, cũng nhân dịp đò vắng khách qua lại, cô Nhợt bỗng hạ giọng thì thầm:

"Cậu Chiêu ạ! Em thấy đổi chữ *quen* thành chữ khác được đấy!"

Cậu Bảy khấp khởi mừng tiếp:

"Vậy cô còn nhớ thì đọc lại đi! Tôi sẽ làm thêm mấy câu nữa cho đầy đủ."

Trong niềm e ấp, thẹn thùng, cô Nhợt ngừng chèo, bẽn lẽn nhìn chàng trai mà cô đã chan chứa cảm tình, rồi mạnh dạn đọc:

"Giúp cho nhau nữa để mà *thương* nhau!"

Chiêu Bảy hớn hở say sưa, hồn thơ lai láng, nhanh nhẹn đọc tiếp:

Quen nhau rầy đã nên thương
Cùng nhau xe mối tơ vương chữ tình
Người xinh xinh, càng xinh xinh
Trên trời, dưới nước, giữa mình với ta!

Mối tình bắt đầu gắn bó, hai người cùng hứa hẹn với nhau một cuộc hạnh phúc lâu dài. Thế rồi câu chuyện này đến tai Nguyễn Khản đang làm chủ gia đình sau khi Xuân quận công mất. Chiêu Bảy bị anh ruột là Nguyễn Khản nghiêm ngặt cảnh cáo và cấm không cho Chiêu Bảy qua sông đi học nữa. Đồng thời, cô Nhợt cũng bị bố mẹ và các nhà chức trách trong làng mắng mỏ là không biết phận nghèo hèn, mà còn dám trèo cao, quyến rũ công tử, con cụ quận công.

Từ đó, đò ngang của cô Nhợt đã thay người chở và cậu Bảy đau đớn không bao giờ gặp lại cô thôn nữ hiền lành, dịu dàng kia nữa! Cậu đã ghi lại mối hận tình bằng mấy câu:

Yêu nhau những muốn gần nhau
Biển sâu trăm tượng, tình sâu gấp mười.
Vì đâu cách trở đôi nơi
Bến nay còn đó, nào người năm xưa?

Bến sông ngày đó là phía Bắc đường Cầu Gỗ ở Hà Nội bây giờ. Về thời Lê, chỗ này còn có ao Hàng Đào thông với hồ Hoàn Kiếm rồi tiếp theo là một con ngòi nhỏ ăn thông ra sông Cái (Nhị Hà hay sông Hồng). Từ phường Bích Câu, muốn sang bên kia sông, mọi người dân Hà Nội đều phải đi qua một cây cầu gỗ bắc qua ngòi mới ra tới bến đò có liên quan đến mối tình của cậu Chiêu Bảy với cô lái đò Đỗ Thị Nhợt.●

(Viết theo lời bạn Hoàng Nguyên Cát. 1997)

CHIA BUỒN

Được tin buồn thân phụ
của TS **Bùi Hạnh Nghi** là cụ

Phaolô BÙI VĂN CÁP

đã từ trần tại Đức Quốc
ngày 15 tháng Hai 1998
Hưởng thọ 88 tuổi
Xin chân thành chia buồn
cùng anh chị Bùi Hạnh Nghi
và tang quyến.
Cầu nguyện linh hồn Phaolô
sớm về nơi chân Chúa.

Tạp chí Thế Kỷ 21 và
- Lê Đình Điểu
- Phạm Phú Minh
- Đỗ Quý Toàn
- Thế Giang
- Nguyễn Phi Hùng

DÂN CHỦ HÓA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐƯỢC KHÔNG?

Trong số trước, quý độc giả *Thế Kỷ 21* đã đọc những bài của Trần Độ, Phan Đình Diệu, gửi cho giới lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam. TK 21 không đăng bài của ông Hoàng Hữu Nhân vì bài này nhắm gửi cho các đảng viên cộng sản khác để xây dựng đảng hơn là góp ý kiến với toàn thể dân tộc, và cách nhìn của ông Nhân còn rất hạn chế. Bài góp ý của ông Hoàng Minh Chính có chiều sâu hơn cả, nhưng còn dưới hình thức một dự thảo, chúng tôi sẽ đăng vào một số báo sau.

Ông Hoàng Hữu Nhân nhắm mục đích cứu đảng chứ chưa phải cứu dân tộc và đất nước ra khỏi cảnh nghèo đói và bị áp bức. Ông đưa ra một số đề nghị để "giữ được thành quả vĩ đại đã qua, giữ được vai trò lãnh đạo của Đảng và nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân." Đến bây giờ mà còn nói đến những "thành quả vĩ đại" và vẫn muốn giữ quyền lãnh đạo của đảng Cộng Sản thì quả thật ông đã hoàn toàn nhắm mắt trước các thực tại trong nước và quốc tế.

Vì mục đích là bảo vệ đảng, cho nên ông Hoàng Hữu Nhân đã đề nghị phải thay đổi phương pháp làm việc cho dân chủ hơn.

Nhưng ông Hoàng Hữu Nhân vẫn chưa hiểu được rằng đảng Cộng Sản không thể nào xóa bớt tính chất độc đoán chuyên quyền khi họ vẫn muốn duy trì "quyền lãnh đạo" duy nhất của họ trên xã hội. Chính Giáo sư Phan Đình Diệu đã phát biểu từ tám năm trước đây, rằng Đảng Cộng Sản không thể nào dân chủ hóa nếu họ không chấp nhận cho xã hội được dân chủ hóa. Nói cách khác, bất cứ đảng nào còn muốn duy trì quyền cai trị độc tài trong một quốc gia thì chính đảng đó không thể nào theo quy tắc dân chủ trong sinh hoạt nội bộ của họ.

Điều mà Giáo sư Phan Đình Diệu nêu lên đã được Robert Michels, một nhà xã hội học Đức diễn tả, vào cuối Thế kỷ 19. Khi quan sát các đảng xã hội ở Đức, ông thấy rằng việc lãnh đạo đảng thu dần dần vào tay một nhóm nhỏ (quả đầu.) Ông tin là "luật thép của chế độ quả đầu" sẽ diễn ra khắp nơi, ở bất cứ nước nào. Michels chịu ảnh hưởng của Karl Marx, nhưng ông nghĩ rằng cuộc đấu tranh giai cấp, sau cùng, sẽ đưa đến một giai cấp quý tộc mới, "nhóm quả đầu vô sản" thay thế cho giới quý tộc phong kiến, chứ không thể đưa đến một thể chế dân chủ. Robert Michels không sống đủ lâu (ông mất năm 1936) để thấy rằng có những chế độ dân chủ, xã hội, trong đó những người cầm quyền tả phái được dân chúng bầu lên, lật đổ đi, rồi bầu lại. Loài người không nhất thiết phải sống dưới chế độ quả đầu mãi mãi, như cách nhìn bi quan của Michels.

Nhưng đối với các quốc gia cộng sản thì "luật thép" của Michels vẫn không sai. Như ông Phan Đình Diệu nói, khi đảng Cộng Sản vẫn còn chủ trương rằng họ là đảng duy nhất đáng mặt lãnh đạo xã hội, không chấp nhận các ý kiến đối lập, thì họ không thể nào thi hành một thể thức sinh hoạt dân chủ trong nội bộ đảng. Ước vọng dân chủ hóa nội bộ đảng của ông Hoàng Hữu Nhân chỉ là một ao ước hão huyền.

Nhưng nhìn từ mặt tích cực thì đòi hỏi dân chủ hóa sinh hoạt nội bộ đảng của ông Hoàng Hữu Nhân cũng hữu ích. Vì một khi các đảng viên Cộng Sản đứng dậy đòi bỏi dân chủ hóa trong sinh hoạt đảng, thì chính họ cũng thấy điều mà giáo sư Phan Đình Diệu nói ra là đúng. Nghĩa là họ dần dần ý thức được rằng cần phải song song thực hiện dân chủ hóa ngoài xã hội thì mới đòi được quyền dân chủ ngay trong nội bộ đảng. Nhưng diễn trình giác ngộ đó đòi hỏi mất nhiều thời gian, và người dân Việt Nam không thể chờ đợi lâu như vậy. Chính các đảng viên Cộng Sản sẽ nhận thấy các khuyến cáo triệt để của Trần Độ sẽ cứu chính bản thân họ, còn cứ trì hoãn như ý kiến của Hoàng Hữu Nhân thì, như lời ông Trần Độ viết, đảng sẽ sụp đổ không thể nào cứu vãn nổi.

KHÔNG CẦN CHIA THẾ GIỚI LÀM HAI

Tuy không nói thẳng chủ nghĩa Cộng Sản đã lỗi thời, như tướng Trần Độ, ông Hoàng

Hữu Nhân là một đảng viên Cộng Sản Việt Nam đầu tiên đã nêu ra những ưu điểm của các xã hội Tây phương mà các nước cộng sản chịu thua. Người cộng sản thường gọi các nước Tây phương là "theo chủ nghĩa tư bản." Đó là do óc giáo điều và lối suy nghĩ phân biệt, chia đôi thế giới của họ. Ông Hoàng Hữu Nhân vẫn theo thói quen dùng các chữ "Phe tư bản," "Phe xã hội chủ nghĩa."

Thực ra, như những người đang sống ở Pháp, Đức, Hoa Kỳ đều biết, các quốc gia Tây phương thường không tuyên dương một chủ nghĩa chính thống độc nhất nào. Và vì họ có những cơ chế dân chủ, chắc chắn không có một hệ tư tưởng nào được coi là độc tôn. Những nhãn hiệu thường do người cộng sản đặt ra, vì cái tâm phân biệt đã thành nghiệp chướng.

Các cách xếp đặt nền kinh tế, cách tổ chức bộ máy cai trị ở những nước Tây phương chỉ là kết quả của một diễn trình tự nhiên trong xã hội khi mọi người có cơ hội tự do phát biểu và họ tranh đấu đòi quyền sống bình đẳng. Đặc tính của những xã hội Pháp, Anh, Mỹ, Nhật, Thụy Điển, Hòa Lan, v.v. là tính cởi mở, khác với những xã hội đóng kín ở các xứ độc tài, cộng sản hay phát xít. Xã Hội Mở là chìa khóa để tiến tới dân chủ và phồn thịnh về kinh tế, như triết gia Karl Popper và nhà kinh tế Friedrich von Hayek từng khai triển.

Ông Hoàng Hữu Nhân không nhìn thấy điểm trọng yếu đó. Nhưng khi đem quan điểm Mác xít để giải thích sự thành công của các nước gọi "tư bản" thì ông Hoàng Hữu Nhân dễ tạo ra mâu thuẫn. Ông cho rằng các nước cộng sản đã thất bại vì không theo "qui luật quan trọng nhất được Mác nêu lên từ đầu," là "Phải phát triển mối Quan hệ sản xuất, cho phù hợp với đòi hỏi của sự phát triển Lực lượng Sản xuất!" Trong khi đó, ông Hoàng Hữu Nhân nói, các nước tư bản đã biết luôn luôn điều chỉnh các mối Quan hệ sản xuất, và do đó, thay đổi cả Quan hệ Xã hội. Nói như vậy không khác gì nói rằng các nước tư bản làm đúng "qui luật quan trọng nhất" của Karl Marx, còn các nước cộng sản thì không!

Hai chữ "qui luật," thường dùng để nói về những điều coi là các sự thật bất biến, bao giờ cũng đúng. Karl Marx thường hùng hồn tuyên bố các thứ "qui luật" như vậy. Nhưng khi Mác nói đến Qui luật, ông muốn mô tả một trạng thái tất nhiên phải xảy ra, có tính cách mô tả sự thật khách quan (descriptive). Thí dụ, nói "cha ăn mặn, con khát nước" là có tham vọng mô tả một qui luật khách quan. Ông Hoàng Hữu Nhân đã dùng chữ "qui luật" theo nghĩa này khi ông viết, "chế độ tư bản theo qui luật thì phải diệt vong...," đó là một Marx đã quả quyết. Nhưng nếu có một "qui luật quan trọng nhất được Mác nêu lên từ đầu" mà phe tư bản thì chúng theo, phe xã hội chủ nghĩa lại không theo, thì "qui luật" đó không còn là "qui luật theo nghĩa khách quan" nữa, mà tùy thuộc chủ quan của con người.

Lý luận lúng túng chỉ vì hai chữ "qui luật" cũng còn có nghĩa thứ hai, nghĩa "qui phạm" (normative). Khi đó Qui luật là các khuyến cáo nên làm để có hiệu quả tốt nhất. Thí dụ, khi nói qui luật "nhập gia tùy tục," thì đó là khuyên bảo hơn là tuyên bố một sự thật khách quan.

Lý thuyết của Marx nói là khi phương tiện sản xuất - do đó, lực lượng sản xuất thay đổi thì (tất yếu) quan hệ sản xuất thay đổi theo, và vì thế quan hệ xã hội cũng thay đổi. Theo Marx, đó là một quy luật khách quan của lịch sử. Như chúng ta đã thấy, chính ông Hoàng Hữu Nhân đã chứng minh rằng điều đó không nhất thiết đúng, ít nhất là ở các nước xã hội chủ nghĩa, vì các đảng Cộng Sản không thay đổi các quan hệ sản xuất!

Nhưng sự thật các nước tư bản có tiến bộ nhờ học tập tốt lý thuyết của Karl Marx hay không? Hình như họ không nghiên cứu và học tập chủ nghĩa Mác nhiều bằng các nước anh em xã hội chủ nghĩa, có nhiều phần họ không biết chính ông Marx khuyên họ cái gì nữa!

Sự tiến bộ của các nước tư bản, mà ông Hoàng Hữu Nhân đã nêu lên, là kết quả một quá trình đấu tranh, đối thoại, mặc cả, trao đổi quyền lợi giữa mọi người và mọi giới trong các xã hội dân chủ. Ở những nước tư bản không dân chủ thì không có những tiến bộ đó. Điều quan trọng nhất là phải có dân chủ, phải tôn trọng tự do của người dân, khi đó xã hội sẽ tiến bộ mà không cần đưa một lý thuyết nào lên địa vị độc tôn cả.

Á CHÂU ĐANG THAY ĐỔI

Năm trước, công ty Thép Hanbo ở Nam Hàn nhờ con trai Tổng thống Kim Vĩnh Tam chạy chọt với ngân hàng, vay thêm tiền mở mang nhà máy, trong lúc mà nhu cầu thép trên thị trường đang xuống. Ngân hàng vẫn cho vay mặc dù số nợ của công ty Hanbo cao gấp 22 lần vốn. Trong một thị trường lành

mạnh, nếu quí vị bỏ ra 1 đồng vốn mà vay được 1 đồng nợ, đã lấy làm may mắn lắm rồi. Vậy mà công ty Hanbo vay được nợ, vì các ngân hàng, các nhà chính trị cầm quyền và các đại công ty gọi là Chaebol ở Nam Hàn cấu kết với nhau.

Năm nay, công ty Hanbo đã phá sản. Ngân hàng cho công ty đó vay cũng phá sản, Tổng thống Kim Vĩnh Tam về hưu, con trai của ông vào tù.

Á châu đang thay đổi!

Cũng một năm trước đây, ngân hàng đầu tư Peregrine ở Hồng Kông đã mời nhiều nhà đầu tư khác góp nhau mấy trăm triệu mỹ kim cho một công ty xe taxi ở Indonesia vay. Công ty taxi nhỏ này chưa có thành tích kinh doanh nào đủ gây tín nhiệm nhưng họ mời bà con gái lớn của Tổng thống Suharto vào Hội đồng Quản trị. Như vậy là đủ để các ngân hàng tin tưởng và cho vay.

Năm nay, ngân hàng đầu tư Peregrine đã tuyên bố phá sản, khi chính các công ty vay nợ của họ cũng bị phá sản, Tổng thống Indonesia đang lo cứu vãn nền kinh tế xứ ông, nhất là tài sản của các con ông. Trong khi đó các sinh viên ở thủ đô Jakarta đang biểu tình đòi ông phải rời khỏi quyền hành.

Á châu quả đang thay đổi.

Từ hai, ba chục năm qua, các nước Á Đông phát triển nhanh chóng khiến người ta gọi đó là "Phép lạ Á Châu." Phép lạ xảy ra vì người dân Á Đông làm việc cần mẫn, chịu khó học hỏi, tiết kiệm, và đề cao việc giáo dục. Nhưng phép lạ phát triển này dựa trên một chế độ trong đó các người cầm quyền và giới tư bản cấu kết với nhau, hỗ trợ nhau, hạn chế tự do của dân chúng, nuôi dưỡng một hệ thống tham nhũng bất chấp kỷ luật thị trường. Nền tảng đó không đủ vững chắc, bây giờ đã sụp đổ. Cơn khủng hoảng kinh tế, tài chánh diễn ra, từ Đại Hàn, Nhật Bản, cho đến Mã Lai, Nam Dương, cho thấy khi chính trị thao túng kinh tế, tham nhũng thay thế cho kỷ luật thị trường, thì nền kinh tế không thể vững bền. Kinh tế thị trường đòi hỏi tính chất minh bạch, công khai, mọi người cạnh tranh một cách bình đẳng. Chế độ độc tài không chấp nhận kỷ luật đó, sớm muộn cũng dẫn đến thất bại.

Trong mười năm gần đây, nhiều chính quyền ở Á Đông lớn tiếng cổ động cho cái họ gọi là giá trị Á châu, coi như đối chọi với văn hóa phương Tây. Hậu ý của họ trong việc cổ động đó là chống lại các đòi hỏi về nhân quyền. Họ nói nhân quyền là một giá trị của Tây phương và họ đề cao đức tính của người Á Đông là cá nhân hy sinh cho tập thể.

Nhưng khi nói "cá nhân hy sinh cho tập thể," các chính quyền ở Á Châu biết rằng "cá nhân" ở đây là người dân thường, còn chính họ là đại diện cho tập thể. Các vị tướng quân phiệt ở Đại Hàn, gia đình Suharto ở Indonesia, và các nhà tư bản ở hai xứ đó, tự coi họ là thay mặt tập thể, quyết định ai được phép kinh doanh, ngân hàng phải cấp vốn cho công ty nào.

Nhưng rõ ràng đó không phải là văn hóa Á Đông, không phải là giá trị của Á châu.

Các người cầm quyền và giới tư bản Á Đông đã lợi dụng đức tính hy sinh, nhẫn nhục của dân, đã lợi dụng tinh thần hiếu học và đức cần kiệm của dân, để cho một thiểu số làm giàu. Nhưng nền kinh tế dựa trên sự bóc lột đó đưa đến bế tắc.

Cuộc khủng hoảng tiền tệ xảy ra vì thị trường tài chánh thế giới mất lòng tin vào hệ thống chính trị và kinh tế của mấy nước Á Đông. Ông Lý Quang Diệu nhận thấy thành phố Singapore của ông thoát hiểm là nhờ nhà nước không can thiệp vào việc kinh doanh của các ngân hàng và xí nghiệp, chỉ lo bảo đảm "những luật lệ của cuộc chơi" được tôn trọng, và các đấu thủ chơi trên "sân banh bằng phẳng như nhau." Ông thú nhận không ai có thể ngờ trong nền kinh tế toàn cầu hóa hiện nay tiền vốn vào rồi rút ra khỏi các nước nhanh đến như vậy, vì chưa ai có kinh nghiệm. Nhưng ông kết luận các nước Á châu phải thay đổi. Nếu không có cuộc khủng hoảng tiền tệ thì Á Châu chưa thay đổi.

Nhưng Á châu thay đổi như thế nào?

Chúng ta có thể thấy hai con đường. Ở Thái Lan và Nam Hàn, sự thay đổi diễn ra trong hòa bình, trật tự. Nước Thái Lan đã có thủ tướng mới, ông Chuẩn Lích Pài nổi tiếng thanh liêm. Khi ông tuyên bố ngưng bổ nhiệm các tướng mới vì xứ ông có 5000 vị tướng là quá nhiều, giới quân phiệt bất bình nhưng phải chịu thua. Dân Nam Hàn đã bầu một nhân vật chống chính phủ hơn 30 năm qua lên làm tổng thống. Trong lễ nhậm chức của ông Kim Đại Trung, có mặt cả hai vị tổng thống mới được ân xá. Đại Hàn và Thái lan đã thành công trong thí nghiệm dân chủ. Nền dân chủ hai nước đó đang trưởng thành.

Trong khi đó thì ở Indonesia chế độ độc tài

vẫn chưa chịu thay đổi. Không có cởi trói về chính trị thì có thể sẽ diễn ra bạo loạn.

Nền dân chủ ở Đại Hàn đã làm nổi bật các giá trị Á Đông: Khoan dung, tương kính. Chế độ độc tài ở Indonesia sẽ phải kết thúc như bất cứ chế độ độc tài nào khác.

Việt Nam có thể nhìn thấy hai con đường để chọn: dân chủ hóa như Đại Hàn, hay ngoan cố độc tài như gia đình Suharto.

SỨC MẠNH CỦA KIM ĐẠI TRUNG

Ngay khi lên nhậm chức Tổng thống Nam Hàn, ông Kim Đại Trung phải đối đầu với tình trạng thiếu tiền. Trong tháng Ba, các công ty và ngân hàng của Đại Hàn phải trả nợ 10 tỷ Mỹ kim. Muốn trả nợ cũ thì phải đi vay thêm nợ mới, nhưng trong hoàn cảnh hiện tại rất khó đi vay. Trong khi đó dự trữ ngoại tệ của quốc gia chỉ còn 1.5 tỷ, không thể giảm bớt được vì đó là số dự trữ tối thiểu để bảo đảm lòng tín nhiệm của giới tài chánh trong nước và quốc tế.

Mối lo về tài chánh đó là chuyện nhỏ, Tổng thống Kim Đại Trung phải đối phó với hai thế lực chính trị: Các nhà đại tư bản, và các công đoàn.

Các tổng công ty (Chaebol) ở Đại Hàn vốn là đối thủ chính trị của Kim Đại Trung. Các cơ quan truyền thông do các Chaebol làm chủ vẫn mô tả ông Kim Đại Trung như là một tay thân Cộng nguy hiểm, nếu không phải là "cộng sản nằm vùng"!

Các công đoàn thì vốn là đồng minh của ông Kim Đại Trung, nay cũng có thể quay lại chống các biện pháp cải tổ kinh tế của ông. Một trong các cải tổ cần thiết là sửa luật lao động để các công ty có thể cho nhân viên nghỉ việc dễ dàng hơn. Dưới chế độ quân phiệt cũ, các tướng cầm quyền liên minh với các nhà tư bản, cho nên muốn lấy lòng các tổ chức công đoàn, họ đặt ra luật lệ lao động buộc các công ty không được sa thải. Nếu các ngân hàng và các công ty còn đủ sức bành trướng mãi thì luật lệ khắt khe đó không tác hại. Nhưng đến lúc khủng hoảng thì các công ty hết sức chịu đựng.

Nhiệm vụ của ông Kim Đại Trung là cải tổ cả hai mặt. Đối với lao động, ông sẽ buộc họ phải chấp nhận một thị trường nhân dụng linh động, không khắt khe như cũ. Còn đối với giới tư bản, ông sẽ bắt họ phải theo đúng kỷ luật thị trường, không còn hưởng các đặc quyền về tài chánh và kinh tế như cũ. Và vị tổng thống mới của Đại Hàn sẽ phải đóng vai của một nhà lãnh đạo đưa toàn dân đi qua cuộc cải tổ kinh tế khẩn cấp, đồng thời ông phải đóng vai một nhà trọng tài giữa tư bản và lao động. Điều khó khăn của ông là ông không có gì để trao đổi, chỉ có thể yêu cầu dân chúng hy sinh.

Trong cuộc bầu cử cuối năm ngoái, ông Kim Đại Trung chỉ chiếm được 40% số phiếu. Nhưng hai tháng sau đó, trước khi ông nhậm chức, một cuộc nghiên cứu dư luận cho thấy 83% dân chúng nghĩ là việc bầu ông làm tổng thống là điều tốt cho quốc gia.

Nhờ đâu mà một nhà chính trị 74 tuổi, suốt đời đóng vai đối lập, chưa từng lãnh đạo chính quyền, dù cầm quyền một huyện hay một tỉnh, chưa hề chỉ huy một công ty hay một đơn vị quân đội, kinh nghiệm quản trị và điều khiển không có, mà lại được đa số dân chúng tín nhiệm như vậy?

Sức mạnh của ông Kim Đại Trung nằm ở hai điểm. Thứ nhất, ông biết nước Đại Hàn phải làm gì và ông nói ra một cách thẳng thắn. Thứ hai, ông chứng tỏ một tư cách rất đáng kính trọng. Đối với tương lai của nước ông, Kim Đại Trung nói rõ rằng cần phải cải tổ kinh tế để thị trường thực sự tự do, nhưng ông cũng nhấn mạnh thị trường chỉ có hiệu quả nếu nền chính trị được dân chủ hóa. Ông tuyên bố: "Dân chủ và Phát triển kinh tế phải đi đôi với nhau."

Kim Đại Trung nhìn thấy rằng cơn khủng hoảng kinh tế ở Á Châu hiện nay là do xã hội chưa có dân chủ. Theo ông, dân chủ hóa là phương thuốc tốt nhất để cắt đứt chuyện tham nhũng, thông đồng giữa quan chức nhà nước với các nhà đại tư bản, và cũng tạo điều kiện cho các xí nghiệp tranh đua cải thiện hiệu quả làm ăn thay vì chỉ tranh đua coi ai quen biết lớn! Do đó, ông Kim Đại Trung nói thẳng với đồng bào của ông là phải cải tổ kinh tế tài chánh, để thị trường cởi mở hơn, công khai minh bạch hơn, và tự do cạnh tranh hơn. Muốn bảo đảm tính công khai minh bạch thì phải dân chủ hóa.

Quan điểm đứng đắn, rõ ràng, thẳng thắn của vị Tổng thống Đại Hàn tân nhiệm được người ta tin tưởng là nhờ ông chứng tỏ một nhân cách quân tử.

Thứ nhất, ông xóa bỏ các hận thù cũ. Khi mới đắc cử, ông đã tuyên bố ủng hộ vị tổng thống đương nhiệm Kim Vĩnh Tam để ân xá cho hai vị cựu tổng thống đang bị tù về tội tham nhũng và đảo chính. Hai vị tướng đó đã

từng ra lệnh bắt cóc và thủ tiêu ông. Nay chính ông ủng hộ việc ân xá cho họ.

Đối với giới tư bản, ông Kim Đại Trung đã mở cửa tiếp họ. Ông trấn an họ rằng khi cầm quyền ông sẽ đối xử với tất cả các công ty một cách công bằng. Ông ra lệnh các cơ quan chính quyền bỏ thói quen treo hình của tổng thống. Ông yêu cầu mọi người khi nói chuyện với ông bỏ lời xưng hô bằng danh hiệu tôn kính trong tiếng Triều Tiên tương đương với chữ "Ngài" trong tiếng Việt.

Một đức tính khác của Kim Đại Trung mà dân Đại Hàn kính trọng là ông thẳng thắn, không mị dân. Trong một cuộc gặp gỡ dân hai giờ liền, trực tiếp truyền hình, ông đã tỏ ra khiêm cung, không có mặc cảm, giúp người dân Đại Hàn cùng chia sẻ được đức tính đó.

Khi một thanh niên hỏi ông về chuyện để các công ty ngoại quốc mua lại các công ty Đại Hàn đang thua lỗ, như vậy có phải là lùi về tình trạng "thực dân kinh tế" hay không, ông Kim Đại Trung đã giảng cho anh ta về hiện tượng tư bản luân lưu trong nền kinh tế thế giới. Ông kết luận, "khi đồng tiền vào xứ sở tôi, nó trở thành tiền cho xứ tôi dùng!" Ông đổ một gáo nước lạnh lên tâm thức đồng bào ông khi nhắc đến một bài báo ngoại quốc chỉ trích dân Đại Hàn "thô lỗ cục cằn hạng nhất thế giới." Ông nói: "Nếu người ngoại quốc nghĩ như vậy, thì còn ai muốn đến xứ ta đầu tư? Còn ai muốn đến đây du lịch? Còn ai muốn mua hàng của chúng ta? Làm sao chúng ta sống được?" Khán giả tham dự cuộc thảo luận truyền hình nghe ông nói sững sờ im lặng một lúc lâu, rồi họ bật dậy vỗ tay hoan hô nhiệt liệt.

Với một viễn kiến rất chín chắn và một nhân cách khả kính như vậy, ông Kim Đại Trung có nhiều triển vọng đưa Đại Hàn qua cơn khủng hoảng và sẽ phục hưng kinh tế, dân chủ hóa đất nước ông để vào thế kỷ 21.

PHẢI TIẾN TỚI ĐỐI LẬP CÔNG KHAI

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã mở mặt trận tấn công những người góp ý kiến đòi dân chủ hóa chế độ. Cuộc phản công của họ có thể đưa tới một trong hai hậu quả. Hoặc là họ sẽ dẹp tắt phong trào, ngăn cản các người có ý định đưa ra các ý kiến phê bình đảng, theo lối Phan Đình Diệu, Trần Độ, Hoàng Minh Chính, Hoàng Hữu Nhân, Nguyễn Thanh Giang. Hoặc những nhà trí thức trên sẽ bị đẩy vào thế phải tiếp tục lên tiếng, họ sẽ thu hút thêm những người có ý kiến độc lập khác, tạo thành một thế đối đầu công khai và chính thức ở trong nước.

Cuộc phản công của đảng Cộng Sản bắt đầu sau khi ông Lê Khả Phiêu cho cấp dưới lên án các ý kiến của Trần Độ, Hoàng Hữu Nhân, Phan Đình Diệu, v.v. dù không nêu đích danh. Nhiều bài đăng trên báo *Nhân Dân* dưới danh nghĩa thư và bài của độc giả, buộc tội phản động, tố cáo âm mưu lật đổ nền cai trị của đảng. Tuy họ không nêu tên những người góp ý kiến đòi cải tổ, những lá thư độc giả trên rõ ràng do một lệnh từ trên ban xuống. Họ nhắm cô lập ngay các người như Trần Độ, Hoàng Minh Chính, giống như khi cô lập những người bị bệnh nguy hiểm, ngăn không cho "bệnh dịch" lan rộng hơn. Dấu hiệu của phong trào lan rộng là việc phổ biến những ý kiến mới của Nguyễn Thanh Giang, nhà Địa cầu Vật lý học, đòi thực hiện chế độ đa đảng. Ông Nguyễn Thanh Giang đã từng mất việc, bị công an ném đá vào nhà, sau những lần nêu ý kiến chống đảng trước đây. Bài viết của ông lấy bài của Trần Độ làm cơ bản thảo luận, và ông là nhà trí thức đầu tiên ở Hà Nội nêu tên Đoàn Viết Hoạt với Nguyễn Đan Quế như các trí thức lừng danh thế giới mà bị tù cả mười năm đồng bào không được biết.

Thời đảng Cộng Sản Việt Nam triệt hạ nhóm Nhân Văn, Giai Phẩm, họ cũng bắt đầu bằng các cuộc tấn công trong báo chí, diễn xuất màn chống đối "phát xuất từ quần chúng." Tiếp theo là một cuộc phản công chính thức của các quan chức cộng sản; và sau cùng còn có màn một số nạn nhân viết bài tự kiểm thảo, ca ngợi đảng, sám hối, xin tha tội, v.v. Khi Đảng tấn công Hà Sĩ Phu và Dương Thu Hương mười năm trước đây, họ cũng gây phong trào đả kích các nhà trí thức này trên báo đảng, nhưng không dám cho người đọc biết ý kiến thực của các người bị đả kích đó như thế nào, vì không báo nào dám đăng.

Trong biến cố hiện nay, cuộc tấn công đã sang phần thứ hai, với bài xã luận trên báo *Nhân Dân* chính thức phản bác các ý kiến đòi đảng thay đổi. Khi chúng tôi điện thoại nhờ một người quen ở Hà Nội fax cho bài xã luận của báo Nhân Dân, người quen ở Hà Nội lúng túng, vì bà ta không hề đọc báo đó, mà có ai đọc cũng không bao giờ để ý mục xã luận viết cái gì!

Ngày nay, đảng Cộng Sản không còn mạnh như thập niên 1950-60 nữa, và dư luận thế

giới bên ngoài cũng theo dõi kỹ hơn. Họ không hy vọng đưa các người như Trần Độ, Phan Đình Diệu, Nguyễn Thanh Giang ra tòa chỉ vì tội góp ý kiến, họ cũng khó ép các người đó tự chối bỏ các ý kiến của mình.

Liệu đảng Cộng Sản có dám bắt giam các người đòi dân chủ hóa như đã làm đối với Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết hoạt, các hòa thượng Huyền Quang, Quảng Độ hay không? Chúng ta có thể lấy kinh nghiệm các vụ đối phó với Nguyễn Hộ và Nguyễn Văn Trấn ở Sài Gòn. Các đảng viên già này bị cô lập nhưng không chính thức bị tù vì chung quanh còn các người khác tin ở họ. Mà Trần Độ, Hoàng Minh Chính, Hoàng Hữu Nhân, v.v. được rất nhiều người tin tưởng.

Đây là một cơ hội cho những Nguyễn Thanh Giang, Phan Đình Diệu, Trần Độ, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Văn Trấn, Nguyễn Hộ, Hà Sĩ Phu, Bảo Cự, v.v. công khai đứng vào thế đối lập với đảng Cộng Sản Việt Nam. Trong khi Bộ chính trị dùng thủ đoạn ném đá dấu tay cho báo chí tấn công họ mà không nêu tên, họ nên chính thức đứng ra nhận họ là đối tượng bị đánh phá trên báo *Nhân Dân*. Thái độ công khai minh bạch đó sẽ mở đầu một tình thế mới trong đời sống chính trị ở Việt Nam.

Sau khi nông dân Thái Bình, Đồng Nai nổi lên trực diện chống đối chính quyền vì những tham nhũng bất công, đã đến lúc những đảng viên cộng sản lão thành và các nhà trí thức phải có can đảm đứng lên công khai phản đối. Bản ý kiến của Trần Độ nói cần phải tiến tới chế độ đa đảng. Nguyễn Thanh Giang và Phan Đình Diệu đã đòi hỏi chế độ đa đảng từ lâu. Dù Đảng Cộng Sản Việt Nam không chấp nhận đa đảng, các nhà trí thức cũng cần tự kết hợp lại, bắt đầu thực hiện một hình thức đối lập công khai trên thực tế. Ít nhất để chứng tỏ giới trí thức cũng can đảm bằng các nông dân nghèo khổ. Khi các nông dân Thái Bình kéo nhau đi biểu tình hàng mấy tháng trời, đánh đuổi các công an, họ biết rằng chế độ không bao giờ chấp nhận và cho phép dân chúng biểu tình! Ở nước ta lịch sử thường thay đổi khi giới trí thức đáp ứng niềm khát vọng của nông dân.●

Nhà Xuất Bản Sinh Thức

P.O. Box 1223, Herndon, Virginia 20172 . Điện thoại: (703) 787-3377
Điện thư: sinhthuc@sinhthuc.org Trang nhà: http://www.sinhthuc.org/

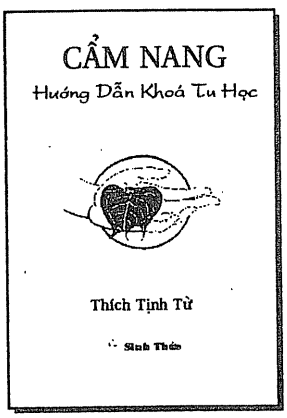

Cẩm Nang Hướng Dẫn Khoá Tu Học là một quyển sách đã được thầy Thích Tịnh Từ biên soạn rất công phu. Nơi đây thầy đã chỉ dạy thật rõ ràng những phương pháp thực tập cũng như cách tổ chức một khoá tu. Thầy Tịnh Từ đã nêu ra và giải đáp nhiều vấn đề rất cụ thể và quan trọng trong việc tổ chức. Đây là một quyển sách rất cần thiết cho tất cả mọi người, từ các anh chị Huynh Trưởng trong Gia Đình Phật Tử, các anh chị Trưởng nhóm tổ chức cho đến những Phật tử, Thiền sinh tham dự khoá tu. Mọi người trong chúng ta ai cũng cần phải hiểu rõ. Được như vậy, chúng ta mới có thể dễ dàng đạt được nhiều kết quả tốt trong việc tu học của mình - Thích Tịnh Từ, sách 180 trang, giá US $14.00

Ngoài kinh sách, nhà xuất bản Sinh Thức có phát hành rất nhiều các băng giảng âm thanh (cassettes), băng hình ảnh (video), và dĩa (CD) về nhiều đề tài tu học thiền quán của các quý thầy, quý sư cô cũng như các gối và nệm ngồi thiền. Muốn nhận Thư Mục (catalog) miễn phí, xin liên lạc với Sinh Thức hay đến viếng thăm trang nhà tại http://www.sinhthuc.org/

LƯỢC KHẢO VỀ TẬP SAN "BULLETIN DES AMIS DU VIEUX HUẾ"

(TẬP SAN ĐÔ THÀNH HIẾU CỔ XÃ)

NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

Kính tặng Anh Lâm Lễ Trinh, người "Huế gốc Nam," người không ngớt ưu tư về nước cũ, treo gương sáng cho đàn em chúng tôi.

NPBT

Kỷ niệm năm mươi năm ngày giành lại chủ quyền độc lập của quốc gia Ấn Độ (15 tháng Tám 1997), giáo sư Gokkhale thuộc Đại học New-Dehli phát biểu ý kiến là tội ác của người da trắng về mặt chính trị, kinh tế và xã hội trong hơn một thế kỷ áp đặt chế độ thực dân trên đất Á Châu là một vết dơ khó gột sạch trong lịch sử thế giới cận đại. Duy chỉ có phần nào họ gỡ lại được tội lỗi là họ đã đem phương pháp khoa học làm sống lại quá khứ huy hoàng của các dân tộc Á đông. Kết trình của công tác xây dựng này, Tây phương đã tìm phá đem trở lại ánh sáng một số cung điện, đền đài của Ấn Độ giáo, và một số tháp Phật tại Ấn Độ và Trung Hoa. Người Tây phương cũng đã dựng lên được một số cơ sở khảo cứu, một số viện bảo tàng, và ấn hành các tập san, tạp chí để nghiên cứu và phổ biến văn minh phương Đông.

Xét theo tiêu chuẩn trên để đánh giá chế độ thực dân Pháp trên bán đảo Đông Dương thuộc Pháp, thì thành quả của người Pháp chắc chắn phải đứng rất thấp trong bảng sắp hạng. Sau tám mươi năm đô hộ Lào Mên Việt, Pháp đã để lại một hạ tầng cơ sở quá tàn tệ, làm miếng mồi lý tưởng cho chủ nghĩa Cộng sản tuyên truyền và nẩy nở, dẫn tới thảm trạng Đông Dương và ngày hôm nay. Nếu phải kể phần tích cực, chỉ nói được là người Pháp đã tìm ra và trùng tu được một phần nào kỳ quan Angkor Vat bị chôn vùi trong rừng già Cao Mên. Ngoài ra, họ cũng đã xây dựng được vài ba viện bảo tàng cỡ nhỏ nhằm chưng bày một ít cổ vật địa phương để rao hàng. Còn lại bao nhiêu cổ vật quý giá và giàu giá trị thương mãi đều chiếm đoạt làm sở hữu của các viện bảo tàng Pháp như Musée du Louvre, Musée Guimet..., và nhất là thành sở hữu của tư nhân Pháp đã được công khai thổ phỉ di vật văn hóa của các nước bị trị.

Bây giờ ta thử nhìn vào công trình khảo cứu, thực hiện qua các tạp chí khảo cổ còn thấy trong các thư viện lớn trong và ngoài nước. Trên toàn lãnh thổ Việt Nam chia làm ba kỳ (Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ) cho đến đầu thập niên Bốn mươi, đếm không được mười tờ

tập san cỡ lớn hay cỡ nhỏ hướng về các môn khảo cổ học, lịch sử, địa lý hay nhân văn học nói chung.

Ta phải công bình nói ngay đến tập san *Bulltin de l'Ecole Francais d'Extrême-Orient* (Tập san Trường Pháp quốc Viễn đông Bác cổ, viết tắt BEFEO) là chiếc mề đay bằng vàng, niềm tự hào khó chối cãi được của nền văn minh Pháp tại Á Đông. Bên cạnh tờ tập san có tầm vóc quốc tế đó, phải kể tập san *Revue Indochinoise,* xuất bản tại Hà Nội được mấy năm rồi đình bản, về sau sống lại ở thành phố Vinh, lấy tên là *Nouvelle Revue Indochinoise.* Ngoài ra, leo lét thấy tờ tập san *Bulletin Economique* (Tập san Kinh tế) và tờ tập san *Bulletin de la Société de Géographie de Hanoi* (Hội Địa dư Hà Nội), được đem vào Đà-lạt khoảng thập niên Bốn mươi. Ở Nam kỳ, đất thuộc địa Pháp, ta chờ đợi là đời sống bác lãm và kinh viện của người Pháp sung mãn hơn, nhưng mà sự thật, chỉ thấy có hai tờ tập san chuyên nghiệp về nhân văn là *Revue de la Société d'Etudes Indochinoises*, và *L'Asie Nouvelle Illustrée*. Bên cạnh là tờ bổn tin của Tổng cục Du lịch, *Bulletin de l'Office du Tourisme Indochinoise,* dùng để lôi kéo du khách châu Âu đến săn voi và săn cọp ở cao nguyên Trung kỳ và thăm viếng kỳ quan Đế Thiên Đế Thích.

Ở Trung kỳ, ngày đó gọi là An-nam, có tờ tập san *Bulletin des Amis du Vieux Huế* (Tập san của *Đô Thành Hiếu cổ xã*, tên chính thức ghi trên bìa, dịch nghĩa là tập san của những người bạn cố đô Huế. Từ sau ta viết tắt AAVH: Association des Amis du Vieux Huế, Hội Cố đô Huế Hiếu cổ; và BAVH: Bulletin des Amis du Vieux Huế, tập san Cố đô Huế Hiếu cổ). Nhờ hoàn cảnh thời gian, nhờ chủ tâm hướng việc biên khảo vào một vùng địa lý nhất định (vùng Trung kỳ là đất Chàm ngày xưa, là nơi chôn nhau cắt rốn của nhà Nguyễn), và cuối cùng nhờ vào sự ngẫu nhiên, có một số vốn nhân sự náo nức điều nghiên, cho nên tờ tập san BAVH đã tạo được một địa vị rất khả quan trong lãnh vực khảo cổ mà người dân miền Trung Việt đến bây giờ vẫn hãnh diện nhắc tới.

Hoàn Cảnh Thời Gian

Viện Bảo tàng Huế được thành lập vì một số người Pháp còn lương tâm và có trách nhiệm thấy con buôn và một số tư nhân người Pháp đã hủy hoại và lấy làm của riêng quá nhiều di sản của đất Huế. Lúc đầu, lấy tên là *Thơ viện*, gom góp tất cả tài liệu (các đạo dụ, chỉ, sắc của nhà vua, của triều đình) cất tại *Sử quán*, về sau làm chỗ tàng trữ các cổ vật. Như cầu của viện Bảo tàng và một cơ quan khảo cổ đặt ra cấp bách, vì vậy mà có hội Cố đô Hiếu cổ và tờ tập san của Hội.

Lý do nào cho phép chúng ta nghĩ tập san BAVH xuất bản vào đầu thập kỷ Hai mươi là phùng thời? Khoảng hai mươi năm đầu thế kỷ, về mặt chính trị, nước ta chuyển biến thật sự từ một quốc gia độc lập tới một nước bị trị. Hòa ước Patenôtre ký kết năm 1884 xem Nam kỳ dứt khoát là đất Pháp, và ấn định một số quyền hạn hữu danh vô thực cho triều đình Huế trên đất Bắc kỳ, và ngay cả trên đất Trung kỳ. Một vài năm sau, Pháp lại thắng lợi ngoại giao ký hòa ước Thiên tân buộc người Tàu không còn xem Việt Nam là chư hầu vì Việt Nam từ nay hoàn toàn thuộc Pháp.

Mùi thuốc súng Cần vương của nhóm ái quốc Tôn Thất Thuyết và Phan Đình Phùng chỉ còn phảng phất ở vùng Thanh Nghệ Tĩnh và Bình Trị. Nơi đế đô, người Pháp củng cố rất mạnh tay chế độ hành chánh và thuế má, lôi kéo rất mau những thay đổi xã hội.

Như vậy, không lúc nào thuận tiện hơn để nghiên cứu giao thời giữa hai chế độ cũ và mới, và tập san BAVH đã biết lợi dụng cơ hội hãn hữu này.

Hoàn Cảnh Địa Dư Làm Mục Tiêu Khảo Cứu

Dietrich Seckel là một nhà học giả lỗi lạc người Đức nghiên cứu ảnh hưởng văn minh Phật giáo Ấn Độ trên các nước Đông Nam Á. Theo ông, văn minh đạo Phật truyền xuống các quốc gia phía Đông và phía Nam đất Ấn theo hai con đường như hai cái gọng kềm. Gọng kềm thứ nhất theo đường thủy qua các quốc gia Tích Lan, Mã Lai, Nam Dương, quần đảo Polynesia ngày nay, và quay lên sang đất Cao Mên (ngày xưa gọi là Phù Nam), và vào Chiêm Thành. Gọng kềm thứ hai đi đường bộ sang các quốc gia Miến Điện, đến đất Lào và hướng ra biển vào Chiêm Thành. *Hai đầu gọng kềm khép chặt lại tại một điểm nhỏ là giải đất ngày nay ta gọi là Huế* (Dietrich Seckel: *Buddhistische Kunst Ostasiens*, Stuttgart, 1957, bổn dịch tiếng Anh, New York Crown Publishing 1964). Những người chủ trương tờ tập san BAVN, ngày đó chắc cũng chưa đọc qua Seckel, nhưng đã ước lượng xác đáng khả năng phương tiện của họ, giới hạn sinh hoạt

nghiên cứu trong phạm trù địa dư là thành phố Huế và rộng hơn chút nữa là các tỉnh Trung kỳ. Các công tác nghiên cứu có tầm vóc "quốc gia" chung cho ba kỳ (nước Việt Nam độc lập cũ) và chung cho Đông dương thuộc Pháp, đều nhường lại cho Viện Viễn đông Bác cổ Hà Nội. Ngay trong bổn hiến chương của Hội đô thành Hiếu cổ (Status de l' Association) đã ghi rõ là "Hội sẽ xin được Trường Viễn Đông Bác Cổ bảo trợ." Mục đích của Hội — và tờ tập san BAVH — là "sưu tầm, gìn giữ lưu lại hậu thế các kỷ vật có tính cách chính trị, tôn giáo, nghệ thuật và văn học phía Âu châu cũng như phía địa phương, *liên quan đến thành phố Huế và các vùng phụ cận.*" Việc chọn lựa rất khôn khéo này tránh được điều ôm đồm của tờ tập san ngoài Bắc, *Revue Indochinoise* mệnh yểu, và tờ *Revue de la Société d'Etudes Indochinoises*, trong Nam, tên rất kêu, nhưng kết quả không đạt được bao nhiêu.

Vả lại, về phương diện địa lý, xuyên qua lịch sử, Huế là một cứ điểm quan trọng không kém gì đất Thăng Long ở miền Bắc. Một mảnh đồng bằng eo hẹp, bề ngang chỉ đo được bảy, tám kilô mét, bám sát vào dãy Trường Sơn, nhưng đã được ghi trong lịch sử Trung Hoa năm 200 trước Tây nguyên. Sử Trung Hoa chép thêm là 400 năm sau, Huế, kinh đô của Nam Việt (Nan Yueh) bị người Chàm thôn tính. Trong suốt một nghìn năm tiếp kế, đất Huế thay đổi chủ, bị giằng co giữa đế quốc Trung Hoa và nước Chiêm Thành. Năm 1306, Huế trở thành đất của Đại Việt. Ba trăm năm sau, Nguyễn Hoàng vào trấn đất Huế, hệ thống hóa một cuộc nam tiến quy mô kéo dài gần nửa thiên nhiên, đẩy bờ cõi Nam Việt qua tận vịnh Xiêm La. Năm 1802, vua Gia Long thống nhất nước nhà, đóng đô tại Huế, gọi nước là Việt Nam. Người Pháp chiếm nước Việt Nam giữ Huế làm kinh đô của Trung Kỳ, nhưng đặt thủ đô Đông Pháp tại Hà Nội. Năm 1945, quân Nhật đuổi Pháp, trả độc lập cho Việt Nam, Huế lại trở thành thủ đô. Tháng Chín năm 45 Cách mệnh Cộng sản đem thủ đô trở lại Hà Nội. Pháp theo gót quân Đồng minh chiếm lại Việt Nam, và vua Bảo Đại tái lập chế độ quốc gia năm 1947, đặt kinh đô mới tại Sài Gòn. Từ đó Huế mất hẳn tư thế của một thành phố thủ đô.

Trong hai mươi hai thế kỷ, Huế là đất lịch sử. Ngần đó cũng đủ cung cấp bao nhiêu đề tài cho người làm sử và học sử. Ta thử đọc từ ngòi bút của Cha Cadière: "Tất cả dữ kiện dựng lên cái mà ta gọi là cố đô Huế, theo thứ tự thời gian, gồm bốn giai đoạn: Huế tiền sử, Huế thuộc Chàm, Huế của Huế (tức là thuộc An Nam, tiếng người Pháp chỉ Nam Việt), và Huế thuộc Âu châu." Công việc điều nghiên mà Cha Cadière phác họa cho hội viên muốn sưu tầm nhằm vào bốn mục tiêu thời gian, trên một địa bàn chung là đất Huế và Trung kỳ. (Léopold Cadière: *Plan de Recherches Pour "les Amis du vieux Huế," in BAVH, Vol I, 1913).*

Hoàn cảnh nhân sự

Phiên họp đầu tiên tháng Mười Một 1913 của Hội Đô thành hiếu cổ, đề cử ông Dumoutier, Giám đốc Ngân Khố Trung kỳ làm Chủ tịch, Bác sĩ Sallet, giám đốc Y tế Trung kỳ làm thư ký, và quan trọng hơn tất cả, hội đề cử Linh mục L. Cadière, một nhà học giả ngày đó đã lẫy lừng tên tuổi phụ trách xuất bản bổn tập san của hội, lấy tên là "Bulletin des Amis du Vieux Huế."

Nhưng có lẽ ta phải nói trước tên của một nhân vật đặc biệt, chỉ là hội viên danh dự, và không viết trong tập san, nhưng là người chính yếu của hội và của tập san là Khâm sứ J.L. Charles. Thế hệ cha và ông của chúng ta không xa lạ gì với ông khâm sứ Charles. Nếu ở Hà Nội, toàn quyền Paul Doumer là nhà chánh trị ảnh hưởng lớn nhất đặt nền móng cho chế độ thuộc địa của Pháp tại Đông Dương, thì ở Trung kỳ, khâm sứ Charles là một nhà hành chánh đại tài đã biến triều đình Huế từ thế thù nghịch (tinh thần thủ cựu không che lấp được lòng ái quốc kháng Pháp, buộc phải hy sinh liên tiếp giết chết ba ông vua có ý định chủ hòa, và ngậm ngùi nhìn người Pháp lưu đày ba ông vua khác tham gia kháng Pháp) — từ thế thù nghịch trở thành thế Pháp - Việt đề huề (!). Chính Charles là người đã lựa chọn đặt vua Khải Định lên ngôi sau khi truất phế và lưu đày nhà vua ái quốc Duy Tân; chính Charles trực tiếp giám sát việc giáo dục của Hoàng tử Vĩnh Thụy ở Pháp, và dàn xếp hôn nhân giữa vua Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương. Charles là một nhà sưu tầm đồ cổ có hạng, để lại một cuốn sách (?) về đồ cổ Huế. Charles giúp đắc lực lập nên viện Bảo tàng Khải Định, tàng trữ di tích Huế ngày xưa. Tuy nhiên, những người gần ông biết là kho đồ cổ của ông đã thâu lượm được cho riêng ông còn súc tích hơn cả viện bảo tàng Huế. Nhưng ta hãy để việc phê bình ông Charles

cho nhà làm sử, và chỉ ghi nhận là ông đã tích cực làm điểm tựa cho Cha Cadière sáng lập tờ tập san BAVH, đề mục của bài lược khảo này.

* **Linh mục Léopold-Michel Cadière** là người chính thức tạo lập, vun tưới, nuôi dưỡng tờ tập san BAVH. Cha sanh năm 1869 tại Aix-en-Provence, miền Đông nam nước Pháp, mất năm 1955 tại Huế, hưởng thọ 86 tuổi. Cha tự nhận cha là một người Trung kỳ "Anamitisant," ngụ ý là một người dân Trung Việt gốc Pháp. Danh từ này rút trong bài tự thuật của cha "*Souvenirs d'un viel anamitisant,*" trong tạp chí Indochine, 1944. Cha thuộc dòng *Mission Etrangère de Paris*, sống 63 năm tại Việt Nam, hy sinh cho nhiệm vụ truyền giáo. Đồng thời, Cha là một nhà học giả, một nhà thông thái khảo cổ, được sắp ngang hàng với Louis Finot, Alfred Foucher, Paul Peliot... trong Hàn lâm viện Pháp và trong Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp, làm rạng danh cho văn minh Pháp giữa thế kỷ Hai mươi. Năm 1945 cha bị người Nhật cầm cố sau cuộc đảo chính; năm 1947 cha bị Cộng sản cầm tù ở Vinh trong thời gian sáu năm. Được phóng thích năm 1953, cha từ chối không hồi hương về Pháp, nguyện ở lại chết tại đất Huế mà cha xem là quê hương thật sự của Cha. Cha mất ngày 6 tháng Bảy 1955, chôn cất tại làng Phú Xuân, Huế. Cụ Nguyễn Văn Tố, một nhân vật lỗi lạc của Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp xem cha là "nhà học giả Việt Nam gốc Pháp ("vietnamisant") xuất sắc nhất của tiền bán thế kỷ Hai mươi." Hầu hết các tạp chí văn hóa và khoa học đều nhắc đến công trình của Cha tại Đông Dương, đặc biệt là bài "Le Père Léopld Cadière" trong Bulletin de la Société des Missions Etrangères de Paris, Hongkong, 1956, và bài viết tưởng niệm cha của cụ Bùi Quang Tung, "Le R.P. Léopold Cadière", trong BEFEO, XLIX-2, 1958. Bài của học giả Bùi Quang Tung khúc chiết và đầy đủ, trình bày sự nghiệp của cha trong mọi lãnh vực khảo cứu về lịch sử, về khảo cổ, về tín ngưỡng, về ngôn ngữ học, về xã hội học, về sắc dân học... Dĩ nhiên, những chi tiết Cụ Bùi Quang Tung trình bày đều nghiêng về vị trí của Cha Cadière trong tư cách nhân viên chính thức đại diện tại địa phương của Trường Viễn Đông Bác Cổ. Muốn nhận định rõ việc đóng góp của cha trong BAVH, phải tìm tòi trong các hoạt động của cha tại địa phương Huế, điều mà chúng ta cố gắng thực hiện trong mấy trang giấy nhỏ này.

Cha Cadière được tấn phong linh mục năm 1892, và mấy tháng sau được bổ nhiệm công tác tại giáo phận Bắc Cô-xanh-xi-na, ngày đó là tên của giáo phận Huế. Cha thành lập họ đạo tại vùng Tam Tòa, tỉnh Quảng Bình, đúng là nơi quân của chúa Nguyễn, ba trăm năm trước, xây cất Lũy Thầy, đối nghịch với quân của chúa Trịnh miền Bắc. Từ Tam Tòa, cha lại được gởi lên công tác ở miền Cù Lạc và Cổ Vưu trong lưu vực sông Gianh. Nơi đây đời sống vô cùng kham khổ, đúng là chỗ "chó ăn đá, gà ăn muối" đối với người Âu châu, nhưng đối với Cha lại là đất dụng võ. Cha bắt đầu nghiên cứu đời sống xã hội và lịch sử địa phương. Cha học chữ Nho, nghiên cứu một tấm bia quần nhà "Nguyễn đường trong" dựng lên từ hai trăm năm trước, ghi rõ ngày tháng, công trận từng cuộc giao tranh Trịnh-Nguyễn. Bài viết của Cha xuất bản, tức thời được Viện Hàn lâm Pháp tưởng thưởng. Cha tìm tòi và quan sát các di tích của văn minh Chàm rất súc tích còn lại trong vùng, đưa ra những đồ án sưu khảo có hệ thống mạch lạc. Lấy tài liệu sẵn có tại chỗ, cha nghiên cứu từng sở đất các vị chúa Nguyễn ở miền Nam đã đóng đô cư trú từ lúc ly khai với miền Bắc. Sự nghiệp văn học và khảo cứu của Cha Cadière bắt đầu từ nơi đây và lúc này.

Nhưng ta hãy trở lại với tập san BAVH. Năm 1913, sau khi công tác làm rạng rỡ cho giáo hội Pháp và Trường Viễn Đông Bác Cổ tại Đại học Louvain (nước Bỉ) và tại thư viện Tòa thánh Vatican, cha được bổ nhiệm vào dạy tại trường *Ecole Pellerin* ở Huế. Cha nhận định rõ môi trường súc tích văn học của đất Huế, ngày trước chỉ hướng về triều đại, và qua những năm loạn lạc khi người Pháp thôn tính Việt Nam, cần phải được phục hưng lại gấp, trong cái tinh thần mới là kiện toàn việc bảo hộ của người Pháp, và gìn giữ và tu bổ di tích của nơi cố đô đã bị chiến tranh và con buôn tàn phá quá nhiều. Cha liên lạc với một số người Pháp, công chức hành chánh có chút ít vốn liếng văn học sống tại Huế, thành lập hội "Đô thành Hiếu cổ xã" (Associaton des Amis du Vieux Huế, ta dịch sát nghĩa là Hội Những Người Bạn của Cố đô Huế), mục đích là để giữ gìn di tích Huế, và ấn hành tờ tập san BAVH, khuyến khích trí thức nơi đế đô (Pháp và Việt) học hỏi, nghiên cứu và phổ biến di tích xã hội và lịch sử nơi đế đô. Về mặt tinh thần bác lãm, cha được nhà thông thái Louis Finot của Trường Viễn đông Bác cổ và các

cộng sự viên của ông Finot yểm trợ. Cũng về mặt tinh thần và tài chánh, cha được ông khâm sứ Charles yểm trợ và thúc đẩy. Nơi đây tưởng cần phải nhắc lại một chi tiết nhỏ đầy ý nghĩa là Trường Viễn đông Bác cổ không ngớt xung đột với Giáo hội Gia-tô La-mã ở Huế về cá nhân của Cha Cadière: một bên Trường Bác cổ đặt nặng công tác bác lãm, muốn cha tạm gác vấn đề tu hành để chuyên chú sưu tầm; một bên nhà thờ không khi nào chịu mất một người chăn chiên lỗi lạc như cha Cadière. Cũng ở trong đề mục này, tưởng phải nhắc thêm một chi tiết nữa là mặc dù hơn sáu mươi năm Cha Cadière đóng góp vượt mức cho nhà thờ Gia-tô La-mã, cho việc khai hóa thật sự của văn minh Pháp, kể cả công tác xây dựng Pháp-Việt đề huề, Cha chưa bao giờ được nhà thờ nghĩ tới, nâng cao lên hàng giám mục, điều mà cụ Bùi Quang Tung đã kín đáo nhắc tới trong bài hoài niệm của Cụ. Nhân sinh hữu tài tất hữu... tật, Cha Cadière thông minh và tài năng tuyệt đỉnh chắc cũng không che dấu nỗi sự bực mình của Cha, sống trong môi trường quá thủ cựu của giáo hội Gia-tô ngày đó. Và hàng giáo phẩm Gia-tô và chính quyền thực dân đã lạnh nhạt đáp lễ lại cho Cha. Ta chỉ cần đọc qua những bài Cha Cadière viết trong những số đầu BAVH để hướng dẫn hội viên trong Hội Cố đô Huế hiếu cổ làm công tác sưu tầm, ta sẽ thấy rõ là Cha xem những ông tham biện như A. Bonhomme, A. Laborde..., ông chánh mật thám L. Sogny, Bs Sallet... ngồi chăm chú nghe cha như là những người học trò mới tập tễnh học nghề viết lách và sưu khảo! (L.Cadière: "Plan de Recherche pour les AVH," đã dẫn).

Nhưng có lẽ trong cuộc tranh chấp giữa chính quyền hành chánh người Pháp và Giáo hội Gia-tô sở tại, người thắng cuộc là Cha Cadière, vì cuối cùng chính cha đã lựa chọn được nhiệm sở và đồng thời giữ được công tác khảo cứu khoa học của cha. Hội Hiếu cổ thành lập năm 1913; năm năm sau, Nhà thờ đề nghị cha từ giả trường Pellerin và bổ nhiệm cha giữ chức cha sở địa phận Di Loan, và cha sốt sắng nhận lời. Di Loan dựa vào miệng sông Bến Hải, đổ ra biển tại cửa Tùng. Di Loan ví như đất Bùi Chu và Phát Diệm ở miền Bắc, là nơi các họ đạo Gia-tô đầu tiên được khai sinh trên đất Việt Nam. Đối với cha, việc này là cơ hội cha hằng ước nguyện để phục vụ Nhà thờ. Tức thời, Trường Viễn đông Bác cổ phản ứng bằng cách mời cha làm một thành viên cơ hữu của Trường, cung cấp đầy đủ phương tiện để cha xúc tiến mọi công trình khảo cứu khoa học. Cha Cadière nhận lời cả hai phía, không từ bỏ cái sứ mệnh thiêng liêng làm người chăn chiên, mà cũng không dứt tình với công tác khảo cứu khoa học. Và vô tình, cái cơ quan được hưởng lợi đầu tiên và nhiều nhất là tập san BAVH.

Ở Di Loan, cha nghiên cứu về bề sâu các tập quán tín ngưỡng của các sắc dân miền Trung. Năm 1928, vì làm việc quá độ, cha mắc bệnh đau tim, phải về Pháp chữa trị. Mấy

NGUYỄN HỮU NHẬT

THÁNG GIÊNG CỎ NON

giơ tay vuốt tóc thay lời
tháng Giêng mưa phất áo người vẫy nhau
giã từ Hà Nội phía sau
bụi sương tím sắc biếc màu cỏ non
mắt mòn nước mắt chẳng mòn
tháng Giêng chưa khóc Sài Gòn đã đau
đêm đi nằm dưới lòng tàu
nhớ mưa phùn Huế thương nhau muốn về
tháng Giêng Mai Thảo hôn mê
thủy tinh băng vỡ, pha lê tuyết rời
mưa bụi dường như vẫn rơi
trong xanh non cỏ sáng ngời ánh ánh xuân
người xa chữ nghĩ vẫn gần
mỗi năm trời đất một lần Tháng Giêng
Cỏ Non tươi, sớm Mai hiền
tình chung thơm Thảo, đời riêng lặng thầm.

Nauy, Oslo 1-1998

tháng sau, cha tham dự cuộc Hội thảo tại Luxembourg về "Tôn giáo và sắc tộc," và cha trình bày đề tài "*La famille et la Religion en pays annamite*" (Gia đình và Tôn giáo tại đất An-nam - ta phải hiểu là toàn cõi Việt Nam). Bài thuyết trình của cha được hội nghị tán thưởng, và cha cho đăng vào tập san BAVH năm 1930. Bệnh tim buộc cha phải ở lại Pháp thêm mấy tháng, nhưng cha vẫn lao tâm nghiên cứu lịch sử truyền giáo Gia-tô sang đất Việt Nam. Cha tìm được câu trả lời là các họ Giòng Tên và các giòng truyền giáo khác vì sao đã đến đất An Nam và đến bằng cách nào. Đồng thời cha gom góp được đầy đủ các dữ kiện về ông Giám mục Alexandre de Rhodes, người đã kiện toàn phương pháp viết chữ quốc ngữ. Vinh dự cho tập san BAVH, các tài liệu này được phổ biến trong tập san năm 1931 và năm 1938 (L.Cadière: *Anottations à la "Lettre" de Gaspar Luis*, in BAVH, 1931, vol 3; *Iconographie du Père de Rhodes*, in BAVH, 1938 vol 1). Năm 1948, lúc Cha Cadière đang bị Cộng sản lưu đầy tại Nghệ An, Trường Viễn đông Bác cổ trong phiên họp đầu tiên sau khi bị chiến tranh gián đoạn công tác, vinh danh cha làm *Hội viên danh dự của trường.*

* Bộ biên tập người Pháp của BAVH

Điều khó chối cãi là các hội viên, chắc chắn là quyền cao chức trọng hơn cha Cadière, đã khâm phục đúng mức và chấp nhận việc bảo trợ của cha. Ta thử duyệt qua danh sách một số cộng sự viên của BAVH. Trước tiên, cha đã lôi kéo được một số linh mục như cha hiện phục vụ tại các tỉnh miền Trung và cũng đã được thụ huấn tại Đại chủng viện Aix-en-Provence: Linh mục *R. Morineau*, sưu khảo về đồn Bao Vinh và Thanh Phước ở Huế; Linh mục *H. de Pirey*, cha sở đất Quảng Trị, sưu khảo về đất Tân Sở và đàn Nam Giao; Linh mục *J.B. Roux*, khảo sát các khám đường ở Huế ngày xưa, Linh mục *Delvaux*, sử gia, nghiên cứu chánh sách ngoại giao của vua Minh Mạng...

Trong giới công chức ngành hành chánh thuộc địa, có những cây bút rất xuất sắc như đốc sự *A. Bonhomme* điều nghiên một số cung điện trong đại nội, và các ngôi chùa lớn ở Huế; *A. Laborde*, công sứ tỉnh Quảng Ngãi, viết về địa phương ông đáo nhiệm và các chùa chiền ở Huế; *R. Orband*, đốc sự trực tiếp tham gia và mô tả lại lễ Nam Giao, và rất sành sõi về đồ đồng ở Huế. Trong giới này, phải kể thêm ông *Louis Dumoutier*, người hội trưởng đầu tiên, một tay sưu tầm đồ sành màu xanh Huế (blue de Huế), và viết một số tài liệu giá trị về môn này.

Cộng sự viên của cha Cadière trong giới giáo dục, trước phải kể những người giám đốc học chánh và hiệu trưởng các trường Trung học Khải Định, Vinh... như ông *Henry Délétie* (khảo cứu sinh hoạt trong các chùa và đền miếu Huế), *Nordeman, De Lafferranderie, Ch. Délépine* (sưu khảo lễ tấn phong vua Bảo Đại)... Rất gần người Việt, phải kể hai gia đình lớn của người Pháp ở miền Trung là *Cosserat* và *Le Bris*. Họ là những người có pha giòng máu Việt và đã thành công ở miền Trung, đóng góp nhiều trong việc sưu khảo lịch sử cận đại Việt Nam, viết với tinh thần ái quốc của người Pháp, nhưng không khỏi pha trộn lòng yêu thương đất nước của giòng máu mẹ. Đặc biệt phần đóng góp của ông *H. Crosserat* trong 25 năm sinh hoạt của hội và tập san thật vô giá.

Trong ngành y tế, cộng tác với Cha Cadière phải kể trước *Bs A. Sallet*, hội viên sáng lập, tổng thư ký của hội. Ông là người đa hiệu, cộng tác với Cụ Nguyễn Đình Hòe lập danh sách tất cả nơi đền đài, miếu, điện ở Huế, nghiên cứu các nơi danh lam thắng cảnh như núi Non Nước, như núi Bahna. Ông không quên khảo sát ngành chuyên môn của ông như cách nhuộm răng của người bản xứ, như phương tính trị liệu của cây hà-thủ-ô... Sau Bs Sallett, phải kể *Bs L. Gaide*, có tên để lại trong Bệnh viện Trung ương Huế, cũng viết về núi Bahna, và khảo sát về cách chữa bệnh của người Nam...

Phải nói thêm trong giới cộng sự với tập san BAVH, có những nhân vật... màu sắc như ông *L. Sogny*. Vợ của ông, bà Sogny, là một giáo sư từ những ngày đầu của trường Nữ trung học Đồng Khánh, vừa lớn tiếng (hay rầy rà, nhưng rất thương yêu các cô nữ sinh), vừa lớn người (ăn gì to lớn đấy đà làm sao!). Ông Sogny giữ chức vụ Chánh Mật thám Trung kỳ, một tay chôn vùi bao nhiêu người ái quốc Việt Nam, nhưng vào lúc nhàn rỗi, lại theo đòi bút nghiên, trước tác nhiều công trình nghiên cứu rất có giá trị, như các bài về cửu đỉnh trong đại nội, về điện Cần Chánh, các bài nghiên cứu cách chưng bày trên điện Thế miếu và Thái miếu, các bài về đất Chàm ở Phú Yên...

Hội Cố đô Hiếu cổ Huế hướng về nghệ thuật, bởi lẽ đó, việc trình bày tập san BAVH rất tô chuốt, và công trình đó nhờ ông *Victo*

Ducro, một vị kỹ sư và một nhà hội họa điêu khắc và một họa sĩ tài ba khác là ông *M.Gras*.

*** Bộ biên tập người Việt của BAVH**

Trong số đầu của tập san, bài "Phác họa chương trình cho Ái hữu cố đô" (đã dẫn), Cha Cadière gợi ý là người ngoại lai có yêu thương đất Huế bao nhiêu cũng không bằng dân Trung kỳ yêu thương đất mẹ. Cha ngụ ý cổ võ cho sĩ phu tham gia điều nghiên lịch sử Huế. Viết lách là nghề của các đấng trượng phu Trung kỳ, nghiệt một điều là phải viết bằng tiếng Pháp cho BAVH, mà ngôi trường trung học độc nhất trong xứ mới dạy tiếng Pháp đến bậc trung học cấp một mà thôi! Tuy vậy trong đám sĩ phu tham gia tân học, phần đông ở trong quan trường, cũng đã có những người viết tiếng Pháp rất vững, lại biết sử dụng căn bản cựu học (chữ Nho), để đóng góp vào BAVH.

Trước tiên phải kể Cụ *Nguyễn Đình Hòe* phó Giám đốc Trường Hậu bổ, sáng lập viên của Hội Hiếu cổ, và cây bút đắc lực của tập san bên cạnh cha Cadière. Công trình đóng góp của Cụ gồm hai phần. Trước tác, Cụ khởi đầu (chung với Bs Sallet) lập bản thống kê các đền, miễu, chùa chiền trên đất Huế, gợi ý cho việc điều nghiên về chiều sâu của một tác giả nào đến sau. Cụ dẫn đường bằng cách đưa ra một số bài mẫu, nghiên cứu tượng Phật ở làng Hà Trung chẳng hạn. Cụ cũng là người bổ túc hay đính chính các tài liệu do các tác giả khác nêu lên nhưng không đầy đủ hay thiếu dẫn chứng. Công việc thứ hai của Cụ là phiên dịch. Các ông hoàng, bà chúa, các vị đại thần cấp thượng thư khi phát biểu ý kiến viết bằng chữ Hán, và không đề tên thật. Ví dụ: Lễ Ngũ tuần Hoàng Thái phi (Le Cinquantenaire de la Reine-Mère Hoàng Thái phi), hoặc là Huấn từ của Cụ Thượng thư Bộ Lễ (Allocation de S.E. le Ministre des Rites). Người đọc ngay cả hồi đó cũng không biết bà Thái phi hoặc ông Thượng thư nào. Cụ Nguyễn Đình Hòe thông dịch các tài liệu này cho đại chúng. Tập tục không dùng tên cũng dần dần thay đổi. Năm 1917, Cụ Phụ chánh thân thần *Tôn Thất Hân* tham gia viết trong tập san cũng đã để danh tính rõ ràng (S.A. Tôn Thất Hân et Trần Đình Nghi: *Généalogie des Nguyễn avant Gia Long*, in BAVH 1917, No.3).

Cùng làm một công tác biên dịch và giải thích các tài liệu hoặc các sinh hoạt sang tiếng Pháp, còn có Cụ *Lê Bính*, Cụ *Hồ Đắc Hàm*... Tham gia điều nghiên các nghi lễ trong triều đình, các tập tục ngoài dân gian, ta kể tên các cụ *Đào Thái Hành, Thân Trọng Huề, Hồ Đắc Đệ, Ngô Đình Khả, Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Hiền, Hồ Đắc Khải, Tôn Thất Quảng, Đặng Ngọc Oánh, Ưng Trình, Ưng Gia, Nguyễn Văn Trình, Hoàng Yến*... (Bổn liệt kê danh tánh các Cụ đã cộng tác với BAVH này rất thiếu sót, cần phải bổ túc nhiều). Tưởng cần phải nói thêm, tập san BAVH là một công trình hướng về nghệ thuật, cho nên kèm theo mười ngàn trang chữ có 700 bức vẽ hoặc phóng ảnh đi theo bài và gần 2000 bức minh họa ở ngoài bìa do một số nghệ sĩ thực hiện, như cụ Tôn Thất Sa, Lê Văn Tùng, Trần Văn Phềnh...

Đúng theo sự sắp đặt của Cha Cadière, mỗi vị quan lại trong triều đình đã chọn lựa những đề tài thích hợp với khả năng và công tác nhiệm sở của mình để trình bày sự việc, đóng góp vào công trình chung là viết lịch sử cố đô Huế.

Cha Cadière viết là mỗi sự kiện điều nghiên nhỏ này là một khúc giây len; đem ghép các khúc giây này lại ta dệt thành tấm thảm, tức là lịch sử để lại cho đời sau.

Đất miền Trung phong cảnh xinh đẹp, người đàn bà lại mỹ miều. Các đấng trượng phu sinh ở đất Thần Kinh ông nào cũng sính làm thơ, kể cả các ông Tây chọn Huế làm quê hương. Cha Cadière hiểu vậy nên để dành riêng một số tập san ghi danh là *Huế pittoresque* (Huế đẹp như tranh, BAVH, 1916, vol.4), cho các thi sĩ Tây và Nam thổn thức với nàng Thơ.

Tổng Kết Sơ Lược Cố Đô Huế Cổ Và Tập San BAVH

Hội Đô Thành Hiếu cổ xã thành lập năm 1913, chính thức không biết chết năm nào, chắc là vào lúc đảo chính Nhật năm 1945. Đầu thập niên Bốn mươi, những người học trò nhỏ như tôi đi trên đường Jules Ferry còn thấy một ngôi nhà xinh đẹp, ngoài cổng có tấm bảng đồng đề tên hội và tập san BAVH. Tò mò nhìn vào trong, thấy một phòng hội lớn và mấy dãy tủ đựng sách: thư viện. Ngôi nhà này, lúc người Pháp tái chiếm Huế năm 46 dùng làm trụ sở Tòa án Mặt trận của Quân đội Viễn chinh Pháp, và những thanh thiếu niên có tham gia kháng Pháp đều phải đi qua khai tội. Đến bây giờ, không biết vân mòng ngôi nhà ra sao.

Sinh hoạt của hội ngày đó, như được kể trong bổn báo cáo của tập san, có buổi hội hàng tháng; trong mỗi buổi hội có phần thuyết

trình của một hội viên về một đề bài thuộc phạm vi điều nghiên lịch sử. Tiếp theo thuyết trình là phần thảo luận, tất cả đều được ghi chép đăng vào tập san BAVH.

Lúc mới thành lập, hội viên gồm 14 người (11 Pháp, ba Việt). Một năm sau hội viên tăng lên tới số trăm, và bổn danh sách cuối cùng công bố năm 1938 ghi hơn năm trăm vị. Từ năm 1920, Hội có các ông *Grass* và *Gravelle*, chuyên viên nghệ thuật cổ, tiếp tay tổ chức các cuộc du ngoạn trong vùng để nghiên cứu và sưu tầm đồ cổ cho Hội. Mục đích chính của hội là ấn hành tập san BAVH, nhưng từ năm 1924, hội cũng ấn hành một số tài liệu rất có giá trị về cổ học như *L'Art à Huế*, tác giả L. Cadière và P.Grass; *Musique annamite,* tác giả H. Le Bris và Hoàng Yến; *Les Montagnes de Marbre,* tác giả Bs A. Sallet, *Introduction à l'Etude de l'Annam et du Champa, tác giả Jean Yves Claeys...*

Tập san BAVH. Số đầu tiên xuất bản năm 1914, đúng vào lúc khởi đầu Thế chiến Một. Vì phương tiện tài chánh phải dùng dằng mãi để lựa nhà in, muốn in đẹp và rẻ. Sau cùng in tại ấn quán Imprimerie d'Extrême Orient, Hà Nội. Ấn phẩm cỡ giấy học trò, bìa màu; hai thứ chữ: Pháp và chữ Hán; chỗ nào cần, in chữ quốc ngữ.

Một điều nhận xét nhỏ nơi đây khiến cho ta ngậm ngùi (để tránh nói bất bình) với Cha Cadière là một nhà thông thái như cha mà cũng chưa dứt hết thành kiến kỳ thị. Trong suốt hơn mười ngàn trang giấy của BAVH, không bao giờ cha dùng một chữ quốc ngữ, trừ khi phải ghi tên người và tên cảnh vật. Các văn bản chữ Hán đều trực tiếp dịch ra tiếng Pháp, không khi nào thông qua Việt ngữ, xem chữ quốc ngữ như chữ Nôm ngày xưa, không có chỗ đứng trong văn học. Ngày nay chúng ta gặp khó khăn sưu tầm vì lẽ đó. Ví dụ cụ thể là các tấm văn bia. Ngày trước ông Tây đi khảo sát, đưa một cụ đồ thông chữ Hán đi theo. Cụ đồ chép chữ Hán, người thông ngôn dịch ra tiếng Pháp, ông Tây sửa in vào tập san. Ngày nay bia đã mòn hay bị phá hủy, bổn chữ Hán mất, chỉ còn lại bổn tiếng Pháp. Ta phải dịch lại bổn chữ Pháp qua tiếng Việt mà không hiểu có đúng nguyên ý chăng.

Từ năm 1914 đến năm 1941, tập san ra đều đặn, mỗi năm bốn tập từ 80 đến 120 trang, cuối năm đóng thành một bộ, ghi số năm. Bổn phóng ảnh tại trường Đại học Cornell và University of Chicago, Hoa Kỳ chỉ có đầy đủ đến năm 1938. Tác giả bài này không được đọc nguyên bản những năm cuối cùng và mong ước được các bậc thức giả bổ túc. Bộ 1923, đánh dấu mười năm ấn hành, được in thành một bổn tổng kết lấy tên *Le Bulletin des Amis du Vieux Huế, 1914-1923,* gồm bốn phần: thành tích hoạt động, bổn tổng kê đề mục nghiên cứu, bổn tổng kê tên tác giả, và bổn tổng kê danh sách hội viên Hội Hiếu cổ.

Từ năm 1924, tập san khởi sắc, bài vở có tính cách chuyên nghiệp hơn, có khi mỗi số đăng trọn một mục khảo cứu, bỏ lại xa cái vỏ "tài tử" lúc ban đầu. Như bài: *Les Montagnes de Marbre* (Núi Non Nước) của Bs Sallet, dài 137 trang, nghiên cứu vị trí, địa hình, địa lý, lịch sử, đời sống nhân văn, kỹ nghệ làm đá cẩm thạch, các điểm thắng cảnh, rõ ràng là một công trình nghiên cứu khoa học, khó có đối tượng để so sánh. Một mục khảo cứu khác *L'Art à Huế* (Nghệ thuật Huế) của L. Cadière và Gras là một công trình điêu nghiên giá trị vô song. Trong thập niên Ba mươi, tập san càng vững mạnh vì có những cây bút uy tín quốc tế như học giả *L. Finot*, viện trưởng Trường Viễn đông Bác cổ, như *Victor Goloubew,* như *Jean Yves Clayes...* Finot giải thích huyền thoại người Mọi có đuôi (*Les Moi à queue* in BAVN, 1928 No4); Yves Claeys, chuyên viên lừng danh của nền văn minh Chàm giới thiệu sự quan hệ giữa nước An-nam và nước Chàm xưa (*Introduction à l'Annam et le Champa,* in BAVH, 1936, No 1).

Biến cố chính trị trong triều đình Huế giữa thập niên Ba mươi (vua Bảo Đại về nước chấp chính, ông *Phạm Quỳnh* bỏ tờ Nam Phong vào Huế làm chính trị) cũng làm giao động tập san rất nhiều. Số cuối cùng tam cá nguyệt cuối 1938, có khuôn mặt mới của ông Nguyễn Tiến Lãng, vi vút tiếng Pháp như rồng bay phượng múa, nhưng ca tụng áng thơ *Hoa tiên* bằng tiếng Pháp-lang-sa mà không tìm đâu ra bổn tương đương bằng tiếng Việt, cũng tủi hổ cho tiếng quốc ngữ. Phê bình chung tập san, Cụ Bùi Quang Tung viết là tập san BAVH là *"một trong đôi ba ấn phẩm có giá trị nhất trên toàn cõi Đông dương"*, mà người Pháp đã để lại. Nhà thông thái Louis Finot viết: "Tập san BAVH được thực hiện với những phương tiện quá eo hẹp và trong hoàn cảnh thời gian vô cùng khó khăn, nhưng đã trở thành một tác phẩm nghệ thuật xứng đáng với thủ đô nước Nam."●

NHỮNG ẢNH HƯỞNG TRONG THƠ HỒ XUÂN HƯƠNG

NGUYỄN NGỌC BÍCH

Nói đến thơ Hồ Xuân Hương, không ít tác-giả cho rằng bà "ít học" hay không được ăn học nhiều, ngụ ý như muốn nói là chuyện bà giỏi thơ sau này là một loại hiện tượng thiên nhiên, một biểu hiện của thiên tài. Ta hãy nghe ông Thái Bạch viết trong Thơ Hồ Xuân Hương (Khai Trí xb tại Sài-gòn, Cơ sở Nhân Văn in lại năm 1983 ở San Jose, CA, trang 5-6), nhắc lại lời của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến:

Hồ Phi Diễn có một người vợ không con, ông cưới thêm một người thiếp họ Hà, quê ở Hải Dương; bà này chính là thân mẫu của Hồ Xuân Hương.

Năm Hồ Xuân Hương lên 13 tuổi, Ông Hồ Phi Diễn mất, gia đình từ phố Khán-xuân dời về phường Thọ Xương, gần Hồ Hoàn Kiếm. Hồ Xuân Hương là con duy nhất của gia đình ông Diễn, lúc nhỏ được đi học. Nữ sĩ học rất thông minh, nhưng chẳng bao lâu, gia đình nghèo túng nên phải thôi học ở nhà giúp mẹ.

Sau nhờ cố gắng học thêm, Hồ Xuân Hương được nổi tiếng là một cô gái hay thơ và hay chữ nhất vùng.

Ông Maurice Durand, chưa biết dựa vào đâu, thì có viết hơi khác sau khi đã nêu ra một số người hiển đạt trong dòng họ Hồ Phi (Hồ Phi Tích, tiến sĩ ở tuổi 26 vào năm 1700, Hồ Phi Thưởng, đồng thời với La Sơn phu tử và làm quan ở Thanh Hóa, sau đời Hồ Xuân Hương có thêm Hồ Phi Tự, cử nhân năm 1870, và Hồ Phi Thống, cử nhân năm 1900):

Chúng ta không biết tại sao gia đình HXH đã rời bỏ Nghệ An. Ở Hà Nội, gia đình xem chừng cũng sống sung túc vì HXH cũng được ăn học phần nào. Bà là con một và tên bà có thể đến từ nơi sinh ra đời: Cô Hương ở phường (Khán) Xuân.

Cô mất cha khi còn rất trẻ. Mẹ cô tái giá. Coi như cô được học ít, bữa có bữa không. Sau khi đã được ăn học một thời gian ngắn ngủi, cô phải bỏ học và đi làm kiếm sống nuôi thân một mình. Tuy nhiên, điều đó không cấm nàng trở thành thiện nghệ trong việc làm thơ. Đó là vì, cộng thêm vào một trí thông minh đã được khai mở, bà lại còn rất bén nhạy do một bẩm chất hơi

bịnh hoạn về mặt tinh thần do có mặc cảm gần như còi cút và thân hình xấu xí. (Dịch từ L'Oeuvre de la poétesse vietnamienne Hồ Xuân Hương, Paris: 1968, trang 1).

Ở Việt Nam dưới thời phong kiến, việc đàn bà phụ nữ không được ăn học nhiều là chuyện quá thường. Do vậy nên ta có thể tin được là Hồ Xuân Hương khi nhỏ cũng không được ăn học bao nhiêu — không nhất thiết vì nhà giàu hay nghèo mà là vì đó là tập tục của xã hội thời bấy giờ. Chỉ riêng sự kiện cô bé Xuân Hương được đi học đã là một tiến bộ so với thời đại của cô. Nhưng học thì có hơn một kiểu, đâu phải cứ cắp sách đến trường mới là học. Bà Đoàn Thị Điểm ngày trước học lỏm khi ông anh Đoàn Doãn Luân có thầy đồ đến nhà dạy đã chẳng là một thí dụ đó sao?

Điều tôi ngờ, do đó, là ông Hồ Phi Diễn làm nghề dạy học. Làm thầy đồ thì thế nào trong nhà cũng có học trò con trai, lớn có bé có, ra vào hàng ngày. Trong khi đó thì Hồ Xuân Hương vừa là con gái lại vừa là con một. Thế có nghĩa là ngoài chuyện giúp mẹ (có thể là có một cửa hàng), cho đến tuổi 13 khi ông Hồ Phi Diễn chết cô bé Xuân Hương chắc đã phải đun nước, pha trà, mang ống điếu lên cho bố hoặc giúp những việc lặt vặt trong lớp bố dạy. Có thể vì vậy mà từ sớm cô đã biết là con trai để ý tới mình, dùng giọng điệu bỡn cợt lả lơi để tán tỉnh và cũng có thể vì vậy mà cô cũng học lỏm được như bà Đoàn Thị Điểm khi còn trẻ năm xưa.

Tại sao ta dám nói điều này? Tôi cho rằng vì có quá nhiều chỉ dấu, vết tích trong thơ Hồ Xuân Hương là cái học của bà thực-sự "không ít." Tỷ như trong thơ chữ Hán của bà, nay còn trong Lưu Hương Ký, cho thấy là điển-tích lấy từ sách Tầu của bà rất chính-xác:

Chuyện nước Đằng bị kẹt giữa hai nước lớn là Tề, Sở nên lúc nào cũng phải giữ mình, chẳng hạn, vừa tả được rất chính xác cái thế "trên đe dưới búa" của người đàn bà lại vừa không thể do người "ít học" mà biết được (tích này lấy từ sách Xuân Thu và được dùng trong bài "Bạch Đằng giang tặng biệt").

Rồi một câu như "Lộc ao ao" ("Hươu kêu ao ao") trong bài "Giang Nam điệu" gởi Mai Sơn Phủ thì chắc chắn là do điển "Ao ao lộc minh" là tên một bài thơ trong phần Tiểu Nhã của Kinh Thi, cũng lại một chuyện mà người thường "ít học" không thể biết được. Vì học đến Kinh Thi thì không còn là chuyện học Tam tự kinh ("Nhân chi sơ, Tính bản thiện, Tính tương cận, Tập tương viễn" v.v.) nữa!

Rồi ngay những điều như các thể từ, thể ca, các điệu Giang Nam hay Xuân Đình Lan v.v. trong tiếng Hán nhất định cũng không thể là người "ít học" mà nắm được. Vậy một trong những cái ngộ nhận đầu tiên ta cần bác bỏ về cái sở học của Hồ Xuân Hương là bà "ít học."

*

Trái ngược hẳn, sở dĩ bà sở trường về luật thi, Đường thi (tứ tuyệt hay thất ngôn bát cú), ngay cả trong các bài thơ Nôm của bà, chứng tỏ là bà rất điêu luyện trong thể thơ chữ Hán này. Đây là một điều khác biệt rất lớn giữa bà và những người đồng thời như Nguyễn Du hay Phạm Đình Hổ, là những người sở-trường về lục bát trường thiên (Truyện Kiều, Mai đình mộng ký) hay song thất lục bát (Văn tế thập loại chúng sinh trong trường hợp Nguyễn Du), những thể thơ thuần túy Việt Nam hơn.

Về phương diện này, Hồ Xuân Hương lại có vẻ bảo thủ hay ít ra cũng hoài cổ. Vì viết thơ Nôm dưới dạng Đường thi lại chính là lựa chọn của những bậc tiên phong nổi tiếng như Nguyễn Trãi (1380-1442) hay Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585). Cái mới ở Hồ Xuân Hương, do đó, là cái mới trong tinh thần, cái nội dung, cái được chuyên chở trong bộ áo tứ tuyệt hay Đường thi đó.

Lấy một bài Đường thi cổ mà ngày hôm nay ai cũng xem như của bà: bài "Đánh đu." Bài này đã có từ trong Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập (đời Lê Thánh-tông, 1470-1497), phần Phẩm Vật Môn (chép theo Phạm Trọng Điềm và Bùi Văn Nguyên phiên âm, chú giải, giới thiệu, Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập, Hà-nội: Nhà xb Văn học, 1962, trang 209):

CÂY ĐÁNH ĐU

Bốn cột lang, nha cắm để chồng:
Ả thì đánh cái, ả còn ngong.
Tế hậu thổ, khom khom cật,
Vái hoàng thiên, ngửa ngửa lòng.
Tám bức quần hồng bay phới phới,
Hai hàng chân ngọc đứng song song.
Chơi xuân hết tấc xuân đường ấy!
Nhổ cột đem về, lỗ bỏ không.

Bài của bà Hồ Xuân Hương không khác là bao:

ĐÁNH ĐU

Bốn cột khen ai khéo khéo trồng!
Người thì lên đánh, kẻ ngồi trông.
Trai du gối hạc, khom khom cật,
Gái uốn lưng ong, ngửa ngửa lòng.
Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới,

Hai hàng chân ngọc duỗi song song.

Chơi xuân có biết xuân chăng tá?

Cọc nhổ đi rồi, lỗ bỏ không!

Tuy nhiên, nếu thoáng nhìn không thấy khác là bao thì đi vào chi tiết hai bài lại rất khác trong nhiều nghĩa:

Thứ nhất, về mặt hình thức bài trên còn theo Hàn luật, nghĩa là giống những bài thất ngôn bát cú của Nguyễn Trãi hay Nguyễn Bỉnh Khiêm, thỉnh thoảng còn chen vào mấy câu sáu chữ (câu ba và câu bốn), có lẽ do ảnh hưởng của lục bát trong dân gian. Đến bài sau của Hồ Xuân Hương, hình thức đã chỉnh hơn nhiều: tất cả là bảy chữ!

Thứ hai, nếu bài trên chỉ mô tả có con gái đánh đu — có thể rất đẹp song chỉ có một giống, bài dưới cho hai cặp gái trai lên đánh đu, lên xuống, "sexy" hơn nhiều (vì còn có thể tả được đó là "group sex" mà lại ở giữa thanh thiên bạch nhật).

Thứ ba, câu đầu của bà Hồ Xuân Hương khéo hơn nhiều: Câu 1 trong HĐQÂTT nói đến "bốn cột lang, nha" ("lang" là cây cau và "nha" là cây dừa) vừa không có lý (không ai làm cột bằng hai thứ cây này) vừa vụng: chữ "chồng" ở đây có thể là chơi chữ song cũng có nghĩa là "chồng chất." Câu sửa lại của Hồ Xuân Hương tránh được hai cái vô lý kia mà âm "trồng" vẫn có thể là chơi chữ cho "chồng" được.

Thứ tư, đã nói đến "chồng" mà lại không có đàn ông ở trong đó thì xem rất hụt hẫng (trong bài của HĐQÂTT) trong khi đó bài của Hồ Xuân Hương cho hai đôi trai gái lên, thật tuyệt!

Thứ năm, đặt lại câu đầu thành "Bốn cột khen ai khéo khéo trồng!" nữ sĩ đã đưa được *chữ ký* ("signature") của mình vào, so sánh với "Khéo khen ai đẽo đá chênh vênh" (hai câu liễn "Qua Cửa Đó"), "Khen thay con Tạo khéo khôn phàm" (bài "Hang Thánh Hóa chùa Thầy"), "Bày đặt kìa ai khéo khéo phòm" (bài "Động Hương Tích"),

HOÀNG LỘC

THAN THỞ VỚI CÁI XƯƠNG SƯỜN

1.
bộ xương sườn của anh
Chúa bẻ liền một cái
đủ bùa phép linh tinh
mới làm ra em đấy!

nhìn anh, cười - Chúa phán:
- cái này là của con!
giữa cõi đời thê thảm
biết đâu con... đỡ buồn?

2.
những ngàn năm đã qua
mấy kiếp đời anh trải
tìm em, tìm không ra
hông sườn anh... đau mãi

cõi đời nào thê thảm
hơn là cõi đời này?
sau những mùa kiếp nạn
mới tìm được em đây!

chính màu xương của anh
lẫn đường gân thớ thịt
ôi, ơn Chúa lòng lành
ghép sườn xưa đúng khít

3.
sao phía sườn bên phải
không hề nguôi cơn đau?
sao ngày em trở lại
vẫn thê thảm đời sầu?

bởi anh khác dần anh
qua ngàn năm vật vả
anh làm hỏng dần anh
giữa cõi người xa lạ?

4.
trong bộ sườn rã mục
chỉ còn em nguyên lành
làm sao anh giữ được
cho dài lâu mối tình?

"Khen ai khéo tạc cảnh chèo leo" ("Đèo Ba Dội") v.v.

Thứ sáu, nói về đối thì "trai" đối với "gái" (câu 3-4) thì rất mực tự nhiên, hơn hẳn "tế" với "vái" trong bài ở HĐQÂTT. Rồi "bốn" với "hai" (câu 5-6) cũng hơn "tám" với "hai" - khá tuỳ tiện.

Thứ bảy, câu bảy trong bài của bà Hồ Xuân Hương biến thành một câu hỏi nên sống động hơn một lời khẳng định trong bài của HĐQÂTT.

Cuối cùng, "cọc nhổ đi rồi" (câu 8) cũng hơn hẳn "nhổ cột đem về" vì "cọc" rất gần một chữ chỉ dương vật đàn ông và câu "nhổ đi rồi" để lại một dư âm nuối tiếc rất đặc biệt, cái mà trong tiếng La-tinh kêu là "post coitum melancholia."

* * *

Chính vì lý do đó mà nói về một "thiên tài" (chữ của Trương Tửu và Dương Quảng Hàm dùng cho bà) Hồ Xuân Hương cũng không phải là quá đáng. Cái học của bà rõ là quán xuyến kim cổ, và như bài "Đánh đu" cho thấy bà có thể chỉ thêm nếm một vài nét là biến một bài thơ khá bình thường thành một bài thơ bậc thầy. Một số bài thơ khác của bà cũng tương tợ. Để mắng hai anh đồ dốt (bài 1), bà cũng mượn hai câu trong bài "Tương phùng" rút trong HĐQÂTT (câu 5-6) trong phần Nhàn ngâm chư phẩm chi tập (bài 8):

Ong già buông nọc châm hoa rữa,
Dê yếu văng sừng húc giậu thưa.

để biến thành bốn câu bất hủ:

Khéo khéo đi đâu lũ ngẩn ngơ?
Lại đây cho chị dạy làm thơ!
Ong non ngứa nọc châm hoa rữa,
Dê cỏn buồn sừng húc giậu thưa.

Thành thử, cũng như Nguyễn Du và nhiều tác giả Việt Nam khác, Hồ Xuân Hương không phủ nhận và cũng không tìm cách giấu giếm ảnh hưởng của người khác, của văn học Trung Hoa là một văn học lớn của nhân loại và của cả những áng văn xưa trên sản phẩm của bà. Bà không chỉ giỏi văn chương — một chuyện đương nhiên rồi — bà còn rất nhanh trí khi nói đến lịch ta và ra đề cho Chiêu Hổ đối lại (tất cả mấy chữ hoa là tên của các can: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý):

Mặc áo Giáp, dải cài chữ Đinh, Mậu Kỷ Canh khoe mình rằng Quý.

Hay khi bà chê một anh Chệt nhắm nhe lấy bà (cả ba chữ viết hoa đều là nói về người Tầu):

Chân đi hài Hán, tay bán bánh Đường, miệng hát líu "lường," ngây Ngô ngấy ngố!

Song một đặc điểm rất nổi bật của bà là cái sở học của bà không phải chỉ từ sách vở. Thơ của bà dùng rất nhiều từ chuyên môn trong các ngành nghề thịnh hành thời bấy giờ ở Việt Nam, chứng tỏ là bà đi rất sát người dân và học được từ họ rất nhiều, như:

Nghề đúc với các danh từ "lò, bễ, than, đồng, kém cạnh, hoẻn, vuông tròn" trong có bốn câu của một bài tứ tuyệt ("Đồng tiền hoẻn")

Nghề mộc: "đố" với "ngàm" trong "Hang Thánh Hóa chùa Thầy."

Nghề thuốc: "cam thảo," "quế chi," "thạch nhũ," "trần bì," "qui thân," "liên nhục," "dao cầu" (bài "Bốn bà lang khóc chồng")

Nghề nông (như trong bài "Tát nước"), v.v.

Như vậy, vấn đề ảnh hưởng trong thơ Hồ Xuân Hương đã rõ. Nó gồm ít nhất ba phần:

Từ văn chương, văn hóa Trung Hoa

Từ văn chương, văn hóa Việt Nam, và

Từ cuộc sống ngay chung quanh bà, chưa kể ca dao, tục ngữ.●

CHIA BUỒN

Được tin Thân mẫu của
văn hữu **Thái Tú Hạp**

Cụ Bà THÁI TUẤN PHÁT

Nhũ danh TRẦN THỊ LANG

Đã từ trần
ngày 1 tháng Ba năm 1998
(nhằm ngày mồng 3 tháng 2 năm Mậu Dần)
tại Hội An, Quảng Nam, Việt Nam
Hưởng thọ 84 tuổi
Thành thật chia buồn cùng
anh chị Thái Tú Hạp
và tang quyến.
Nguyện cầu hương hồn Cụ Bà
sớm tiêu diêu nơi miền Cực Lạc.

Tạp chí THẾ KỶ 21

NHỮNG BÁT PHỞ VIỆT NAM

NGUYỄN CÔNG KHANH

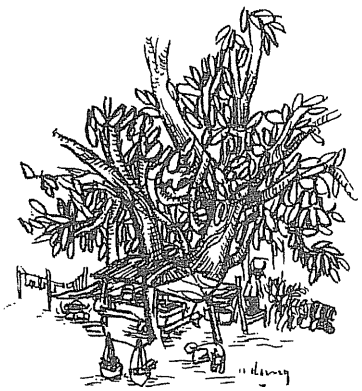

Trận tuyết đầu mùa đã đến sớm và tan trước ngày lễ Giáng Sinh trên vùng Tây Bắc.

Năm nào cũng thế, anh chỉ mong tuyết rơi thật nhiều đúng vào ngày đó để có thể lấy cớ từ chối hết mọi việc, được ở nhà ngồi ngắm ngọn lửa hồng reo vui và nghe tiếng củi nổ lách tách trong lò sưởi, hay nhìn ra cảnh vật huyền ảo bên ngoài. Tối đến có thể ngồi xem Tivi và lười biếng nằm ngủ quên trên ghế sô-pha trong phòng khách. Nhưng chẳng năm nào được như ý!

Mới thứ sáu trước lễ Giáng Sinh, còn ngồi trong sở nhìn tuyết rơi thêm dầy đặc và phủ trắng hết mặt đường. Đang lo không hiểu làm sao lái xe về nhà được thì một ông "vượt biển" mới đến, tới gần khung cửa thốt lên:

"Đẹp quá! Đẹp quá!"

Anh quay lại nhìn, thoáng thấy một chút rạng rỡ trên khuôn mặt cằn cỗi. Ông ta nói tiếp:

"Lần đầu tiên trong đời tôi trông thấy tuyết rơi, ông ạ! Sáng nay, tôi ra khỏi nhà, đi trên tuyết hàng giờ, lòng thấy thanh thản lạ thường."

Buổi tối ngày hôm sau, vợ chồng anh đến nhà một người bạn họp mặt. Khung cảnh đẹp, không khí ấm cúng; cũng có ngọn lửa hồng, cũng có những kỷ niệm xưa. Sau đó cả bọn chuếnh choáng men rượu ngồi quàng vai nhau, vỗ bàn, gõ ly và cùng hát. Hát những đoạn trong tất cả các bài hát còn nhớ lại được lúc đó. Đoạn của bài này quàng sang đoạn của bài kia, thành một bản trường ca xuôi dòng từ bốn năm chục năm về trước, bất tận và bất hủ.

Tự nhiên anh nhớ lại hình ảnh những người lính Lê dương say rượu ôm nhau lảo đảo, hát nghêu ngao trên các hè phố vắng Hà Nội, Sài Gòn vào các đêm Giáng Sinh xưa. Ngày nhỏ anh thường sợ và cố tránh xa họ; sau này mới biết trong những tiếng hát đó không phải chỉ có hơi rượu mà còn có thể vương cả

những giọt lệ của đời lính viễn chinh, một chiều nào chợt thấy mình cô đơn, chợt thấy quê hương ở một nơi nào đó, có thể là bên giòng sông Volga hay bên giòng sông Danube... đã nhòa trong nước mắt và biết là mình không mong có một ngày về nơi làng cũ, bên gác chuông xưa với những người yêu dấu không bao giờ quên.

Anh nghe lại những bài hát từ thời kháng chiến chống Pháp, anh nghĩ rằng, có những người bạn hôm đó, chắc gì đã không thấy thoáng qua nỗi nhớ của những ngày theo các đàn anh vượt sông Hồng trong một đêm không trăng, hay ngồi ghe dọc theo sông Bassac mênh mông xuôi dòng vào Đồng Tháp.

Chắc thế nào cũng có người không quên được những quãng đường rừng, có tiếng chim kêu, có tiếng vượn hót, có cả tiếng súng vang trong các vùng Đô Lương, khu Bốn, khu Năm, hay miền Thượng Du Hà Giang, Việt Bắc...

Ngày hôm sau nữa, đến đón hai vợ chồng một người bạn từ Michigan sang làm lễ cưới cho cô em gái. Chị có một thời làm xướng ngôn viên cho đài truyền hình ở Việt Nam; và anh là một giáo sư hội họa.

Hôm làm lễ cưới ở nhà thờ, phía nhà gái chỉ có hai vợ chồng người bạn là anh chị cô dâu, và vợ chồng anh. Còn lại toàn là phía nhà trai. Lúc đứng trong thánh đường rộng thênh thang và khúc nhạc cưới nghiêm trang trỗi dậy, người anh rể thay mặt thân sinh cô dâu, còn ở Việt Nam, từ ngoài theo điệu nhạc dìu cô dâu đi vào.

Anh nhìn chị bạn ở hàng ghế trên, thấy chị đang cúi xuống chấm nước mắt. Bỗng nhiên anh cảm thấy trong chỗ đông người cũng có sự cô đơn và trong ngày vui cũng có những giọt nước mắt. Nhìn sang bên cạnh, vợ anh đang đưa khăn lên mắt. Anh cũng thấy lòng dưng dưng cảm động.

Ngay tối hôm đó hai vợ chồng người bạn phải trở về Michigan. Có một điều anh lấy làm ân hận không có đủ thì giờ đến mời họ đi ăn phở; tuy rằng ngày hôm trước cô em gái đã đưa họ đi thăm quán Phở Bắc một lần rồi.

*

Bên ngoài trời mưa rả rích. Thỉnh thoảng một cơn gió nhẹ lại thổi tạt một lớp mưa bay lất phất vào cửa kính. Ngồi một mình trong nhà, anh lười biếng chợt nghĩ nếu bây giờ có một người bạn nào đến rủ đi ăn một bát phở nóng, và sau đó uống một ly café đen, ngồi nghe những bản nhạc cũ và nói chuyện phiếm thì cuộc đời thật không còn gì bằng nữa.

Anh lại nhớ đến người bạn từ Michigan sang đây, cao lương mỹ vị không thích mà chỉ thèm ăn phở. Đột nhiên bao nhiêu kỷ niệm và giai thoại quanh gánh phở được gợi lại. Anh lại nhớ, hơn 20 năm trước đây, lang thang trong trại tị nạn tại Cali, chỉ mong gặp được những người quen cũ. Một lần gia đình anh ngồi cùng bàn ăn với một gia đình khác. Ông chồng nhìn anh nhiều lần, muốn nói cái gì nhưng lại thôi. Sau cùng, ông ta lên tiếng:

"Tôi trông ông quen quá, không hiểu đã gặp ông ở đâu."

Anh cũng nhìn lại ông, cái hình dáng rất quen thuộc, có lẽ anh đã gặp hàng ngày trong quãng thời gian trước. Anh nói:

"Tôi trông ông cũng quen lắm."

Cả hai lại cùng tiếp tục ăn. Một lúc ông ta nhìn lại anh một lần nữa và nói gần như reo:

"Chắc ông hay ăn phở Tàu Bay!"

Anh cũng kêu lên:

"À, thì ra mình đã gặp nhau ở tiệm phở."

Thành ra hình ảnh những người hay ăn phở như anh và ông ta đã thành không tên, không tuổi, muôn thuở bàng bạc không quên. Có thể anh đã trông thấy ông ta thường ngồi ở bàn dưới cái đồng hồ, hay dưới cuốn lịch Tam Đa và thường gọi thêm một tô nước tiết mỗi sáng. Có thể, sau khi ăn xong một tô xe lửa nóng toát mồ hôi, anh lại gặp ông ta trong cái hẻm nhỏ bên cạnh, với một ly cà phê đá và vài chiếc bánh rán nóng hổi.

Hồi ở Sài Gòn, có một năm anh được gửi đi học Anh văn để chờ đi Mỹ du học. Sáng nào cũng vội vàng ăn phở của một bà ở góc đường Sương Nguyệt Ánh. Ăn xong đứng dậy trả tiền thì ba ta chỉ và nói là đã có người trả rồi. Anh nhìn theo và một lúc mới nhận ra là một người bạn cùng đại đội hồi học lớp sĩ quan tại quân trường Đồng Đế. Những ngày sau nữa trong lúc anh còn đang ăn, thì anh ta đến lúc nào, ngồi ở chỗ nào cũng không hay. Khi anh trả tiền, thì lần nào bà hàng phở cũng nói có ông đã trả rồi. Anh lại nhìn quanh cố tìm và lại thấy anh ta cười xòa, hóm hỉnh. Nhiều hôm trễ cả học vì ngồi lại nói chuyện lính tráng ngày xưa kẻ mất, người còn. Khi vào lớp, cũng may là các cô giáo trẻ không nỡ nặng lời với học trò già.

Anh cố "trả thù," nhưng năm thì mười họa mới trả được một lần. Chắc anh bạn kia là một cây phở lì và nằm vùng ở đó đã lâu. Anh

cố nghĩ mà vẫn không hiểu tại sao anh ta lại nhớ và biệt đãi anh như thế. Chỉ biết rằng anh bạn đang làm ăn khá giả nhờ có cửa tiệm bán Vespa ngay góc đường Hồng Thập Tự và Lê Văn Duyệt.

Anh lại nhớ đến ông cụ thân sinh ra anh, cũng là một vua ăn phở. Mỗi sáng đi làm, ông cụ thường ăn ở một quán phở cạnh sở Hỏa xa Saigon. Quen quá đến nỗi như một tiền lệ bất di bất dịch, chú dọn bàn cứ thấy bóng ông cụ ở đầu phố là đã cất tiếng gọi vào trong bếp:

"Một tái nạm hành trần, nước trong, một đĩa hành tây ngâm dấm!"

Khi ông cụ đến nơi là đã có sẵn sàng một tô phở ngon lành, bốc hơi trước mặt. Có lần, ông cụ đi qua giả vờ không ghé, khiến chú ta vừa bưng bát phở vừa kêu ơi ới:

"Tái nạm hành trầm, nước trong, một đĩa hành ngâm dấm, có ngay rồi đây cụ ơi!"

*

Nếu đem góp nhặt tất cả các giai thoại về phở của anh và tất cả mọi người thì chắc sẽ thành một trường thiên không bao giờ hết. Nhất là khi nghĩ đến những áng văn chương về phở. Bà chị anh vừa gửi cho bài "Phở Đức Tụng" của thi sĩ Tú Mỡ. Ông coi phở như một cái đạo và làm thơ thành kinh để ca tụng phở:

.....

Phở đại bổ! tốt bằng mười thuốc bắc.
Quế, phụ, sâm, nhung chưa chắc đã hơn gì.
Phở bổ âm, dương, phế, thận, can, tì,
Bổ cả ngũ tạng, tứ chi cùng bát mạch.
Anh em lao động, đồng tiền không rúc rích
Coi phở là món thuốc ích vô song.
Các bậc vương tôn, thường chả phượng, nem công
Chưa nếm phở vẫn còn không đủ món.

.....

Anh cũng không quên được Hoàng Hải Thủy, trong cuốn "Yêu Tiền," ông có một nhân vật là thi sĩ, vì yêu con gái ông chủ tiệm phở nên phải chịu làm bồi bàn để được gần người đẹp.

Do đó khách ăn phở nhiều lúc phải giật mình kinh ngạc khi thấy anh "bồi phở" gọi vào trong bếp:

Một phở tái, hai phở tái, ba phở tái
Ngầu pín cất lớn khoanh tròn
Gân mềm đừng lấy bạc nhạc,
Em ơi còn sụn không em!
Hành tây đừng quên đi nhé!

*

Anh nhớ đến các nhà văn như Thạch Lam đã viết cuốn "Hà Nội Ba Mươi Sáu Phố Phường," trong đó có bài "Cốm" đã được chọn làm bài học thuộc lòng hồi tiểu học khó lòng có ai quên. Và hàng bún ốc với các cô đào về đêm ngồi ăn mà *"nước ốc chua làm nhăn nét mặt tàn phấn, miếng ớt cay làm soa suýt những cặp môi héo hắt và khiến đôi khi nhỏ những giọt lệ thật thà hơn cả những giọt lệ tình..."* Có thể nói Thạch Lam là nhà văn đầu tiên viết về phở và các món ăn Việt Nam.

Mãi đến năm 1957, phở lại được Nguyên Tuân tán rộng trong tạp chí Nhân Văn tại miền Bắc. Ông kể lại cảnh ông và một số bạn bè ngồi bên hồ ở Helsinki, Thụy Điển, thèm nhớ đến bát phở ở quê hương. Trong "Miếng Ngon Hà Nội" xuất bản cùng năm tại miền Nam, phở và những miếng ngon, những hương hoa của đất nước lại được nhà văn Vũ Bằng nói đến mà báo Nắng Sớm 1957 đã viết: *"thật là sâu sắc, tế nhị, thật là chan chứa tình cảm, chan chứa tình yêu đời, yêu nước."*

Mối tình của Vũ Bằng với người vợ đầu tiên của ông rất thắm thiết dù bà hơn ông nhiều tuổi. Khi đất nước chia đôi, vì một sự không ngờ, hai ông bà phải xa nhau trong cảnh kẻ Bắc người Nam. Suốt hai mươi năm trời, bao nhiêu nhớ thương ông đã dồn vào các tác phẩm ông viết.

Trong cuốn "Miếng Ngon Hà Nội," đã phảng phất hình bóng bà. Nhưng đến "Thương Nhớ Mười Hai" thì ông đã viết hẳn cho bà. Một năm có mười hai tháng; mỗi tháng lại có một nỗi nhớ nhung riêng, những kỷ niệm thương yêu cũ, những món ăn tinh vi cầu kỳ, đã đẹp mắt lại lạ miệng, tự tay bà chăm chút nấu nướng, để ông thưởng thức. Bà là một phụ nữ có nhan sắc, hiểu biết rộng, quảng giao, lại vô cùng khéo léo. Bà đã là một nguồn cảm hứng vô biên cho cuộc đời viết văn của ông.

Những trang đầu của hai tác phẩm trên, ông đều đề tặng bà với những lời nhớ thương tha thiết. Đang viết dở chừng cuốn "Thương Nhớ Mười Hai" thì nghe tin bà mất ở Hà Nội, ông đã khóc: *"Thương không biết bao nhiêu, nhớ không biết ngần nào người bạn chiếu chăn... cuốn sách này để thay mấy lời ai điếu."*

Mấy tuần trước khi rời nước ra đi, lần cuối anh đến thăm ông ở một căn nhà bên Khánh Hội, nhưng ông đi vắng. Nhiều năm trước nhận được lá thư từ Việt Nam, người con út của hai ông bà là một giáo sư đã ngoài 50 tuổi,

báo tin ông đã mất ở Sài Gòn.

*

Hãy nghe Vũ Bằng tả sự hấp dẫn của một quán phở:

"Ngay từ đằng xa, mùi phở cũng đã có một sức huyền bí quyến rũ ta như mây khói chùa Hương đẩy bước chân ta, thúc bách ta phải trèo lên đỉnh núi để vào chùa trong rồi lại ra chùa ngoài. Ta tiến lại gần một cửa hàng bán phở: thật là cả một cảnh bài trí nên thơ.

"Qua lần cửa kính, ta đã thấy gì? Một bó hành hoa xanh như lá mạ, dăm quả ớt đỏ buộc vào một cái dây, vài miếng thịt bò tươi và mềm, chín có, tái có, sụn có, mỡ gầu có, vè cũng có... Người bán hàng đứng thái bánh, thái thịt luôn tay, thỉnh thoảng lại mở nắp một cái thùng sắt ra để lấy nước dùng chan vào bát. Một làn khói tỏa ra khắp gian hàng, bao phủ những người ngồi ăn ở chung quanh trong một làn sương mỏng, mơ hồ như một bức tranh Tàu vẽ những ông tiên ngồi đánh cờ ở trong rừng mùa thu.

"Trông mà thèm quá! Nhất là về mùa rét, có gió bấc thổi hiu hiu, mà thấy người ta ăn phở như thế thì chính mình đứng ở ngoài cũng thấy ấm áp ngon lành. Có ai lại đừng vào ăn cho được."

Bây giờ, bước vào trong quán, hãy nhìn vào bát phở thôi chưa cần ăn đã thấy ngon rồi. Thạch Lam viết:

"Nước thì trong và lúc nào cũng nóng bỏng, khói lên nghi ngút. Rau thơm tươi, hồ tiêu bắc, giọt chanh cốm ngát, lại điểm thêm một chút cà cuống thoáng nhẹ như một nghi ngờ."

Và đây, bát phở Tráng của Vũ Bằng:

"Cứ nhìn bát phở không thôi, cũng thú. Một nhúm bánh phở; một ít hành hoa thái nhỏ, điểm mấy ngọn rau thơm xanh biêng biếc; mấy nhát gừng màu vàng thái mướt như tơ; mấy miếng ớt mỏng vừa đỏ màu hoa hiên vừa đỏ sậm như hoa lựu... ba bốn thứ màu sắc đó cho ta cái cảm giác được ngắm một bức họa lập thể của một họa sĩ trong phái văn nghệ tiền tiến dùng màu sắc hơi lố lĩnh, hơi bạo quá, nhưng mà đẹp mắt."

"Thế là 'bài thơ phở' viết xong rồi đấy, mời ông cầm đũa. Húp một tý nước thôi, đừng nhiều nhé! Ông đã thấy tỉnh người rồi phải không?"

Đấy là chỉ nhìn thôi, bây giờ Vũ Bằng cho biết thế nào là một bát phở ăn được:

"Điều cần nhất là bánh phải mỏng và dẻo, thịt mềm, và nhất là nước dùng phải ngọt, ngọt kiểu chân thật, nghĩa là ngọt vì nhiều xương, tẩy vừa mà không nồng, lại tra vừa mắm vừa muối, không mặn quá mà cũng không nhạt quá.

"Đạt được mấy điều đó tức là phở ăn được đấy."

Thêm nữa, cả hai ông đều có những "định nghĩa" về một bát phở ngon có nhiều điểm tương đồng. Thạch Lam viết:

"Nếu là gánh phở ngon không có đâu làm nhiều nước dùng trong và ngọt, bánh dẻo mà không nát, thịt mỡ gầu dòn chứ không dai, chanh, ớt, với hành tây đủ cả. Chả còn gì ngon hơn bát phở như thế nữa. Ăn xong bát thứ nhất, lại muốn ăn luôn bát thứ hai."

Vũ Bằng đi xa hơn vào sự thưởng thức của tất cả ngũ giác và lại đây lãng mạn:

"Nước dùng nóng lắm đấy, nóng bỏng rẫy lên,

HUỲNH LIỄU NGẠN

MỘT CHÚT HỒN TÔI NHƯ TƠ VƯƠNG

không hẹn rồi em có về qua
xóm vắng hoang liêu mấy nếp nhà
em đi giêng hai mưa đổ lại
tôi chờ hôm nay qua hôm mai
chờ đêm xuống vội ngoài khung cửa
chờ ánh đèn lên tỏ mặt đường
chờ tiếng chân người qua ngã phố
một chút hồn tôi như tơ vương
chẳng hẹn hò sao mà nhớ thương
mùa mưa tóc ướt rủ qua đường
em về rẽ bước vô trong xóm
cho nhớ nhung tràn ngập đại dương
rồi thôi rồi thôi em xa xôi
tìm chi ước vọng của cuộc đời
trăm năm thôi thế tram năm chỉ
người đi người đi như mây trôi.

nhưng ăn phở có như thế mới ngon. Thịt thì mềm, bánh thì dẻo, thỉnh thoảng lại thấy cay cái cay của gừng, cay cái cay của hạt tiêu, cay cái cay của ớt; thỉnh thoảng lại thấy thơm hăng hắc cái thơm của rau thơm, thơm dìu dịu cái thơm của thịt bò tươi và mềm... rồi thì hòa hợp tất cả những vị đó lại, nước dùng ngọt cứ lừ đi, ngọt một cách hiền lành, êm dịu, ngọt một cách thành thực, thiên nhiên, không có chất gì là hóa học... Không, ông phải thú nhận với tôi đi: Có phải ăn một bát phở như thế thì khoan khoái quá, phải không?

"Quả vậy, ăn một bát phở như thế, phải nói rằng có thể "lâm ly" hơn là nghe thấy một câu nói hữu tình của người yêu, ăn một bát phở như thế, thử có thể ví như sau một thời gian xa cách, được ngã vào trong tay một người vợ đẹp mà lại đa tình vậy!"

Anh đã thấy thật khó mà mọi người có một định nghĩa chung tàm tạm về một bát phở ngon. Nếu có đi ăn đến hàng ngàn tiệm phở, không tiệm phở nào giống tiệm phở nào. Bát phở mỗi nơi có một phong cách riêng, một chút đặc biệt mà nơi khác không có và do đó tiệm phở nào cũng có người ăn.

Nhưng những người sành ăn lại muốn biết thế nào là "chân giá trị" của một bát phở. Nguyễn Tuân viết:

"... Thật ra, ăn phở cho đúng, đúng cái 'gu' của phở phải ăn thịt chín. Thịt chín thơm hơn thịt tái, mùi thơm miếng thịt chín mới biểu hiện đúng cái tâm hồn của phở. Thêm nữa, về mặt nhận thức tạo hình người thẩm mỹ bao giờ cũng thấy miếng thịt chín đẹp hơn miếng thịt tái."

Vũ Bằng viết:

"Muốn biết chân giá trị của nó, theo lời người biết ăn phở, phải là thứ phở chín không thôi, phở chín mà ngon thì mới thật là ngon đấy."

Và ông nhất định đi tìm cái chân giá trị đó:

"Thực ra, điều quan hệ trong một bát phở là cái bánh, nhưng thứ nhứt, như trên kia đã nói, phải cần có nước dùng thật ngọt. Bí quyết là ở chỗ đó. Và tất cả những hàng phở ngon đều giữ cái bí quyết ấy rất kín đáo, y như người Tàu giữ của, vì thế cho nên trong làng ăn phở, vấn đề nước vẫn là một vấn đề then chốt để cho người ta tranh luận."

"Hầu hết người ta đều nhận thấy rằng muốn có một nồi nước dùng ngon, cần phải pha mì chính. Nhưng chưa chắc thế hoàn toàn là phải."

"Thuyết cho đường nhất định là bị loại rồi. Có người cho rằng phải có nhiều đầu cá mực cho vào, có người chủ trương cần phải có thứ nước mắm tốt; lại có người quả quyết với tôi rằng muốn có nước dùng ngọt, không thể thoát được món cua đồng - cua đồng giã nhỏ ra, lọc lấy nước, cho vào hầm với nhiều xương ống, nhưng phải chú ý tẩy cho thật khéo, mà cũng đừng ninh kỹ quá sợ nồng."

"Đến bây giờ, ai đã thật biết cái bí mật ấy chưa? Riêng tôi, tôi cũng đã tìm tòi suy nghĩ rất cẩn thận mỗi khi trịnh trọng nâng một bát phở lên ăn, nhưng thú thực, tôi vẫn chưa biết rằng trong tất cả những "giả thuyết" về "phương pháp làm nước dùng phở" người ta kể ra đó, giả thuyết nào là đúng."

Cuối cùng ông đã chịu thua:

Kết cục, tôi đã gạt bỏ tất cả những sự băn khoăn đó sang một bên và không buồn nghĩ nữa, vì tôi thấy rằng ăn một miếng phở, húp một tí nước dùng ngon, thỉnh thoảng điểm một lá thơm hăng ngát mà không biết tại sao phở lại ngon như thế thì phải hứng thú hơn là biết mình rõ ràng quá cái bí quyết ngon của phở."

Không phải tiệm phở nào cũng có phở ngon hợp với khẩu vị mình. Và không phải một tiệm phở ngon là ngày nào cũng có phở ngon. Có tiệm làm không đều tay, lúc ngon lúc dở, khiến thực khách đôi khi phải bực mình thấy lòng trung thành của mình không được đáp ứng.

Thạch Lam viết: *"Có người nào chịu khó đi khảo một lượt vị phở xem sao, chắc là lắm điều mặn, chát, chua, cay."* Ông phản đối những gánh phở cải lương, muốn thay đổi cái nguyên vị và ông trung thành với *"lối phở cổ điển cũng như ưa nghe tuồng chèo giữ đúng điệu xưa."*

Ngay cả Nguyễn Tuân cũng đả phá những người đi ra ngoài cái khuôn phép, cái nguyên tắc cơ bản của phở và đưa ra những công thức khác như phở vịt, phở xá xíu... Theo ông, đã gọi là phở thì phải làm bằng thịt bò. Và ông gọi các loại phở trên là phở "nổi loạn."

Vũ Bằng cũng thế, ông cũng đồng ý phải giữ cái hương vị cố hữu và ông có một nhận xét rằng *"Nói đến vấn đề ăn phở thì người Việt Nam quả là khó tính lạ lùng."*

Người sành ăn phở, người ăn phở kỹ càng không thể dễ tính, nhất tề bước vào một cửa hiệu phở thứ nhất nào để mà ăn liều ăn lĩnh.

Bởi vì những người sành ăn đó, thường không tin gì cho lắm ở những hàng phở mở cửa hàng. Người ta bảo rằng phần nhiều những hàng phở mở hiệu như thế, nước dùng không được ngọt, hoặc có ngọt thì lại là cái ngọt của mì chính, chứ không phải là cái ngọt của xương bò; ấy là chưa

nói rằng lại còn cửa hiệu phở quá vụng về muốn có nước đùng ngọt lại cho đường vào nữa. Ăn phải một bát phở như thế, không những tiếc tiền, mà lại còn thấy phí phạm cả cái công ăn, đến sinh ra lợm giọng, bực mình là khác.

"Vì thế, người ăn phở muốn cho thật đúng cung cách, phải thăm dò, phải điều tra, phải thí nghiệm kỹ càng rồi mới ăn mà một khi đã chịu giọng rồi, ta có thể tin chắc rằng người đó sẽ là một người khách trung thành, cũng như một người đàn ông nghệ sĩ trung thành với hơi hướng của người yêu, cũng như một người chồng mê vợ đã có tài làm một hai món khéo, ăn vào hợp giọng."

Ông còn nói thêm:

"Duy ta có thể chắc chắn được điểm này là một hàng phở đương làm ngon mà sút kém đi thì chỉ trong một tuần lễ, nửa tháng, cả thành phố đều biết rõ; trái lại, mới có một hàng phở nào làm ăn được thì cũng chỉ dăm bữa, mươi ngày là cả thành phố cũng đổ xô ngay đến để mà 'nếm thử,' không cần phải quảng cáo lên nhật báo lấy một giòng!

"Âu đó cũng là một điểm đặc biệt trong thương trường vậy."

Nhiều người cho rằng sở dĩ thế ấy là vì món phở đứng cao hơn mọi sự lừa bịp của thời nay; phở ngon là ngon, chứ không thể lừa dối người ta được.

"Thì ra phở không phải chỉ là một món ăn, một sự thích thú cho khứu giác, nhưng còn là một vấn đề: 'Vấn đề ăn phở và vấn đề làm phở.'

Vì thế khi ăn phở xong, mọi người thường bàn luận tất cả những vấn đề quanh bát phở kỹ lắm.

*

Hương vị phở vẫn như xưa, nhưng ngoại cảnh đã thay đổi nhiều. Ngày trước thường là phở gánh mà *"anh hàng phở có tiếng rao, có người rao nghe quạnh hiu như tiếng bánh dầy giò đêm đông trong một ngõ khuất."* Sau này là những xe phở, tiệm phở đóng đô ở một chỗ cố định và thực khách phải tìm tới ăn.

Cách người ta ăn phở cũng khác. Có một lần ở Sài Gòn, anh cùng mấy người bạn đứng đợi bàn trống ở một xe phở trước rạp Olympic. Hồi lâu mà cũng không thấy hi vọng có người đứng dậy. Ở vòng ngoài, một anh bạn sốt ruột, bàn:

"Tôi thấy cách ăn phở của họ không đúng cách. Ăn đúng cách là không dùng muỗng. Phải cầm bát phở một cách nâng niu như một tác phẩm nghệ thuật, húp từng chút nước một mới thấy ngon."

Lúc sau cả bọn đợi bàn mãi không được, bèn hùa nhau ăn phở đứng một cách ngon lành tuy hơi vất vả.

Thật tức cười, dân Hà Nội ngày trước ăn uống rất là kiểu cách, nhưng đến khi ăn phở thì lại không nề hà. Có thể đứng đầu đường, đứng góc phố, trong ngõ hẻm, ăn đứng, ăn ngồi và nhất là ít hàng phở gánh có bày bàn, nên thìa muỗng thường là được bỏ qua không dùng đến.

Người ta ăn phở bất cứ lúc nào vì phở là "món quà căn bản." Thường thì ăn phở để điểm tâm, để ăn thêm ngoài các bữa cơm, nhưng nay sang Mỹ phở lại được coi như một bữa ăn chính cho những người không đem theo túi "lunch" hay bỏ đở bữa cơm chiều.

Tên các hàng phở cũng có nhiều điều thú vị. Ngày xưa, phở gánh thường không có bảng hiệu, nên thực khách đã phải tìm các sước hiệu để gọi cho dễ nhớ.

Có thể là đặc điểm của từng anh hàng phở như phở Trọc, phở Cao, phở Gù, phở Lắp, phở Sứt... Có thể bằng những địa danh mà gánh phở ngự trị như: phở Ga, phở Gầm Cầu, phở Cửa Bắc, phở Nhà Thương... Và đặc biệt nhất là bằng tên cái mũ mà anh hàng phở đội trên đầu như phở Bê-Rê, phở Mũ Dạ, phở Mũ Đỏ, và có những anh nhặt được ở đâu những cái mũ lính tàu bò tàu bay mà đã tạo nên sự nghiệp và... tên tuổi cho phở Tàu Bay.

Nguyễn Tuân khám phá ra rằng: không có một hàng phở nào nổi tiếng lại có những tên dài lê thê hay trầm bổng du dương như "phở Thu Phong" hay "phở Bạch Tuyết" cả. Ông nghiệm ra "cái tên càng độc âm, ngắn cộc, càng đáng cho người ăn tin cậy; cái tên một chữ gọn như một nhát dao thái xuống thịt chín."

Anh chưa được đọc một tác phẩm nào nói về phở Sài Gòn. Nhà văn Vũ Bằng đã sống nhiều năm ở miền Nam, chắc ông đã thưởng thức biết bao bát phở Sài Gòn, nhưng vì ông quá thương nhớ đến bà dì anh, nên bất cứ món ăn ở đâu cũng không thể sánh bằng những món ăn ở Hà Nội.

Riêng anh thì thấy phở Sài Gòn không có gì thua kém phở Hà Nội. Anh còn nhớ những bát phở 79 đường Võ Tánh, ăn trong những ngày đầu tiên đến Sài Gòn, vẫn có những hương vị thanh tao như mùa thu Hà Nội. Rồi đến những bát phở Tàu Bay sung mãn như

đồng bằng Cửu Long; và những bát phở gà Hiền Vương, Trương Minh Giảng nước trong, thịt trắng ngà cạnh những sợi da gà thái nhỏ óng ánh như những sợi tơ vàng, và có lúc lại được điểm thêm vài chùm trứng non màu hoàng yến trông thật là vô cùng ngon mắt.

Cái thiên kiến của Vũ Bằng nhiều lúc cũng có trong anh và nhiều người. Ăn bát phở nơi này nhớ bát phở nơi kia. Ăn miếng ngon bây giờ lại nhớ đến miếng ngon ngày trước. Có lẽ vì thế cái tình quê hương của chúng ta lúc nào cũng day dứt không bao giờ nguôi.

*

Anh đã được ăn những bát phở tại Đà Nẵng, cạnh Air Viêt Nam những năm 1955, 56 mỗi lần nghỉ hè về thăm gia đình và nhớ lại những hàng phượng vĩ đỏ rực dọc sông Hàn, mà sau đó ít khi có dịp trở lại.

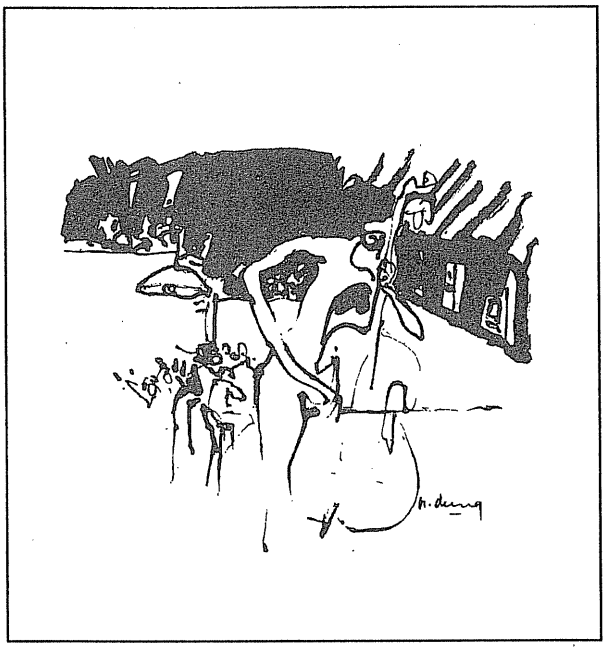

Những bát phở trong tiệm "Số Một" ở Nha Trang, ăn vội trước khi trở lại quân trường để kéo dài hàng tuần với những bữa ăn "hỏa tốc" có món thịt bò dai như vỏ xe hơi.

Anh cũng đã cố đi tìm nhưng chưa được ăn một bát phở nào ở Huế, Cần Thơ, Long Xuyên hay Rạch Giá, mà chỉ có những bát bún bò Đông Ba, hủ tíu Long Xuyên và bún, suông Kiên Giang.

Nhớ nhất là những ngày đang yêu tha thiết em một người bạn. Những lần từ đảo xa trở về Sài Gòn, nhiệm vụ của anh là ngày ngày trung thành đến "thăm bạn."

Trong khi chờ người yêu đi học về, anh lại ra chầu ngoài quán "phở Tích" đầu đường. Anh vừa ăn phở, uống cà phê vừa nghe một thực khách quen thuộc đẹp trai, tài hoa, hát hay lại nhảy giỏi là Trần Ngọc Dương tức Dương Bò đau khổ bấm những phím lục huyền cầm và hát bài "Tôi đưa em sang sông." Tự nhiên, trong tim anh cũng thấy bồi hồi và lo lắng.

Rồi đến những bát phở, sau khi đã có gia đình, bên người yêu xưa với lũ con nhỏ. Sau những buổi cơm chiều, tất cả lên xe ra khỏi nhà đi chơi. Tới khuya lại tấp vào mấy tiệm phở đường Pasteur. Anh khó có thể quên được những buổi tối Sài Gòn trời trong gió thổi mát rượi, gia đình anh ngồi cùng với bạn bè chiếm hết cả dãy bàn, bên những bát phở tái sách, gầu, vè, sụn, sữa. Chắc nhiều người còn nhớ món thịt "sữa" này. Đó là thứ thịt ở phần vú con bò, những miếng thịt được thái mỏng màu ngà, mùi vị vừa dòn vừa ngọt nên rất được ưa chuộng, nếu đến trễ thì ít khi nào còn.

Sau đó là những ngày đầu định cư trên đất Mỹ. Hàng tuần anh lại được ăn những bát phở "dò dẫm," "khám phá" ở nhà hay của bạn bè. Mọi người quây quần, vừa ăn vừa khen. Người thì gật gù, giọng khuyến khích: "Cũng gần giống phở," người thì nhiệt thành hơn, kêu: "Giống quá! Giống quá!" và ngậm ngùi nhớ đến những bát phở ở quê hương mà mình vừa rời bỏ.

Gần chục năm sau, đồng bào đến càng ngày càng đông và tiệm phở mở càng ngày càng nhiều. Anh lại được ăn những bát phở ly hương dọc theo Thái Bình Dương bên Mỹ.

Seattle với những tiệm phở chính danh, chỉ chuyên về phở: phở Bắc, Tàu Bay, phở Hòa và những bát phở trong những tiệm ăn khác.

Xuống Portland, anh ăn phở Trường. Đến Los Angeles anh ăn phở Bolsa, 79, Nguyễn Huệ, phở Ngon... và có thời phải ghi tên chờ đợi để được dẫn vào bàn ăn phở Hòa!

Sang miền Đông nước Mỹ, anh ăn những bát phở Đại Tây Dương ở Washington DC, và xuống Richmond, VA anh lại được vợ chồng cô em gái mời ăn phở nhà nấu có nêm một chút mắm ruốc khiến nước phở có vị ngọt và mềm một cách lạ.

Anh đã ăn được những bát phở suốt dọc Việt Nam. Những bát phở từ thuở ấu thời của những gánh phở đầu phố ở Hà Nội. Những bát phở thơ ngây như của Thạch Lam: *"chưa biết mùi đau khổ ấy, chưa nhiễm mùi phức tạp, không cần hành hăng, không cần chanh chua, không cần ớt cay."*

Những ngày còn là học trò từ vùng kháng chiến trở về thành, thỉnh thoảng có tiền, anh cũng mò đến phở Tráng hàng Than, mà nhà văn Vũ Bằng và nhiều người cho là "Vua phở 1952." Tay cầm chiếc bát không, anh cũng đứng chung hàng với các ông thông, ông phán đạo mạo chờ đến lượt mình. Ăn xong, lại chờ đến lượt để trả tiền. Nhiều lúc sốt ruột, đợi mãi, muốn cầm tiền đi luôn...

Anh đã lớn lên với những bát phở ở Hà Nội, sau khi đất nước chia đôi, anh lại trưởng thành với những bát phở ở Sài Gòn. Anh ăn phở gần như hàng ngày, tại những quán phở có tên tuổi như Tàu Bay, 79, Tương Lai, phở Hòa, Hòa Cựu... hay những xe phở đầu đường không ai cần nhớ tên và cũng chỉ gọi bằng những biệt danh, như các gánh phở ngày xưa.

Anh lại nhớ những bát phở vội vàng tại bến xe, ăn cố trước khi xe chạy, đưa anh về một vùng nào mịt mù, xa xôi, và không biết lúc nào trở về để có thể lại ăn phở nữa.

Rồi còn những bát phở cặn cuối cùng về khuya cùng bạn bè sau khi tan ở vũ trường ra. Những bát phở trưa trong quán vắng, trong những ngày lang thang ở thành phố, với tuổi trẻ buồn nản trôi qua.

Anh còn muốn đi khắp nước Mỹ, từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam để được thưởng thức những bát phở của đồng bào anh. Anh lại còn muốn đi khắp cả thế giới, đến những nơi có đồng bào anh ở. Từ Canada qua Pháp, Anh, Ý, Đức tới Sydney, Melbourne, Úc châu... để được đến những quán Việt Nam, ăn những bát phở Việt Nam, mà chắc nơi nào cũng vẫn giữ ít nhiều mùi vị cố hữu của bát phở quê hương.

Anh lại nhớ đến những người xưa, như Thạch Lam trong đám người ăn phở, như những *"người đều hợp lòng trong sự thưởng thức món quà ngon, nâng cách ăn phở lên hàng nghệ thuật đáng kính."*

Đến Vũ Bằng nói đến: *"những miếng ngon mà người Việt Nam ăn vào thấy ngát mùi đất nước Việt Nam, thấy mình Việt Nam hơn, và thấy thích thú, kiêu hãnh được trời cho làm người Việt Nam."*

Hơn thế nữa có Nguyễn Tuân, dù sống trong chế độ Cộng Sản bao năm cũng vẫn còn thần thánh hóa bát phở, trong một ngày xa quê hương:

"Tôi thấy rằng trong muôn vàn thực tế phong phú của nhân dân Việt Nam, có một cái thực tế mà hàng ngày ít ai nỡ tách rời nó, tức là cái thực tế phở. Cái thực tế phở ấy lồng vào cái thực tế vĩ đại của dân tộc. Trong một giọt nước rơi lóng lánh có cả câu chuyện của vầng thái dương; trong miếng ăn cũng thấy rộng được ra những điều cao cả yên vui trên đất nước bao la tươi đẹp. Tôi thấy tổ quốc ta có núi cao vòi vọi điệp điệp, có sông dài đằng đẵng, có biển bờ thăm thẳm, có những con người Việt Nam dũng cảm xây đắp lịch sử quang vinh, những công trình lao động thần thánh; nhưng bên cạnh những cái đó, tôi biết rằng Tổ Quốc tôi còn có phở nữa."

Còn riêng anh, cứ mỗi lần nhận được thư của người em từ Sài Gòn, viết rằng ông cụ thân sinh ra anh ngày ngày vẫn đáp xe đến tiệm phở, và cứ mỗi lần anh thấy đàn con vẫn ăn phở một cách say sưa thì anh vẫn mãnh liệt tin rằng Việt Nam của anh dù thế nào đi nữa và dù có ở nơi đâu đi nữa thì cũng vẫn còn và còn mãi mãi...●

CHÚC MỪNG

Được tin vui anh chị NGUYỄN TRỌNG KHÔI làm lễ thành hôn cho trưởng nam là

Joseph NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

đẹp duyên cùng cô

SARAH LOUISE ARDEN

ngày thứ Bảy 25 tháng Tư 1998
tại Dorchester, Massachusetts
Thân ái mừng anh chị
Nguyễn Trọng Khôi có dâu hiền.
Chúc hai cháu bên nhau
trọn đời hạnh phúc.

Tạp chí THẾ KỶ 21
Hội VAALA

GIÀ

MIÊNG

Bỏ chân xuống giường, bà cụ đứng lên mò sờ cửa sổ phòng mình. Ơ chân giường là cái tủ đứng ngăn với lối đi, và từ tủ cột một sợi kẽm, treo tấm màn dọc theo chiều dài giường - đó là "phòng" của cụ.

Từ cửa sổ, cụ bước dọc theo tường tới cửa xuống bếp. Qua khỏi cửa bếp, cụ phải sờ thấy tay vịn cầu thang và cách đấy vài bước cụ sờ vào góc tường phòng tắm. Rồi cụ quay gót, sờ đụng tay vịn cầu thang, bước tới cửa bếp, về "phòng," sờ vào cửa sổ, leo lên giường, sì sụp lạy bốn phương... ngày hai bận.

"Phòng" cụ thì vỏn vẹn cái bàn nhỏ để quà bánh và cái giường đôi. Vì giường thì đôi mà cụ chỉ một mình nên phần nửa giường cụ để cái quạt máy chưa bao giờ dùng (và chắc sẽ không bao giờ dùng), hai cái thau nhựa to tướng hãy còn tốt (vốn liếng còn sót sau bao nhiêu năm cụ làm thương mại) đựng lỉnh kỉnh vài chai lọ, và một hộp thiếc to đựng thuốc lá.

Giang sơn của cụ ít ỏi bao nhiêu thì lộ trình sinh hoạt của cụ cũng ngắn ngủi bấy nhiêu, xa nhất chỉ là lên gác thắp nhang bàn thờ, cũng sì sụp lạy bốn phương, cũng ngày hai bận. Không ai biết được bao nhiêu cái cụ phải lạy trong ngày và cũng không biết cụ lạy cái gì. Thì giờ còn lại cụ ngồi trên chiếc ghế nhỏ sát giường, tay phe phẩy quạt. Cụ quạt không ngừng tay bởi trời Sài Gòn hừng hực nóng, cụ ngồi trong căn "phòng" bưng bít mà lại mặc áo len. Có người hỏi tại sao, cụ cười:

"Áo mình là kiểu xưa, hắn giặt rồi đưa cho mình áo khác. Chớ áo mình làm chi có nối ở vai phồng phồng như con gái rứa. Nên chi mình bận áo len che bớt đi, chớ không thì như bận áo nính."

Những ngày trời mưa, trong bếp nước từ dưới nền xi măng ứa lên, ứa lên tràn ngập, có khi cao cả vài chục phân. Cụ cũng cứ giữ thói quen đi lại, cứ chân trần lội nước mà đi. O Hậu vừa tát nước tràn vào ngập nhà trước, vừa nói mợ ơi làm ơn ngồi một chỗ đi, chớ lỡ

trợt chơn té thì làm răng. Nhưng cụ làm như không nghe thấy.

Mỗi lần muốn ăn, từ cái tủ đứng ở chân giường, cụ lần mò ra tới bàn, ngồi ở ghế nhất định, không nói gì, cho tới khi O Hậu đặt trước mặt cụ một đĩa gì đó, thường là bánh xèo, bánh cuốn, bánh khọt, chả giò... ít khi nào cụ chịu ăn cơm.

"Bữa ni không có bánh xèo mợ à, mợ muốn ăn cái chi?"

"Ta muốn ăn bánh xèo."

"Nhưng bữa ni không có, hắn đau không đi bán."

"Răng không bán, không bán hắn sống bằng cái chi. Tại mi không muốn cho ta ăn."

Rồi cụ bắt đầu liệt kê tất cả tội lỗi của O Hậu mà cụ có thể tưởng tượng. Rằng mi giặt quần áo mới của ta mi đổi, mi đi chơi đêm về leo lên cửa sổ mà vào nên chi bực gạch bị bể, mi tò te chi với thầy Nhỏ, tại ta thương chồng con nên mới lụy vào mi chớ ta với mi có họ hàng chi, con cái bới cho ta thì mi hưởng hết, ai tới nhà ni cũng chỉ biết mi chớ không biết tới ta, chừ ta mù rồi thì mi muốn làm trời làm đất trong cái nhà ni... Có khi O Hậu tức cười trước những lời vu vơ chẳng đâu vào đâu ấy, nhưng nhiều lúc cụ nói đanh thép bạc bẽo thì O Hậu buồn, thường kể lại lời trách móc của chị O, rằng răng mà mi chịu được, rằng việc chi mi đang thong thả một mình lại phải cưu mang, khi cậu mất bà có thèm để tang cho cậu mô mà mi phải tình nghĩa...

Chuyện xưa, không biết cụ ông bỏ bà hay cụ bà bỏ ông, chỉ biết là cụ ông đi biệt xứ. Cụ bà cưu mang con cái nhưng nuôi với lòng thù hận chồng, giữa mẹ và các con không có lòng trìu mến nhau. Lớn lên con cái lập gia đình hay chưa thì cũng mỗi đứa một nơi. Cụ sống một mình, làm lụng có bao nhiêu thì ngày ngày quà bánh nhang đèn lên chùa. Có con dâu duy nhất từ Trung vào lo lắng săn sóc cụ, mà dạo đó cụ còn sáng nên càng khó, con dâu khóc với chị chồng nhưng vẫn cứ chìu. Vài năm rồi gia đình con trai đi Mỹ theo diện HO, năn nỉ O Hậu về ở với mẹ. Khi vợ chồng tới chào, cụ không nói không rằng, không cả một lời chúc lành.

Có người từ xa tới ở thăm O Hậu ít ngày, chứng kiến sinh hoạt trong nhà và nghe O Hậu kể, hỏi :

"Các chị con cụ có thường tới lui không O?"

"Không cô ơi, chị Thuần thì cả năm ni không tới một lần."

"Còn mấy cháu ngoại ở gần đây thì sao?"

"Bà cháu có bao giờ tình nghĩa chi mô mà hắn tới. Một năm may ra tới một lần. (Cười mỉa) Hồi mợ tui còn làm ăn được, có bao nhiêu cũng ngày ngày đem cúng mấy ông sư ông sãi, mà cô coi chừ mợ tui không đi cúng kiến được nữa thì có ai ở chùa tới hỏi thăm một tiếng mô."

"Cụ cúng sư sãi nên Phật gởi O tới ở với cụ đây nè. A mà O à, sao cụ chỉ có một người con trai mà cũng bỏ cụ đi Mỹ?"

"Dạo nớ mợ tui còn sáng cô à, còn lành lặn nên gay lắm. Ở với ai cũng không hạp được. Với lại anh chị tui có bốn đứa con, hai đứa lớn ra trường mấy năm tìm không ra việc, vì họ chỉ mướn ai có học ở ngoại quốc về tê. Tụi hắn đi dạy Anh văn. Mà cô biết dạy ai không? Tụi hắn dạy mấy ông giám đốc không mướn tụi hắn chớ ai! Anh chị tui đi hai năm thì mất mợ tui mới hư.

"Vì cụ khóc nhớ con cháu à?"

O Hậu bật cười đòn tan:

"Mợ tui có biết thương nhớ ai mô. Mất hư thì hư."

"Cụ mù thiệt hay còn thấy?"

"Còn thấy mờ mờ."

"Ơ, hèn chi em tới cửa vừa lúc cụ đi vòng thứ ba, cụ hất em ra, rất mạnh."

"Ơ, mợ tui còn mạnh lắm cô à."

"Vậy sao không lo chạy chữa mắt cho cụ ? Chỉ là vảy cá, người già thường bị, lột ra là mắt sáng lại thôi."

O Hậu nói như nói một mình:

"Chị Thuần nói thôi duyên của mợ mà nợ của em, chớ chị đang lo là phải đem mợ về với chị thì không biết làm răng mà sống, em lại nhận lời ở với mợ. (Thở dài) Cũng là cái duyên của tui nữa cô à, ở nhờ nhà thằng em thì vợ con hắn cũng chẳng vui vẻ chi, mặc dù mình cũng tự túc làm ăn chớ có ăn của ai mô. Tui chừ cũng gần đất xa trời, cái là còn mạnh khoẻ hơn mợ."

Rồi O buồn buồn:

"Mới đầu, các chị còn lại bên ni cũng bàn tán nhau về chuyện nớ, chuyện mổ mắt cho mợ tui. Nhưng cuối cùng là đành bỏ qua bởi vì mợ tui như rứa thì tui mới ở với mợ được. Chớ mợ tui mà sáng thì có ai ở gần cho nổi, rồi đêm hôm lỡ có chuyện chi thì làm răng. Già cả mệt lắm cô ơi!"●

Paris, 19 Octobre, 1997.

BÀI KHÔNG TÊN KHÔNG TÊN

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Lời Tác giả: *Đã từ lâu tôi rất hâm mộ những bài hát rung động, đầy tình cảm của nhạc sĩ Vũ Thành An. Ông có nhiều bài hát không tên thường được đánh số, thí dụ Bài Không Tên Số Một, Bài Không Tên Số Hai... Tôi nghĩ mãi. Mấy bài hát đó không thể gọi là không tên, đó là bài không tên Số Một, bài không tên Số Hai, v.v. Do đấy tôi quyết định viết một bài thực, thực không tên. Vì vậy, Bài không tên không tên. Và để tặng C.H., người bạn xa xưa của những ngày lộng gió.*

1

Tuân tỉnh dậy trong một căn phòng lạ, trang bị sang trọng nhưng giản dị. Đầu óc nhẹ tênh, chàng dần dần nhớ lại mình đang dự một lớp cao học về Vật Lý tại Colorado. Buổi tối hôm đó cùng mấy người bạn đi ăn ở một tiệm ăn chuyên về thức ăn biển, chàng còn nhớ anh bạn người Pháp, dân Marseille suýt xoa khen súp *bouillabaisse* không thua gì Marseille. Còn Tuân, chàng mải nghe và ngắm cô ca sĩ địa phương duyên dáng, mắt cười tinh nghịch. Ôm cây đàn *double bass* trìu mến tựa như ôm người tình, cô vừa tự đệm vừa hát: "Lemon tree, ever pretty..." Giọng hát trầm trầm. Cộng hưởng với tiếng hát và tiếng đàn "thịch, thịch," trái tim người nghe tưởng như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực.

"Lemon tree, ever pretty... Ồ, ước gì tôi thành cây double bass của nàng..." Tuân khẽ nói. Một anh bạn quay sang ngắt lời: "Thôi đi Tuân, nếu óc Vật Lý của cậu phong phú được bằng nửa như vậy..." Dưới ánh đèn mờ mờ, Tuân và anh bạn người Anh ngồi phân tích ván cờ mới nhất của giải vô địch thế giới lúc đó đang tiếp diễn, cố tìm hiểu tại sao thế cờ đang có vẻ rất quân bình mà một bên chỉ đẩy

quân tốt lên, bên kia đã bỏ cuộc. Những bạn khác đã bắt đầu nói chuyện nghề nghiệp, "talk shop." Mấy người bàn luận, viết chi chít trên mặt sau tờ giấy giải bàn những phương trình hay vẽ ngùng ngoằng những đồ thị vật lý. Tiếng *keyboard* với tiếng dàn trống rầm rì đệm cho nhạc blue, to đủ để lấn áp tiếng khách ăn nói chuyện nhưng không quá ồn ào. Còn cô ca sĩ và anh nhạc sĩ thổi kèn trumpet thay phiên nhau trình diễn, Three Coins in the Fountain qua tiếng trumpet như từ xa vọng lại. Rồi tiếng hát: "I left my heart in San Francisco..." Tuân đang định nói thì anh bạn người Anh vỗ vai: "Đứng đấn, Tuân, tôi kiếm ra rồi! Mục đích quân tốt đi lên là để cho tướng có 'luft', vài nước nữa tướng bên kia hết chạy." Đã hơi khuya, trên sàn nhẩy nhỏ có hai, ba cặp đang nhẩy, đám bạn của Tuân quyết định đi về để hôm sau "talk shop" tiếp. Một buổi tối hoàn toàn nếu nửa đêm hôm đó Tuân không đau bụng dữ dội muốn ngất đi ngay. Sau khi bấm được nút gọi cô phụ trách điện thoại của khách sạn thì chàng không còn nhớ gì nữa.

Trở về thực tại, đây tất phải là một bệnh viện. Nhìn ra ngoài cửa sổ, dẫy Rocky Mountains hùng vỹ nhưng không đe dọa. Nắng hanh vàng chiếu tưng bừng trên sườn đồi, nhuộm thêm vàng những hoa dại vàng rực rỡ. Tuân nhớ lại những ngày thơ ấu. Sau nhà là dẫy núi Tam Đảo, không xa cho lắm, cũng hoa dại vàng rực rỡ như cảnh ngoài kia. Ngày ấy, chàng chỉ có một mong ước giản dị là được sang phía bên kia đồng nội, hạnh phúc duy nhất là được chạy giữa đám hoa vàng bên cạnh rừng thông. Hạnh phúc thô sơ không bao giờ thực hiện. Cho đến một hôm có người chị họ từ xa đến chơi. Chị không kháng kiện cho lắm nên nơi chàng ở, khí hậu tốt, có thể giúp cho sức khỏe của chị rất nhiều. Một buổi chiều ít nắng, chị rủ Tuân cùng đi bách bộ. Tuân không bỏ qua dịp may này. Đang chạy tung tăng trên con đường đất, đột nhiên Tuân nghe chị la to: "Em coi chừng!" Muộn quá rồi. Chiếc giầy xinh xắn của Tuân đã chìm xâu trong bãi phân trâu đến tận mắt cá. Hình ảnh một chú bé đi tìm hạnh phúc bị sa lầy trong bãi phân trâu khiến Tuân bất giác bật cười thành tiếng. Cảm thấy có người đang nhìn, Tuân ngoảnh lại thì gặp cặp mắt hiền từ của cô y tá.

"Dẫu sao anh không nói một mình." Nàng mỉm cười nói.

"Không, tôi chưa hoàn toàn điên." Tuân cũng cười đáp, "vả lại, tính tôi cẩn thận, mỗi khi muốn nói một mình tôi đóng chặt cửa để chắc chắn không ai nghe lén." Nàng cặp mạch, nói tiếp: "Anh đang ở trong một dưỡng viện số một ở Colorado. Người ta thấy trong giấy tờ của anh có hai ba thứ bảo hiểm nên không ngần ngại chở anh vào đây." "Cô muốn nói nếu không, chắc tôi đang nằm ở nhà thương của đại học nào đó." Tuân ngắt lời.

Má thoáng ửng đỏ, nàng nói thêm Tuân đã ngủ hơn một ngày, một phần là do bác sĩ muốn như vậy. Bác sĩ nói chàng rất may, nếu chậm độ mươi phút nữa thì "không thể biết được." Bây giờ không có gì đáng lo ngại, và chỉ trong vài hôm chàng sẽ trở lại bình thường, hoàn toàn như mới. Tuy nhiên, người ta muốn giữ chàng thêm hai mươi bốn giờ nữa để quan sát. May rủi? Tuân sẽ không bao giờ nghĩ nổi sự khác biệt giữa cái "không thể biết được" và "có thể biết được" chỉ là sự khác biệt giữa điện thoại quay số và điện thoại bấm số. Tuân không tin rằng đêm hôm đó chàng có đủ thì giờ để quay số điện thoại. Méo mó nghề nghiệp, chàng tự hỏi xác suất giữa điện thoại quay số và điện thoại bấm số là bao nhiêu, chắc chắn không phải là 50-50. Cuối cùng chàng kết luận câu hỏi ngớ ngẩn, không đúng chỗ. Tiếng cô y tá khiến Tuân trở về thực tại. "Chắc anh đói bụng, để tôi đi kiếm cho anh ít súp." Nàng nói rồi đi ra.

2

Đột nhiên có người nhắc tới, Tuân cảm thấy bụng đói cồn cào. Tuân nhìn thấy mấy cuốn sách chàng đang đọc và chiếc máy cassette được xếp gọn gàng trên bàn ngủ, cạnh đầu giường. Lơ đãng Tuân bấm cho cassette chạy. Vẫn là Bài Không Tên Số Năm của Vũ Thành An mà chàng đã vặn từ mấy đêm hôm trước: "... hãy cố yêu người mà sống, lâu rồi đời mình cũng qua."

"Lâu rồi đời mình cũng qua!" Cô y tá trở lại với súp. Chỉ là *cream of corn* tầm thường lấy từ hộp, vậy mà Tuân tưởng tượng sơn hào hải vị trong bữa tiệc của Từ Hi Thái Hậu đãi các sứ giả cũng khó có thể hơn. Cô y tá nhìn Tuân ăn một cách ngon lành. Nàng khen bài hát hay nhưng buồn. Tuân cắt nghĩa đó là bài hát về một cặp tình nhân bần hàn. Sau khi nghe Tuân dịch, nàng khẽ than: "Trời, đời sống có thể tăm tối đến thế kia ư?" Tuân nói lần đầu tiên nghe bài này chàng cũng nghĩ như vậy. Chàng thấy nó lâm than, không một tia

sáng, phi lý đến vô luân, cả một đời người cố gắng cũng chỉ đủ để "lâu rồi đời mình cũng qua." Chàng nói sự vô vọng của nó chỉ làm chàng cảm thấy bất lực, nhưng điều làm chàng phẫn nộ là dù vô vọng đến thế nào chăng nữa người ta cũng có thể quen đi. Đang chăm chú ghi chép trên đồ biểu, nàng ngước mắt nhìn, hơi ngạc nhiên về giọng nói hằn học của Tuân. Mặt lộ vẻ suy tư, nàng xem đồng hồ rồi nói: "Tôi còn phải đi thăm hai buồng nữa. Chừng hai giờ nữa tôi sẽ quay lại. Tôi đã biết tên anh, còn tôi là Penelope, người ta quen gọi tôi là Penny." "Tôi sống ở nước này đã khá lâu năm," Tuân nói, " lần đầu tiên tôi biết một cô có tên Penelope." "Ấy, tên tôi có chút dòng dõi đàng hoàng." Penny mỉm cười bí mật.

Penny trở lại sau bữa cơm chiều, khi Tuân đang nằm đọc sách và nghe nhạc. Chàng nói chắc nàng mệt sau một ngày dài. Nàng trả lời muốn kham nổi hai bà già bệnh nhân của nàng thì cần phải có sinh lực của một bà chủ nhà chứa.

"Penny, cô có trích dẫn nhầm chăng?" Tuân nói trêu nàng, "tôi nghĩ đó là câu của Jascha Heifetz (1), nhạc sĩ vĩ cầm danh tiếng. Ông nói muốn chơi nổi nhạc Brahms thì một trong những điều cần phải có là sinh lực của một bà chủ nhà chứa."

"Nếu vậy để tôi sửa lại," mặt tươi lại như lúc ban chiều, ngồi xuống cầm tay cặp mạch cho Tuân, Penny nói tiếp "muốn kham nổi hai bà bệnh nhân của tôi thì cần phải có sinh lực của một nhạc sĩ muốn diễn tả nhạc Brahms. Anh cũng là nhạc sĩ?"

"Tôi không là nhạc sĩ, nhưng tôi là học trò 'xa' của Heifetz." Tuân đáp, "ông thầy dậy tôi có chơi cho Heifetz nghe và được ông nhận cho theo học. Ông phải bỏ dở dọn sang miền đông kiếm ăn. Ông thích nhắc câu của Heifetz. Hơn nữa hình ảnh một bà chủ nhà chứa kéo vĩ cầm khó có thể quên. Riêng tôi, không hiểu tại sao, tôi luôn luôn nghĩ bà chủ nhà chứa phải là một bà to lớn, phốp pháp, tóc búi sau đầu. Và ở đây, với một nửa mặt đàn vĩ cầm chìm xâu dưới chiếc má vĩ đại..."

Câu chuyện bắt đầu dễ dàng, người đối thoại là một thiếu nữ xinh đẹp, không lãnh đạm, chàng bớt dè dặt. Nàng hỏi, Tuân kể tiếp chàng theo học ông thầy nhiều năm cho đến hết một vụ hè. Hè năm đó, chàng học rất chăm chỉ, thuộc hết bài Hợp Tấu số 4 của Mozart. Hôm phải kéo cho ông nghe, rất kiêu hãnh, chàng chơi từ đầu đến cuối không vấp. Nhất là đoạn thứ hai, Andante Cantabile, nghe cũng *cantabile* lắm. Ông khen tốt nhưng còn phải tập thêm nhiều vì nghe chưa giống mấy Mozart. Có lẽ nhìn vẻ mặt thất vọng của Tuân, ông ân hạn, nói chữa mãi. Riêng Tuân, chàng biết mặc dù yêu âm nhạc, đầy thiện chí, nhưng chàng không học nổi vĩ cầm, chàng đã "già" mất rồi. Chàng quay sang học Vật Lý, và đó là lý do chàng ở Colorado trong mùa hè này.

Penny nhận thấy tuy riễu cợt chính mình, giọng Tuân có vẻ luyến tiếc, đượm chút buồn thất bại. Như để an ủi, Penny cười nói chuyện của chàng không khác chuyện của bố nàng bao nhiêu, tuy nàng không biết ông thôi trong trường hợp nào. Như để trả thù, ông cho nàng đi học dương cầm rất sớm. Lúc đầu rất hứa hẹn, nhưng sau vài năm tài nghệ như đứng ỳ một chỗ, có lẽ vì không nghe thấy tiếng gọi của âm nhạc hoặc vì còn bé nên biếng học. Khi nàng hiểu và muốn trở lại học cẩn thận thì đã muộn, ngón tay như thành nếp, không chịu nghe theo ý muốn của óc nữa.

Hàng năm ban nhạc trẻ Hoa-Kỳ thường tập dượt tại trại hè âm nhạc ở Aspen. Ban nhạc này được chọn lựa cẩn thận trong đám sinh viên âm nhạc ưu tú của nước Mỹ nên phẩm rất cao. Lê la tại mấy quán café Tuân quen với nhiều sinh viên của ban nhạc. Tuân thường đi nghe nhạc khỏi trả tiền, thỉnh thoảng phải vác hộp đàn để vào cửa. Nghĩ vậy, Tuân rủ Penny đi nghe nhạc hòa tấu trong tuần tới, khi chàng ra khỏi nhà thương. Nàng nhận lời.

3

Và như vậy Tuân sống một mùa hè êm đềm ở tiểu bang Colorado. Sau khi ra khỏi nhà thương, chàng bắt đầu đi lại với Penny. Như đã hẹn, trước hết chàng dắt nàng đi nghe ban nhạc trẻ. Khi Tuân ngỏ lời muốn đem theo Penny, anh bạn trong ban nhạc nói đùa là chàng keo bẩn, dọa bắt nàng vác *double bass*. Đêm hè Colorado mát dịu, chương trình hôm đó gồm toàn nhạc Brahms: bắt đầu là một khúc mở đầu, rồi đến bài Hợp Tấu số 2 cho dương cầm, và sau cùng là bài Hòa Tấu số 3. Trong sáng, hồn nhiên và tài hoa, Tuân cảm thấy tinh hoa của nước Mỹ như ngưng tụ trong bầu không khí này. Đứng đầu vĩ cầm, phụ tá nhạc trưởng, là một cô tóc buộc đuôi ngựa, trẻ măng nhưng không thiếu trang trọng. Kéo một nốt nhạc làm mẫu cho toàn ban, cô kiên nhẫn đứng chờ ban nhạc điều chỉnh nhạc cụ. Rồi cô khẽ vuốt nếp váy ngồi xuống, và đèn tắt. Nhạc

Brahms nhiều mầu sắc, khi thúc giục khi ân cần. Trong bài Hợp Tấu số 2 cho dương cầm, tiếng cello và dương cầm đối thoại như cặp tình nhân già, ngồi rù rì ôn lại quãng đời đã qua. Rồi dàn nhạc chơi thật thiết tha bài Hòa Tấu số 3, nhất là khúc thứ 3, *Poco Allegretto*, quen thuộc, mọi người ưa thích vì được phổ biến xâu rộng bởi phim Aimez-Vous Brahms? Hương đêm ngây ngất, và những cây thông già cao vút của Aspen!

Một buổi chiều picnic ở trên đồi, Penny chỉ cho Tuân cửa sổ buồng nhà thương chàng nằm ít hôm trước. Đột nhiên nàng hỏi nếu cặp tình nhân trong bài hát nàng nghe hôm gặp chàng lần đầu có thêm một chút tiền hay một chút phương tiện liệu có giải quyết được gì không. Tuân chưa kịp nói gì thì nàng đã tự trả lời. "Không, em không nghĩ nó giải quyết được gì. Cái cảm nghĩ 'lâu dần đời mình cũng qua' chỉ là một trạng thái tâm hồn. Mấy bà già bệnh nhân của em nào có hơn gì, tuy phương tiện không thiếu. Nếu họ muốn đi Bahamas chơi chiều nay chẳng hạn, thì họ có thể đi nội trong một tiếng đồng hồ. Nhưng không, như một xác tầu đắm, suốt ngày cằn nhằn, trì triết, như thể lâu đủ thì đời mình cũng qua. Anh biết không? Cả tháng nay em run sợ đến giờ đi làm. Làm nghề này em chấp nhận làm nhẹ bớt đau đớn ở con người nhưng em không chịu nổi khi, ngày lại ngày, nhìn những tàn phá, mục nát. Mấy bà bệnh nhân của em không cần có chronic care, cả mấy bác sĩ cũng nói vậy, nhưng họ đủ sức nuôi nửa nhà thương này nên gần như muốn ở bao lâu thì ở. Cả tháng nay em cảm thấy kho dự trữ về cảm xúc dần dần khô cạn. Anh đến thật đúng lúc. Đứng ở ngưỡng cửa nghe anh cười em đột nhiên nhìn thấy nắng chói lọi trên sườn đồi mà đã khá lâu em không nhận biết. À mà anh cười gì vậy?"

CAO THỊ NGUYỆT LÃNG

BƯỚC CHÂN HỒN DO THÁI

Bước xôn xao nhạc nắng
Niềm vui mềm trên môi
Ta để quên sầu đắng
Nhánh sông thầm cuốn trôi

Tay se khô mùi thuốc
Khói dài sợi muộn phiền
Thả bay trong gió sớm
Ta cúi lượm hồn nhiên

Đồng xanh ta rong chơi
Đếm mùa Xuân qua đời
Tháng ngày tên lãng tử
Chợt nghe sóng mù khơi

Rồi chiều nay sang thu
Ôm tình yêu ta ngủ
Lòng mênh mông hiu hắt
Mây trời mây phiêu du

Ơi tình yêu còn xa
Ta một chiều khách lạ
Bước chân hồn Do Thái
Lạc lõng trên đường hoa

Ta như chim thiên di
Muôn phương lòng cố lý
Gió mùa cơn bão nạn
Đập cánh lẻ vượt ngàn

Mây núi còn xanh lắm
Quê hương xa muôn dặm
Đường ta đi chưa tới
Buồn viễn xứ ngàn năm

Tuân kể cho nàng nghe chuyện cậu bé con đi tìm hạnh phúc, muốn hái hoa vàng và bị sa lầy. Penny cũng không thể nhịn cười. Trời về chiều hết nắng, hoa vàng đã cụp lại đầu đen trông rất xấu xí. Nàng ngắt một cọng bồ công anh — dandelion — đưa cho chàng và nói: "Đây hạnh phúc của anh đây. Trông nó đen thui thật xấu, âu đó cũng là khía cạnh đen tối

của hạnh phúc." Tuân hỏi tại sao nàng tàn nhẫn vậy. Nàng trả lời: "Em thực tế đó thôi. Hơn nữa, nếu mấy bà bệnh nhân của em mà thấy hạnh phúc của anh mọc bừa bãi trên bãi cỏ nhà bà thì em sợ có người làm vườn sẽ mất việc."

Cũng như nhiều thanh, thiếu niên nam nữ khác con nhà trung lưu cùng lứa tuổi, nàng đầy thiện chí, nhớn lên muốn làm nhiều việc tốt. Sau khi xong đại học, Penny bỏ thêm mấy năm học nghề y tá với ý định đi làm việc ở một nước thế giới thứ ba.

"Em hẳn phải con nhà giầu." Tuân nói.

"Nhà em không giầu nhưng cũng gọi là xung túc. Vả lại em là con cưng của một ông bác sĩ, gia đình em có thể kham nổi cho em đi học thêm vài năm." Nàng cười nói tiếp, "Bố nói ông biết em đủ, làm y tá không phải là nghề của em, tuy vậy ông không cản. Anh biết không? Giữa tháng Tám em sẽ thôi việc để trở lại trường. Nhưng em là người tự trọng, lần này em tự trả tiền ăn học lấy. Anh đoán thử lần này em học gì."

Tuân nói chắc là một tiếng gọi mới. Nếu học làm y tá để xây dựng một xã hội lành mạnh hơn không được thì ta xoay qua học để làm giầu. Đó không phải là một điều xấu. "Sai toét!" Nàng ngắt lời, "Yale nhận cho em học Russian Studies."

"Để trừ bỏ một tai họa cho nhân loại?" (2)

"Không, không có lý tưởng hay chủ nghĩa gì hết. Em thích học, có vậy thôi!"

4

Tính đi tính lại, mới biết nhau có mấy tuần lễ mà Tuân tưởng chàng và Penny đã biết nhau cả năm. Không còn đời sống bô-hê-miên, hoạt động hàng ngày của chàng đã thành nếp. Ban ngày nghe nói chuyện về Vật Lý ở đại học hay đọc sách ở thư viện. Chiều về đón Penny ở nhà thương, rồi đi ăn cơm tối. Hôm nào Penny quyết định nấu cơm ở nhà thì Tuân giúp nàng dọn dẹp apartment. Cuối tuần hay ngày nghỉ chạy nam-bắc-đông-tây khắp tiểu bang; Colorado với Rocky Mountains, parks, suối... đi chơi không bao giờ hết. Một người bạn thân gặp Tuân trong dịp này bình phẩm là rất ngạc nhiên thấy Tuân quá thuần hóa; nửa đùa nửa thật nói phải cẩn thận, nếu thật yêu nhau thì nên lấy nhau ngay để lâu quên mất. Riêng Tuân, với Penny chàng không thể đòi hỏi gì hơn. Ở nàng, những nhu cầu của chàng, tình cảm, tâm linh, trí tuệ, tất cả đều được trả lời. Penny là một cô gái trầm tĩnh, cứng dắn nhưng tế nhị, đằm thắm, nồng nàn mà không bao giờ thô tục. Nàng thường suy nghĩ chu đáo cẩn thận rồi mới cho ý kiến, thói quen của nàng là bất chợt nhắc lại một điểm đã bàn luận từ nhiều ngày trước nhưng bây giờ với ý kiến chắc chắn.

Một hôm, sau bữa cơm tối Penny thủ thỉ: "Anh còn nhớ tối hôm mình *date* lần đầu không? Trăng thanh gió mát, đang nói chuyện nhạc Brahms mà sao tự nhiên nhẩy sang Camus với The Myth of Sisyphus. Em tự nhủ: Trời, tôi đã làm gì trái quấy thế này? Đi date lần đầu và nói chuyện Sisyphus! Em có đọc vài cuốn sách của Camus tuy chưa đọc The Myth of Sisyphus nên chăm chú nghe anh cho đến hết. Sisyphus ngạo nghễ vần đá lên núi như thách đố Jupiter. Nhưng khi nghe anh nói Camus kết luận ta phải tưởng tượng là Sisyphus sung sướng, em thấy có một cái gì không ổn. "Một cử chỉ đẹp? - Có thể. Nhưng linh tính đàn bà trong em bảo có một cái gì rất không ổn." Nàng nhấn mạnh mấy chữ 'rất không ổn.' "Em phân vân tìm câu trả lời. Anh nói tiếp, nhưng đó là theo quan điểm của Sisyphus. Hắn phải tìm một ý nghĩa cho việc làm của mình. Cái gì tự nó có giá trị, có ý nghĩa thì không cần phải giải thích, phải bào chữa. Còn quan điểm của Jupiter? Có khi hắn đang hú hí với tình nhân mới, nghe đá lăn ầm ầm, quay sang nói: thằng ngu đang kiêu hãnh vần đá. Em nghĩ lại, nói cho buồn cười, nhưng đó chính là điều em tìm kiếm. Cuộn tròn như con sâu trong lòng tình nhân, tuy không hiển hách, nhưng nó ấm áp gần con người và ta không phải giải thích, bào chữa chi hết. Do đó em quyết định tha thứ cho anh."

"Tha thứ cho tôi?" Tuân ngạc nhiên hỏi.

"Tha thứ cho anh vì, qua cách anh nói, em có thể nhìn thấy anh ôm ấp cái tư thế của Sisyphus trong nhiều năm. Cuộc tranh đấu lên đến thượng đỉnh có thể đủ làm đầy trái tim con người. Điều đó đúng như Camus nói, miễn là ta được tự do chọn lựa, cái mà Sisyphus không có. Với Sisyphus thì không có chi sai lầm hết. Đó là việc hắn phải làm, hắn phải giải thích, hắn phải tìm ý nghĩa. Còn đa số nhân loại? Ta đều ăn, ta đều thở, vần đá lên núi để cho đá rơi xuống lại không có gì là hiển hách và là một việc làm rất trái với tự nhiên."

"Cám ơn em, lần sau đi *date* lần đầu tôi sẽ cẩn thận hơn," Tuân đùa, nhưng trong thâm tâm chàng thấy nàng sắc bén, "ít nhất trong

trường hợp này tôi nhận thấy linh tính đàn bà trong năm phút đáng giá hơn suy nghĩ của đàn ông trong nhiều năm." Tuân nói thêm nếu lý luận như vậy, chắc chàng tội lỗi hơn thế nhiều. Rồi chàng kể cho Penny nghe chuyện Trương Chi và Mỵ Nương. Tuân nói tiếp:

"Cách đây ít năm tôi biết một cô người Đức. Nhân nói chuyện dân gian Đức Lorelei, tôi kể chuyện Trương Chi và Mỵ Nương. Sau khi kể giọt nước mắt của Mỵ Nương rơi xuống làm tan biến hình ảnh Trương Chi đang chèo thuyền và chiếc chén quý, Như con dê non muốn thử sừng, mượn của Camus từng chữ, tôi kết luận: Mối tình đã trả, *ta phải tưởng tượng là Trương Chi sung sướng.*"

"Cảm động nhưng quái đản!" Penny nhỏm dậy phản đối, "*darling*, ta phải yêu đời sống trước khi yêu ý nghĩa của nó, bởi lẽ nếu đời sống không còn thì ý nghĩa nào mà đền bù cho được. Làm sao anh đánh cá đó có thể sung sướng? Anh ta đã rất là chết, họa chăng anh ta có được một niềm an ủi. Nhưng tình yêu không thể chỉ là một niềm an ủi, hay một giọt nước mắt, dẫu từ một cô gái đẹp. Nó phải dung hòa nhiều thứ. Những phút mình ngồi ôm nhau thế này là có thực, không cao thượng nhưng cũng không bẩn thỉu. Nó biểu tượng cho đời sống, ý nghĩa của nó là ở chỗ bình thường, dung dị, không chút gì đặc sắc. Tội anh nặng thực."

'Rất là chết' cũng như 'rất là có mang,' tiếng Anh thực hay! Hai người còn bàn nhiều chuyện nữa. Penny chép miệng nói tiếp câu chuyện xẩy ra như đã xẩy ra có lẽ là tốt nhất. Tấn bi kịch dài vừa đủ và kết thúc kịp thời. Ta hãy tưởng tượng khi người ta kiếm được Trương Chi, Mỵ Nương hết ốm tương tư, muốn lấy và được bố cho phép lấy anh ta. Tấn bi kịch có lẽ sẽ kéo dài thêm nhiều chục năm nữa, và có khi trở thành bi hài kịch. "Anh nghĩ coi," Penny nói tiếp, "giữa anh đánh cá và cô gái con quan có cái hố sâu quá. Nguyên nhân của nó không phải do chuyện giầu nghèo mà do thời gian. Anh nói cô gái mười sáu tuổi? Mười sáu năm được nuôi nấng, dậy dỗ trong nhung lụa, theo nếp sống của mình. Còn anh đánh cá? Hai con đường, hai định mệnh. Muốn cho anh ta có ý niệm về một nếp sống khác, phải cho anh ta đi học ít nhất là năm năm. Cho anh ta đi học vĩ cầm. Tiếc thay anh ta đã lớn tuổi quá!" Tuân phản đối, "Tôi học vĩ cầm, dẫu không thành công, ít nhất tôi cũng thưởng thức được âm nhạc." Penny cười, "Em nói chuyện anh đánh cá chứ có nói chuyện anh đâu. Vì anh đã nói, em mượn tiếng của anh. Thưởng thức âm nhạc và làm âm nhạc là hai thứ khác nhau, anh đánh cá có thể cố học bắt chước lối sống nhà quan nhưng anh ta sẽ không sống lối sống nhà quan!" Nhìn đôi mắt xâu thẳm của nàng, Tuân thầm nghĩ chân lý nhiều khi ở ngay trước mắt. Chàng muốn cám ơn người đàn bà đã cho chàng những giây phút nhẹ nhàng và tràn đầy. Câu chuyện thưa dần, hai người yên lặng ôm nhau như vậy, rồi ngủ thiếp đi.

5

Lớp thuyết trình về Vật Lý đã hết. Lúc đầu chương trình của Tuân là đi California chơi vài tuần rồi trở về trường. Penny nói giản dị: "Thôi, em cũng chỉ còn ở đây hơn hai tuần lễ nữa. Nếu anh không có việc gì quan trọng ở California thì đến đây với em, rồi giúp em dọn nhà." Tuân đang do dự thì nàng cười ranh mãnh, "Sợ hại tăm tiếng của em? Làm như mấy tuần nay anh chưa hại đủ tăm tiếng của em. Vả lại nếu thiên hạ muốn nói gì, họ không chờ đến mai mới bắt đầu."

Sáng thứ hai, khi Tuân thức dậy thì Penny đã đi làm. Một mình trong apartment tịch mịch chàng có một cảm giác là lạ. Trước hết, đôi chút bồi hồi, chàng cảm thấy một sự vĩnh viễn vừa êm đềm vừa ràng buộc. Không hẳn e ngại nhưng chàng thấy một cái gì bất thường. Cái bất thường mà chàng thấy là lần đầu tiên trong đời, chàng nhận biết hương vị đàn bà. Chàng ngỡ ngàng nhìn chiếc áo ngủ của Penny treo gọn gàng trên móc. Chiếc áo ngủ mầu hồng chàng đã nhìn thấy trong nhiều buổi sáng cuối tuần, lần đầu tiên để lại trong chàng một ấn tượng mạnh. Chàng quan sát hai chữ PC, tên viết tắt của Penny, thêu tỉ mỉ rất đẹp, cuốn lấy nhau trên áo. Rồi chàng nhìn sang bên cạnh, gối của Penny với áo gối hơi xộc xệch, hai ba sợi tóc nàng hãy còn vương trên đó. Tuân tung chăn đứng dậy. Trên bàn trang điểm, Penny để lại vài chữ dặn chàng chịu khó làm ăn sáng một mình, nàng sẽ gọi điện thoại vào giờ ăn trưa.

Tuân ngồi vừa ăn sáng vừa đọc báo. Xong xuôi, chàng hãy còn cả một ngày dài trước mặt. Theo thói quen chàng lấy sách ra đọc. Tuy vậy, đọc được vài trang chàng phải gấp lại, bỏ cuộc. Không tập trung nổi tư tưởng, Tuân nghĩ lan man. Apartment của Penny cùng vị trí với tòa nhà nhà thương, chàng nhìn ra ngoài

ban công, vẫn cùng một sườn đồi. Nắng đã lên, hoa vàng đã bắt đầu nở rực rỡ. Sự vắng mặt của Penny và yên tĩnh của apartment làm Tuân thấy thời gian như đi chậm lại. Chàng nghĩ lại căn buồng của đại học xá cho sinh viên, nơi chàng ở trong nhiều năm tại Sài Gòn. Trong cái riêng tư, ấm cúng của căn buồng chàng nhìn lại đại học xá xa lạ tựa như từ ngoài cửa sổ nhìn vào. Chàng thấy ái ngại cho mấy anh bạn sinh viên có gia đình ở dẫy bên ngoài, gần đường phố. Tường ngăn cách các buồng cao không đầy hai thước, mái lại cao, người nói to ở đầu dẫy người cuối dẫy có thể nghe thấy. Chàng nhớ lại anh bạn nhỏ, sinh viên trường thuốc, đọc bài học vào máy thu âm để ban đêm, khi đi ngủ, vặn nghe cho bài 'in sâu vào tiềm thức.' Bạn buồng bên cạnh chờ cho anh ta ngủ mới nhẩy qua tường định cho máy ngừng, loay hoay làm rối hết cuồn băng. Mới có mấy năm, vậy mà so sánh với thực tại chàng thấy mình như đang ở một thế giới khác.

Mà chàng đang ở một thế giới khác! Đâu là cái đích tối hậu của cuộc sống? Một căn nhà ấm áp, tịch mịch, riêng biệt với chút ít hương vị đàn bà? Chàng nhìn mái tóc óng ả của Penny xòa trên mặt gối, hơi thở đều đều trong giấc ngủ. Chàng nhìn vầng trán trong sáng, nụ cười hiền hòa và núm vú hồng đỏ của nàng. Cuộc sống trong lành, bình thường, không phiền nhiễu. Ta cứ ngồi đây, khi bàn chuyện triết lý xâu xa, khi sống buông thả hoàn toàn theo tiếng nói của bản năng. Chàng mỉm cười nghĩ đến câu hát của ai: "như loài thú hoang yêu nhau ngoài đồng..." Cuộc sống thanh bình như giòng sông quê hương, lửng lờ trôi xuôi bất tận. Ta sẽ sống cuộc đời êm đềm thế này, mãi mãi, "lâu rồi đời mình cũng qua." Tuân giật mình nghĩ đến câu hát "lâu rồi đời mình cũng qua." Không, phải có một khác biệt rất căn bản giữa chàng và Penny, và cặp tình nhân trong bài hát. Tuân không cảm thấy đời mình dài lê thê như vậy.

Chàng đem hành lý đến đây từ chiều thứ sáu. Suốt cuối tuần, không lúc nào chàng thảnh thơi suy nghĩ. Chiều thứ bẩy Penny rủ chàng đi pinic trên núi cao. Skilift vẫn chạy trong mùa hè cho du khách, hai người lấy skilift lên trên núi cao nhất. Bỏ đám du khách, Tuân và Penny đi đến chỗ rừng thông già. Những cây thông già cao ngất, vỏ hồng bàng bạc, cành mọc dài ngang thân cây như cánh tay khẳng khiu, không đối xứng, trông tựa trong những bức tranh Tầu. Mùi nhựa thông thơm hăng hắc. Gió lộng thổi tung tóc Penny, bay dài lại phía sau. Như đôi chim gáy đất, hai người nắm tay chậm bước đi, thì thầm nói chuyện. Dưới chân, xa xa là thành phố Denver. Ta và vũ trụ. Vũ trụ! Tuân không là thi sĩ mà là một người học khoa học mơ màng *cosmos*. Chàng thấy mình đang đứng trên một hoang đảo xa vắng, chung quanh không là nước mà là một mặt phẳng phẳng lì, bao la, trắng toát (3). Vì chàng đứng đây mà có đằng trước, đằng sau, bên phải, bên trái. Vì chàng đứng đây mà có hôm qua, hôm nay, và ngày mai. Một ngày nào đó, dẫu xa, hoang đảo sẽ tan biến — đó là điều chắc chắn — im lặng hoàn toàn. Không một chút dư âm, không có âm hưởng vang rền của nhạc của Richard Strauss như trong phim 2001. Chỉ có một mặt phẳng bao la, trắng toát. Không còn đằng trước, đằng sau, bên phải, bên trái. Cũng không còn hôm qua, hôm nay, và ngày mai.

Tuân đang cảm thấy bất an trong nỗi cô liêu vô cùng ấy thì chàng được cứu trợ bởi sự hiện hữu của một người đàn bà, dưới hình thức một vuông vải nhỏ. Chàng chợt nhìn thấy vuông vải dầy tầm thường, dùng để lót tay treo ngay ngắn trong bếp mà ta có thể mua ở bất cứ siêu thị nào, trên mặt thêu chữ Home Sweet Home và mấy quả tim đỏ chói.

Không còn gì quan trọng nữa, chỉ một cặp tình nhân yêu nhau mới có thể tiêu một cách rất nhanh chóng bốn tiếng đồng hồ của một buổi chiều thứ bẩy huy hoàng như vậy! Và cũng chỉ một cặp tình nhân yêu nhau — vì có những cặp tình nhân không yêu nhau — mới có thể tiêu một cách rất nhanh chóng hơn hai tuần lễ tiếp đó. Chút ít đồ đạc của Penny đã bán hết, chỉ còn chiếc dương cầm, của gia bảo, phải gửi về chỗ bố mẹ nàng, tiền chuyên trở có lẽ quá nửa tiền đàn. Ba ngày cuối cùng Penny đã hết việc, nàng bàn ngày đầu tháo bỏ điện thoại, đóng chặt cửa, nhất định không bước ra khỏi apartment ("em sẽ cho tóc xõa buông dài, phủ kín mặt anh," nàng nói nống nàn,) còn hai ngày cuối giải quyết những chuyện lặt vặt, dọn dẹp và bàn giao nhà cửa. Penny định bán xe, Tuân bàn xe còn mới, không nên bán, chàng sẽ giúp nàng lái xe về thăm gia đình trước khi nàng trở lại trường. Penny vỗ tay cười khanh khách, "Ồ, đẹp biết bao và thú biết bao! Rong ruổi trên đường, ta sẽ làm Bonnie and Clyde." Tuân cũng cười , "Với tôi không sao, mặt 'chệt' nào cũng giống mặt 'chệt' nào. Hơi bất tiện cho em, người ta sẽ nhận ra em mất!"

Rong ruổi trên đường, họ không làm Bonnie and Clyde. Họ lái xe la cà từ Tây-Bắc xuống Đông-Nam nước Mỹ. Gia đình Penny ở một tỉnh nhỏ thuộc tiểu bang Tennessee, không xa trường của chàng bao nhiêu. Gần về đến nhà, Penny mới nghĩ tới đoạn đường từ nhà nàng đến New Haven, Connecticut, tỉnh của Yale. "Em ở nhà chơi với bố mẹ một tuần, rồi sẽ lái xe đến thăm anh." Penny cười nói, "Hãy còn mấy tuần mới học lại, anh muốn giúp em lái xe từ Nam lên Bắc?"

6

Lễ Giáng Sinh năm đó Tuân đến sống với gia đình Penny ở Tennessee. Penny và bác sĩ Crawford, bố nàng đón Tuân ở bến xe buýt. Trên Greyhound bước xuống, Tuân bắt tay vừa nói câu xã giao: "Rất hân hạnh được gặp ông, bác sĩ Crawford," thì ông đã ngắt lời: "Anh có thể gọi tôi là Peter cho tiện." Hoạt bát, có tài giúp người khác giữ được tự nhiên, ông khiến Tuân quên bản tính e dè thường lệ của mình và gọi ông bằng tên tục. Được vài lần, điều mà Tuân không làm nổi với mẹ của Penny (Penny kể mẹ nàng hỏi tại sao chàng bỏ cái 'routine' Peter and Mrs. Crawford mà bà rất thích.)

Bác sĩ Crawford nguyên là một bác sĩ hành nghề ở Atlanta. Ông là một bác sĩ hiếm có ở chỗ ông không đồng ý với lập trường của nghiệp đoàn bác sĩ Hoa Kỳ. Ông nghĩ họ tham lam quá. Ông muốn về hưu nên dọn về một tỉnh nhỏ tại Tennessee, quê hương ông. Bây giờ ông làm việc ba ngày một tuần, "đại khái cho đủ tiền giả nhà và chi tiêu hàng tháng," ông nói. Thì giờ còn lại, ông hoặc giúp không công cơ quan hành chính cho mấy *reserves* của người da đỏ, hoặc đọc sách, nghe nhạc hay làm những thứ linh tinh định làm từ khi còn trẻ. Khi bác sĩ Crawford ra trường thì những sư đoàn Panzer của Đức tiến vào Ba Lan. Hành nghề được ít lâu, khi Hoa Kỳ sắp nhẩy vào vòng chiến, ông tình nguyện vào quân lực Mỹ. Đại chiến thứ hai đem bác sĩ Crawford đi khắp chốn ở Âu Châu. Những cảnh chiến tranh, chết chóc, tàn phá, đói khổ đã ghi lại một vết thương không bao giờ hàn gắn trong tâm não người thanh niên Crawford giản dị và nhậy cảm. Có lẽ đó là điều khiến ông muốn về hưu trước tuổi để yên hưởng đời sống riêng tư của mình và làm ít việc nghĩa ("tôi muốn tự mình làm những gì mình có thể làm," ông nói.) Khi đại chiến thứ hai chấm dứt bác sĩ trung tá Crawford thấy mình đang ở Vienna. Ông giải ngũ ít lâu sau đó, và ở lại Vienna thêm một thời gian nữa. Tại đây ông gặp Anne-Marie, bà Crawford tương lai.

Anne-Marie có đôi mắt trong xanh, xâu thẳm, đượm chút u hoài, có lẽ vì đói lâu ngày. Những thiếu thốn, bần cùng của chiến tranh không xóa bỏ được hơn hai mươi năm chăm nom, hun đúc của một gia đình quý phái Vienna rất cũ, nhưng không thật xung túc. Trong bộ y phục không mấy sang trọng, nàng hãy còn giữ được vẻ đài các, thanh lịch, từ cách đi đứng cho đến cách ăn nói, chậm chạp, nhẹ nhàng với từ ngữ được chọn lựa cẩn thận. Tòa lâu đài nhỏ bên bờ sông Danube, nơi nàng sinh trưởng, nay tiêu tụy vì không tiền săn sóc. Về nhiều phương diện, nàng rất may mắn được chàng thanh niên Crawford chiếu cố, một chàng thanh niên không quý phái, nhưng có học, sinh trưởng trong một gia đình

nề nếp Mỹ. Nàng không bị làm nhục bởi đề nghị biếu một đôi stocking mới hay một hộp phó mát xà phòng nhà binh, thứ tín dụng đúng tiêu chuẩn của GI, như nhiều người nàng biết. Peter Crawford mời nàng đi nghe nhạc và uống cà phê. Với Anne-Marie, nàng như cá vào lại nước. Không kẻ chiến thắng hay chiến bại, mối tình chân thực nẩy nở giữa hai người. Trước lễ Giáng Sinh năm đó, với một hôn lễ giản dị, Anne-Marie trở thành bà Crawford. Peter mang cô dâu trẻ mới của chàng về Mỹ, hai người lập nghiệp tại Atlanta.

Penny ra đời cuối năm sau. Phòng mạch của bác sĩ Crawford phát triển, vợ ông không phải đi làm. Xuất xứ của bà cũng như giáo dục của gia đình bà thật lý tưởng trong những trường hợp như thế này. Bà Crawford không có nhiều thì giờ dối dãi. Mấy năm đầu ngoài việc chăm lo cho Penny và gia đình, bà tình nguyện giúp việc các hội thiện. Về sau, có lẽ bà là người đắc lực nhất của hội phụ nữ trong việc giúp đỡ ban nhạc hòa tấu của thành phố, lúc nào cũng thiếu tiền. Tổ chức những buổi diễn thuyết, hoặc kỷ niệm một trăm năm sinh nhật nhạc sĩ này, hai trăm năm ngày chết nhạc sĩ kia không phải là việc làm xa lạ đối với một cựu công dân trưởng giả của Vienna. Bà thành công nhiều do một hiểu biết rộng rãi về âm nhạc, và do sự giao dịch bặt thiệp, dễ dàng, và tự nhiên với đám 'captains' của kỹ nghệ trong thành phố hay với đám 'bạn' của thống đốc tiểu bang hoặc của tổng thống ở Hoa Thịnh Đốn xa xôi. Về điểm này bà được sự trợ giúp của mấy cột báo, nhỏ to về 'nữ bá tước.' Có người hỏi, bà chỉ mỉm cười, không nói đúng hay sai. Sống ở Mỹ đã lâu năm đủ, bà biết nước Mỹ cộng hòa dành một chỗ rất đặc biệt trong tim cho các công chúa, bá tước... Chuyện này chắc chắn không gây thiệt hại gì cho ban nhạc hoà tấu. "Nghe nói anh cũng là nhạc sĩ?" bác sĩ Crawford vừa lái xe vừa nói. "Dạ, chữ 'cũng' trong câu hỏi của ông có lẽ là câu trả lời chính xác nhất." Tuân trả lời, bác sĩ Crawford cười to thông cảm. Trên đường về ông kể cho chàng nghe lịch sử thành phố bé nhỏ này. Bây giờ nó bắt đầu lớn, đã lan đến trại của ông. Nhà ông vốn là nhà một nông trại, ngoài thành phố, được truyền lại đến ông là ba đời. Lúc đầu trại có mấy trăm mẫu đất, qua mỗi đời nó nhỏ đi một chút, bây giờ chỉ còn năm mẫu, 'hobby farm.' Ông nhớ ngày xưa, còn nhỏ, vào những buổi bình minh, khi sương hãy còn đọng ướt trên cành lá, ông hay đi thăm tổ mấy con chim đỏ cổ trong bụi rậm bí mật. Ông thường cưỡi ngựa chạy quanh vùng. Bây giờ ông hãy còn một con ngựa, nhưng chắc không còn giữ được bao lâu nữa. Ông nói nếu thích cưỡi ngựa, chàng có thể trở lại vào mùa hè, "tôi sẽ chỉ cho anh cách cưỡi ngựa không thua gì một kỵ sĩ Anh." Tuân lễ phép cám ơn, từ chối, nói chàng có một người bạn người Pakistan, một lần chỉ cho chàng cách cưỡi ngựa như "một kỵ sĩ Anh." Chàng không thành một kỵ sĩ Anh vì hơn một ngày sau mà thấy đùi hãy còn rát bỏng. Ông cười ngất.

Chỗ đất trại còn lại của bác sĩ Crawford là một quả đồi thấp. Căn nhà xây trên đỉnh đồi, vẻ thôn dã vẫn còn giữ nguyên được ở cả bên trong lẫn bên ngoài, như cách đây đã hơn bẩy mươi năm, tuy bên trong nhà trang bị hiện đại. Khó mà đoán được gia đình Crawford qua mấy thế hệ đã tốn biết bao nhiêu công của. Nhà hai tầng, buồng khách rộng có ống khói lớn của lò sưởi lên đến trần, cao vút cả hai tầng. Chiếc quạt trần treo dưới rui gỗ lớn, bóng loáng quay chầm chậm. Lò sưởi ở cuối buồng, lớn đủ để cung cấp sức nóng cho cả nhà, trên mặt gang xám của lò là ấm đun nước và nồi súp cũ kỹ của nhà nông. Buồng của Tuân, buồng dành cho khách, ở ngay cạnh thư viện. Tuân và bác sĩ Crawford tiêu nhiều giờ trong buồng thư viện này, nói chuyện thu thập sách. Ông kiêu hãnh khoe chàng những cuốn sách rất cũ, một vài cuốn từ thời nội chiến. "Này đây Gone With The Wind, phát hành lần thứ nhất, anh để ý gáy cuốn sách đóng rất công phu." Chàng lật giở cuốn sách, giấy đã hơi vàng nhưng sách còn đẹp nguyên. Trang đầu có bút tích "John C" viết bằng mực, cũng đã mờ. "Đấy là chữ ông thân sinh ra tôi," ông nói.

Đêm Giáng Sinh qua đi một cách thanh bình. Bữa cơm gia đình truyền thống hòa hợp

* Đàn bà ăn lúc họ nói, đàn ông nói trong lúc họ ăn.
— Chazal

* Trên đời chỉ có một người đàn bà rắc rối thôi, và ông chồng nào cũng cho rằng đó là bà vợ của mình.

* Lý do rất nhiều người đàn bà ở tuổi 40 cứ hay bị đau nhức chỗ này chỗ nọ trong cơ thể: vì rằng phần lớn họ đều ở tuổi 50 cả rồi.

cả Âu lẫn Mỹ Châu. Đáng nhẽ dùng gà tây bà Crawford đặt mua một con ngỗng to nặng như những gia đình Đức-Áo. Thịt ngỗng đậm đà, không khô như gà tây, nước sauce béo ngậy, mầu nâu thẫm đặc sệt. Bà kể ngày xưa còn nhỏ những bữa cơm gia đình nhà bà như thế này, bà hay nằn nì xin mẹ thêm nước sauce để chấm bánh mì. Mắt đôi chút mơ màng, đó là một trong ít lần bà nhắc đến chuyện quá khứ.

Rồi đến sinh nhật của Penny. Bà giúp việc da đen giúp bà làm cơm và làm bánh sinh nhật, một việc bà rất thích. Sinh nhật của Penny vào giữa Giáng Sinh và Tết dương lịch, bao giờ nàng cũng ăn sinh nhật ở nhà. Nàng mời mấy người bạn cũ, Liz và Matt, từ trường về nghỉ lễ. Liz hoạt bát, khoe đang 'date' ông thầy dậy tiếng Anh, còn Matt trầm tĩnh, sắp học xong. Penny dậy Tuân chơi bridge. Ban đêm không lạnh, tuyết rơi nhiều, họ rủ nhau lấy toboggan ra chơi. Đồi dốc hẻo lánh ngay ngoài nhà, những 'đứa trẻ' tuổi trên hai mươi la hò ầm ỹ. Lúc quá nửa đêm, Matt và Liz cáo biệt. Đứng trên đỉnh đồi, chờ cho đèn xe đã khuất, hai người ôm hôn nhau rất lâu, mặc cho tuyết phủ kín đầu như pho tượng. Chợt cảm thấy có gì làm cộm túi, Tuân móc túi thấy chiếc 'pin' của hội Sigma Pi Sigma (4), không nghĩ ngợi, chàng cài lên áo Penny.

Khi hai người vào đến trong nhà thì thấy bà Crawford đang sửa soạn đi ngủ. Penny gọi mẹ, "Mẹ trông này, Tuân 'pin' con!" Bà cầm chiếc pin vàng xem khen, hỏi về lai lịch nó, rồi mỉm cười dịu dàng nói: "Tôi cứ tưởng mấy người đã hết tuổi 'pin' từ lâu rồi." Tuân hơi đỏ mặt. Còn lại một mình, Tuân và Penny nắm tay nhau ngồi trên divan, trước lò sưởi, không 'necking.' Họ ngồi cạnh nhau trong im lặng, ngắm nhìn những đốm lửa đỏ nổ tung tóe, như để cảm nhận thấy và vui hưởng sự có mặt của nhau. Khẽ dụi đầu vào Tuân, đột nhiên Penny nói: "Em yêu anh." Tuân cảm động. Lần đầu tiên chàng nghe một người đàn bà nói với chàng như vậy một cách rành rọt, không hấp tấp qua hơi thở trong một phút say mê.

7

Nhưng đó cũng là lần cuối Tuân gặp Penny. Mười năm đã qua đi. Chàng chỉ còn nhớ ngày đầu xuân năm đó, chàng nhận được một thư ngắn của Penny nói có lẽ điều tốt nhất cho cả hai là không nên gặp lại nhau nữa. Nàng viết tiếp: "...nếu điều đó có nghĩa gì cho anh, em chỉ muốn nói thêm rằng em làm quyết định đã làm không phải vì một người đàn ông khác đã quét chân em khỏi mặt đất." Tuân sống cơ cực mấy tháng tiếp đó. Chàng thầm trách Penny đã làm một quyết định quá phũ phàng, 'cold-blooded.' Tuân nghĩ chàng hiểu Penny, nhưng có lẽ chàng mới chỉ hiểu Penny thuần lý. Còn Penny đàn bà với tất cả những tế nhị, phức tạp, uyển chuyển chàng hoặc chỉ thoáng thấy hoặc không chịu nhận. Những phút sống bên nhau, chàng không mù quáng trước những ân cần, săn sóc của nàng. Như khi nàng kể nàng từ chối không lấy việc làm với Thư Viện Quốc Hội vì một trong những điều kiện phải nhận là cắt đứt mọi liên lạc với 'alien.' Một lần khác Penny hỏi: "Anh nghĩ sao nếu em đổi trường, dọn xuống đây, em có thể học trường ở đây?" Có lẽ Tuân đã trả lời quá nhanh: "Không nên, chương trình ở đây không thể so sánh với Yale được." Chàng thoáng thấy một gợn mây trong khóe mắt. Đó là một câu trả lời thuần lý. Điều chàng không chịu hiểu là những câu hỏi tương tự không chờ đợi câu trả lời thuần lý, mà chờ đợi một khẳng định. Chuyện đổi trường thực sự hay không là một điều phụ, hoàn toàn khác biệt.

Mười năm đã qua đi. Mùa hè này Tuân có dịp trở lại Colorado, đi họp về Vật Lý tại Denver. Anh bạn đồng nghiệp muốn khoe chàng tiểu bang, mang chàng đi chơi khắp chốn. Tuân không nói gì. Chàng muốn nhìn lại những nơi xưa cũ. Đường lên núi ngày nay đã thương mại hóa quá nhiều, nhưng rừng thông già trên núi vẫn còn nguyên vẹn. Khi còn nhỏ Tuân có thói quen học nhập tâm những câu thơ hay những đoạn văn xuôi chàng thích. Chàng có thể tìm được dễ dàng một câu trích cho mỗi hoàn cảnh. Ở đây, nắng phớt vàng trên đỉnh núi, cây thông già vẫn dang cánh tay trơ trụi khẳng khiu, Tuân đọc trong đầu: "Nắng ở đây vẫn là nắng ngày xưa, và linh hồn tôi vẫn là linh hồn năm trước" (5). Chàng nghĩ âm thầm: "Duy có điều linh hồn tôi không còn là linh hồn năm trước."

Chiều nay, trên đường về, Tuân ngồi uống cà phê, đọc báo, đợi đổi máy bay ở phi trường O'Hare, Chicago. Tuy mắt đọc báo nhưng tâm tư chàng còn nặng trĩu sầu muộn của quá khứ. Đột nhiên chàng nghe tiếng nói trong trẻo của một cậu bé: "Mẹ coi con mua được cái này." Rồi tiếng nói nghiêm nghị, quen thuộc: "Thomas, con biết con không được làm như vậy!" Tuân bỏ báo nhìn lên, một thiếu phụ ăn mặc lịch sự, đang trách mắng con bỗng ngừng

lại khẽ nói: "Lạy Chúa tôi." Rồi hai người nói cùng một lúc:

"Penny!"

"Tuân!"

Sau một phút ngỡ ngàng, Tuân đứng dậy ôm hôn nhẹ trên má Penny. Nhớ đến thực tại, chàng nhìn Penny dò hỏi, nàng hiểu ý bèn nói: "Chỉ có em và Thomas," rồi nàng giới thiệu Thomas. Cho Thomas chạy chơi, hai người ngồi nói chuyện. Penny đợi đổi máy bay đến nhiệm sở mới của nàng ở San Francisco. "Trông em vẫn đẹp như xưa, đẫy đà ra," Tuân bắt đầu. "Anh muốn nói em béo!" Penny nhanh miệng ngắt lời, vẫn là Penny của mười năm về trước. Thấy Tuân nhìn chiếc 'pin' Sigma Pi Sigma trên ngực mình, Penny cắt nghĩa: "Chiếc pin đẹp, em có thói quen tuần lễ đeo một lần, hôm nay ngày của pin." "Không có gì quan trọng, tôi hiểu," Tuân nói. "Không, không phải như vậy," nàng nheo mắt cười, "nếu anh muốn đòi, em sẽ trả." Cả một bầu trời đêm tuyết hiện lại trong đầu, chàng đáp: "Không, em cứ giữ, gọi là một chút ân tình. Vả lại, như mẹ em nói, mình đã hết tuổi 'pin' từ lâu rồi."

Chàng hỏi thăm ông bà Crawford. Ông bà vẫn mạnh. Rồi nàng kể chuyện nàng. "Em đã làm một việc rất không tiêu biểu của người Mỹ, giải quyết một câu chuyện tình cảm bằng hôn nhân." Nàng kể bố của Thomas là một người tốt, theo đuổi nàng đã lâu, từ khi nàng mới đến Yale, nhưng nàng không để ý. Câu chuyện dài dòng, cuối cùng là nàng bằng lòng làm đám cưới. Sau khi Thomas ra đời ít lâu, cả hai đều thấy thực không có gì chung nhau, đồng ý ly dị trong tình bạn. "Từ đó đến nay," Penny nói tiếp, "một phần vì Thomas, một phần vì công việc, em không cảm thấy áp lực phải đi kiếm chồng."

Sau khi ly dị, Penny đem con về ở với bố mẹ mùa hè năm đó. Ông bà Crawford hơi buồn nhưng nghĩ rằng đó là giải pháp tốt nhất. Ông hơi ân hận không khuyên ngăn việc làm đám cưới, ông cũng nghĩ bố của Thomas sẽ không hợp với Penny. Ông biết tính tình con ông. Ông nói nàng cần phải có một người đàn ông cần nàng, vì vậy Tuân hợp với nàng hơn. 'Vulnerable,' nhớ lại từ ngữ của bố dùng để tả Tuân, Penny nói: "Trông anh vẫn như xưa, không già đi chút nào! Còn anh?" Tuân trả lời chàng vẫn lang thang đi họp Vật Lý. Và thật là một sự tình cờ, chàng vừa ở Denver về đây. Penny nhìn Tuân, nàng cảm thấy một niềm thương sót. Tuân kể chiều hôm trước bạn đồng nghiệp đưa đi chơi nhiều nơi ở Colorado khiến chàng nghĩ lại hoài chuyện cũ. Ngắm nhìn Penny chàng nói: "Tôi rất ân hận đã khiến em buồn trong quá khứ." "You did, didn't you?" Penny nhẹ nhàng nói, đưa tay qua nắm tay Tuân trên mặt bàn, bàn tay kia khẽ đập lên mu bàn tay chàng như an ủi, "Cũng là lỗi tại em. Mà có lẽ không là lỗi tại ai hết. Đã biết bao nhiêu nước chẩy dưới cầu. Mình không còn vô tư như ngày xưa nữa." Hồi lâu, mắt mơ màng nàng tiếp: "Mình đã sống những giờ phút của mình, thật không có điều gì đáng ân hận." Chiều phi trường! Một cặp không là tình nhân nhưng có lẽ vẫn yêu nhau. Họ đã tiêu gần hết hai tiếng đồng hồ. Tiếng động cơ máy bay, tiếng hành khách sào sạc, những tiếng động tạp nhạp khác, tất cả lùi lại thành tiếng động hậu trường. Hai người ngồi im lặng như đêm Giáng Sinh thủa nào, hai tay vẫn nắm lấy nhau trên mặt bàn. Tiếng loa phóng thanh yêu cầu hành khách đi San Francisco lên máy bay, Penny như giật mình tỉnh giấc. Khẽ rút tay ra khỏi tay Tuân, nàng mở ví lấy tấm danh thiếp, xóa bỏ địa chỉ nhà rồi đưa cho chàng: "Trong mấy tuần lễ tới em không có địa chỉ nhất định. Nếu anh muốn, anh có thể liên lạc với em qua sở chính." Tuân cũng viết cho nàng địa chỉ của mình. Tiếng loa phóng thanh gọi hành khách lần thứ hai. Thomas hối hả chạy lại tìm mẹ, nàng giục con chào Tuân. "Hy vọng sẽ gặp lại ông," Thomas chững chạc nói, "một đôi lần mẹ nhắc, nói ông là một người bạn tốt." "Tôi cũng hy vọng sẽ gặp lại em," bắt tay Thomas, Tuân nói tiếp, "tôi cũng muốn nói với em rằng mẹ em là một người mẹ tốt và một người bạn tốt." Penny chìa má để Tuân hôn, lấy kính râm ra đeo rồi dắt tay con thoăn thoắt bước đi. Trước khi bước vào phòng đợi lên máy bay Penny quay lại nhìn, thấy Tuân hãy còn đứng tần ngần, tay cầm tấm thiếp, nàng dơ tay vẫy chào một lần nữa.●

Aylmer 24-12-1997

(1) Jascha Heifetz (1901-1987) - Nhiều người nghĩ rằng ông là nhạc sĩ vĩ cầm số một của thế kỷ thứ 20.

(2) Đối thoại xẩy ra khi chiến tranh lạnh hãy còn căng thẳng.

(3) Chính ra nó phải tồi, đen thui, nhưng như vậy sẽ không trông thấy gì, có lẽ đây là "âm bản"!

(4) Sigma Pi Sigma - một hội danh dự về Vật Lý của Hoa Kỳ.

(5) Hình như của Đinh Hùng.

NHỮNG TIẾNG HÁT MẬT NGỌT

PHẠM XUÂN TÍCH

Trong cuộc đời, Tạo đã yêu mến nhiều tiếng hát. Tạo thích tiếng hát Thanh Thúy trong ánh đèn mầu của phòng trà Anh Vũ, yêu giọng hát Ánh Tuyết đa tình lãng mạn và lẳng lơ trong bài 'Trăng sáng vườn chè,' quí giọng hát Thái Thanh ngút ngàn chơi vơi trong 'Chiều về trên sông,' cùng tiếng hát Khánh Ly với những tình khúc Trịnh Công Sơn..., và giọng ca của Lê Uyên, Phương, Từ Dung và Từ Công Phụng... Những tiếng hát đó đã đánh dấu những ngày tháng dài trong cư xá sinh viên của chàng, vào đầu thập niên 1960 tại Sài Gòn. Người bạn cùng phòng với Tạo, một sinh viên Dược khoa, lại chỉ mê tiếng hát Hà Thanh trong bài 'Trở về mái nhà xưa.' Anh ta không có máy hát, nên cứ lân la qua dẫy nhà đối diện, bắt người bạn có dàn máy vặn hoài dĩa nhạc của Hà Thanh. Anh ta lim dim, uống từng lời hát, và la lên sảng khoái khi bản nhạc chấm dứt. Anh ta đòi nghe lại, và cứ như vậy.

Tạo không đến nỗi si mê như thế. Chàng thích thôi, chứ không đắm đuối.

Bởi vì, tiếng hát tuyệt vời nhất, đối với chàng, đã lãng đãng trôi xa, chập chờn chìm khuất trong tiềm thức. Có một lần, cảm xúc đó chợt bùng dậy như một ánh lửa rực sáng trong đêm khuya. Buổi chiều hôm đó, Tạo chợt nghe thấy một giọng hát lảnh lót, hồn nhiên, tựa như có, tựa như không, vẳng tới từ bên ngoài khung cửa sổ bờ rào cư xá, vọng vào phòng chàng, và các phòng kế bên. Các sinh viên đang cặm cụi học bài, chợt ngưng tất cả, nghiêng đầu lắng nghe. Tiếng hát dịu dàng, thanh thoát, trôi qua các mắt lưới cửa sổ, len lỏi vào từng dẫy bàn, lờ lững trên các mái tóc xanh, đọng lại trên từng hơi thở, hòa nhịp với mỗi trái tim, rồi lại vút bay chạm vỡ tung trên nóc trần nhà, để rồi tỏa xuống quanh các bờ vai. Không ai bảo ai, tất cả đều đứng lên, tiến tới gần song cửa, đắm chìm trong tiếng hát.

Nhưng tiếng hát chợt ngưng bặt, và một giọng nói ồm ồm của một người đàn ông lớn

tuổi vang lên ở đâu đó:

"Ngưng đi con! Cắt cỏ như vậy đủ rồi! Mình phải về sớm nghe con!"

"Dạ!"

Tiếng dạ nhỏ nhẹ, êm đềm. Những tia mắt và trái tim của mấy chục sinh viên đang đứng sau các khung cửa, đều hướng về phía tiếng nói.

Một cô bé vóc người chừng mười ba, mười bốn tuổi, đang cột lại những mớ cỏ vừa cắt bên bờ rào, xếp vào một sọt tre lớn. Một người đàn ông gầy gò trong bộ quần áo bà ba đen, đang vỗ vỗ vào lưng con ngựa ốm yếu cột giữa hai càng chiếc xe thổ mộ cũ kỹ, bảo cô gái:

"Chắc đủ cho ngựa ăn vài ngày đó con!"

"Dạ!"

Không ai thấy mặt cô bé. Chiếc nón cũ sờn rách, ngả mầu xậm, che khuất khuôn mặt cô, chỉ thấy vài lọn tóc dài lưa thưa phủ trên tấm lưng gầy guộc. Người đàn ông chất cỏ lên xe. Cô bé leo lên ngồi trên bậc gỗ phía trước. Gió chiều hiu hắt.

Chiếc xe thổ mộ chuyển bánh, chở hai bố con cô bé cắt cỏ đi xa. Các chàng sinh viên vẫn còn ngẩn ngơ đứng bên song cửa. Tiếng hát của cô bé đã bắt hồn của các chàng trai mất rồi.

Trong khoảnh khắc, Tạo chợt bắt gặp lại hình ảnh của chàng ngày nào, trong một buổi chiều hơn mười năm về trước.

Ngày đó, trường của Tạo mở cuộc tuyển lựa 'ca sĩ' cho chương trình văn nghệ cuối năm. Như đa số các bạn bè đồng trang lứa khác, Tạo chen lấn, cười đùa, xô đẩy nhau với các bạn để tìm chỗ đứng tốt bên cạnh dàn nhạc. Chiếc loa phát thanh ồn ào, inh tai nhức óc với những lời của ban tổ chức giới thiệu các ứng viên. Không khí như một phiên hội chợ. Mạnh ai nấy nói. Mọi người hò hét, la lối, ủng hộ, chê bai, hoặc đùa cợt với các ứng viên. Quý vị giám thị phải ra oai đe dọa, rồi lại dịu dàng năn nỉ, không khí mới dịu xuống dần.

Và trong khung cảnh rối ren, ồn ào, tưng bừng vui vẻ đó, chợt một tà áo dài mầu nâu thướt tha bước lên sàn gỗ sân khấu, nhưng cũng không ai chú ý gì hơn. Tạo còn đang mải tranh luận với một người bàn học đứng kế bên. Thì chợt tiếng hát cất lên từ phía chiếc áo dài nâu, với mái tóc dài buông thả bên bờ vai. Khuông khí chợt dịu hẳn lại. Tiếng ồn ào nhẹ dần. Tạo và người bạn ngưng nói chuyện, và cả hai cùng ngước nhìn về phía bục gỗ sân khấu. Tiếng hát đã cất lên từ nơi đó. Tiếng hát tung tăng, nhẩy nhót trên cành. Tiếng hát ngập chìm trong giòng suối trong xanh. Tiếng hát lửng lơ trên mây trắng. Tiếng hát cuốn ào ạt như gió rừng. Tạo ngưng thở. Tiếng hát chạy chung quanh chàng, lẩn sau lưng, thoắt tới trước, bay đi xa, rồi lại trở về, tràn ngập khắp mọi nơi. Chưa bao giờ Tạo được nghe một giọng hát tuyệt vời như vậy. Có lẽ, ngay cho tới ngày hôm nay, đó là tiếng hát đẹp nhất mà chàng đã được nghe trong đời. Tạo không biết tên, cũng không biết rõ mặt người thiếu nữ áo dài nâu đã hát trong buổi chiều hôm đó. Nhưng tiếng hát của nàng đã đi thẳng vào trong tiềm thức sâu kín nhất của tuổi thiếu niên của chàng.

Và, đốm lửa hồng ấy chợt bùng cháy lại, trong một buổi chiều bên bờ rào cư xá sinh viên, hơn mười năm sau, với tiếng hát hồn nhiên của một cô bé cắt cỏ, mà Tạo cũng không thấy mặt.

Những tiếng hát mật ngọt mà Tạo đã diễm phúc được nghe hai lần trong đời.

Paris, mùa Đông năm 1996

Hong Kong nhìn từ đỉnh núi. Phía xa là bán đảo Cửu Long. (Ảnh LDD)

Sau tám tháng Anh Quốc bàn giao cho Trung Hoa lục địa

HONG KONG CÓ GÌ LẠ KHÔNG ANH?

HOÀNG TRỌNG THỤY hỏi chuyện LÊ ĐÌNH ĐIỂU

LTS.- *Cuối tháng Hai 1998, theo lời mời của Cathay Pacific Airways do AV Travel giới thiệu, biên tập viên Lê Đình Điểu của TK 21, cũng là Giám đốc Chương trình Phát thanh VNCR, đã đến Hong Kong, trước là thăm phi trường mới của vùng đất được mệnh danh là "viên ngọc trai của Đông Á" này, sau đó gặp và phỏng vấn một số giới chức trong chính quyền "tự trị" Hong Kong. Cuộc chuyện trò do Hoàng Trọng Thụy thực hiện đã được trực tiếp truyền thanh trên đài VNCR trong hai buổi: chiều thứ Ba, mùng 3, và chiều thứ Năm mùng 5 tháng Ba 1998.*

Hoàng Trọng Thụy: Xin anh tóm lược lại vài hàng về mục đích chuyến đi Hong Kong của anh vừa qua.

Lê Đình Điểu: Tôi được hãng máy bay Cathay Pacific mời, cùng một phái đoàn ký giả Mỹ gốc Á, 11 người, đi thăm phi trường mới xây cất và sắp khánh thành ở Hong Kong, trong đó trụ sở của Cathay Pacific là một phần quan trọng. Phái đoàn gồm chín nhà báo người Hoa, và hai người Việt (là anh Đỗ Quý Toàn và tôi). Họ mời đi có hai ngày thôi, nhưng tôi ở lại thêm hai ngày để thực hiện một số cuộc phỏng vấn các giới chức chính quyền Hong Kong, tìm hiểu xem sau tám tháng "đổi chủ" Hong Kong có gì lạ. Xin được mở một dấu ngoặc ở đây để gửi lời cám ơn cô Simone Nga Trần của AV Travel đã giới thiệu anh Toàn và tôi với hãng Cathay, và liên lạc trước với Sở Thông Tin của Hong Kong để sắp xếp các cuộc phỏng vấn.

Phi trường mới của Hong Kong ra sao, thưa anh?

Trước hết, nói qua về phi trường cũ: Kai Tak. Phi trường này ở ngay bán đảo Cửu Long, giữa vùng dân cư đông đúc. Vì thế, ban đêm, phi trường bị "giới nghiêm" không cho máy bay lên xuống, để dân chúng được... ngủ yên. Phi trường lại nhỏ hẹp, không kham nổi lượng hành khách và hàng hóa đi và đến ngày một tăng. Do đó, từ đầu thập niên 1990, chính quyền Hong Kong đã có dự án xây cất một phi trường mới. Họ chọn

hòn đảo Chek Lap Kok, ở khu Lan Tau, bạt hẳn một dãy núi, lấy đất, đá lấp vũng biển, tạo thành một mặt bằng chiều dài khoảng 10 cây số, chiều ngang khoảng 5 cây số, trên đó xây một phi trường hiện đại, đủ sức chứa cho 35 triệu lượt du khách tới lui Hong Kong trong một năm. Từ trên cao nhìn xuống, nhà ga phi trường trông như một phi cơ khổng lồ, mà thân phi cơ là hai dãy trạm đi/đến của các hãng máy bay quốc tế và địa phương. Hãng Cathay Pacific, do một người Úc và một người Mỹ lập ra từ năm 1946, hiện là hãng lớn nhất của Hong Kong chiếm gần một nửa số trạm này. Một thành phố cũng bắt đầu mọc lên bên cạnh phi trường, để làm nơi "cắm dùi" cho hàng chục ngàn công nhân viên làm việc trong phi trường. Phi trường sẽ được khánh thành vào ngày mùng 6 tháng Bảy tới đây. Chúng tôi là những nhà báo nước ngoài đầu tiên được đến thăm phi trường, và cũng phải mất nửa ngày mới đi hết các khu vực.

Với thời gian tương đối ngắn như vậy, anh đã tìm hiểu được gì ở Hong Kong?

Đây là lần thứ năm tôi đến Hong Kong, kể từ lần đầu vào năm 1965. Thành ra tôi tương đối cũng "quen" với Hong Kong đôi chút. Qua những cuộc dạo phố, những bữa ăn trong các nhà hàng, và nhất là qua ba cuộc tiếp xúc với ba giới chức chính quyền Hong Kong, tôi cũng ghi nhận được một số dữ kiện.

Anh đã phỏng vấn những nhân vật nào?

Đó là các ông: Patrick Nip, Phụ tá Tổng Giám đốc, khu vực Á và Mỹ Châu, Bộ Mậu Dịch; ông Stephen Wong, Tổng Quản trị về Giao tế, Hội Du Lịch Hong Kong; và ông Eden Woon, Chủ tịch Phòng Thương mại Hong Kong. Hai ông Nip và Wong đều tốt nghiệp đại học Hong Kong. Còn ông Woon tốt nghiệp tiến sĩ kinh tế tại Mỹ, đã ở Mỹ hơn 30 năm (và đã từng đánh cù với ông Nguyễn Cao Kỳ ở Seattle).

Sau những cuộc phỏng vấn và những buổi đi "thăm dân cho biết sự tình," anh thấy sao? Hong Kong có thay đổi gì không? Có... mùi Cộng sản không?

Trước hết, xin nói về cảm tưởng đầu tiên ngay khi đặt chân xuống phi trường Kai Tak. Phi trường này để lại trong trí nhớ tôi một kỷ niệm khó quên: ấy là năm 1965, trên đường từ Mỹ về Việt Nam sau thời gian tu nghiệp, tôi được một anh bạn cùng lớp, là người Hong Kong, rủ về nhà anh chơi ít ngày. Nhưng tôi không ngờ là thông hành của mình đã hết hạn. Thế là tôi bị "giữ" ở phi trường Kai Tak một đêm. Sáng hôm sau, nhờ một nhân viên cảnh sát phi trường đem sổ thông hành của tôi đến Tòa Tổng Lãnh Sự VNCH xin gia hạn — rất may, được gia hạn ngay —, tôi mới được ra ngoài. Hong Kong lúc đó còn trong tay người Anh, nhưng đường phố, nhà cửa rất... Tàu. Nghĩa là bừa bộn, sặc sỡ, đông đúc, và ồn ào. Đi đâu cũng nghe tiếng "rào rào" của mạt chược vẳng ra từ các quán ăn. Lần này, đến phi trường Kai Tak, có người đón và đưa về khách sạn. Ngồi trên xe, thấy phố phường vẫn như cũ; người đi lại vẫn tấp nập; trên cửa sổ các cao ốc vẫn phất phới áo quần phơi trên những cây sào tre thò ra ngoài. Nhưng ít thấy người da trắng trong những dòng người xuôi ngược kia.

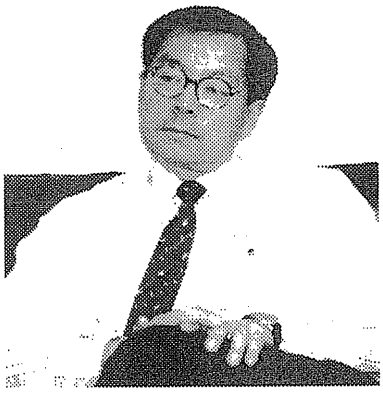

TS Eden Woon, Chủ tịch Phòng Thương Mại Hong Kong. (Ảnh LDD)

Thành ra tôi rất đồng ý với ông tiến sĩ Chủ tịch Phòng Thương mại Hong Kong, Eden Woon, khi ông nói rằng "Hong Kong sau ngày bàn giao có thay đổi và không thay đổi."

Như vậy, trên phương diện chính trị, mặc dầu Hong Kong sáp nhập vào Trung Cộng, vẫn là một vùng đất tự do hay sao?

Không rõ đằng sau ra sao, nhưng nhìn bề ngoài thì thấy Hong Kong được tự trị. Chẳng hạn, theo phân tích của ông Eden Woon, thì ông Đổng Kiến Hoa, Hành chánh Chưởng quan (tức Thống Đốc) Hong Kong, được quyền điều hành vùng đất này theo cách mà ông cho là tốt nhất đối với quyền lợi của người dân địa phương. Ngoài hai bộ phận quốc phòng và ngoại giao, Trung Hoa lục địa để Hong Kong tự do buôn bán, tự do ký thương ước với các nước, luật lệ trong vùng giữ nguyên như cũ. Ông Patrick Nip cho tôi biết rằng Hong Kong hiện vẫn là thành viên chính thức của một số tổ chức quốc tế, như APEC, WTO — trong khi Trung Cộng chưa được vào WTO.

Mặt khác, ông Woon phân tích thêm, cho thấy Hong Kong còn dân chủ hơn thời thuộc địa. Trước, Thống đốc Hong Kong do chính phủ hoàng gia Anh bổ nhiệm, dân Hong Kong không được quyền có ý kiến gì. Nay, Hành chánh Chưởng quan do dân bầu, dù hiện tại vẫn chỉ

bầu gián tiếp, tức là qua Viện Lập pháp, chứ chưa phổ thông đầu phiếu kín. Nhiều hình thái sinh hoạt dân chủ kiểu Tây phương xuất hiện, như biểu tình, nhóm áp lực, các tổ chức bảo vệ sinh môi, các nghiệp đoàn, v.v...

Trong một bài tường trình trực tiếp truyền thanh từ Hong Kong về Đài, tuần trước, anh có nói đến việc người Hong Kong bây giờ chỉ nói tiếng Tàu, nhất là tiếng Quảng, chứ không nói tiếng Anh. Như vậy, phải chăng là một thay đổi có tính chiến lược của lục địa?

Thoạt đầu tôi cũng nghĩ như vậy. Hồi xưa, đi ngoài đường hay vào các hàng quán, tiệm buôn, dù nhỏ dù lớn, tôi chỉ nói tiếng Anh là hỏi thăm đường, mua bán được rồi. Nhưng lần này, chỉ ở những khách sạn, nhà hàng, tiệm buôn lớn, nói tiếng Anh mới có người nghe. Hậu quả nhãn tiền là tôi gọi lầm thức ăn đến hai lần, vì tiếng Quảng thì mình không biết, lõm bõm vài câu tiếng Phổ thông (còn gọi là tiếng Quan thoại, hay tiếng Bắc Kinh), gọi đậu hũ chiên dòn họ bưng ra món đậu hũ bầm nhỏ kho tương!

Tôi đem thắc mắc này hỏi cả ba người tôi phỏng vấn, thì câu trả lời của ông Woon là đầy đủ và sâu sắc nhất: Quả thật hiện nay dân Hong Kong nói tiếng Tàu nhiều hơn tiếng Anh, vì lý do giản dị là người Anh đã ra đi. Số người Anh và người Âu nói chung còn sinh sống hoặc làm việc ở Hong Kong không nhiều, số du khách người Âu, ít ra là mùa này, cũng giảm, nên người dân Hong Kong nói tiếng địa phương thoải mái hơn. Mặt khác, nhiều người cũng thấy rằng Hong Kong nay đã là Tàu rồi thì nói tiếng Tàu hẳn là thời thượng. Còn về tiếng Anh, quả thực có sự suy thoái —nhưng sự suy thoái này đã bắt đầu từ một thập niên qua, chứ không phải vì có sự sáp nhập vào lục địa. Ông Woon quả quyết rằng đây là một tiến trình tự nhiên chứ không phải một ý đồ chiến lược của nhà cầm quyền Trung Hoa lục địa.

Còn ông Wong của Hội Du Lịch thì cho rằng, về phương diện văn hóa, lối sống Âu hóa của Hong Kong đã ảnh hưởng ngược vào lục địa, chứ lối sống lục địa không làm thay đổi được Hong Kong.

Vụ khủng hoảng tài chánh của các nước Đông và Đông Nam Á ảnh hưởng thế nào đến nền kinh tế Hong Kong?

Theo ông Patrick Nip thì cuộc khủng hoảng tài chánh này chắc chắn đã ảnh hưởng chẳng những đến Hong Kong mà còn đến vùng Á Châu và thế giới nữa. Nhưng Hong Kong chịu ảnh hưởng rất nhẹ, vì nền kinh tế Hong Kong là một nền kinh tế "không giống ai."

Tại sao lại nói "không giống ai"?

Hong Kong là một hải cảng tự do, hàng mua đi bán lại không phải chịu thuế. Trong 150 năm qua, Hong Kong là điển hình của kinh tế tư bản chủ nghĩa, lại không bị tham nhũng hoành hành, ngân sách không bao giờ khiếm hụt, dự trữ ngoại tệ rất lớn (hiện nay là trên 10 tỉ Mỹ kim). Nhà cầm quyền để cho doanh nhân tự điều chỉnh mức cung cầu, giá cả, lương tiền, xuất nhập cảng, nên kinh tế phát triển, trong lúc không cần đến một guồng máy công quyền to lớn, cồng kềnh.

Ô. Stephen Wong, Tổng Quản trị Giao tế, Hội Du Lịch Hong Kong (Ảnh LDD)

Sau bàn giao hồi tháng Bảy 1997, Hong Kong có đổi tiền không? Trị giá của đồng đô la Hong Kong hiện nay ra sao? Có chỉ bằng một phần trăm, hay một phần mười của tiền cũ, như ở Việt Nam sau tháng Tư 1975 không?

Không có đổi tiền — ngoại trừ thay thế một số tiền xu, bỏ hình của nữ hoàng Anh đi thôi. Giá trị đồng đô la Hong Kong y như cũ, hiện 1 Mỹ kim vẫn ăn hơn 7 đô la Hong Kong.

Qua báo chí, chúng ta biết rằng lục địa đã thu hút của Hong Kong nhiều nhà máy sản xuất, nhất là các nhà máy dệt. Điều này có làm xáo trộn thị trường nhân dụng và kinh tế Hong Kong nói chung không?

Có chứ. Nhưng Hong Kong tự điều chỉnh rất nhanh. Thực ra, việc chuyển các nhà máy từ Hong Kong vào lục địa đã xảy ra dài dài suốt từ thập niên 1980, vì ở lục địa nhân công rẻ. Cũng giống như nhiều nhà máy của Mỹ dời xuống Mexico vậy. Đó là quy luật kinh tế thị trường. Ông Patrick Nip giải thích như sau: Vì những nguyên tắc kinh tế, người ta có quyền chọn lựa chỗ nào giá sản xuất rẻ nhất. Nhưng sự chọn lựa này của các doanh nhân Hong Kong không dính dáng gì đến vụ Hong Kong sáp nhập lục địa hết.

Anh nói Hong Kong tự điều chỉnh rất nhanh.

Họ điều chỉnh như thế nào?

Ngay từ thập niên 1980, Hong Kong đã phải tái cấu trúc các khu vực nhân dụng, tức chuyển những người thợ từ các xưởng máy sang làm nhân viên các cơ sở cung cấp dịch vụ, như du lịch, khách sạn, nhà hàng, vận tải, v.v... Ông Patrick Nip cho tôi một con số có ý nghĩa: Tổng sản lượng quốc nội của Hong Kong nếu tính là 100, thì khu vực dịch vụ chiếm 85%.

Người ta vẫn nói Hong Kong là thiên đường của những người thích mua sắm. Bây giờ tình hình ra sao? Các cửa hàng có bị đưa vào hợp tác xã, hay bị quốc doanh hóa không? Hàng hóa có còn nhiều không?

Ô. Patrick Nip, Phụ tá Tổng Giám đốc, Bộ Mậu Dịch Hong Kong. (Ảnh LDD)

Vẫn như cũ. Nghĩa là quyền tư hữu được tuyệt đối tôn trọng. Không có cái trò quốc hữu hóa, quốc doanh hóa, hay hợp tác hóa gì hết. Ông Đặng Tiểu Bình đã nói "làm giàu là vinh quang" rồi mà. Lục địa còn được quyền 'làm giàu" thì Hong Kong cứ đi theo con đường... nước Anh đã chỉ dẫn thôi! Hàng hóa thì ê hề, thượng vàng hạ cám, đủ cả, vừa với mọi túi tiền. Dĩ nhiên phải coi chừng đồ "dỏm." Hãy nghe ông Stephen Wong nhận định về "thiên đường của những người thích mua sắm": Hong Kong có ba yếu tố hấp dẫn du khách đến mua hàng. Đó là hàng được miễn thuế; có nhiều mặt hàng khác nhau cho khách tha hồ chọn lựa; và giá cả thích hợp với nhiều tầng lớp khác nhau.

Vấn đề đi lại ở Hong Kong ra sao? Có bị xét giấy không? Từ lục địa đi ra đi vô Hong Kong có thong thả không? Xe cộ thế nào?

Chà, câu hỏi tham lam dữ. Ở Hong Kong không có ai xét giấy xét tờ gì hết. Nhưng nhân viên khách sạn cũng dặn dò chúng tôi là khi ra đường nên mang theo thông hành, để đề phòng bất trắc xảy ra, như chẳng may gặp tai nạn... Lính Trung Cộng không thấy xuất hiện trên đường phố. Họ chỉ ở trong doanh trại, gần dinh Hành chánh Chưởng quan, chứ không có "đi đầy đường" như Saigon sau 30 tháng Tư 1975 đâu. Từ lục địa ra vô Hong Kong rất khó. Du khách có thể qua lại không cần chiếu khán, nếu chỉ trong vòng 24 giờ. Dân lục địa bị kiểm soát ngặt, không cho tràn ra Hong Kong. Đi lại ở Hong Kong và Cửu Long (tức Kowloon) không có gì trở ngại. Có xe buýt, xe điện ngầm, xe taxi, và... đi bộ. Đi bộ rất thú vị, vì đường phố lúc nào cũng đông người, nhộn nhịp, mà hàng quán san sát hai bên đường. Có một hiện tượng đáng chú ý là dân Hong Kong dùng máy điện thoại cầm tay rất nhiều. Trung bình cứ mười người đi trên lề đường tôi thấy phải có đến sáu, bẩy người có máy. Có khi ở một góc đường tôi thấy ba người đứng quay mặt về ba hướng, nói điện thoại líu lo. Thậm chí vẫn

Phi trường mới của Hong Kong mang tên "Hong Kong International Airport" (Ảnh AA)

nói điện thoại trong lúc sang đường nữa.

Sau khi miền Nam [Việt Nam] đổi chủ, Cộng sản bắt giam những người làm việc trong chính quyền cũ, rồi thay đổi tên đường, v.v... Hong Kong thì sao?

Hong Kong đổi chủ không đổi người làm. Hầu hết các công nhân, viên chức của guồng máy hành chánh cũ —trừ người Anh và những người Hoa không thích Trung Cộng đã bỏ đi — đâu vẫn ở đấy, kể cả một số chức quyền cao cấp. Chính quyền mới còn mời thêm các chuyên gia từ hải ngoại về làm việc (trường hợp tiến sĩ Eden Woon là một thí dụ điển hình). Còn tên đường? Như cũ. Tôi vẫn thấy các đường lớn như Nathan, Mody, Victoria... còn nguyên tên tiếng Anh, kèm theo phiên âm tiếng Hoa. Tôi để ý tìm lại mấy con đường mang tên các thành phố Việt Nam mà tôi biết từ lần đến Hong Kong đầu tiên, như đường Hà Nội, đường Saigon, đường Hải Phòng, nay vẫn còn cả. Không thấy có đường nào mang tên... bác Mao hay bác Đặng.

Đường phố Hong Kong lúc nào cũng đầy người. (Ảnh E&T Office

Anh có nghe được một chương trình phát thanh hay truyền hình nào không? Có gì là tuyên truyền nhồi sọ không? Báo chí ra sao?

Đúng là tâm thức của "chim bị tên thì sợ cây cong." Tôi có vặn thử các đài truyền hình, thì có vài đài nói tiếng Quan thoại, vài đài nói tiếng Quảng Đông. Xem thoáng qua cho biết thôi, chứ có hiểu gì đâu mà theo dõi. Nhưng tôi xem được CNN, nói tiếng Anh 24/24. Truyền thanh thì nghe được tình cờ khi ngồi trên taxi. Họ nói tiếng Quảng, nghe chẳng hiểu gì, nhưng chỉ qua giọng nói, cách nói, thấy hình như đó là một "talk show" kiểu như Hoàng Trọng Thụy với giọng trầm ấm, giải đáp thắc mắc gì đó cho một cô bé có tiếng cười khúc khích rất dễ thương... Còn báo chí? Các báo tiếng Hoa đã có ở Hong Kong hàng mấy chục năm qua, vẫn còn, như *Minh Báo, Đại Công Báo, Thanh Đảo*, v.v... Báo tiếng Anh hàng ngày tôi được đọc hai tờ: *South China Morning Post* và *Hong Kong Standard*, chẳng có tí gì là báo "thân chính" hết.

Cuối cùng, xin anh cho một nhận định tổng quát về Hong Kong hôm nay.

So với những lần trước tôi đến Hong Kong thì lần này hơi lạc lõng trên đường phố, trong tiệm ăn. Các bữa ăn cũng không ngon như ngày xưa, có lẽ vì không có người chỉ dẫn đến đúng nơi, đúng lúc. Nhưng so với những điều có trong đầu trước khi đặt chân xuống Hong Kong, lại thấy một điều khác biệt thích thú. Đó là Hong Kong trong tay Trung Cộng không tiêu điều, ngơ ngác như Saigon sau ngày vào tay Hà Nội.

Hong Kong quả thực không có tham nhũng, hối lộ, và các giới chức chính quyền có tác phong của doanh nhân chứ không phải của các thư lại.

Tôi thành thực khâm phục sự khôn ngoan của những nhà lãnh đạo Trung Hoa Cộng Sản khi họ giữ đúng lời hứa để cho Hong Kong tự trị thực sự. Tất cả những người lãnh đạo và làm việc cấp cao ở Hong Kong đều là người Hong Kong, chứ không có ông nào từ Bắc Kinh vào ngồi chỉ tay năm ngón.

Trung Quốc đã dung nạp và sử dụng được "chất xám" của Hong Kong.

Tóm lại, dường như các nhà lãnh đạo Trung Hoa Cộng Sản đã nghĩ đến quyền lợi của đất nước và nhân dân Trung Quốc trong việc hành sử chủ quyền đối với Hong Kong, chứ không đặt ý thức hệ hay Đảng lên trên hết. Tôi nghĩ, những người lãnh đạo Việt Nam Cộng Sản phải suy nghĩ về điều này.•

* Một người đàn bà chân thật là người không nói sai điều gì ngoại trừ tuổi tác và số cân nặng của bà, cùng với số tiền lương của ông chồng.

* "Bố ơi, con muốn bố để mẹ lái xe. Hồi hộp và hào hứng hơn bố nhiều!"

* "Rượu và đàn bà, anh sẽ bỏ món nào?" "Còn tùy ở tuổi."

* Cách tốt nhất để vợ bạn đừng tốn nhiều tiền quá trong việc sắm bao tay là mua cho nàng một chiếc nhẫn kim cương.

* Câu khôi hài cổ xưa nhất mà tôi biết được là, khi Eve hỏi Adam: "Anh có yêu em không?" thì chàng trả lời: "Còn ai khác vào đây nữa?"

ĐỐI ẢNH

NGÔ NGUYÊN DŨNG

Tôi chăm chú dõi theo dáng mẹ lom khom bên mấy chậu hoa trong khu vườn mùa đông. Nắng chiều hắt vàng lên những khóm cây nhiệt đới còi cọc trong chậu đất con. Chòm lê kiểng rải bóng lốm đốm lên lưng áo mẹ. Mẹ mặc áo trắng, quần đen, tóc bới cao, giắt kẹp đồi mồi. Tôi có thể hình dung ra chiếc kẹp này với đầy đủ chi tiết. Những đường vân nâu lượn ngoằn ngoèo trên lớp vỏ màu hổ phách trong như mật. Cái móc thiếc tí hon, chỉ cần bấm nhẹ là bung ra. Đã nhiều lần tôi vụng về tìm cách tháo kẹp, khi mẹ cúi đầu hỏi han hay vỗ về tôi. "Con trai cưng của mẹ ơi!" Giọng mẹ mềm mại như tẩm mật ngọt, được ướp hương trầm. Mẹ gỡ mấy sợi tóc vương quanh móc kẹp, trao cho tôi. Nét mặt mẹ rạng rỡ. Nét mặt tôi cũng rạng rỡ, dẫu chỉ là thứ ánh sáng yếu ớt không soi thấu đáy sâu đại dương. Tay tôi mân mê thân kẹp đồi mồi bóng loáng, trơn lẩy, mát rượi, có cảm tưởng chính tôi là con vật cô đơn lầm lũi trong lòng biển đục tối. Tôi có cặp mắt lờ đờ của đồi mồi. Tôi có chiếc miệng hay nhểu nhão chất nhờn của đồi mồi. Tôi có hai cánh tay và đôi chân khẳng khiu, co quắp chậm chạp của đồi mồi trên đất cạn. Tôi còn có thứ ngôn ngữ không thể diễn đạt bằng tiếng nói. Tôi là một đứa trẻ mang chứng si ngốc bẩm sinh.

Mẹ tưới cây xong, còn dềnh dàng đứng đấy trong nắng chiều, rồi xoay người bước tới cạnh tôi. Gương mặt mẹ ngược nắng, sẫm lại. Vạt áo mềm như đôi cánh lấm tấm bụi phấn của con bươm mốc vừa rời kén. Mẹ cúi mặt, áp má lên tóc tôi, thầm thì:

"Không ai chơi với con trai của mẹ, phải không?"

Tôi hình dung ra nét mặt mình rực vui. Tôi sẽ liến thoắng choàng tay bấu cổ mẹ, sẽ rót vào tai mẹ lời ngọt ngào tầm thường nhất. Nhưng hai mắt tôi vẫn trâng tráo bất động, mép miệng tôi vẫn tiếp tục rỉ nhớt, tay tôi vẫn lỏng khỏng cành khô. Tôi không thể điều khiển hành động mình bằng ý nghĩ. Tôi chỉ giương to mắt như con thú trước cảnh bất trắc, nửa van xin nửa sợ sệt chờ đợi. Mẹ hiểu ánh mắt tôi, gật gù:

"Ừ, ừ, lát nữa chị Quỳnh sẽ tới chơi với con, chịu không?"

Tôi nhếch môi cho mẹ hiểu đó là nụ cười. Mẹ sửa lại sống áo tôi, cẩn thận luồn áo lót vào lưng quần, chặm nước bọt hai bên mép môi tôi. Rồi mẹ nhấc ghế ngồi cạnh, tiếp tục đan áo. Có điều gì không ăn nhịp giữa màu chiều tàn tạ và màu len đỏ rực trong rổ đan. Cử động thoăn thoắt đưa đẩy kim đan của hai tay mẹ cũng không ăn khớp với đám tĩnh vật chung quanh. Như thể chúng đang chờ đợi điều gì. Một thảm cảnh hay một niềm vui bất ngờ? Như thể chúng đang trừng mắt mưu toan chuyện mờ ám. Như thể chúng đang ẩn núp rình rập, chờ xem một biến cố ngoạn mục. Làm sao tôi giải thích cho mẹ, cho cha, cho chị Quỳnh và cho cả anh Trung hiểu rằng, mỗi tĩnh vật trong ngôi nhà này đều tiềm ẩn một câu chuyện. Tất cả gom lại thành một bảo tàng viện của nhân loại thu hẹp. Chiếc ghế sơn trắng kê nơi ngưỡng cửa đã có thời là thông xanh sừng sững trong rừng sâu. Chướng nghiệp nào khiến chúng bị đốn làm gỗ mang về đây, hiện diện nơi này, là nhân chứng theo từng kỳ tăng trưởng bệnh trạng của tôi? Mẹ đã nhiều lần ôm tôi ngồi trên chiếc ghế ấy. Hoặc ru giấc chiều, hoặc mớm cho tôi từng muỗng cháo lỏng. Hay chỉ ngồi thừ như thế. Tôi vùi thân vào đại dương ấm áp vòng tay mẹ. Tôi há miệng bú mớm chất ngọt của tinh bột. Tôi thấy rõ đồng lúa gợn sóng vây vẩy trong nắng gió. Tôi thấy cả thằng bù nhìn ngả

rạp sau cơn giông đêm qua. Lũ chim lúa reo mừng hối hả. Tiếng cánh đập lào rào như thóc rẩy. Lẽ nào tôi lại là con chim lúa tinh ranh, từ đất trời nhiệt đới lạc tới chốn này, quéo quắt ngắm từng vật thể bày biện quanh đây?

Vật tôi yêu nhất có lẽ là vạt nắng hắt lên tường nhà, phía sau bình hoa pha lê. Màu nắng thay đổi từng mùa... không, mỗi ngày. Đẹp nhất khoảng tháng Mười, nắng đậm mật. Tôi thấy ra trong đó có vị mặn của cái chết.

Mùa đang cựa mình, rắc lên mặt đất chút sinh lực sau cùng. Hung hãn như tên đồ tể vô tâm. Lạnh lùng như con thú một sống một còn với kẻ thù. Đã nhiều lần tôi hoá thân thành đứa trẻ có tâm sinh lý bình thường, dò dẫm từng bước tới ngồi vào giữa vạt nắng tháng Mười. Lá trong tôi rực vàng như giát kim nhũ. Tâm hồn tôi nóng bức lạ lùng. Hốt nhiên tôi mù mờ nhận ra lẽ huyền bí giữa sống chết. Hoàn toàn không biên giới. Thoắt cái là bên này, hay bên kia. Để rồi tôi lại rã rượi vòng tay ôm lấy bóng nắng, như đợi ơn cứu rỗi. Vì tôi vừa bâng khuâng nhận ra tôi, vâng, chính tôi là lằn ranh mỏng manh giữa sự sống và cái chết.

Không một ai hiểu những suy tư rắc rối này của tôi, kể cả chị Quỳnh. Chị đến để tập cho tôi một vài động tác thể lực, mỗi tuần ba lần. Chị Quỳnh đẹp như tranh vẽ. Bàn tay chị mềm như lụa. Người chị toát hương một loài hoa quý. Tôi nằm yên, gần như trần truồng, cho chị xoa dầu lên người. Tay chị lần tới đâu, hơi ấm lan tới đó. Chị nắn vuốt những khớp xương khẳng khiu, đầu ngón xoay vòng nhè nhẹ, thận trọng như sợ tôi vỡ. Chị ấn lên xương sống tôi, từ cổ xuống tận đốt dưới cùng. Tôi muốn mình hoá thành con rắn để được chị nắn mãi như thế. Chị Quỳnh dường như không nhận biết cảm xúc này của tôi. Và tôi có cảm tưởng càng về sau, chị tới đây không phải để chăm sóc tôi mà vì lý do nào khác. Những hôm chị tới đều có mặt anh Trung.

Khi tôi tới tuổi biết nhận thức thì anh Trung đã thường xuyên vắng nhà. Giờ giấc về thăm của anh thất thường. Có khi vào sáng sớm, có khi là nửa đêm. Nhiều lúc anh ở chơi, bầu bạn cùng tôi hai ba tuần liền. Lại có lúc không thấy tăm hơi anh vài tháng liên tiếp. Nhà thiếu hơi hướm đàn ông trẻ, trở nên ẻo lả, xanh xao, bi quan như bản đàn ngũ cung. Có anh, ngôi nhà như đàn bà tiếp nhận tinh lực đàn ông, bừng lên nồng nàn. Tôi cũng linh hoạt rộn ràng. Anh thay mẹ làm những việc nặng. Như đẩy xe cho tôi đi dạo. Như bế tôi vào phòng vệ sinh. Cơ thể tôi vẫn phát triển, dẫu chậm và không bình thường. Tay chân tôi càng lúc càng loằng khoằng. Nửa người bên trái nghiêng lệch như phần lá cây thiếu ánh sáng. Còn khuôn mặt tôi, trời ơi, lâu lắm rồi tôi không đủ can đảm nhìn mình trong gương. Tôi nhận diện mình qua tình thương của cha mẹ, bằng bàn tay mềm mại của chị Quỳnh và qua sắc diện hâm hấp sự sống của anh Trung. Anh đẹp đẽ toàn bích qua cái nhìn của tôi. Anh còn có phong cánh tao nhã của một nghệ sĩ. Dù mang khuyết tật thính giác, nhưng tôi vẫn có thể mường tượng ra dòng nước âm thanh, khi anh ngồi khẩy đàn bên tôi. Những nốt nhạc lóng lánh rắc mưa lên đất cằn. Lá cỏ cong oằn hứng lấy ơn lành. Tôi đắm hồn mình vào không gian tuyệt diệu của âm nhạc, nấc ngây ngất theo từng ngón tay anh nắn nót trên khung dây. Nét mặt anh an lành tuyệt đối. Ánh mắt anh cũng gợi cảm tuyệt đối, chờn vờn quyện trên khuôn mặt tôi rồi quay sang chỗ chị Quỳnh đang ngồi. Tôi rợn người. Tôi không thể diễn tả được thần sắc anh lúc đó. Nó vượt qua giới hạn của trí tưởng tôi. Nó bứt rời thực tại, lao vào cõi mênh mông nào khác. Nhạc trở thành con thác bạo loạn cảm xúc. Nhạc rưới cường toan lên thân thể tôi. Lửa bừng lên rát bỏng. Thần kinh tôi đứt đoạn tan hoang. Tôi co giật theo cơn động kinh. Tôi dựng ngược mắt, nẩy người hứng mũi tên vừa buông. Chị Quỳnh rú lên thất thanh. Anh Trung chạy tới, đẩy vội bàn tay vào miệng tôi. Tôi cắn tay anh toé máu. Tôi thù ghét thậm tệ những bàn tay đẹp.

*

Trong bàn cơm, mẹ đặt tôi ngồi bên trái. Tôi không tiêu hoá được thức ăn, nên mọi thứ đều phải nấu nhừ rồi tán nhuyễn. Mẹ thường vỗ về tôi:

"Tội nghiệp, con trai cưng, cứ phải ăn những thứ này."

Tôi muốn nói, đáng lẽ con tội nghiệp cho mẹ mới phải, vì tôi là một gánh nặng không bao giờ vơi trong gia đình này.

Cha tôi chặc lưỡi:

"Thằng Trung với nó như hai thái cực."

Mẹ chau mày:

"Không thể so sánh như vậy được, đứa nào cũng là con."

"Tôi có phàn nàn gì đâu."

Mẹ tươi tắn:

"Từ lúc có cô Quỳnh lui tới, thằng Trung về thăm nhà thường hơn."

Cha tôi cười hóm hỉnh:

"Cô Quỳnh coi được mắt đó chứ, lại tận tụy."

"Chỉ sợ thằng Trung nhiều nghệ sĩ tính, thích vui hơn là tính chuyện lâu dài."

"Bà nghĩ chúng nó có gì với nhau thật à?"

Mẹ hừm khẽ:

"Còn phải hỏi."

Tôi lừa thức ăn ra khoé môi, cổ họng tôi nghẹn chặt. Mẹ xoắn xuýt lau miệng, kề ly nước vào miệng tôi. Tôi phun cả thức ăn lẫn nhớt dãi vào ly nước. Mẹ dịu dàng chặm sạch miệng tôi, đổ nước vào chậu nhựa bên dưới, rồi rót cho tôi ly nước khác. Tôi cố gắng ngoan ngoãn ăn uống chiều theo ý mẹ, bằng cách suy nghĩ những chuyện viển vông, không để ý lời cha mẹ bàn chuyện anh Trung và chị Quỳnh.

Tôi là một hộc bàn có vô số ngăn kéo tưởng tượng. Tôi có thể tự động mở ra đóng vào, tự ý. Tôi cũng có thể sai khiến chúng làm theo ý mình, như một nhà ảo thuật đại tài hay như một văn sĩ cừ khôi. Lần này tôi mở ngăn kéo đựng những vì sao lạc xuống địa cầu, thành tuyết sa. Tôi thích làm bạn với những cánh sao lạnh lẽo này. Trông chúng giống nhau thật đấy, nhưng mỗi hoa tuyết là một vì sao có bản mệnh khác nhau. Có vì sao hạnh phúc, có vì sao cô đơn. Có vì sao tầm thường, có vì sao dị thường. Cũng có vì sao mang số phận tật nguyền giống tôi. Chúng chớp tắt đâu đấy lẻ loi trong góc trời, rồi cuống chân rơi xuống thành hạt tuyết lạc loài, xấu xí, đoản mệnh như một lần chớp.

Tôi cũng có một ngăn đầy sấm sét. Chỉ đựng ánh sáng thôi, không tiếng động. Mở ra, tia sáng loé liên hồi như pháo bông đêm hội lớn. Những đêm giông trái mùa, tôi thường hé ngăn kéo cho sấm chớp tuôn ra. Một đêm mưa, ngồi nghịch như thế, tôi cảm được tiếng người trò chuyện trong nhà kiếng. Tôi hoá thân thành đứa trẻ sục sạo trà trộn vào bóng tối chập chợn, tơi nép mình bên chậu cây. Mưa vỡ lào rào lên mái kiếng. Lâu lâu, một lần chớp loé lên nứt trời, tiếp theo là âm thanh kinh động không gian, làm hốt hoảng cả gương mặt chị Quỳnh dúi sát vào ngực anh Trung. Một tay, chị bấu lấy vai anh. Cổ áo chị hớ hênh. Hàng nút xa cừ lóng lánh. Bàn tay anh Trung đặt lên chỗ da trắng của vạt áo, xoa nhẹ. Tiếng anh Trung mơn trớn:

"Quỳnh nở vì anh đêm nay, nhé!"

Chị Quỳnh ỡm ờ:

"Em không muốn."

"Tại sao?"

"Vì hoa quỳnh chóng tàn."

"Ngày tàn, nhưng mỗi đêm lại nở cho anh."

Chị Quỳnh mắng yêu:

"Tham lam."

Rồi chị ngẩng cổ cho anh rúc đầu vào. Anh vục mặt xuống ngực chị mở hờ.

Mưa xối xả, in bóng đậm nhạt lên da trắng. Ngực chị Quỳnh mum múp như búp hoa chờ mãn khai. Tôi bỗng thấy những động tác của anh Trung thô bạo, xấu xí như của một kẻ tật nguyền. Ngực tôi nóng ran như chứa những lửa than âm ỉ. Khi anh Trung úp người lên thân chị Quỳnh, đất lành trong tôi bừng bừng chuyển động. Nham thạch phún đỏ từ những miệng núi. Đất rách ngoằn ngoèo những rãnh

BÙI GIÁNG

ÔNG NHỚ CON

Ông nhớ con như nhớ những bà Trời
Đã lang thang từ rớt hột mưa rơi
Ông định nói rằng ông trời có lẽ
Là thằng điên thơ thẩn chẳng có lời

Để xác định rằng các em một thuở
Một đi về và thể nghiệm chia phôi
Trần gian rộng hấp hô trong hơi thở
Suốt miên trường tìm sử lịch đâu nơi

Con cũng biết từ biển dâu lồng lộng
Ông chia vui và cũng có chia buồn
Con vô tận từ đầu tiên hống động
Vũ Lâm Xuân — ồ tận tuyệt cỗi nguồn

Ông viết vội đôi vần thơ chuếnh choáng
Như say sưa vì khúc nghiệp điên cuồng
Làm tặng vật cho mù sương lãng đãng
Ông chào con như vĩnh biệt vui buồn

sâu. Gió phẫn nộ bứt ngang địa cầu. Biển dâng sóng lớn, đập hung bạo vào lưng núi đá. Loài người và thiên nhiên đối nghịch nhau. Tôi nhắm mắt để khỏi thấy cảnh gớm ghiếc. Tôi là thiên nhiên đang ầm ì rung chuyển. Tôi cháy, tôi vỡ, tôi thét, tôi phá phách, ngập ngụa, tôi giết người rồi tự sát...

Mưa vẫn xoi bóng xuống khu vườn mùa đông. Tôi hé mắt nhìn, không thấy chị Quỳnh và anh Trung đâu nữa. Cảnh vật im lìm như không có những thiên tai. Đêm vẫn lầm lì gõ nhịp dài ngắn. Tôi bỗng nghi ngờ giác quan thứ sáu của mình. Tôi đã khiếm khuyết ngũ quan, chỉ còn nó, mà dường như nó cũng phản bội tôi, cho tôi thấy ra những hoang tưởng xảo trá. Tôi đau đớn co người, hai tay bó gối. Tôi và đối ảnh vụn vỡ tan nát nghìn mảnh.

*

Mẹ nâng thân thể mềm nhũn của tôi lên, rơm rớm:

"Trời ơi, sao người con lạnh lẽo thế này."

Ánh mắt tôi nhìn mẹ khẩn khoản. Tôi thều thào, van lơn, không sao đâu, con không sao đâu, mẹ đừng lo. Nhưng tiếng nói tôi chỉ là những gợn sóng nhăn nheo tan vào biển lặng mênh mông. Mẹ xoa đầu nóng, nắn bóp khắp người tôi. Mẹ rên rỉ hỏi han tôi. Tôi nhuốm bệnh lặng lẽ. Chính cơn sốt tâm lý này đã thiêu huỷ những nhiễm thể cần thiết của ngũ quan tôi. Nó âm ỉ gặm nhấm những tế bào tăng trưởng. Nó bắt tôi nhỏ dại khi tâm sinh lý tôi đã trưởng thành. Nó xui tôi hình dung những cảnh tượng xa rời thực tế. Nó đẩy tôi tới gần mẹ và chị Quỳnh, cho tôi cảm nhận hơi ấm bàn tay người khác phái. Càng lúc tôi càng xa cách anh Trung. Tôi có cảm tưởng, tình ruột thịt giữa anh và tôi không còn như trước. Cảm xúc tôi, mỗi khi được anh săn sóc, bỗng đắng ngắt như những viên thuốc trị chứng suy nhược. Riêng bàn tay mẹ, vẫn vậy. Cả cái ly nước của riêng tôi. Những khi mẹ nâng đầu, kề miệng ly vào rãnh môi tôi, tôi lại thấy ra vũ trụ đắm mình trong đáy nước. Mặt trời và mặt trăng của thái dương hệ này.

Vô số con đường sữa vắt vẻo trong không gian thẳm tối. Những chòm sao chổi lang thang theo chu kỳ thiên văn. Con mắt tôi trừng trừng lăn mãi như hòn bi mất trọng lực. Tôi hé môi nhấp cả vũ trụ thênh thang vào miệng. Thành ly thuỷ tinh cứng lạnh và vô cảm. Không, quá khứ của ly cũng đáng hãnh diện lắm chứ, là cát đại dương xa, đã từng hứng nắng, dầm mưa, ấm lạnh theo thời tiết. Rồi cát được loài người biến đổi thành chiếc ly thuỷ tinh. Không biết thỉnh thoảng ly có hoài niệm tiền thân? Tôi muốn san sẻ cùng ly những xúc động hợp tan đó. Đừng bao giờ quan tâm tới lẽ biến thiên. Không có gì tồn tại mãi. Cả viên thuốc đắng, cả hớp nước lạnh, cả vành ly ngậm nắng, cả tôi và những suy tưởng không thể tiết lộ cùng ai.

Mẹ cầm tay tôi, áp lên má. Nước mắt đọng khoé mi. Tôi nếm được vị mặn ấm trong tay mẹ. Tôi ráo riết khuyên mẹ:

"Có gì đâu, lẽ sống chết."

Lòng tôi dâng lên niềm xót xa không thể giải thích. Tôi đã chết đi, sống lại nhiều lần trong tâm tưởng mình. Tôi đã từng gần gụi với chị Quỳnh, ra tay hạ sát anh Trung trong nhiều giấc mơ hoang. Lưỡi dao tâm ác lún ngập cán vào giấc ngủ tôi. Máu phún đầy những khe nứt thần kinh tôi. Dòng nham thạch cuốn lấy thân tôi. Tôi bất ngờ hoá thành di tích của thời bán khai. Cả thân xác tôi cũng mất đi lực cảm nhận. Tôi là bộ xương hằn dấu trên đá, làm đảo lộn những giả thuyết về nguồn gốc giống người.

Cả đêm tôi được nằm cạnh mẹ. Thân tôi lạnh ngắt. Mẹ quấn chăn quanh người tôi. Cha lăng xăng gọi điện chỗ này chỗ nọ. Anh Trung ngồi ủ dột trong chiếc ghế sơn trắng, bên ngưỡng cửa dẫn ra khu vườn mùa đông. Không có mặt chị Quỳnh. Ánh sáng trong nhà bỗng đổi sắc. Dường như chói hơn và nhuốm chút xanh huyễn hoặc của thạch động. Tôi thấy mình reo lên, bay lơ lửng trong luồng sáng mầu nhiệm đó. Không một tiếng động. Ý niệm không gian và thời gian đứt lìa tan hoang. Chẳng còn ranh giới giữa sống chết, vọng chân và không có. Tôi vượt qua chúng dễ dàng như đứa trẻ thả diều trên đê đất một chiều nắng gió huy hoàng. Tôi về lại nguyên thuỷ chính mình, là cái không thể định nghĩa. Tôi tách rời những định lý vật chất. Tôi hoàn toàn tự do, băng qua vực sáng tối của đời sống. Tâm tôi thảnh thơi giũ bụi phiền muộn. Nhưng tôi không thể giải thoát giùm những đồ vật đã kề cận cùng tôi trong phần đời ngắn ngủi. Mỗi thứ là một số mệnh. Mỗi thứ là một chuỗi quá khứ, hiện tại và tương lai. Mỗi thứ là một hoài nghi lớn. Tội nghiệp, chúng là những câu chuyện không có đoạn kết. Chúng bất tử trong cách đối đãi dửng dưng của loài người.●

(02.1.1998)

VIẾT SỬ HAY "ZIẾT" SỬ??

TRẦN CHUNG NGỌC

Thế Kỷ 21, số 103, trong mục "Nhân Vật" có đăng bài của ông Tôn Thất Thiện giới thiệu cuốn **"Những Ngày Cuối Cùng Của Tổng Thống Ngô Đình Diệm"**, tác giả là *"giáo sư sử gia" Hoàng Ngọc Thành và phu nhân Thân Thị Nhân Đức.*

Tôi chưa đọc cuốn sử trên nên lẽ dĩ nhiên không thể phê bình một cuốn sách mà tôi... chưa đọc. Nhưng xuyên qua bài giới thiệu của ông Tôn Thất Thiện, tôi nghĩ rằng tôi có thể nắm được vài điểm chính vì tôi tin rằng, với khả năng của giáo sư Tôn Thất Thiện, những lời giới thiệu chắc phải phản ánh trung thực nội dung của cuốn **"Những Ngày Cuối Cùng Của Tổng Thống Ngô Đình Diệm."**

Ông Ngô Đình Diệm đã nằm xuống cách đây 34 năm rồi, cho nên những ý kiến trong bài "góp ý" này không thuộc phạm trù bênh hay chống ông Diệm, mà chỉ là nhìn lịch sử đúng như lịch sử, lẽ dĩ nhiên khó tránh khỏi chút ít thiên kiến. Thật vậy, một sử gia nổi danh đã viết rằng: *"Những người nào viết sử mà không có thiên kiến thì chắc phải có cái mặc cảm của Thượng Đế"* (Those who write history without bias must have a God complex). Nhưng thiên kiến ở đây là ở trong nghệ thuật bình luận và diễn giải những sự kiện lịch sử, chứ không phải là xuyên tạc những sự kiện lịch sử để dựa vào đó mà bình luận hay diễn giải.

Ông Tôn Thất Thiện viết:

GS Thành và Nhân Đức nhấn mạnh (...) họ không hoạt động chính trị, nhưng họ bất bình thấy rằng trong vụ ám sát một tổng thống như Tổng Thống Kennedy ở Hoa Kỳ thì có điều tra chính thức, trong khi ở Việt Nam, về vụ ông Diệm và ông Nhu, không có điều tra chính thức hay sự tìm kiếm riêng tư nào để vạch ra những kẻ thủ phạm hay chịu trách nhiệm về "vụ ám sát chính trị này." Hai GS cho rằng "đây là một điều bất công". (...) mục đích của họ là "tìm ra sự thật lịch sử với thái độ hoàn toàn khách quan và công tâm."

Như trên tôi đã trình bày, có thiên kiến trong việc viết sử là một điều dễ hiểu, nhưng thiên kiến đến mức độ đặt vấn đề như trên thì không còn là viết sử nữa mà là "giết" sử. Chứng minh?

Không một người nào có đầu óc bình thường có thể so sánh vụ ám sát tổng thống Kennedy và vụ quân đội đứng lên lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm và giết anh em ông để trừ hậu hoạn. Hai sự việc xảy ra trong hai hoàn cảnh chính trị, xã hội, và có ý nghĩa hoàn toàn khác nhau.

Tổng Thống Kennedy đang ở trên con đường vận động tái tranh cử năm sau. Vào năm 1963, Tổng Thống Kennedy được coi như là thần tượng của dân chúng Mỹ. Đi tới đâu ông cũng được dân chúng tự động đón tiếp đông đảo, hoan hô nồng nhiệt. Khi ông bị ám sát, cả nước bàng hoàng thương xót. Trong một bối cảnh như vậy, việc điều tra vụ ám sát tổng thống Kennedy là chuyện tất nhiên mà bất cứ chính phủ đương thời nào cũng phải làm.

Cũng vào thời điểm 1963, Tổng thống Ngô Đình Diệm đã mất hết uy tín đối với quốc tế và đối với dân chúng miền Nam vì chính sách gia đình trị, tôn giáo trị và diệt trừ đối lập một

cách tàn nhẫn của ông. Các đơn vị quân đội chống ông, ông không thể nương tựa vào bất cứ một đơn vị nào khi gặp cơn nguy biến. Chúng ta hãy nhớ lại sau cuộc lật đổ ông Diệm, cảnh dân đô thành, từ ông già bà cả đến các em sinh viên học sinh reo mừng, mang bánh trái, nước ngọt đến tặng đoàn quân cách mạng với nét mặt hân hoan thì chúng ta có thể biết được lòng dân đối với gia đình ông Diệm như thế nào. Một mặt khác, gọi vụ giết anh em ông Diệm là ám sát thì không đúng. Anh em ông Diệm trốn vào nhà thờ của cha Tam trong Chợ Lớn, xe thiết giáp của quân đội cách mạng đến bắt và giết đi để trừ hậu hoạn. Vậy, điều tra thủ phạm để làm gì và có ý nghĩa gì, khi "thủ phạm" chính là các người đảo chánh được nhân dân miền Nam hoan hô?

Điều ngạc nhiên đối với tôi là hai GS Thành và Nhân Đức viết cuốn sử trên với mục đích *"tìm ra sự thật lịch sử với thái độ hoàn toàn khách quan và công tâm"* mà lại có thể đặt vấn đề không có căn bản luận lý (logic) và bất kể đến những sự kiện và bối cảnh lịch sử như vậy?

Trong một đoạn khác, ông Tôn Thất Thiện viết:

"Từ cuối năm 1960 Đại sứ Elbridge Durbrow đã điện về bộ Ngoại Giao Mỹ đề nghị nên xét việc tìm người khác thay thế nếu ông Diệm không nghe theo lời Hoa Kỳ. Theo hai tác giả, cuối năm 1961, Tổng Thống Kennedy có những đòi hỏi biến miền Nam thành thực chất một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ. Hành động của chính quyền Kennedy cho thấy người Mỹ muốn cai trị miền Nam trực tiếp hay gián tiếp."

(...) Tổng Thống Ngô Đình diệm đã bác bỏ ngay..."

Tôi không biết hai giáo sư sử gia đã dựa vào những tài liệu nào để suy diễn như trên. Người Mỹ bỏ tiền ra viện trợ vô điều kiện cho miền Nam nhưng chính sách ngăn chặn Cộng Sản của Mỹ ở Việt Nam không thể thành công nếu ông Diệm vẫn theo đuổi một chính sách gia đình trị, tôn giáo trị, bất kể đến lực lượng đông đảo là Phật Giáo, đưa đến cảnh phân hóa trong dân chúng, phá nát hạ tầng cơ sở đến độ không còn cách nào cứu vãn được nữa. Người Mỹ biết rõ như vậy nên đã nhiều lần khuyến cáo chính phủ Ngô Đình Diệm phải thay đổi đường lối chính trị và xã hội để cứu vãn tình hình chính trị và quân sự ngày càng suy sụp. Những văn kiện về những lời khuyến cáo này ngày nay không còn xa lạ gì đối với những người quan tâm đến giai đoạn 1945-1963 của lịch sử đất nước. Không có một tài liệu nào chứng tỏ Mỹ muốn biến miền Nam thành xứ bảo hộ của Mỹ. Mỹ giúp Pháp trong mưu đồ trở lại Việt Nam là để ngăn chặn làn sóng đỏ, chứ không có mục đích thực dân như Pháp.

Mỹ đã chê trách chế độ thực dân của các cường quốc Âu Châu. Mỹ đã tự động trả lại độc lập cho Phi Luật Tân. Và Tổng Thống Kennedy là người có lập trường chống sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam. Ông thừa hưởng cái gia tài Việt Nam mà các tổng thống tiền nhiệm là Truman và Eisenhower để lại, và đã có ý định rút ra khỏi Việt Nam, như Bộ Trưởng Quốc Phòng Mc Namara đã viết trong cuốn "In Retrospect". Chứng minh?

Năm 1954, khi còn là một Thượng Nghị Sĩ, Kennedy, trong một bài thuyết trình ở Thượng Nghị Viện, đã khẳng định rằng *"Chính sách tương lai của Hoa Kỳ ở Đông Dương phải đặt nền tảng trên sự độc lập chính trị của dân chúng Việt Nam và khuyến cáo về sự điên rồ của một cuộc dính líu quân sự vào những rừng núi của Đông Dương"* (In a speech, made during he was a U.S. Senator, Mr. Kennedy claims that political independence for the Vietnamese people should be the cornerstone of future US policy in Indochina. He warns against the folly of military involvement in the jungles of Indochina). ("The VietNam War: Opposing Viewpoints" by David L. Bender, Greenhaven Press, 1984, p.22).

Trong cuốn "The United States in Vietnam: An Analysis in Depth of The History Of America's Involvement in Vietnam," Delta Book, 1967, p. 129, Giáo Sư George McTurman Kahin, đại học Cornell, viết về chính quyền Kennedy trong năm 1961, năm mà hai tác giả Thành và Nhân Đức cho rằng Kennedy muốn biến VN thành xứ bảo hộ của Mỹ, như sau: *"Trong khi chấp nhận hầu hết những đề nghị trong bản phúc trình của Taylor-Rostow* (cho rằng vấn đề Việt Nam là một vấn đề quân sự, có thể giải quyết nếu Mỹ tham gia nhiều về mặt quân sự, kể cả gửi lính chiến đấu Mỹ sang Việt Nam. TCN), *Tổng Thống Kennedy từ chối không đưa ra một quyết định rõ ràng nào về sự tham gia quân sự trực tiếp của Mỹ vào Việt Nam. Từ chối như vậy, TT Kennedy nhấn mạnh rằng cuộc chiến ở Việt Nam chỉ có thể thắng được khi nào mà cuộc chiến này còn được coi là của chính dân Việt*

Nam." (While accepting most of the recommendations in the Taylor-Rostow report, President Kennedy declined to make explicit or final any direct American military involvement. In refusing to do so, he stressed that the Vietnamese war could only be won so long as it was their war.)

Và sau cùng chúng ta hãy đọc lời tường thuật của Kenneth O'Donnell, phụ tá thân cận của Tổng Thống Kennedy:

Tổng Thống nói với tôi rằng ông đã quyết định là sau khi được tái cử (1964) ông sẽ đi một bước liều mà ít người ủng hộ: triệt thoái hoàn toàn lực lượng Mỹ ra khỏi Việt Nam. "Trong năm 1965, tôi sẽ bị lên án khắp nơi là người nhân nhượng Cộng Sản. Nhưng tôi không cần. Nếu tôi triệt thoái hoàn toàn ngay lúc này, chúng ta lại sẽ phải đối phó với một Joe McCarthy khác với chiêu bài hiểm họa của CS, nhưng tôi có thể làm như vậy sau khi tái đắc cử. Vậy chúng ta phải làm cho việc tái đắc cử của tôi được chắc chắn." (The president told me that he had made up his mind that after his re-election he would take the risk of unpopularity and make a complete withdrawal of American forces from Vietnam. "In 1965, I'll be damned everywhere as a Communist appeaser. But I don't care. If I tried to pull out completely now, we would have another Joe McCarthy red scare on our hands, but I can do it after I am re-elected. So we had better make damned sure I am re-elected.")

Với những tài liệu như trên, và đây chỉ là vài tài liệu điển hình, viết rằng Kennedy muốn biến Việt Nam thành xứ bảo hộ của Hoa Kỳ không phải là một luận cứ hoàn toàn khách quan và với công tâm. Tôi cho rằng hai tác giả Thành và Nhân Đức đã cố ý tạo nên một sự kiện lịch sử không hề có, để quảng bá cho một thuộc tính cũng không hề có của người mà hai tác giả muốn tôn vinh: đó là Tổng Thống Ngô Đình Diệm phản đối mưu đồ thuộc địa hóa Việt Nam của Mỹ và do đó bị Mỹ giết, tuy không trực tiếp. Cái luận cứ này chúng ta thường thấy trên diễn đàn ngoại quốc trong những chiến dịch "khôi phục tinh thần Ngô Đình Diệm" mà không dựa vào bất cứ một văn kiện hay tài liệu nào.

Tuy trong bài của ông Tôn Thất Thiện còn nhiều điểm khác mà chúng ta có thể đặt nhiều câu hỏi về mức độ khả tín của những luận điểm này, nhưng qua hai điểm phân tích ở trên tôi nghĩ chúng ta cũng đã thấy giá trị của cách đặt vấn đề và cách diễn giải những sự kiện lịch sử theo ý riêng trong cuốn sử của hai giáo sư sử gia Hoàng Ngọc Thành và Thân Thị Nhân Đức.

Gần đây đã có những bài khảo cứu nghiêm túc về lịch sử cận đại Việt Nam. Bài "Bài Học Chiến Tranh Nhìn Từ Hậu Trường Chính Trị Hoa Kỳ" của Lương Minh Sơn và những tác phẩm nghiên cứu của "sử gia chính hiệu" Vũ Ngự Chiêu (Nguyên Vũ, tiến sĩ Sử, Đại học Wisconsin - Madison).

Điều ngạc nhiên thứ hai đối với tôi khi đọc bài của ông Tôn Thất Thiện là: một người tầm vóc như ông mà không nhận ra những sơ hở có thể nói là sơ đẳng trong cách đặt vấn đề (so sánh vụ "ám sát" Ngô Đình Diệm với vụ ám sát TT Kennedy) và đưa ra những luận điểm như Kennedy muốn biến Nam Việt Nam thành xứ bảo hộ của Mỹ và ông Diệm bị lật đổ chỉ vì lòng yêu nước không chịu nghe theo lời Mỹ (những lời Mỹ này là những lời khuyến cáo ông Diệm thay đổi chính sách chứ không phải là những lời ép buộc ông Diệm dâng nước cho Hoa Kỳ), và đưa ra những lời khẳng định vô tội vạ (affirmation gratuite) như:

- Hai giáo sư Thành và Nhân Đức đã thành công rất mỹ mãn trong cuộc điều tra của họ...

- Họ chỉ phát biểu quan điểm của những sử gia đứng đắn và có công tâm.

Gần đây tôi đọc cuốn *"Paris Xuân 96"* của Nguyên Vũ mới xuất bản, trong đó có hai chi tiết làm tôi vỡ lẽ:

Trang 128: *"Năm 1958, tài liệu Mỹ ghi nhận hai lãnh tụ nòng cốt của Cần Lao là Cố Vấn Ngô Đình Nhu ở miền Nam, và Cố Vấn Ngô Đình Cẩn ở miền Trung. Mỗi vùng có khoảng 1500 cán bộ, phần đông làm việc tại các ngành an ninh, cảnh sát. Trong số những cán bộ trẻ đang lên có các ông Đặng Đức Khôi, TÔN THẤT THIỆN, Nguyễn Văn Thiệu v.v...*

Tôi không muốn đi đến một kết luận vội vã, nhưng những chi tiết trên ít ra cũng làm cho tôi bớt ngạc nhiên và phần nào thấy được "chút ánh sáng ở cuối đường hầm."

Tôi hy vọng *Thế Kỷ 21* luôn luôn và tiếp tục giữ trong vị thế trí thức, tôn trọng sự thực, những sự thực hiển nhiên, và tránh ngả về những xu hướng chính trị phe phái. Được như vậy, sự đóng góp của *Thế Kỷ 21* cho dân tộc, dù *Thế Kỷ 21* đang sống ở hải ngoại, không phải là nhỏ.●

(Grayslake, IL)

VỀ MIỀN SÂU THẲM

(Theo dòng thơ văn của **Matsuo Bashoo**,
nhà thơ Nhật Bản thế kỷ 17)

LY LAN

"Tháng ngày là vị du hành vĩnh cửu, đến rồi đi như những lữ khách."

(Matsuo Bashoo)

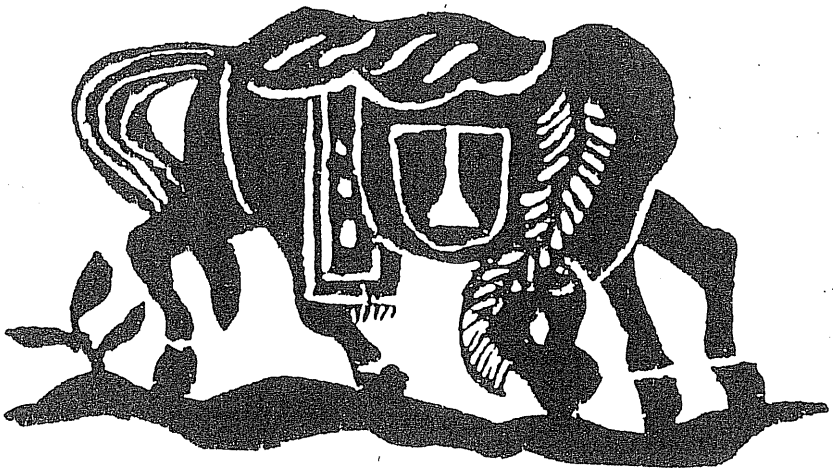

Xưa nữ sĩ Ono no Komachi đã cất tiếng than:

Đau xót nhìn sắc hoa phai,
Kiếp nhân sinh tựa mưa rơi.

Giữa hai chiều không gian và thời gian, con người từ khi đến với cõi thế này đã phải chấp nhận sự hữu hạn của năm tháng. Do vậy mà luôn ước ao tìm đến cõi vĩnh hằng. Những chuyến du hành phải chăng là niềm mong muốn phá vỡ đi sự câu thúc chiều còn lại trong vũ trụ để tìm ra cho được sự rộng mở, khai phóng của khoảng không tồn tại? Cách nay hơn ba trăm năm, một thi nhân đã lên đường đi tìm về miền sâu thẳm của thiên nhiên, thi ca, dấu xưa, tình người để đạt đến sự tận chân, tận thiện, tận mỹ. "Lối hẹp dẫn về miền Oku" của Matsuo Bashoo là tập kỷ hành và thi ca cho cuộc lữ hành về miền sâu thẳm đó.

Vào thời Bashoo, nông dân không được phép dời nhà hay trốn sang làng khác. Những người bỏ trốn bị gọi là "đào tản" hay "thứ lạc." Họ không được phép đi du hành. Những nông dân hay thứ dận muốn đi xa khỏi làng quê phải xin phép thôn dịch hay lãnh chủ, đóng lệ phí để nhận giấy phép. Bashoo từ năm hai mươi chín tuổi đã quyết dấn vào con đường thi ca nên từ bỏ tước hiệu Samurai để lên Edo sống đời thứ dân. Trong cái khuôn khổ thắt ngặt của xã hội như vậy, ông vẫn luôn

dấn mình vào những cuộc du hành dài.

Ngày 27 tháng Ba âm lịch năm 1689, Bashoo cùng một môn đệ của mình là Sora bắt đầu cuộc hành trình từ sông Fukagawa - Edo (nay là Tokyo) đến Ooshuu hay còn được gọi là Michinoku ở phía bắc đảo Honshuu. "Oku" là tên lược tắt của vùng này trong thi văn. Theo nghĩa từ nguyên, "Oku" (Áo) được biểu hiện bằng hình vẽ một đôi bàn tay đang lần tìm những đồ vật đặt ngổn ngang sâu bên trong mái nhà. Hình vẽ này hàm nghĩa "nơi ở sâu bên trong," "lối dẫn sâu vào bên trong," và cả nghĩa bóng "điều sâu xa, bí ẩn." Bashoo chọn tên gọi Oku vào tựa đề tác phẩm hẳn là có nhiều điều ngụ ý ở trong đó.

Thời đấy trung bình một ngày người ta đi bộ được chín lý (gần 36 cây số) nhưng thường người ta đi thuyền hay đi ngựa cho những chặng đường xa. Ấy vậy mà Bashoo đã chọn con đường bộ hành cho quãng hành trình dài sáu trăm lý (2400 cây số) trong vòng một trăm năm mươi mốt ngày, thảng hoặc mới dùng thuyền hay ngựa. Đường đi của ông có những ngày rét run vì băng qua rừng dày sương đọng:

"Con đường đúng như chủ nhà đã tả băng qua núi cao rừng dày đến nỗi không nghe được cả một tiếng chim. Cảnh vật rất tối dưới tàn cây, tối như thể đang đi trong đêm vậy. Có cảm giác như "sương rơi từ rìa mây," chúng tôi luồn lách qua bụi rậm của cỏ tre, lội băng qua suối và lại trèo lên vách đá. Cuối cùng thì tới được thành phố Mogami, người chúng tôi ướt lạnh."

Có những ngày lăn lóc bệnh tật nơi quán trọ :

"Thật là một nhà trọ thảm hại với đệm rơm trải trên sàn dơ bẩn, thậm chí không có cả đèn lồng, chúng tôi dọn chỗ ngủ bằng ánh sáng hắt ra từ đám lửa lò sưởi và nằm lăn ra. Sấm gầm trong đêm, mưa rơi không dứt, nước mưa chảy vào chỗ chúng tôi nằm, khó chịu hơn cả là bọ chét và muỗi tra tấn đến không thể ngủ được. Cơn bệnh thâm căn tái phát làm tôi ngất đi."

Và cũng không thiếu những thác ghềnh hiểm nguy:

"Xuyên qua làn lá xanh đang rơi lả tả, chúng tôi có thể thấy thác Bạch Mịch. Tiên Nhân Đường nằm đối mặt với bờ sông. Dòng sông cuộn chảy dữ dội và thuyền dấn vào chỗ nguy hiểm."

Thế nhưng ông chấp nhận tất cả. Ông viết: "Dù cảm thấy bị bệnh tật câu thúc, nhưng tôi đã quan niệm xả thân vô thường kể từ khi dấn bước đến những vùng biên thổ hoang biệt này, nếu phải tử nạn trên đường đi chăng nữa thì đó là Thiên Mệnh." Niềm lay động sâu xa trước "một đám mây đơn độc, trôi giạt trong gió mà vẫn giữ mãi ước vọng lãng du" vẫn ngân rung trong tâm trí thi nhân.

Khi đọc những đoạn thi nhân dấn mình vào sương mù khí núi hay lút chân trong bãi cát dài bên bờ biển hẳn là bạn đọc sẽ nhớ lại những ngôi làng nhỏ bé bên vách núi, những con sông hẹp chảy giữa núi đá, những bờ biển hoang sơ, sắc lá phong đỏ độ sang thu, những cánh đồng cỏ dại mọc lan trên cát mà không chừng ta đã đi qua đâu đó trong cuộc đời mình. Chúng ngẫu nhiên cùng nằm trên một phần đường của cuộc du hành dài này của thi nhân hay nói đúng hơn ta cũng bắt gặp một phần nào những tâm tình, những nỗi hoài cảm hay niềm suy tư về kiếp người của chính ta trên con đường dài này. Do vậy mà cứ ngỡ như đang tự viết lại nhật ký đi đường cho chính ta vậy.

Thiên nhiên trong những trang viết của ông đẹp một cách trang nhã. Khi đến cửa Bạch Xuyên Quan, đang giữa mùa hạ mà giữa sắc trắng của cỏ hoa hoang dại ông ngỡ rằng mình đang đi trong tuyết. Thơ ông hàm chứa cái đẹp vĩ đại của những thiên hà trong vũ trụ. Tỷ dụ như bên sông Mogami,

Đỉnh mây tan vỡ đầu trăng núi.

hay bên bờ biển Kisakata,

Biển hoang dải Thiên Hà
vắt ngang đảo Sado.

Nhưng khi ước tìm đường đến mặt trời và mặt trăng qua cổng mây trên núi cao ông vẫn không quên lưu tâm đến những vẻ đẹp nhỏ ẩn khuất trong nhành cây bụi cỏ. Bên bờ sông Mogami, ông viết: "Tôi ngồi trên hòn đá trong chốc lát, chú tâm đến gốc đào cao ba xích, nụ hoa đang hé nở phân nửa. Tôi nghĩ rằng dù có bị sương tuyết vùi dập đi nữa cội đào vẫn không quên mùa xuân mà gắng nở muộn những đóa hoa kiều diễm biết bao!"

Những ghi nhận về sắc màu và dáng nét của cảnh vật thật độc đáo, đôi khi có phần quyết liệt. Dáng cành thông tạo nên một vệt xanh sẫm uốn khúc hẳn trên sắc trắng của bãi cát và xa kia là biển xanh tạo thành bức tranh nhiều tầng cảnh, cả cận lẫn viễn.

"Màu xanh lục của thông tạo nên bóng tối kỳ diệu, những cành thông không ngớt oằn xuống trước các cơn gió biển, do vậy mà thuận theo tự nhiên, chúng giữ dáng vẻ cong queo."

Mặt trời trong thơ ông vừa rực rỡ nóng chói vừa dìm mình trong gió nước mát lạnh. Sự tương phản này gây ấn tượng thật mạnh mẽ.

Đỏ, chói đỏ
vầng dương rực cháy trong gió thu.
Sông Mogami đưa mặt trời
nóng chói tắm mình vào biển.

Thanh âm trong thơ ông thiên lấy động tả tĩnh như truyền thống cổ thi nhưng sắc bén, đầy cá tính. Trong khung cảnh đất đá mòn phủ rêu xanh, diệu kỳ và tịch mạc ở ngôi chùa cổ, ông lắng nghe:

Tiếng ve kêu châm vào đá nỗi yên lặng.

Bên cạnh những trang viết miêu tả rất đẹp này, ta lại bất ngờ đón nhận một nụ cười dí dỏm nhưng vẫn bao dung, ẩn sau làn mưa rơi mùa hạ. Đi giữa đường mưa gió trơn trợt đến Đảo Dù, nhà thơ ao ước:

Đảo Dù nằm nơi nao trên con đường tháng Năm lầy lội.

Tình người luôn thấm đẫm trong tác phẩm của ông. Lần theo dấu người xưa, ông đã bao lần rơi lệ cho chuyện "thương hải biến vi tang điền." Tìm thăm một ngôi chùa cổ bị bỏ hoang phế, ông đau xót thốt lên:

"Nhị Đường của chùa Chuuson (2) mà tôi nghe danh may thay đều mở cửa cả hai. Kinh Đường lưu lại tượng của ba vị tướng dòng Hiraizumi; Quang Đường giữ quan tài (3) tam đại của dòng họ này cùng đặt với tượng Phật Tam Ân. Thất bảo vật tản mác và mất đi, gió làm gãy đổ những cánh cửa cẩn đá quý, sương tuyết làm tróc lớp sơn thếp vàng các cột kèo. Ngôi chùa bị hư hỏng hoàn toàn và chuyển sang tình trạng hoang phế, cỏ mọc lan vây quanh tứ diện, mái ngói không sao chống đỡ nổi với gió mưa. Kỷ niệm ngàn năm bỗng chốc thành tan nát."

Ngắm chiếc mũ lão tướng một thời oai dũng nay nằm lăn lóc trên cỏ, Ông mượn tiếng dế kêu để cất tiếng thở dài cho vinh quang hư ảo.

Buồn thay sự tàn khốc, bên dưới mũ chiến chú dế kêu.

Mỗi cuộc chia tay với bạn bè đều làm ông buồn bã, tiếc nuối dù chúng chỉ là sự chia tay trong thời gian ngắn ngủi hay vĩnh viễn. Ngày lên đường, bạn bè đến tiễn nơi bến đò, khi thuyền rời bến Senju, ông có cảm giác như đang "đứng giữa ngã tư của khoảng không hư ảo, mắt nhòa lệ biệt ly." Trên đường trường "dù chia tay với đệ tử chỉ mới một đêm thôi mà tưởng như đã xa nhau thiên lý." Isshoo (1653-1688) là thầy Trà đạo được biết đến trong giới tao nhân. Ông ta còn là nhà thơ nổi tiếng của vùng Kanazawa. Ông ta đã ao ước gặp mặt Bashoo và chờ Bashoo cho đến tận lúc mất. Bashoo định đến thăm bạn thì bạn đã hoá ra người thiên cổ nên sửng sốt khóc bạn:

Tiếng khóc lay mộ chuyển thành ngọn thu phong.

Những người ông gặp gỡ ngẫu nhiên trên

LƯU HY LẠC

Ở ĐÊM

ở đêm
ở đất chập chờn
mèo hoang động cỡn
dậy triền mái hiên
tôi nằm
tôi ủ tôi. Riêng
hồn quanh quẩn, dẫm
cành thiên lý, tàn

ở đêm
ở mắt trễ tràng
nghe mùa hạn đổ
bạt ngàn cỏ phơi
ở đêm
ở giấc tả tơi
xoay đầu đủ hướng
tìm hơi hướm về
ở đêm
trăn trở mê mê
bão bên sông lặng
Quạnh, thê thiết làng

ở đêm
ở bóng ngó ngang

đường đi thảy đều để lại trong ông một tấm tình ưu ái. Ông trân quý cho một tiếng đàn của pháp sư mù ở Mino Matsu Yama:

"Đêm đó tôi nghe một pháp sư mù gảy đàn Biwa (1) và hát những truyện thơ của Bắc phương. Chúng rất khác biệt với những truyện kể về chiến trận hay các bài ca vũ, thanh âm cao vút, mộc mạc từ giọng ông ta vang gần sát bên gối nằm của tôi tuy buồn thảm nhưng nó mang cho tôi một niềm thích thú đặc biệt vì truyền thống kể chuyện thơ xưa không bị bỏ quên tại vùng biên thổ này."

Ông nói chuyện với trẻ thơ trên đường, tiếc phải chia tay với trai làng nơi chân núi, cảm phục những nông dân tốt bụng trên đường đi, ái ngại cho cả những "cô gái giang hồ." Đọc văn ông tới đâu thấy ấm cả lòng vì tình thương mến tràn đầy trong đó.

Gấp lại tập kỷ hành của ông, trước mắt tôi lối dẫn về miền sâu thẳm của thi ca, của thế giới như đang mở ra, mời gọi tha thiết. Tin rằng một khi dấn mình vào miền sâu thẳm đó thì sẽ đón nhận được sự vĩnh hằng của "Cái Đẹp" song tồn với sự vĩnh cửu của vị "lữ khách thời gian."

28/2/98

Ghi chú:

Bố Bashoo kế nghiệp cha ông, lãnh chức "Chân Tả Vệ Môn" ở thành Shitamachi thuộc vùng Ueno nhưng vẫn tự bảo mình là "vô túc nhân" đó là do ông chỉ giữ thân phận bậc thấp trong hàng võ sĩ đạo. Nhà phải kiêm thêm việc làm ruộng để sinh sống. Vào khoảng năm Bashoo được mười chín tuổi, ông đến nương nhờ nhà bạn ông, một quý tộc tên là Toodoo Yoshitada (Sengin) ở thành phố Akazaka. Nhờ được Yoshitada giới thiệu, ông có dịp tập rèn thơ với nhà thơ và nhà phê bình xuất sắc Kitamura Kigin. Năm 1666, Yoshitada bị bệnh mất, ông rời khỏi nhà của dòng họ Toodoo quay về nhà anh trai của mình và định quyết tâm theo đuổi con đường thơ haikai. Năm Bashoo 29 tuổi, ông xin anh (người trung tâm trong gia tộc thay cha ông đã mất), bỏ nghiệp võ sĩ đạo ở Ueno để lên Edo và mưu sinh bằng nghề thơ haikai. Anh ông phản đối mạnh mẽ, nhưng nhờ em gái ông năn nỉ giúp mà Bashoo được phép lên đường đi Edo. Những nghệ nhân haikai thời đó thường được giới thương nhân tài trợ về kim tiền và ngược lại phải làm thơ mua vui cho những thương nhân giầu có. Xã hội thời Edo chia thứ bậc thấp cao. Giới võ sĩ đạo chịu nhiều quy định ràng buộc về sĩ hạnh nên không thể nào đặt mình dưới tầng lớp thương nhân được. Có lẽ vì thế mà Bashoo phải chọn lựa con đường từ bỏ giai tầng Samurai của mình để dấn vào nghiệp thơ haikai.

Từ mạt kỳ thời đại Muromachi (thế kỷ XVI), thơ theo thể Haikai đã được bắt đầu với các tên tuổi Yamasagi Sookan, Arakida Moritake. Thể Haikai gắn bó với truyền thống thi ca Nhật Bản như thế nào? Các quý tộc trong cung đình thời đại Heian (794- 1185) đã sáng tác một số bài thơ theo thể Renga (Liên Ca). Thể thơ này là sự phát triển tiếp nối của thể Waka (Hoà Ca) (Hoà là từ để chỉ nước Nhật Bản), Waka có bố cục về âm tiết 5-7-5-7-7. Từ Haikai, xưa vốn có nghĩa là lời nói đùa, trò hề hay nói chung là những loại văn chương có tính cách như vậy. Do đó những bài Renga có tính dí dỏm, khôi hài do hai người đứng ra xướng họa gọi là Renga no Haikai, sau được gọi lược tắt thành Haikai. Đến thế kỷ XVII nó thành thể thơ giải trí của đại chúng, đặc biệt là lớp thương nhân giàu có.

Đoạn thơ mở đầu của thể Renga được gọi là Hokku (Phát cú) gồm các âm tiết được ngắt nhịp 5-7-5. Sau khi vị khách chính đặt xong phần Hokku, chủ đặt phần Waki Ku (phần bên hông) ngắt nhịp 7-7 trong đó có lặp lại một yếu tố của phần Hokku. Kế đó là phần Daisan (đệ tam) ngắt nhịp 5-7-5 phát triển bài thơ theo hướng khác dù chỉ giữ một ít liên hệ với các phần đầu. Khi nó được tiếp nối đến lần thứ ba mươi sáu thì gọi là Kasen (Ca Tiên), lần thứ bốn mươi bốn thì gọi là Yoyoshi (Thế Cát), lần thứ năm mươi thì gọi là Gojuu In (Ngũ Thập Vận), lần thứ một trăm thì gọi là Hyaku In (Bách Vận), lần thứ một ngàn thì gọi là Toppyaku In (Thập Bách Vận), lần thứ một vạn thì gọi là Manku (Vạn Cú). Phần kết bài thơ được gọi là Age Ku (Cử Cú) ngắt nhịp với 7-7. Tất cả những phần thơ ở giữa đều gọi là Hirai Ku (Bình Cú).

Bashoo đã phát triển phần Hokku trong thể Renga ra thành một thể thơ độc lập. Masaoka Shiki (1867-1902) hoàn thiện sự tách biệt này thêm nữa và chuyển sang gọi nó là thể Haiku.

Bashoo sống ở thế kỷ XVII còn từ "haiku" thì lại ra đời vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Tác giả chọn từ "haikai," dù từ "haiku" gần gũi với nhiều người hơn. Các sách văn học sử Nhật Bản khi viết về thời đại Bashoo, cũng dùng từ "haikai."●

KIM TRÚC TỰ

Nguyên tác: DẠ VŨ THU ĐĂNG LỤC
Tác giả: TUYÊN ĐỈNH
Bản dịch: PHẠM XUÂN HY

Mỗ lúc hồi còn nhỏ để tóc trái đào, từng được nghe nói đến ngôi chùa Kim Trúc Tự ở Dương Châu, nhưng không hề biết do lai long mạch thế nào. Chỉ mới năm ngoái, may gặp được quan Đồn Điền Tư Mã là Dương Tuệ Sinh, người trong thân tộc, ngẫu nhiên đem chuyện Kim Trúc Tự ra kể.

Câu chuyện kể rằng:

Cuối đời Minh mạt, ở đất Hoãn, tức tỉnh An Huy ngày nay, có người tên là Tiêu Linh Oai, tuổi còn trẻ, nhưng tính tình hào hiệp, hay bênh vực kẻ yếu thế. Vì vậy nên thường hay mua oán kết thù với người đời, bị cừu nhân ám hại, suýt mạng vong, phải bỏ xứ mà đi, phải mai danh ẩn tích ở đất lạ xứ người mất hai năm liền.

Một tối, Tiêu một mình tản bộ dạo chơi dưới bóng trăng, chợt nghe có tiếng người nỉ non khóc lóc phát ra từ một ngôi nhà lá. Chàng tiến lại han hỏi. Té ra đó là hai mẹ con một người đàn bà góa, thường vẫn sống bằng nghề se tơ đánh sợi. Hàng xóm của họ có tên hào phú Ngụy Hổ Nhi, thấy nhan sắc của người con gái diễm lệ yêu kiều, thì đem lòng thèm khát, muốn cưỡng chiếm lấy nàng.

Nhưng người con gái xấu hổ, phẫn hận, khăng khăng một mực không chịu, đã có ý tự sát mấy lần. Vì thế, người mẹ không dám rời xa nàng nửa bước.

Hôm ấy, Ngụy Hổ sai người đưa thơ đến báo cho hai mẹ con nàng biết là đã chọn được ngày cát nhật, vài hôm sau sẽ cho kiệu đến rước dâu. Vì thế mà hai mẹ con chỉ biết ngồi nhìn nhau khóc lóc, kêu trời than thở mà thôi.

Tiêu được rõ câu chuyện, mới bảo với người góa phụ:

"Cho dù hai mẹ con bà có khóc đến sáng mai cũng không thể ngăn trở hắn đến cưỡng hôn được đâu!"

Rồi quay trở về quán trọ, lấy một con dao thật sắc, dấu vào trong tay áo, ra đi.

Tiêu dò la tìm đến dinh cơ tên hào phú Ngụy Hổ, trèo qua lớp tường vây xung quanh nhà, vào bên trong, rồi tháo bỏ hài, nhảy lên mái ngói, lặng lẽ đi không để một tiếng động. Chàng đưa mắt nhìn bốn phía nghe ngóng, thấy từ gian phòng có ánh sáng rạng rỡ hơn cả phát ra những trận cười hoan lạc. Chàng tiến lại gần, đu người dòm qua song cửa. Chính lúc đó, tên hào phú Ngụy Hổ đang ôm một nàng cơ thiếp trong tay, bên cạnh có tên bạn đồng xuồng rót rượu thù tạc, chén chú chén anh, phong thái rất là phóng đãng dâm dật.

Bỗng Tiêu nghe tiếng tên bạn đồng xuồng bảo với Ngụy Hổ:

"Đại ca ạ! Cô ả đông lân chỉ vờ vẫn khóc đấy thôi. Đệ sợ ngày mai được vào trướng gấm với đại ca, thưởng thức vị lạ rồi, e rằng có đuổi cũng không đi nữa."

Tiếng Ngụy Hổ trả lời:

"Ả mà còn ngang bướng không chịu, thì cứ thảy xuống cái hố băng, cho chết lạnh là xong."

Tên bạn đồng xuồng tiếp:

"Đại ca là người biết thương hoa tiếc ngọc,

lẽ nào lại buông lời tàn nhẫn đến thế, tính hù dọa kẻ yếu bóng vía đó sao?"

Ngụy Hổ chỉ cười "ha ha," không đáp.

Tiêu biết chắc chắn đó chính là tên hào phú Ngụy Hổ, bèn lập tức nhẩy phắt xuống đất, vung đao nhắm vào Ngụy Hổ, chém một nhát, y chết tươi. Người cơ thiếp thấy thế hoảng sợ ngất xỉu. Tên bạn đồng xuồng của Ngụy Hổ trong lúc cuống cuồng cũng bị Tiêu bồi cho một đao, hồn du địa phủ. Bọn đồng bộc nghe tiếng kêu chạy tới cứu cũng bị Tiêu giết hai tên, còn một tên bỏ chạy.

Tiêu thấy trên bàn tiệc có một hồ rượu, chàng rót uống cạn một hơi ba chén tống thật lớn. Sau đó, lấy ngón tay nhúng vào máu, viết lên tường một hàng đại tự:

"Kẻ sát nhân chính là Tiêu Linh Oai."

Viết xong, Tiêu lại nhảy lên nóc nhà, nhìn tứ phía, rồi lại nhảy xuống, nhắm hướng hoang dã ngoại thành mà đi.

Tiêu đi được một lúc lâu, đến một vùng mà chàng không biết là đâu. Bất chợt Tiêu thấy một người mặc áo trắng, tay cầm chiếc đèn hoa sen chạy như phi ở phía trước dẫn lộ cho chàng. Tiêu nối gót chạy theo. Mãi đến khi trời hưng hửng sáng, Tiêu mới nhận ra là nơi chàng đến đã xa hẳn dinh thự của tên Ngụy Hổ đến năm trăm dặm. Lúc để ý tìm người áo trắng, thì đã biến mất, không thấy tông tích gì nữa, tuy chỉ có chiếc đèn hoa sen bị bỏ lại nằm trong bãi cỏ hoang, ánh sáng chập chờn lay động như sắp tắt.

Tiêu rảo bước tiến lại gần, nhìn kỹ, té ra không phải đèn, mà là một đĩnh bạc lớn, thuộc loại châu đề, tính ước lượng vào khoảng bốn mươi lạng. Chàng cúi xuống lượm lên bỏ vào túi, để dùng làm tiền lộ phí. Hàng ngày, Tiêu ở trọ trong một lữ quán, nhưng những tin đồn việc tróc nã can phạm giết người ở nhà viên hào phú Ngụy Hổ càng lúc càng khẩn cấp, Tiêu sợ bị bọn bộ dịch tìm ra tông tích, vội vã thay đổi trang phục cùng danh tính trốn sang bên kia sông.

Chàng nghe đồn núi Thiên Trúc Sơn thuộc tỉnh Triết Giang có vị Bồ Tát rất là linh hiển, bèn dốc lòng tìm đến đó để phần hương sám hối. Nhưng khi đến nơi, Tiêu thấy trai thanh gái lịch, áo quần hoa lệ, tụ tập đông như mây họp, còn tì khưu, thượng tọa thì nghìn nghịt như kiến, nhưng đều chỉ có bề ngoài, không có ai là người đạo hạnh cao thâm cả.

Sau khi thắp hương cầu khẩn, Tiêu tạm trú trong sơn tự, phát nguyện cải hối, trong lòng thầm xin được tị hộ che chở, ngày ngày đem hết lòng thành trai giới tụng niệm.

Một hôm, lòng cảm thấy tịch mịch cô đơn, chàng bèn leo lên đỉnh núi để tìm khuây khỏa. Tiêu vào trong một thạch động thì thấy một vị sư già, ngồi bắt hai chân lên đùi nhập định. Đôi mắt như mù. Nhưng khi thấy Tiêu vừa bước vào trong động, nhà sư đột nhiên lớn tiếng mắng:

"Tên hào phú ấy cưỡng chiếm nhi nữ, có liên can gì đến nhà ngươi?"

Bị nhà sư hỏi bất chợt, toàn thân Tiêu như bị dội một gáo nước lạnh, sợ hãi, mắt ngây miệng ngốc, đứng đờ người ra, tưởng rằng việc giết người của chàng đã bị lộ, bụng nẩy ý giết luôn vị sư già đó để diệt khẩu, thì tai lại nghe tiếng vị sư già quát:

"Khoan! Người mặc áo trắng cầm đèn dẫn lối cho ngươi chạy, lẽ nào ngươi cũng coi là kẻ thù hay sao?"

Tiêu nghe vừa sợ, vừa cảm kích, vội vã phủ phục xuống đất, nói:

"Đệ tử biết tội mình rồi, đại bồ tát pháp lực hoằng thâm, xin giúp đệ tử thoát được nạn này!"

Vị sư già đáp:

"Nơi đây không phải đất cho ngươi dung thân đâu. Ta có lá thư này, ngươi hãy cầm đến gặp vị phương trượng Kim Trúc Tự ở Dương Châu, xin ẩn náu lại đấy vài ba ngày, ắt tai qua nạn khỏi."

Rồi rút trong tay áo ra một lá thư niêm phong kỹ càng, đưa cho Tiêu, và tiếp:

"Nhà ngươi hãy cầm thơ này đi ngay đi, đừng quay lại nữa."

Tiêu dập đầu vái tạ, cầm thư ra đi.

Sau khi mất mười ngày đi thuyền, Tiêu mới đặt chân được đến Dương Châu. Chàng hỏi han tìm kiếm khắp vùng, nhưng không có chùa nào là Kim Trúc Tự cả, lòng vô cùng lo lắng ưu tư, không dám vào cư trú trong thành, chỉ quẩn quanh ẩn náu ở những nơi thôn xóm hẻo lánh vắng người.

Một đêm, chàng men ánh trăng tản bộ đến cầu Phú Kiều ở cửa đông để dạo chơi. Bất chợt, Tiêu thấy có một vị hành cước tăng, vác trên lưng một cái túi, đằng trước có một chú tiểu cầm chiếc đèn lồng dẫn đường. Trên đèn có đề mấy chữ "Kim Trúc Thiền Viện." Tiêu chú ý nhìn, thấy ánh đèn lập lòe đi về hướng đông. Chàng vội vã cố chạy gấp theo phía sau. Chừng năm sáu dặm, đến một sơn cốc, thì bắt kịp.

Vị hành cước tăng hỏi chàng:

"Chẳng hay thí chủ nghe gì, thấy gì, mà lại đuổi theo bần đạo vậy?"

Tiêu vừa thở hổn hển vừa đem việc gặp vị sư già ở núi Thiên Trúc thuật lại cho vị hành cước tăng đó nghe, rồi đưa lá thư ra trình.

Vị hành cước tăng nói:

"Tưởng là ai, té ra là Bạch Y Khoát Cức Tôn Giả. Như vậy, thí chủ từ xa đến đưa thư, vậy xin mời theo bần đạo cùng về chùa một thể."

Chẳng mấy chốc thì đến một vùng cây cối bao la bát ngát. Dưới ánh trăng vàng lờ mờ, Tiêu thấy có một tự viện, kinh các, lầu chuông, nguy nga vòi vọi hùng vĩ. Bên trong chùa, văng vẳng tiếng mõ cầm canh. Tiếng niệm kinh ê a ngân dài, lạnh lẽo, tưởng chừng như thấm vào tận tâm can tì phế.

Trong khi vị hành cước tăng vào trong để gặp phương trượng, Tiêu đến gần bên một khóm trúc đứng kính cẩn chờ đợi. Chàng để ý nhìn, nhận ra đó là loại trúc phong hoàng, vỏ trắng, có vân đẹp, khi gió thổi, thân cọ vào nhau nghe leng keng như chuông ngọc khánh vàng.

Vị hành cước tăng đi ra bảo cho Tiêu biết là phương trượng hiện đã nhập định, lá thơ để lại án thư, và xin mời chàng vào liêu phòng nghỉ ngơi qua đêm, sáng mai sẽ hội kiến với phương trượng. Rồi dẫn Tiêu đến một gian phòng nhỏ, thật là trang nhã sạch sẽ. Lát sau, lại dọn cơm tối mời chàng ăn, cũng rất là ngon lành tinh mỹ.

Ngày hôm sau, Tiêu có ý chờ, nhưng không được phương trượng mời đến. Chàng thấy đám tăng lữ diện mạo cổ lỗ, đi tới đi lui. Có già, có trẻ. Có xấu có đẹp, rất là khác biệt nhau. Nhưng đem so với đám quần chúng qui y ở Thiên Trúc Sơn thì chẳng giống nhau chút nào.

Chàng ở trong chùa đến ngày thứ ba. Đêm ấy thình lình nghe tiếng trống, tiếng mõ vang rền, hòa với tiếng tụng kinh, niệm Phật. Tiêu cho là nhà chùa mở đại tràng, bèn khoác áo vào người, rón rén lê dép lại gần lén nhìn xem.

Khi chàng vừa đến chính điện thì tiếng trống, tiếng mõ, tiếng tụng kinh bỗng nhiên đều im bặt, không nghe thấy gì nữa. Khắp trong điện, không có lấy một bức tượng Phật nào. Nhưng đèn đuốc sáng trưng. Còn dưới đất được trải kín bằng những đệm lông êm ái. Từng đôi nam nữ nằm la liệt, xích thân lõa thể, đang cùng nhau soắn suýt hành lạc. (Bỏ năm mươi lăm chữ)

Tiêu nhìn thấy cảnh tượng như thế, lúc đầu có ý ngạc nhiên, sau rồi cơn giận bừng bừng bốc lên, không cầm được, thét thật lớn:

"Dâm loạn ô trọc như thế này, thì còn ra thể thống gì nữa!"

Bỗng phía sau chàng có người quát bảo:

"Khoan! Ở trong tứ phương thiên địa, ở ngoài tứ phương thiên địa, tứ phương thiên địa sở thành, nơi nào mà chẳng nam hoan nữ ái. Duy có bọn tục tử mông muội mới cho đó

TÔN NỮ THU NGA

XUÂN QUÁ KHỨ

Ngủ quên đời mộng tưởng
Hồn ta chim én bay,
vì em là xuân sớm
vừa hôn nhẹ gió mây.

Trên đồi hoa quì vàng
Ta nhìn hoa chớm nở,
Ước làm mây lang thang,
Qua đồng hoa rực rỡ.

Trên đồi hoa quì thơm,
Tình đầu ta bỡ ngỡ,
áo em làn gió xanh,
cành non chim rộn rã.

Một phút ta quen dời
nhánh rong thân phiêu lãng,
Một phút môi ngậm cười,
Nhớ xuân nào đã vắng.

là dị dợm khác thường mà thôi."

Tiêu quay lại nhìn, thấy đó là một vị hòa thượng mặc áo cà sa màu tím, đầu trọc, mặt như trăng rằm, bên cạnh có vị hành cước tăng mà Tiêu đã gặp, đứng hầu.

Vị hành cước tăng bảo với Tiêu:

"Đây là vị phương trượng của bổn chùa, sao thí chủ chưa cúi đầu hành lễ bái kiến?"

Bấy giờ trong lòng Tiêu còn mang nỗi bất bình, nỗi giận chưa tan, nhưng bỗng dưng không tự chủ nổi, nhũn người đổ xuống, chắp tay phủ phục vái chào vị phương trượng.

Hòa thượng nâng Tiêu đứng dậy, dẫn chàng vào trong ngụ thất, dùng lời ôn tồn hỏi thăm tình trạng sức khỏe của vị sư già ở Thiên Trúc Sơn, lại ân cần giảng giải cho Tiêu nghe:

"Cảnh tượng mà thí chủ vừa mới thấy, chẳng qua chỉ là ảo ảnh, nên bậc trí giả trông thấy, thì tâm thần trong sáng, hiểu rộng thêm ra, còn kẻ ngu muội thì hứng khởi thèm muốn. Điều đó, không có gì là lạ cả."

Tiêu im lặng cúi đầu thụ giáo, không dám hỏi han gì cả.

Sau đó, hòa thượng quay sang dặn dò vị hành cước tăng:

"Hãy đưa Tiêu thí chủ trở lại chiêm ngưỡng thủy tinh vực, để thí chủ phát nguyện bồ đề tâm."

Tiêu cáo từ hòa thượng, rồi theo vị hành cước tăng trở lại chỗ đại điện. Chỉ thấy bên trong điện, đèn đuốc đều đã tắt hết, không còn một ai. Chỉ có chiếc đèn dầu ở chỗ khám thờ bức tượng Tam Thế Phật còn leo lét lập lòe mà thôi.

Thình lình có tiếng gà gáy sáng. Tiêu nghe thấy tiếng vị phương trượng ra lệnh cho vị hành cước tăng đưa tiễn chàng ra về.

Vị hành cước tăng hái một nắm lá trúc diệp, đưa cho Tiêu và bảo:

"Xin tặng thí chủ ít lá trúc diệp này để làm vật tùy thân."

Tiêu cầm lấy nhét vào trong ống tay áo.

Vị hành cước tăng đưa Tiêu ra khỏi cửa sơn cốc. Tiêu nhìn thấy những cảnh tượng so với lúc chàng đến hoàn toàn khác hẳn. Chàng bước thấp bước cao mò mẫm mà đi. Mãi đến khi trời sáng mới thấy rõ đường, té ra đã đến vùng núi Cam Tuyền. Chàng ôn lại chuyện vừa xảy ra, tưởng như mơ vậy. Nắm lá trúc do vị hành cước tăng tặng chàng, cũng bị rơi mất một nửa. Còn lại phân nửa đều là vàng cả.

Tiêu trở vào trong thành để hỏi han tin tức, thì ra chớp mắt đã ba năm trôi qua, bằng đúng ba ngày chàng sống ở trong Kim Trúc Tự. Chàng bèn đem số vàng bán đi lấy tiền mở một cửa tiệm buôn bán đồ cổ ở thành Dương Châu, sống cuộc đời sung túc, dư giả.

Một hôm, chàng gặp một bà lão ăn mày dắt đứa con gái đi xin ở dọc đường. Bà lão ăn mày trông thấy Tiêu thì phủ phục xuống đất khấu đầu kêu:

"Trời ơi! Ân công, sao còn sống đến ngày nay?"

Tiêu nhìn kỹ lại, té ra chính là mẹ con người góa phụ, nạn nhân của tên hào phú Ngụy Hổ mà chàng đã cứu năm nào. Chàng mừng rỡ dẫn hai mẹ con người góa phụ về nhà, hỏi han cặn kẽ tình cảnh, thì được người góa phụ thuật lại rằng:

"Sau khi Ngụy Hổ bị ân công giết, con Ngụy Hổ đem việc kiện cáo lên phủ, phủ bắt được một người giống hệt như ân công. Lúc đem người ấy đi chém, chỉ thấy cái đầu rơi xuống đất, còn thân mình chẳng biết vì lẽ gì biến đâu mất không tìm thấy. Thiếp vì cảm ơn lớn của ân công, nên trộm đem cái đầu ấy đi mai táng. Khi vừa mới đào xong huyệt thì cái đầu ấy bỗng dưng hóa thành một chiếc đèn hoa sen. Quan phủ biết chuyện, cũng bỏ qua, không tra cứu thêm gì nữa. Riêng mẹ con thiếp thì sợ liên lụy, dắt díu nhau trốn đến vùng này, phải đi ăn xin mà sống, tính đến nay cũng đã ba năm rồi."

Tiêu cũng đem những chuyện mà chàng trải qua thuật lại cho hai mẹ con người góa phụ nghe. Ai nấy đều ngậm ngùi than thở.

Tiêu xin lấy người con gái của người góa phụ làm vợ, đối xử với bà ta một lòng tử tế, và quý trọng như thân mẫu của mình vậy.

Về sau, Tiêu nhập ngũ, nhờ có nhiều huân công, được tiến cử lên triều đình, quan đến chức Sùng Minh Thủ Bị. Cả hai vợ chồng đều tin theo đạo Phật. Mỗi khi Tiêu có điều gì bất bình phát nộ, thì người vợ chỉ khẽ khàng bảo nhỏ chàng mấy câu: "Kim Trúc Tự." Thế là Tiêu hết giận, tươi cười lại ngay.

Đối với mọi người, Tiêu luôn luôn xử sự ôn tồn, dịu dàng như con gái chưa chồng vậy.

Khi mẹ vợ chàng mất, Tiêu ma chay chôn cất rất là trọng thể. Trên đường trở về, chàng chợt nhìn thấy trong đám đông có đứa đầy tớ của Ngụy Hổ, bèn vội vàng bỏ luôn quan tước, dắt vợ ra đi.

Nhưng người đời không ai biết chàng đi đâu cả.●

ANH THÀNH và LÊ TAM CA

TWIN CITIES - MINNESOTA

Ngợi ca Phạm Duy

Chiều Chủ Nhật 15 tháng Hai 1998, Minnesota đã vinh danh nhạc sĩ Phạm Duy ở thính đường O'Shaugnessy của trường đại học Saint Thomas. Hơn 300 người đã họp mặt, ngợi ca người nghệ sĩ lớn của dân tộc, trong một chương trình giàu chất văn hóa, nghệ thuật và nồng nàn tình quê hương. Chương trình do nhà báo Phan Thanh Tâm và một số thân hữu ở Minnesota tổ chức.

Nhạc sĩ Phạm Duy, nay đã 79 tuổi, đến từ California, giới thiệu tác phẩm mới nhất của ông: *Minh Họa Kiều*. Ngoài ra, các nhân tài nghệ thuật của Minnesota cũng trình bày một số nhạc phẩm do Phạm Duy viết trong mười năm qua.

Phạm Duy với mái đầu bạc phơ và nụ cười thân ái, đã được ông Văn Dzĩnh đưa vào thính đường giữa tiếng vỗ tay nồng nhiệt của cử tọa.

Ông Phan Thanh Tâm, trong lời mở đầu chương trình, đã nhấn mạnh hai điểm: nhà cầm quyền Hà Nội đã tìm mọi cách xóa bỏ tên tuổi và công trình nhạc của Phạm Duy. Tuy nhiên, theo Quỳnh Giao trong một bài viết gần đây thì '*họ mà chối bỏ Phạm Duy thì cũng như men theo ngõ ngách để tránh núi, rồi cũng đâm vào núi thôi.*" Họ càng làm như vậy, tên tuổi Phạm Duy càng sáng ngời trong lòng những người yêu nhạc, cả trong lẫn ngoài nước. Điểm thứ hai là giới thiệu với người yêu nhạc vùng đất vạn hồ, một tác phẩm lớn khác, vừa ra đời, của Phạm Duy — *Minh Họa Kiều*.

Sau đó nhà thơ Tô Thùy Yên lên ngỏ lời cám ơn Phạm Duy đã dâng tặng văn hóa Việt những bài hát mà ông và nhiều người Việt Nam khác đã ấp ủ trong tất cả các giai đoạn của cuộc đời, từ thời mới lớn, thời biết yêu, tới thời chinh chiến, thời tù ngục và thời tha hương. Toàn thể cử tọa đã đứng dậy vỗ tay, hò reo vinh danh người nhạc sĩ lớn của dân tộc.

Sau đó, Phạm Duy, "chàng phiêu lãng ôm đàn tới giữa đời," trong chiều đông giá, dùng uy lực của các nhạc cụ cổ truyền Việt Nam sáng tạo nên những âm hưởng tuyệt vời, chinh phục ngay người thưởng ngoạn.

Khán giả đã ngất ngây trong những đoản khúc, khi tha thiết như *ngày xuân con én đưa thoi*, khi u huyền của *nao nao dòng nước uốn quanh*, khi nồng nàn của *tình trong như đã*, khi ngọt ngào của *cỏ non xanh ngắt chân trời*, mà Phạm Duy và Duy Cường đã dấy động lên qua những hòa âm kỳ diệu của đàn sáo dân tộc và kỹ thuật tân kỳ của máy điện toán. Dựa trên nền tảng vững chắc của tâm tình Việt, ông phối hợp sức sáng tạo cá nhân và kỹ thuật tân tiến để soạn nên tác phẩm này.

Giới thiệu tình ca Phạm Duy, cô Thiên Thủy, người hướng dẫn phần thứ hai của chương trình, đã nêu lên dòng tâm lý xuôi chảy suốt 200 năm từ thơ Nguyễn Du qua nét nhạc lời ca Phạm Duy. Nhắc lời Phạm Quỳnh nói về Truyện Kiều từ năm 1924 ở Hà Nội, cô nói thêm: 'Truyện Kiều còn thì tiếng ta còn, tiếng ta còn thì vẫn còn người hát nhạc Phạm Duy."

Nhạc sĩ Phạm Duy

Sau đó, nhạc sĩ Hoàng Kim Chi đã điều khiển một chương trình nhạc với các giọng hát tiếng đàn của La Vĩnh Lương, Nguyễn Quang, Bạch Hạc, Nguyên Châu, Triết Bình, Phương Thảo, Trung Nhân và Quang Danh, qua các khúc tình ca bất hủ của Phạm Duy. (Theo PTT/MN)

NEW ORLEANS

Linh mục Nhạc sư Ngô Duy Linh qua đời

Linh mục Nhạc sư Ngô Duy Linh, sinh năm 1922, tại Liễu Đề, Trực Ninh, Nam Định, thụ phong linh mục năm 1952, du học tại Nhạc viện César Franck ở Pháp từ năm 1953, về nước năm

1956, làm Hiệu trưởng Trung học và chủng Viện Bùi Chu.

Ông qua đời ngày 20 tháng Hai 1998, tại Arlington, Texas, hưởng thọ 76 tuổi.

Trong thời gian ở Saigon, Linh mục Ngô Duy Linh sáng tác, soạn hòa âm và dạy nhạc tại trường Quốc Gia Âm Nhạc và một số trường trung học. Ông thành lập ca đoàn Chim Việt và cộng tác với các đài phát thanh.

Những bài hợp xướng của Ngô Duy Linh, như *Đêm Bình An* hay *Một Trời Sao*, được coi là những nhạc phẩm khai sáng nền hợp xướng Việt Nam.

Năm 1961, linh mục được cử làm Giám đốc sáng lập Viện Âm Nhạc và Kịch Nghệ Huế. Năm 1964, ông được mời về làm Phụ tá Viện trưởng Viện Đại học Dalat.

Năm 1968, ông đi Pháp theo học học trình Tiến sĩ Âm nhạc tại trường Sorbonne, Paris. Và từ năm 1982, ông định cư tại New Orleans, tiểu bang Louisiana, coi sóc giáo dân họ đạo Đức Mẹ Lên Trời.

Cuối năm 1994, nhân khi nhạc sĩ Phạm Duy đến New Orleans để ra mắt nhạc phẩm phổ thơ Hàn Mặc Tử, linh mục Ngô Duy Linh đã soạn hòa âm bài *Maria Linh Hồn Tôi Ớn Lạnh* cho Phạm Duy. Phần hòa âm bốn bè đã tôn nhạc đề của Phạm Duy lên rất cao, đến nỗi Phạm Duy phải thốt lên: "Những đơn khúc của Việt Nam mà nếu được các nhạc sĩ tài danh hòa âm thì không thua gì nhạc cổ điển Tây phương."

Ông Đỗ Ngọc Yến nói về Trần Đại Lộc

QUẬN CẢM

Ra mắt sách: Trần Đại Lộc - Ảnh

Khoảng 100 tân khách và thân hữu đã đến tham dự buổi ra mắt sách Trần Đại Lộc - Ảnh tại phòng hội VAALA vào chiều ngày 22 tháng Hai 1998.

Ông Bà Đinh Sinh Long, hai người đầu tiên đặt mua cuốn sách trước khi in, đang nhận sách.

Ông Đỗ Ngọc Yến, chủ nhiệm nhật báo *Người Việt* lên sân khấu cảm tạ sự hiện diện của mọi người và giới thiệu ông Hoàng Ngọc Tuệ nói về Trần Đại Lộc, một nghệ sĩ, một nhà giáo thường xuyên sinh hoạt với giới trẻ vừa qua đời cách đây ít lâu.

Ông Hoàng Ngọc Tuệ nói Trần Đại Lộc là một con người rất lạc quan và anh đã góp rất nhiều công sức trong phong trào thanh niên vào thập niên 1960 cùng với một nhóm anh em cùng thao thức với tuổi trẻ trong thời kỳ đó. Và bây giờ Trần Đại Lộc đã ra đi và chắc chắn Lộc về một cõi tiên và có thể anh sẽ sửa soạn trại trước cho bạn bè sẽ từ từ lên với anh.

Kế đến, ông Phạm Phú Minh, chủ nhiệm Tạp chí *Thế Kỷ 21* và cũng là bạn thân của ông Trần Đại Lộc, nói Trần Đại Lộc là một nghệ sĩ thật sự cho dù tài năng của ông chưa được biết đến nhiều. Ông Trần Đại Lộc là một người đa tài, có thể làm thơ, làm văn, làm nhạc, cắm hoa và nhất là tổ chức sinh hoạt học đường. Môn nào ông cũng biết đến nơi đến chốn và thường hay biên soạn lại những môn mà ông đã nghiên cứu để có thể hướng dẫn người khác.

Trần Đại Lộc cũng cùng đi tu nhgiệp ở Hoa Kỳ với giáo sư Đoàn Viết Hoạt nghiên cứu về các phong trào sinh hoạt học đường ở Hoa Kỳ.

Bên cạnh những bộ môn văn nghệ và sinh hoạt thanh niên, Trần Đại Lộc lúc nào cũng kèm theo bộ môn nhiếp ảnh. Có thể nói nhiếp ảnh đã theo với Lộc suốt cả thời gian hoạt động. Lộc học căn bản về nhiếp ảnh tại Hội Việt Mỹ và đã tổ chức Hội Nhiếp Ảnh Tài Tử ở Saigon khá nổi tiếng.

Một đời làm nghệ thuật của Trần Đại Lộc để lại ngoài một số giáo trình về các môn cắm hoa, nhiếp ảnh,... Trần Đại Lộc còn để lại một số tác phẩm về nhiếp ảnh và một số nhạc phẩm. Thời gian Trần Đại Lộc chụp được nhiều ảnh nhất là vào khoảng 1972-1973 ở Saigon. Những nhiếp ảnh gia như Cao Đàm, Cao Lĩnh nói về người ảnh Trần Đại Lộc như là một người nói nhiều về tình yêu. Những tác phẩm ấy còn lưu lại và được chọn in lại trong tập *Trần Đại Lộc - Ảnh* và "đó là món quà mà Trần Đại Lộc dành cho chúng ta."

Nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu về nói về dự án hình thành tác phẩm *Trần Đại Lộc - Ảnh*. Dự định đã được bàn ngay khi Trần Đại Lộc mới nhuốm bệnh để Trần Đại Lộc gom lại những tác phẩm của ông để có thể dần dần mang ra giới thiệu với mọi người. Nhưng cuộc sống hằng ngày bận

rộn khiến cho các dự tính chưa kịp thực hiện được thì Trần Đại Lộc đã từ giã bằng hữu ra đi.

Anh em đã thúc đẩy việc thực hiện tác phẩm đầu tiên là *Trần Đại Lộc - Ảnh*. Tác phẩm thành hình do sự đóng góp của một số bằng hữu đã được minh danh ở phía sau cuốn sách với con số hơn 300, trong đó có cả những người chưa từng quen với Trần Đại Lộc, đã gây một xúc động lớn và chứng tỏ tình người đã không khô quá như chúng ta nghĩ.

Trần Đại Lộc - Ảnh với khoảng 40 tác phẩm nhiếp ảnh được xem là tiêu biểu của Trần Đại Lộc cùng với khoảng 20 bài viết của bằng hữu viết về Trần Đại Lộc, và một bài của Trần Đại Lộc.

Nhạc sĩ Thu cũng nói ngoài mục đích trình làng những tác phẩm của Trần Đại Lộc, Hội VAALA cũng thành lập một tín quỹ cho hai con nhỏ của Trần Đại Lộc và hy vọng qũy này sẽ được thực hiện tốt đẹp. Luật sư Phan Huy Đạt cũng đã trình bày tổng quát về việc thành lập qũy (Trust Fund) dành cho các con của Trần Đại Lộc đi học sau này như thế nào cho hợp với luật lệ Hoa Kỳ. Cuối cùng nhạc sĩ dương cầm Nguyễn Thị Vương Hương đã đàn một số bản nhạc của Trần Đại Lộc để lại.

QUẬN CAM

Ra mắt CD-Rom Truyện Sử Việt Nam

Hơn 100 tân khách và văn nghệ sĩ đã đến tham dự buổi ra mắt CD-Rom đầu tiên của người Việt Nam thực hiện, tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt, chiều thứ Bẩy 27 tháng Hai 1998.

Từ trái qua: ÔÔ.Lê Cẩm Thanh, Bùi Minh Cương, Phạm Duy, Nguyễn Thiện Cơ

Mở đầu, ông Đỗ Ngọc Yến, chủ nhiệm nhật báo *Người Việt*, đã nói khái quát về CD-Rom Việt Nam đầu tiên được nhạc sĩ Phạm Duy và kỹ sư Bùi Minh Cương hợp tác thực hiện mang tên 'Truyện Sử Việt Nam."

Dịp này, ông Đỗ Ngọc Yến cũng giới thiệu ông Nguyễn Thiện Cơ, chủ nhiệm báo *Người Việt-On Line* trên Internet và cũng là người thực hiện việc hệ thống hóa điện tử báo *Người Việt*. Ông Nguyễn Thiện Cơ cho biết dĩa CD-Rom này có thể chưa phải là dĩa hay nhất nhưng là dĩa CD-Rom đầu tiên đánh dấu một khúc quanh quan trọng của người Việt hải ngoại trong kỹ nghệ điện toán.

CD-Rom này của Cổ Loa Productions gồm có 3 phần chính:

- Phần thứ nhất bằng những bức tranh kể lại lịch sử Việt Nam qua các truyền thuyết như tích Mẹ Trăm Con, Bà Trưng, Bà Triệu, dựa theo sách tranh của nhà giáo Bùi Văn Bảo.
- Phần thứ hai là hình các di vật tối cổ của Việt Nam như trống đồng, búa rìu, chân đèn, dấu vết của các nền văn minh Hòa Bình, Đông Sơn từ 10 ngàn cho đến 3 ngàn năm trước đây.
- Phần ba là những ảnh ghi lại các di tích lịch sử như đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương, Hai Bà Trưng, Bà Triệu... và những họa đồ ghi lại địa dư Việt Nam vào thời kỳ dựng nước.

Ngoài phần giảng giải bằng tiếng Việt Nam còn có những đoạn dẫn giải bằng tiếng Anh lồng với nhiều trích đoạn nhạc của những nhạc sĩ tên tuổi trong làng tân nhạc Việt Nam như Thẩm Oánh, Lê Thương, Văn Giảng, Xuân Tùng cùng với tiếng hát của ban hợp xướng Ngàn Khơi, các danh ca Thái Thanh, Mai Hương, Quỳnh Giao, Nguyễn Thành Vân... giọng đọc của Đỗ Anh Thùy, Phạm Hiệu, Trình Văn, Quỳnh Giao, Trần Đăng Quân, Tường Mai, Tường Vi...

Nhạc sĩ Phạm Duy và hai ông Bùi Minh Cương, Nguyễn Thiện Cơ đã trình bầy dĩa CD-Rom qua máy computer được khuếch đại lên màn ảnh lớn những hình ảnh sống động về lịch sử cùng với phần nhạc nền kèm theo những dẫn giải bằng song ngữ Anh-Việt. Trong dĩa có nhiều tranh đẹp của các hoạ sĩ Việt Nam như Nguyễn Thị Hợp, ViVi Võ Hùng Kiệt, Phạm Bách Phi, Văn Minh, Tạ Thúc Bình, Mạnh Quỳnh...

QUẬN CAM

BS Phạm Gia Cổn nói về Y Học và Võ Học

Gần một trăm tân khách đã đến tham dự buổi nói chuyện về Yếu Tố Y Học Và Võ Học Của Đời Sống Con Người với diễn giả là Bác sĩ Phạm Gia Cổn, do Hội VAALA và Diễn Đàn Địa Lý Nhân Văn tổ chức, tại phòng họp VAALA chiều thứ Bẩy 28 tháng Hai 1998.

Nhà văn Phạm Quốc Bảo, trong nhóm Diễn Đàn Địa Lý Nhân Văn, đã nói sơ lược về Bác sĩ Phạm Gia Cổn: một bác sĩ quân y từ trước 1975, đã phục vụ trong binh chủng Nhẩy Dù, sau 1975, sang Hoa Kỳ học và lấy lại bằng hành nghề y khoa và chuyên khoa tê mê. Bên cạnh nghề nghiệp chính đó, bác sĩ Cổn tham dự khá nhiều những sinh hoạt khác trong Cộng Đồng như là Chủ tịch Hội Y sĩ Việt Nam tại Hoa Kỳ,

Chủ tịch Hội Ái Hữu Nhẩy Dù, thành lập ban nhạc The Star để đóng góp văn nghệ trong cộng đồng và ông còn là một nhạc sĩ thổi kèn saxo nữa.

Ngoài ra, bác sĩ Cổn còn là một nhà võ. Ông đã tập luyện từ nhỏ và đã từng là võ sư từ trước 1975. Cho đến nay, ông vẫn có những sinh hoạt thường xuyên với võ đường và hiện vẫn đang tầm sư học đạo.

Bác sĩ Phạm Gia Cổn đã nóii về yếu tố y võ học qua kinh nghiệm từ bản thân ông. Có người nói võ du nhập từ Tàu, Nhật, Đại Hàn. Vậy Việt Nam có võ không? Bác sĩ Cổn cho rằng Việt Nam chúng ta cũng có võ nên cha ông chúng ta mới đánh đuổi được ngoại xâm.

Bác sĩ Cổn nói học võ là tập luyện cơ thể một cách hợp lý, đúng thời gian, chính xác và sử dụng những bắp thịt hay những cách mà người khác thường không nhớ đến. Ông nói: 'tập võ không có nghĩa là để đánh nhau, mà là để giữ gìn sức khỏe, tập cho thân thể dẻo dai, chịu đựng và không bị đau yếu.''Theo cách nói của y khoa tức là bảo vệ năng lượng bằng những động tác rất nhẹ, để đưa máu vào những cơ quan cần thiết trong con người và tập lắng tinh thần lại.

Nhạc sĩ Nguyễn Hiền đóng góp ý kiến cũng đã nhắc đến võ học và y học cùng mưu cầu cho con người có một thân xác khỏe mạnh và một cuộc đời hạnh phúc. Ông cũng nhắc đến thuyết âm dương, ngũ hành, đến vấn đề tương sinh tương khắc tương giao giữa ngũ hành đến ngũ cung, ngũ âm (âm nhạc) ngũ sắc đến ngũ tạng (y học), tâm thân và thần khí hợp nhất.

Một số vị trong cử tọa đã cùng với diễn giả trao đổi với nhau chung quanh những tương quan y học và võ học gắn liền với đời sống trong xã hội hiện tại.

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa giới thiệu Ngô Thanh Tùng

QUẬN CAM

Nhiếp ảnh gia Ngô Thanh Tùng ra mắt sách

Chiều thứ Bảy mùng 7 tháng Ba 1998, nhiếp ảnh gia Ngô Thanh Tùng, phó Hội trưởng Hội Ánh Nghệ Thuật Việt Nam đã cho ra mắt cuốn sách thứ ba của ông về nhiếp ảnh: 'Đường Vào Nhiếp Ảnh Cho Người Tự Học.''

Đây là một cuốn sách ảnh đồ sộ cả về phẩm lẫn lượng: 340 trang khổ lớn, gồm 37 đề tài nhiếp ảnh và 83 ảnh phụ bản minh diễn cho các đề tài.

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa, cũng là một ''người ảnh'' thành danh, hiện là chủ tịch Ban Chấp hành Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA), đã giới thiệu nhiếp ảnh gia Ngô Thanh Tùng với cử tọa chừng 100 người tới dự buổi ra mắt sách.

Nhận định về cuốn sách, một người ảnh khác, ông Lê Ngọc Minh, hiện là Tổng Thư ký Hội Ánh Nghệ Thuật Việt Nam, cho rằng: 'Với bút pháp điêu luyện của một nhà văn, nhà thơ, với kinh nghiệm lâu năm của một nhà mô phạm, với nhận thức bao quát vào những vấn đề khúc mắc của một nhà luật học, với mắt nhìn trìu mến và đ ầm thắm của một nghệ sĩ nhiếp ảnh, ông Ngô Thanh Tùng đã trình bày từng đề tài nhiếp ảnh, cho dù là kỹ thuật khô khan, với một lối viết nhẹ nhàng, trong sáng, suông sẻ, đầy hấp dẫn và bạn không thể nào... ngủ gục trong khi đọc cuốn sách! Tôi còn e ngại là, sau khi đọc bài thứ nhất, bạn sẽ sang bài thứ nhì, rồi bài thứ ba... và đọc cho hết cuốn sách lúc 5 giờ sáng! Riêng cá nhân, tôi thấy cuốn sách đọc hấp dẫn như đọc tiểu thueýt vậy, và tôi phải thú thật là, với hơn 35 năm cầm máy, tôi vẫn tìm được những quan niệm và những điều mới lạ trong sách *Đường Vào Nhiếp Ảnh Cho Người Tự Học.*''

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa đã khéo léo hướng dẫn một cuộc trao đổi ý kiến giữa tác giả Ngô Thanh Tùng và người tham dự, tạo thành một cuộc hội thảo sôi nổi, với nhiều thông tin hữu ích, chen lẫn những tiếng cười vui thân ái.

Để tạo thêm không khí văn nghệ cho buổi ra mắt sách, hai nhạc sĩ Tây ban cầm, Đoàn Châu Nhi và Đặng Đình Quảng, đã biểu diễn nhiều bản nhạc cổ điển hoặc do chính các nhạc sĩ này sáng tác.

QUẬN CAM

Đào Mộng Nam: Hồ Xuân Hương, đệ nhất thi đạo gia

Gần một trăm tân khách và thân hữu đã đến tham dự buổi nói chuyện về thi ca Hồ Xuân Hương, với diễn giả là nhà thơ Đào Mộng Nam, tại hội VAALA vào chiều Chủ Nhật mùng 8 tháng Ba 1998.

Ông Lê Đình Điểu trong phần mở đầu đã giới thiệu nhà thơ Đào Mộng Nam là ''cụ Đồ họ Đào'' vốn là một người Tây học nhưng đã nghiên cứu nhiều về chữ Nho và chữ Nôm. Ông cũng đã từng mở lớp dạy và viết sách về hai 'tử

ngữ'' này.

Nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu, Tổng Thư Ký Hội VAALA, đã nói đến 300 năm văn chương chữ Nôm ở đất nước Việt Nam mà thời kỳ nở rộ là ở vào thế kỷ thứ 19 và trong đó thi ca của nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã có hẳn một chỗ đứng riêng biệt. Thế giới tuyệt vời của thi ca Hồ Xuân Hương từ văn chương chữ Nôm đã trở thành một loại văn chương dân gian. Nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu cũng nói đến sự miệt mài của thi sĩ Đào Mộng Nam với chữ Nho và chữ Nôm và hôm nay thi sĩ họ Đào sẽ nói cuyên về ''cái lẽ Đạo'' torng thi ca của Hồ Xuân Hương.

Nhà thơ Đào Mộng Nam

Thi sĩ Đào Mộng Nam nói rằng nhất cử, nhất động của chúng ta được chi phối bởi một nguyên lý Đạo. Muốn tìm hiểu thơ Hồ Xuân Hương cần phải nhìn qua lăng kính Đạo Dân Tộc của Việt Nam. Thơ của bà thuộc loại Lưỡng Đầu Cực. Và trong quan niệm về tư tưởng Đạo Việt Nam đơn vị là cặp: vui buồn; sướng khổ; nam nữ; âm dương... luôn luôn hai chiều và đó là một đơn vị.

Đào Mộng Nam cho rằng thơ Hồ Xuân Hương đã nói lên địa vị của người phụ nữ Việt Nam và qua thi ca của bà thể hiện cũng không hề giống với những phụ nữ ở các nền văn minh khác. Theo Cựu Ước, người đàn bà chỉ là phần phụ thuộc của người Nam. Bà Eva chỉ là cái xương sườn của ông Adam. Vì vậy người phụ nữ luôn luôn ở trong bi kịch.

Nhưng phụ nữ Việt Nam không hề coi đối tượng chính là ông chồng, mà đó chỉ là cái duyên, người phụ nữ Việt Nam quan niệm con mới là chính: ''Thua thì thua quyết níu lấy con''. Trong khi đó người phụ nữ Tây Phương coi người đàn ông quan trọng hơn, đòi hỏi người đàn ông nhiều hơn và không hề xem con là chính. Họ có thể người này lấy người khác mà không màng đến con cái.

Thi sĩ Đào Mộng Nam nói thơ luật qua nhiều ngàn năm đã hoàn chỉnh và đứng riêng một cõi được xem như là ''Cõi Đạo thâm sâu để chuyển tải''. Bố cục của một bài luật thi là Khai, Thừa, Chuyển, Hợp. Đầu đuôi phải cuộn tròn như bánh xe Pháp, quay tít không ngừng. Đạo Thiền gọi là pháp luân thường chuyển, giúp con người điều hòa hơi thở để khí được thông và thần được sáng.

Dùng bài Vịnh Bánh Trôi làm thí dụ, nhà thơ họ Đào muốn chứng minh thơ Hồ Xuân Hương có nhiều tầng ý nghĩa:

Thân em thì trắng, phận em tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Riêng em vẫn giữ tấm lòng son.

Cặp bánh trôi, với cái nhìn của trẻ thơ chỉ là cặp bánh để ăn. Với cái nhìn của kẻ phàm phu tục tử là cặp nhũ hoa tha hồ bóp nặn. Với truyền thống thờ cúng anh hùng liệt nữ thì đó là sự tích sau khi hai chị em bà Trưng trầm mình, dân chúng lập đền thờ và dâng lễ vật. Chén nước đường là dòng sông Hát, cặp bánh trôi trắng tròn là thánh thể Hai Bà. Với con mắt nhà đạo học, hình tượng ''vừa trắng lại vừa tròn'' của bánh trôi là vòm Thái Hư, là vòng Thái Cực trong Dịch KInh, là thức bạch tinh, vắng lặng sạch trong, nơi Phật Kinh duy thức.

Bốn tầng ý nghĩa nêu trên cũng chỉ mới là cái vỏ bao ngoài. Còn cái nhân là ''tấm lòng son'' mà Xuân Hương nguyền giữ vẹn. Đó chính là bản tính Chân Như, là nhất điểm linh quang cực kỳ sáng suốt, cực kỳ vi diệu nơi lòng muôn người muôn vật, bình thường bị lòng dục chôn vùi, đã được Xuân Hương khai quật để nó toả chiếu sáng ngời...

Thi sĩ Đào Mộng Nam cho rằng nữ sĩ Hồ Xuân Hương không chỉ đại diện cho Việt Nam mà còn cho toàn cõi Á Đông. Qua hiện tượng xướng họa thơ luật, câu đối đáp với người bạn tri kỷ Chiêu Hổ, Bà đã giữ bền được HƠI THỞ SỐNG trong thơ. Tài đối đáp của Hồ Xuân Hương không dừng lại ở phía dân gian hay bác học mà bao quát cả hai.

Một số tham dự viên như nữ sĩ Thu Nhi, Mục sư Nguyễn Quang Minh, ông Nguyễn Văn Nhân đã đóng góp những ý kiến xoay quanh những bài thơ của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, kèm theo là những tiết mục ngâm thơ của Hồ Xuân Hương với sự đóng góp của một số nghệ sĩ.

Đính chính:

TK 21 số 107, trang 111, mục VCT/VHNT, đưa tin ''Lê Thị Thu Nga lại đoạt giải Nhiếp ảnh.'' Xin sửa lại là ''**Tôn Nữ Thu Nga** lại đoạt giải Nhiếp ảnh.''

Xin cáo lỗi cùng quý độc giả và cô Tôn Nữ Thu Nga. •

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Nhìn Cây Thấy Rừng

Phỏng vấn của Đỗ Quyên, Văn Nghệ xuất bản, 368 trang, giá US$18.00, ngoài nước Mỹ $20.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. Tel: (714) 527-5761.

Tác giả, Đỗ Quyên, rời khỏi nước năm 1988 từ miền Bắc. Trước đó anh tốt nghiệp và giảng dạy Vật Lý tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Anh bắt đầu viết lách từ hồi ở trong nước, thời gian ở Đông Âu anh làm và viết cho các báo tiếng Việt ở Tiệp và Đức. Và cũng từ đó anh bắt đầu cộng tác với các báo vùng Bắc Mỹ như Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21... Anh hiện cư ngụ tại Canada.

Cuốn sách này là tập hợp các bài phỏng vấn của Đỗ Quyên với các nhân vật: Bùi Chánh Thời, Bùi Tín, Đỗ Kh., Đỗ Quý Toàn, Hải Triều, Hoàng Hoa Khôi, Khánh Trường, Kiều Hưng, L.Q.T., Lại Mạnh Cường, Lương Châu Phước, Nguyễn Hữu Chung, Phạm Duy, Phạm Hữu Trác, Phan Tấn Hùng, Trần Ngọc Tuấn, V.X.L. và Irina Zisman. Gọi Đỗ Quyên là "tác giả" của cuốn sách này thì rõ ràng không đúng, vì nội dung chính là của người khác, nhưng một điều cũng rõ ràng không kém là nếu không có anh thì cũng không có cuốn sách này. Vậy ta có thể tạm dùng chữ "tác giả" theo một nghĩa riêng, là người tạo dựng nên cuốn sách vậy.

Chủ đích và cách làm việc của tác giả là: *Tôi gặp gỡ và nghe kể, tôi hỏi chuyện và trao đổi, tôi tranh luận và phỏng vấn... Chủ yếu về những chuyện đất nước và con người Việt Nam hiện đại.* Do lối tiếp cận phong phú, do có kiến thức rộng và cách đặt vấn đề thông minh, mới mẻ, tác giả đã khơi dậy được rất nhiều hứng thú cho người được phỏng vấn, và do đó cống hiến cho người đọc nhiều trang viết chân thật, giá trị. "Chuyện đất nước và con người Việt Nam hiện đại" là chuyện rất lớn và tổng quát, nhưng đã được thể hiện qua ưu tư của từng cá nhân cụ thể, người thì dưới nhãn quan văn nghệ, người thì với lập trường của một chính trị gia, có người lại như chứng nhân của lịch sử v.v... nên sách như có một ma lực cuốn hút người đọc. Có thể nói đây là một cuốn sách tư tưởng chính trị về Việt Nam hiện đại rất nặng ký, đã được ôm ấp suy nghĩ bởi một số người có thể gọi là ưu tú, được phát biểu vào những giờ phút chân thật nhất nhờ một người gợi chuyện có tài và có tấm lòng.

Nhìn cây thấy rừng là một câu tục ngữ có ý nói chỉ cần nhìn một bộ phận là có thể biết được cái toàn thể. Có lẽ đó là mơ ước của tác giả khi thực hiện cuốn sách này. Tư tưởng, tâm tình của một số cá nhân có thể là tiêu biểu cho số đông, được đưa ra như những lời trần tình, như những đề nghị, hoặc như những thách đố.

Đạo và Đức

biên khảo của Đinh Sĩ Trang, Văn Nghệ xuất bản, 516 trang, giá US$20.00, ngoài nước Mỹ $23.00. Liên lạc: như cuốn trên.

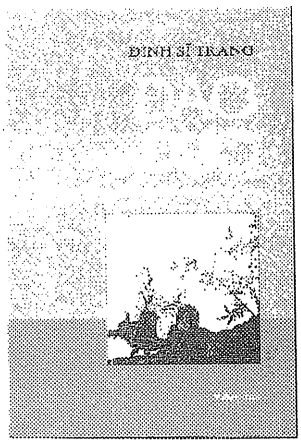

Đây là một cuốn sách dịch và giải Đạo Đức Kinh của Lão Tử, một nhà hiền triết vào thời thượng cổ nước Trung Hoa. Sau Thánh Kinh của Thiên Chúa giáo, Đạo Đức Kinh là bộ sách được phiên dịch sang nhiều thứ tiếng nhất trên thế giới. Trước đây đã có một số bản dịch tác phẩm này sang Việt ngữ, nhưng có lẽ đây là bản dịch và giải thích công phu nhất. Toàn bộ tác phẩm

chữ Hán chỉ gồm 5,350 chữ, chia thành 81 chương, nếu chỉ làm thuần túy công việc dịch mà thôi thì sách sẽ dày không quá một trăm trang. Sở dĩ *Đạo và Đức* lên tới ngoài năm trăm trang vì có thêm phần biên khảo về Lão Tử, tác phẩm Đạo Đức Kinh, sắp xếp phân loại các chương theo từng chủ đề (như quân sự, đạo đức, chính trị...) để người đọc dễ tra cứu, và nhất là rất kỹ lưỡng trong khi dịch: mỗi chương đều có phần nguyên bản chữ Hán, phần phiên âm Việt Hán, rồi đến dịch nghĩa sang tiếng Việt, dịch sang tiếng Anh, và sau cùng là phần chú giải của người dịch. Tất cả các công đoạn đó, nhất là phần chú giải, đều rất cần thiết, vì nguyên bản của Đạo Đức Kinh rất cô đọng, ít chữ, mà lại là loại chữ Hán cổ không chấm câu, nếu không giải thích rộng ra thì người đọc chắc chắn sẽ gặp nhiều chỗ khó hiểu hoặc không thể hiểu nổi.

Với bản dịch này, chúng ta có thể hiểu được nhiều điều tinh túy của một trong những tư tưởng vào hạng cổ xưa nhất mà cũng thâm thúy nhất của triết học Trung Hoa cũng như của thế giới. Cái minh triết của Lão Tử cách đây mấy ngàn năm vẫn còn rất mới và cần thiết đối với đời sống nhiều khủng hoảng của con người ngày nay. Đạo đức mà Lão Tử khuyên là những nguyên lý muôn thuở chứ không phải loại đạo đức thực dụng chỉ thích hợp từng thời. Xin dẫn ở đây lời của vài học giả thế giới về Đạo Đức Kinh:

- *Ông chỉ viết có một quyển rất vắn tắt: "Đạo Đức Kinh." Những dòng chữ hợp thành quyển sách ấy chứa đựng tất cả sự khôn ngoan trên quả đất này.* (René Bertrand - *Sagesse Perdue*, Aiane, Paris.)

- *Nó là một trong những sách sâu sắc nhất của nền triết học thế giới, sâu sắc và rõ ràng, huyền diệu và thực tế.* (Lin Yutang - *The Book of Tao.)*

Căn Nhà

truyện dài của **Nguyễn Sao Mai**, Sóng Văn xuất bản, 445 trang, giá US$20.00. Liên lạc: Sóng Văn, P.O. Box 832464 Miami, Florida 33283, USA. Tel: (305) 273-4246.

Truyện này được tác giả viết xong năm 1972, dự định xuất bản tại Việt Nam vào năm 1975 nhưng không kịp. Cuối sách có in lại "chứng tích" của dự định xuất bản lần đầu: giấy cho phép xuất bản của Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi ký ngày 29 tháng 12 năm 1974. Một phần tư thế kỷ sau khi được viết xong, đây là lần đầu tiên tác phẩm Căn Nhà được in thành sách.

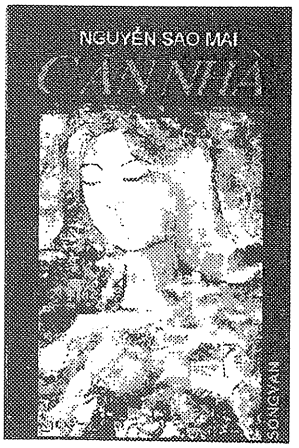

Dĩ nhiên cuốn sách thuộc về một thời đã qua. Trong đó không có cuộc đổi đời 1975, không có trại cải tạo, vượt biên, không có cuộc đời tị nạn đây đó trên thế giới. Đây là thế giới khác, mà lớp thanh niên bây giờ không biết gì, cái thế giới chỉ nằm trong ký ức có khi đã mờ nhạt của lớp người lớn tuổi. Thế giới tiền 75. Chiến tranh. Văn nghệ có một lối diễn đạt riêng của thời đó để nói lên tâm thức bế tắc trong bối cảnh chung. Như những dòng bộc bạch sau đây của tác giả:

Đây không phải là một câu chuyện tình, cũng không phải chỉ là một tiểu thuyết xã hội. Đây là câu chuyện của những người không có một chỗ, trong xã hội, và trong chính trái tim của con người, một mặt, không thể chống chọi với thực tại nghiệt ngã, một mặt khác, tuyệt vọng trước những tình cảm của con người đôi khi vốn không thực đã để lộ bản chất của nó trong một xã hội mà những tồi tệ diễn ra y như không bao giờ có sự ngừng dứt.

Tình Quê Tình Thơ

thơ của **Vũ Thi An**, Thi Ca xuất bản, 92 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Thi Ca, 2999 Payne Avenue, Cleveland, Ohio 44109, USA.

Có những người từ nhỏ sống trong môi trường văn thơ của gia đình, và mang mãi ảnh hưởng văn nghệ của môi trường đó trong những sáng tác của mình về sau. Vũ Thi An là em con cô con cậu với Hồ Trường An và Nguyễn Thị Thụy Vũ, từ nhỏ đã theo gương anh chị tập làm thơ. Cô

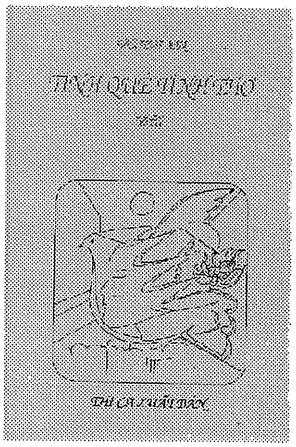

bé 12 tuổi làm sao thoát ra khỏi tứ thơ, lời thơ nhuốm màu cổ điển của một gia đình văn nghệ có truyền thống? Thế rồi ra khỏi nước đến Hoa Kỳ từ 1975 khi còn rất trẻ, cô gái ấy phải học hành, phải đỗ đạt, phải đi làm, nhưng vẫn không bỏ được cái nợ thi ca tiếng Việt. Tất cả những ảnh hưởng thu nhận từ thủa niên thiếu như vẫn còn nguyên, thời gian và không gian thi ca của cô đã kết tinh như là lúc đầu đời cô đã đến với nó. Như là tình yêu. Như là quê hương. Khi làm thơ cô rất đằm thắm, rất nâng niu trau chuốt, trong cung cách một cô gái Nam Kỳ lục tỉnh con nhà nền nếp của nhiều thập niên về trước. Đúng như nhận xét của Hồ Trường An: *Thường thì nhà thơ nữ Vũ Thi An áp dụng một lối thơ đơn giản và dễ hiểu, đẹp ở chỗ chải chuốt, chứ không ở chỗ sáng tạo một ngôn ngữ mới cho thi ca của mình.*

Thì đúng là cô không thoát ra khỏi cái ảnh hưởng đã đến với cô từ ngày còn nhỏ. Nhưng dù không sáng tạo ra cái gì mới, màu cổ điển há không có vẻ đẹp riêng của nó sao, nhất là khi được một bàn tay như Vũ Thi An nâng niu trau chuốt một cách tha thiết, chân thành?

Chút Tình Với Quê Hương

chuyện phiếm của Nguyễn Văn Ba, Phù Sa xuất bản 1997, 191 trang, giá US$11.00. Liên lạc: Phù Sa, 4126 Degeer St #3, Saskatoon, SK. Canada S7H 4S8.

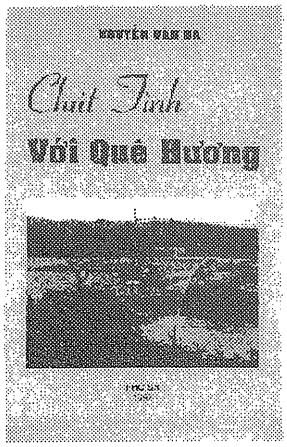

Khó xếp các bài viết trong cuốn sách này thuộc loại nào, vì các bài ấy nằm lưng chừng giữa nhiều thể, như tùy bút, biên khảo, hồi ký... Có lẽ tạm gọi chung là "chuyện phiếm" vì tính chất lung tung (tức "tản mạn," như tác giả đã có lúc dùng), không thuần một thể nào của chúng.

Những bài viết là tình của tác giả đối với quê hương miền Nam của mình. Trừ bài *Tản mạn về Giáng sinh Việt Nam* và *Đà Lạt qua tem thơ*, tất cả các bài khác đều liên quan đến miền "Nam kỳ lục tỉnh:" những kỷ niệm với trường Trung học Phan Thanh Giản Cần Thơ, về vùng đất Bạc Liêu, về quần đảo Thổ Châu, về "văn chương kinh rạch" Cửu Long... Với lòng thiết tha yêu mến quê hương cộng kiến thức của một nhà khoa học, với một kho kỷ niệm lúc nào cũng đầy ắp và tươi rói, tác giả đã cho người đọc những trang viết thú vị và ích lợi. Riêng về mặt biên khảo, có những đoạn nghiên cứu sâu về lịch sử, địa lý, thực vật... giúp cho chúng ta một nguồn kiến thức và tài liệu về nước nhà rất đáng kể. Những kiến thức này xen kẽ với những chuyện kể, hồi ức, cảm xúc... được trình bày theo lối ngôn ngữ nói rất có duyên của người Nam, nên đọc hấp dẫn, thu nhận dễ dàng.

Cùng với cuốn này, tác giả Nguyễn Văn Ba còn cho ra mắt cuốn **Khổ Qua Đắng Khổ Qua Đèo**, cùng nhà xuất bản, 233 trang, giá US$13.00.

Đây là một cuốn sách viết về thực vật. Chúng ta lần lượt đọc các bài về trái khổ qua, cây tre, trái mít, hoa đào, hoa sen, cây dừa, đu đủ, cây cải và một số thảo mộc đặc trưng ở Đà Lạt. Tác giả là một nhà khoa học, đã cho người đọc các hiểu biết căn bản về đề tài mình viết. Nhưng đây không phải là những bài biên khảo về thực vật đúng nghĩa, mà là những chuyện kể lan man, những liên tưởng không dứt về tất cả những gì liên quan đến đề tài. Ví dụ viết về cây tre, tác giả đã kể nguyên chuyện một đứa bé gái bị... ma giấu giữa bụi tre mà ông đã chứng kiến ở ngày còn nhỏ ở làng; viết đề tài hoa đào thì lại nói về cành đào mà Hồ Chí Minh gửi vào Nam tặng Tổng thống Ngô Đình Diệm tết năm 1963; về cây dừa thì lại có cuộc cãi nhau giữa hai sinh viên, một từ Bình Định, một từ Bến Tre, về chỗ tỉnh nào trồng nhiều dừa hơn v.v... Một lối biên khảo rất sống động, có tác động như một lối văn chương gợi lòng thương nhớ quê hương. Mà hình như đó cũng là tâm trạng của tác giả khi viết về về "quê mình," thiết tha muốn lưu giữ hình ảnh cây trái hoa cỏ và hình ảnh nếp sống cổ truyền của quê miền Nam. Lưu giữ bằng kiến thức một phần, nhưng phần lớn bằng tình cảm mà tác giả cố tình truyền cho người đọc qua vô số chuyện kể lý thú, cảm động trong suốt cuốn sách.

Bờ Sông Lá Mục

bút ký của **Phan Lạc Tiếp**, Kẻ Nủa xuất bản 1998, 128 trang, giá US$11.00. Liên lạc với tác giả: P.O. Box 888, La Jolla, CA 92038, USA. Tel: (619) 587-1246.

Phan Lạc Tiếp là một cựu sĩ quan Hải quân Quân lực VNCH, giữa thập niên 60 ông đã

từng trải trận mạc. Năm 1969 cuốn *Bờ Sông Lá Mục* được xuất bản lần đầu tại Sài Gòn, bây giờ ngót ba mươi năm sau lần đầu tiên được tái bản tại Hoa Kỳ. Đọc lại "Lời Người Viết" trong lần xuất bản đầu:

Đây là một tập bút ký ghi lại những cảnh huống tôi đã sống, đã chứng kiến trong mấy năm chiến tranh gần đây.

Có những sự kiện đã qua đi mờ nhạt được viết lại như một chuyện ngắn, nhưng cũng có những sự kiện được ghi lại vội vàng như một bài phóng sự ...Nhưng dù dưới hình thức nào, tôi cũng đã viết trong sự xúc động của lòng mình, và cũng chính tâm trạng này đã thúc đẩy tôi cầm bút. Vì thế, hầu như tôi đã mang cái tâm trạng bùi ngùi đó phủ lên hết những giòng chữ. Đó là điều tôi không làm sao tránh được. [...]

Trong khoảng 1954-1975, Phan Lạc Tiếp là một tác giả sớm có tác phẩm viết về chiến tranh. Các truyện trong *Bờ Sông Lá Mục* được viết trong các năm từ 1965 đến 67. Trong ông có hai con người: một quân nhân đang tham gia chiến cuộc và một nhà văn nhìn sự chết chóc, đổ vỡ với một lương tâm đau đớn. Như một quân nhân, ông ghi lại những hình ảnh của cuộc chiến mà mình tham dự; như một nhà văn, ông điểm xuyết có nghệ thuật vào những hình ảnh đó các rung động nhân bản. Ba mươi năm sau đọc lại ông như thấy hiển hiện những bức tranh ghi lại thời ấy, không phải những bức phác họa lối bút ký chiến tranh nặng tính cách tài liệu, mà là những bức tranh có giá trị nghệ thuật thật sự, làm cho lòng người cám cảnh về chuyện đất nước một thời.

Cuba, Chuyến Đi Lịch Sử

Chủ biên: **Hoàng Quý, Lữ Giang**, Phụng Sự xuất bản 1998, 166 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Phụng Sự, 6241 Warner Ave., Spc 186, Huntington Beach, CA 92647. Tel: (714) 841-0328.

Tập họp một số bài viết về một chuyện thời sự quan trọng rồi in ngay thành sách là một sáng kiến mới của nhà xuất bản Phụng Sự. Mấy tháng trước đây sau cái chết của hai người đàn bà danh tiếng, Phụng Sự đã cho ra đời kịp thời *Mẹ Têrêsa, Vị Thánh của những kẻ khốn cùng* và *Diana, ngọn đèn trước gió*. Loại sách này gọi là "báo sách." Nay là cuốn về chuyến đi Cuba của đức Giáo Hoàng.

Cuốn sách gồm các bài viết của Hoàng Quý, Johanna McGeary, Lữ Giang, Linh Giao, LM. Hồng Phúc, Vũ Quang Ninh, Thanh Hiền, Brenda Rees, và một bài phụ chương của Trần Phong Vũ. Đây là các bài tường thuật (có cả hình ảnh thời sự), bình luận, biên khảo về chuyến thăm viếng Cuba của Đức Giáo Hoàng, về bối cảnh của nước Cuba cách mạng đối với Công Giáo, về viễn tượng của đất nước cộng sản này sau chuyến đi, mà tác giả Hoàng Quý gọi là "chuyến đi mở đường cho một kết thúc."

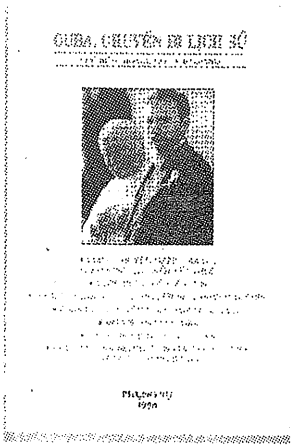

Sau một biến cố lớn, có một tập sách tổng kết một cách có trình độ mọi diễn biến xảy ra cũng là một việc rất tiện cho độc giả muốn am hiểu thời cuộc.

Thảm Sát Mậu Thân Ở Huế

tuyển tập tài liệu của nhiều tác giả, Phong Trào Giáo Dân Hải Ngoại xuất bản 1998, 250 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Định Hướng Tùng Thư, 13 G rue de l'Ill, 67116 Reichstett - France. Tel: 3 88 20 58 22.

Trong cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968 của cộng sản vào các thành phố miền Nam, nổi tiếng nhất là trận Huế, vì ở đó cộng sản đã thực hiện một cuộc thảm sát vĩ đại. Ba mươi năm đã trôi qua. Việc cố gắng tập họp tài liệu về cuộc thảm sát này là nhằm cảnh cáo lương tâm của dân tộc: *Mọi thế hệ Việt Nam hiện tại và mai sau nhớ đừng bao giờ tái phạm những tội ác như kia nữa!* Bởi vì sự giết chóc đó không phải là chiến tranh, mà là do chủ trương bạo lực và nuôi dưỡng hận thù.

Đây là một tập sách tài liệu dành cho các buổi sinh hoạt kỷ niệm 30 năm Mậu Thân của

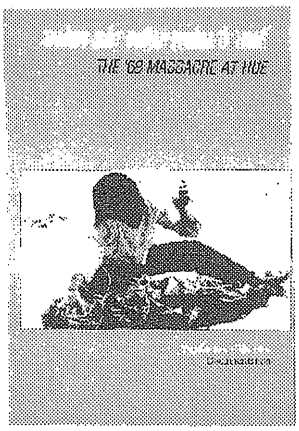

Phong Trào Giáo Dân Việt Nam Hải Ngoại, không có mục đích thương mại. Tài liệu được trích từ nhiều tác giả: Phạm Văn Sơn & Lê Văn Dương, Chính Đạo, Cao Thế Dung, J.J. Wirtz, Bùi Xuân Quang, Nguyễn Lý Tưởng, Chính Đạo, Thành Tín, Hoàng Liên, Hồng Châu, Nhã Ca, Elje Vannema, Lê Hàn Sinh, Don Oberdorfer, Võ Ngọc Tụng, Peter Braestrup, Phạm Dũng, Nguyễn Thế, M.W.J.M. Broekmeijer, Steward Harris, Stanley Karow. Tài liệu còn có bút tích của linh mục Bửu Đồng, Biên bản viết tay của "tòa án nhân dân" xử tử Trương Văn Khảm, sơ đồ thành phố Huế và các địa điểm hầm chôn tập thể và nhiều hình ảnh các cuộc khai quật xác người bị giết.

Dù là chưa đầy đủ về mặt sử học, tập họp tài liệu này là một cố gắng đáng khen ngợi vì nó cần thiết để nhắc nhở các thế hệ trẻ về sự tàn phá ghê gớm đối với dân tộc và con người của các chủ trương chính trị dựa vào lòng căm thù và bạo lực.

Việt

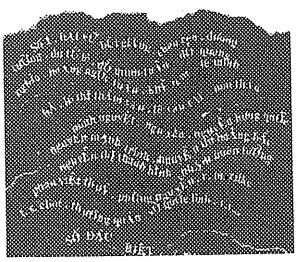

tạp chí sáng tác, phê bình và lý luận văn học, phát hành hai số mỗi năm. Chủ nhiệm: **Phan Việt Thủy**, chủ bút: **Nguyễn Hưng Quốc.** Số ra mắt, 149 trang, giá 7 Úc kim, ngoài nước Úc: 9 Mỹ kim. Liên lạc: 177 Civic Parade, Altona, Victoria, 3018 Australia. Tel: (03) 9315 0561.

"Cộng đồng người Việt tại Úc càng ngày càng đông, hiện đã lên đến gần 200,000 người. Sinh hoạt báo chí khá sôi nổi và lành mạnh. Tuy nhiên, tất cả đều tập trung vào các lãnh vực kinh tế và thời sự chính trị. Một tờ tạp chí chuyên về văn học nghệ thuật vẫn còn vắng bóng. Đó là lý do đầu tiên thúc đẩy *Việt* ra đời."

Trên đây là đoạn mở đầu của "Thư Tòa soạn" trong số *Việt* đầu tiên. Do tình cờ, số ra mắt là một số đặc biệt về Thơ. Số bài lý luận, phê bình và nghiên cứu chiếm phần lớn số trang, phần còn lại dành cho sáng tác với thơ, truyện, và các mục thường xuyên. Tờ tạp chí đem lại một không khí mới mẻ trong lý luận, phê bình, điều cần thiết trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt Nam tại nước ngoài.

Thế Kỷ 21 xin chào mừng bạn đồng nghiệp *Việt*, và nhiệt liệt giới thiệu cùng quý độc giả.

20 Năm

CD ca khúc của **Phan Văn Hưng & Nam Dao**. Tổng Hội Sinh Viên Học Sinh Liên Bang Úc Châu phát hành. Liên lạc: P.O.Box 1247 North Richmond, 3121 Australia.

Một chương trình gồm 12 ca khúc của Phan Văn Hưng và Nam Dao sáng tác trong vòng 20 năm ở hải ngoại. Phan Văn Hưng và Nam Giao là đôi bạn trẻ mà ca khúc cùng tiếng hát của họ đã vang lên khắp Âu châu và hải ngoại từ những năm cuối thập niên 70 và suốt thập niên 80. Bài hát *Ai Về Xứ Việt*, từ thơ của Minh Đức Hoài Trinh, giọng hát của Phan Văn Hưng thiết tha, tình cảm, trau chuốt, tạo cho người nghe cảm giác rờn rợn như giáo đầu một khúc ai ca, qua không gian muôn trùng, như đang nói với chính người đồng tâm đang trong tù ngục. *Bạn Bè Của Tôi*, một ca khúc khác, là tiếng thét trầm thống của tuổi trẻ. Cả một thế hệ phải nghe tiếng súng, phải chứng kiến cuộc chiến tương tàn ngay từ khi vừa lọt lòng mẹ, để cuối cùng, dù từ chiến tuyến nào họ cũng nhìn ra nỗi thống khổ của lớp bạn bè đồng trang lứa, bế tắc, vất vưởng bên lề cuộc sống ngay trên quê hương của mình.

Cạnh những nỗi niềm đau đớn, trong nhiều ca khúc khác, Phan Văn Hưng và Nam Giao minh xác niềm tin vào tương lai rộng mở của dân tộc bằng ca từ chắc nịch và giai điệu hào sảng uy nghi. Hai mươi năm, một chặng đường. Mười hai ca khúc của Phan Văn Hưng và Nam Dao ghi đậm nét đớn đau mà hào hùng của tuổi trẻ Việt nam trước sự tàn tạ của quê hương với đầy niềm tin và hy vọng. (Ngô mạnh Thu)●

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi dựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

BÁO CŨ

Thế Kỷ 21 cần **mua lại** các số báo cũ: 3, 7, 18, 43. Quý vị nào còn các số này mà không đóng bộ, xin nhượng lại cho tòa báo với giá $4.00 một số — hoặc đổi lấy báo mới.

Thế Kỷ 21 các số gần đây vẫn còn. Quý độc giả nào cần mua (cả năm hoặc từng số) xin liên lạc với trị sự. Giá $3.00/một số.

DALAT LANDSCAPING

Design & Mainenance
Lic. # 699783
P.O. Box 2054 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
Call: Mr. PHƯƠNG
(714) 418-1928

BLUE SKY TRAVEL, INC.

9061 Bolsa Ave. Suite #201.
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895-5411 / 895-6153
Fax: (714) 891-7491

CHÚNG TÔI LO TẤT CẢ CÁC DỊCH VỤ VỀ DU LỊCH
Giá đặc biệt cho quý vị cao niên

*** Tour Honolulu**
*** Tour Las Vegas**

VÉ VÀ BOARDING PASS ĐI VIỆT NAM VÀ CÁC NƠI ĐỀU IN NGAY TẠI VĂN PHÒNG

Giờ làm việc:
Thứ Hai đến Thứ Sáu:
9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 3:00 PM

RE/MAX EXECUTIVES

9840 Carmel Mountain Road
San Diego, CA 92129

HOÀNG TỔNG
(Tony Hoàng)

Tel: (619) 484-5500 *(office)*
(619) 484-2222 *(home)*
Pager: 530-3466
(xin nói vào máy, không bấm số)
Fax: 484-1406

* Tốt nghiệp đại học chuyên khoa Địa Ốc
* Hành nghề Địa Ốc fulltime liên tục từ năm 1979
* Top Agent của RE/MAX Executives
* Mọi dịch vụ địa ốc thuộc hành phố San Diego và vùng phụ cận, xin Quí vị liên lạc Hoàng Tổng (Tony Hoàng)

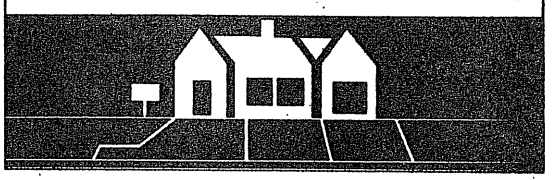

Orange County, California, USA

Thuh

Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City, CA 92655

325 5th Street
Huntington Beach
CA 92648

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995 + 1996, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:
(714) 8-949-949
(714) 960-0311

NHẬN VISA & MASTER CARD

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận

* **GIẢI PHẪU**
  - Mắt, mũi, môi, cằm, tai, bàn tay.
  - Căng da mặt, da bụng.
* **PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI:** (Endoscopie plastic surgery)
  - Sữa ngực lớn với thẹo nhỏ ở nách.
  - Căng da trán, nâng chân mày với thẹo nhỏ trong tóc.
* **TIA LASER:**
  - Xóa nếp nhăn trên mắt.
  - Lấy mỡ mắt dưới không để thẹo, không chảy máu, không may chỉ, vì cắt bên trong mí mắt.
* **HÚT MỠ:**
  - Cằm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.
* **Cấy tóc.**
* **Chích Mỡ**
* **Chữa trị các hình thức Silicone.**
* **Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.**

CHUYÊN MÔN:

* *Facial* * *Lột da mặt* * *Dầu thơm Pháp*
* *Dưỡng Da* * *Xâm Thẩm Mỹ* * *Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)*
* *Trang điểm cô dâu, dạ hội*
* *Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.*
* *Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ*
* *Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.*

Bp: (714) 218-6262

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

AV Travel

10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92843
Tel: (714) 537-2200
Fax: (714) 741-2900

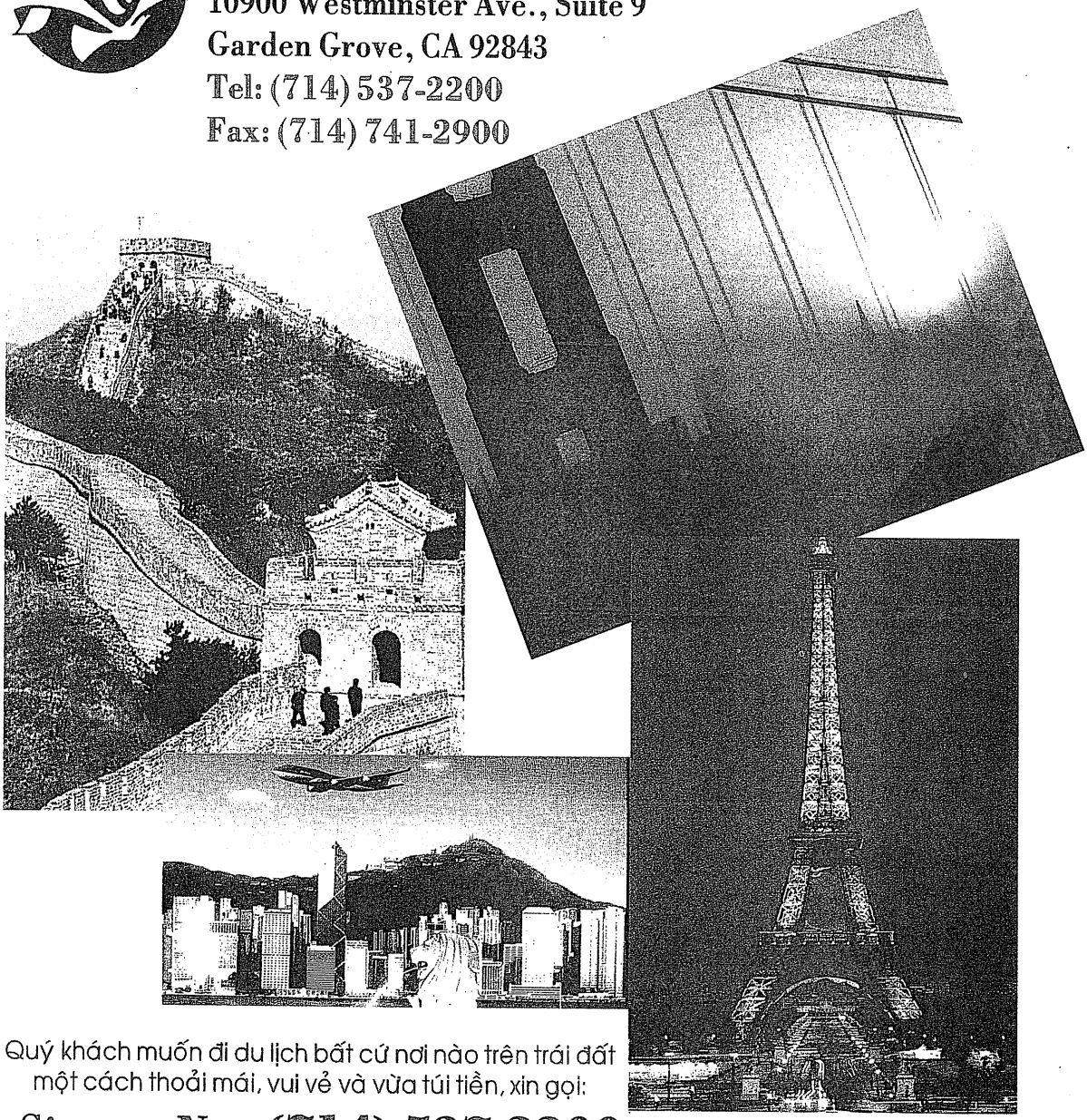

Quý khách muốn đi du lịch bất cứ nơi nào trên trái đất một cách thoải mái, vui vẻ và vừa túi tiền, xin gọi:

Simone Nga (714) 537-2200

Cung Chúc Tân Xuân

PHỤC VỤ CHU ĐÁO

NHANH CHÓNG - GIÁ HẠ

- Bán vé máy bay quốc nội và quốc ngoại.
- Tổ chức Tours đi khắp nơi với người hướng dẫn Việt Nam.
  - Tour Thái Lan - Tết Việt Nam: 2 tuần.
  - Trung Quốc mùa Xuân: 2 tuần, khởi hành April 26, 1998
  - Đông Âu: 2 tuần, khởi hành ngày May 17, 1998
  - Trung Quốc mùa Thu: 2 tuần, khởi hành tháng Mười 1998
  - Và một số tours được tổ chức vào các dịp lễ lớn của Hoa Kỳ như Tour Vancouver-Victoria, New York-Washington D.C., Toronto.

Mọi chi tiết xin liên lạc AV TRAVEL.

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Bolsa Medical Center

Bolsa Medical Group
Thuộc nhóm Y Tế AMVI Medical Group

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-2091
Fax: (714) 531-7926

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- **Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.**
- **Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê và bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.**

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già...
* **Chuyên Trị:** Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe
Chương trình của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2 PM - 3 PM trên băng tần 106.3 FM VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

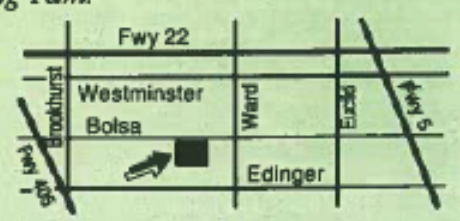

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM
Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet.

Ấn Phí: Năm Mỹ Kim